1. KHOA KIẾN THỨC CƠ BẢN

\* Khối kiến thức giáo dục đại cương

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên môn học** | | **Mục đích môn học** | | **Số ĐVHT** | **Lịch trình giảng dạy** | **Phương pháp đánh giá sinh viên** |
| I. Các học phần bắt buộc | | | | |  |  |  |
| 1 |  | Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin (I) |  | **Về kiến thức:**  + Trang bị cho sinh viên những quan điểm khoa học, cách mạng, nhân văn của Chủ nghĩa Mác - Lênin  + Xây dựng thế giới quan duy vật, phương pháp biện chứng, nhân sinh quan khoa học, niềm tin và lý tưởng cách mạng.  Đạt được mục tiêu kiến thức này, góp phần thực hiện sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:** Vận dụng sáng tạo thế giới quan duy vật và phương pháp luận khoa học, biện chứng trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn, trong rèn luyện và tu dưỡng đạo đức, đáp ứng yêu cầu của con người Việt Nam trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.  **Về thái độ:**  **+** Sinh viên có thái độ chính trị tốt, có tư cách, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, tích cực tham gia vào việc giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn.  + Tổng kết, đúc rút kinh nghiệm góp phần phát triển tính khoa học và tính nhân văn vốn có của Chủ nghĩa Mác – Lênin.  + Đặt Chủ nghĩa Mác - Lênin trong dòng chảy phát triển tư tưởng nhân loại và trong những điều kiện lịch sử mới. | 4 | Kì học: học kì I Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 50 tiết  - Thực tập phòng TN, thực hành: 5 tiết  - Bài tập về nhà: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 2 |  | Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin (II) |  | **Về kiến thức**: Môn họcNhững Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin (phần II) đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  + Trang bị cho sinh viên những quan điểm khoa học, cách mạng, nhân văn của Chủ nghĩa Mác - Lênin  + Nghiên cứu những quy luật kinh tế của xã hội, đặc biệt là những quy luật kinh tế của quá trình ra đời, phát triển, suy tàn của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và sự ra đời, phát triển của phương thức sản xuất mới - phương thức sản xuất Cộng sản chủ nghĩa.  + Làm sáng tỏ những quy luật khách quan của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.  **Về kỹ năng:**  Vận dụng sáng tạo thế giới quan duy vật và phương pháp luận khoa học biện chứng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.  **Về thái độ:**  + Tổng kết, đúc rút kinh nghiệm để góp phần phát triển tính khoa học và tính nhân văn vốn có của Chủ nghĩa Mác – Lênin trong nghiên cứu các quy luật kinh tế của Việt Nam.  + Khẳng định chủ nghĩa xã hội nhất định là tương lai của xã hội loài người. | 4 | Kì học: học kì I Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 50 tiết  - Thực tập phòng TN, thực hành: 5 tiết  - Bài tập về nhà: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 3 | Tư tưởng Minh | Tư tưởng  Hồ Chí Minh | Chí | **Về kiến thức**  - Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về tư tưởng, đạo đức và giá trị văn hóa Hồ Chí Minh. Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá, Hồ Chí Minh. Tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin.Cùng với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta. Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.  - Góp phần thực hiện sứ mạng (“Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế”) và tầm nhìn của Nhà trường (“Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”).  **Về kỹ năng:** - Trình bày được khái niệm về tư tưởng Hồ Chí Minh  - Nêu được những cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh..  - Kể tên được hệ thống quan điểm tư tưởng Hồ Chí Minh  - Trình bày được vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự thắng lợi của cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới.  - Trình bày được cơ sở lý luận của Chủ ngĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong đường lối của Đảng và Nhà nước.  - Có khả năng tự tìm kiếm tài liệu liên quan đến môn học và trình bày được nội dung của các tài liệu này.  - Có khả năng làm việc nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến nội dung môn học.  - Có tinh thần yêu nước, có ý thức trách nhiệm công dân, ý thức kỷ luật và thái độ nghề nghiệp đúng đắn, ham tìm hiểu và học tập suốt đời.  - Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội theo quan điểm của Đảng và nhà nước  **Về thái độ:** Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới; chủ động tích cực trong việc giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội theo đường lối của Đảng và Nhà nước. | 3 | Kì học: học kì III  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết:  - 70% tiết lý thuyết  - 30% tiết thảo luận, thực hành, kiểm tra | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 4 |  | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam |  | **Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đường lối của Đảng trong thời kỳ cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân và trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đặc biệt là đường lối của Đảng trong thời kỳ đổi mới trên tất cả các lĩnh vực, chính trị, văn hóa, xã hội, đối ngoại. Góp phần thực hiện sứ mạng (“Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế”) và tầm nhìn của Nhà trường (“Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”).  **Về kỹ năng:** Học phần giúp sinh viên có khả năng phân tích đánh giá và vận dụng đường lối cách mạng của Đảng vào thực tiễn lịch sử. Để làm được điều này cần phải sử dụng các phương pháp thống kê, so sánh, lịch đại… đặc biệt sử dụng triệt để phương pháp lịch sử kết hợp với phương pháp logic để làm sáng tỏ nội dung đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam.  **Về thái độ:** Bồi dưỡng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm của sinh viên trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước. Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách củaĐảng. | 4 | Kì học: học kì VII  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  - 70% lý thuyết  - 30% thực hành | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 5 | Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam | **Về kiến thức:** Môn “Đường lối văn hóa - văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam” đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:** Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống về văn hoá, đường lối văn hoá – văn nghệ của Đảng. Trên cơ sở đó, giúp sinh viên có nhận thức đúng về đường lối văn hóa-văn nghệ và thực tiễn đời sống văn hóa xã hội, tích cực tham gia, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong thời kỳ công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.  **Về thái độ:** Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn sự lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực văn hóa – văn nghệ qua các thời kỳ cách mạng; kiên định lập trường của Đảng lấy chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam; xác định mục tiêu xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc gắn với xây dựng con người đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững đất nước. Sinh viên vừa tiếp thu kiến thức, vừa chủ động tự học, nghiên cứu để vận dụng một cách sáng tạo đường lối văn hoá - văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam trong hoạt động thực tiễn và trong lĩnh vực hoạt động nghệ thuật của mình. | 2 | Kì học: học kì VII  Thời gian: 6 tuần  Phân bổ số tiết:  - 20 lý thuyết  - 5 thảo luận thực hành  - 5 kiểm tra | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 6 | Cơ sở văn hóa Việt Nam | **Về kiến thức:** Môn “Cơ sở văn hóa Việt Nam” cùng các môn kiến thức cơ bản khácnhằm đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  Cung cấp cho sinh viên những khái niệm về văn hóa học – khoa học về văn hóa nói chung, đồng trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cần thiết cho hiểu một nền văn hóa; nắm được những đặc trưng cơ bản cùng các quy luật hình thành và phát triển của văn hoá Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại…  **Về kỹ năng:** Vận dụng những kiến thức đã học để phân tích, đánh giá văn hóa Việt Nam (văn hóa vật thể, phi vật thể); áp dụng kiến thức đã học vào các lĩnh vực chuyên môn của mình.  **Về thái độ:** Trân trọng, tự hào về nền văn hóa dân tộc; có ý thức giữ gìn, phát huy những giá trị di sản văn hoá truyền thống; tham gia tích cực vào công cuộc xây dựng, phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. | 4 | Kì học: học kì IV  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 45 tiết  - Thực hành, thảo luận (xêmina): 10 tiết  - Ôn tập và kiểm tra: 5 tiết: | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 7 | Lịch sử văn học Việt Nam | **Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên những tri thức khái quát về quá trình phát triển của Văn học Việt Nam; Cung cấp cho sinh viên một cách có hệ thống các tác giả, tác phẩm tiêu biểu nhất trong từng giai đoạn lịch sử, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:** Vận dụng những kiến thức đã học để đánh giá một số tác giả, tác phẩm cụ thể, có khả năng khám phá bản chất thẩm mỹ của những hiện tượng văn học mới, phức tạp.  **Về thái độ:** Trân trọng, phát huy những giá trị văn chương tốt đẹp của dân tộc; Có quan điểm lịch sử- cụ thể, có thái độ khách quan, khoa học khi tiếp nhận những giá trị văn học. | 4 | Kì học: học kì IV  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 50 (tiết)  - Thực hành, xêmina: 10 (tiết)  - Khác: bài tập ở nhà | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 8 | Lịch sử văn học thế giới | **Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản nhất về quá trình phát triển của Văn học trong lịch sử nhân loại qua những tác giả, tác phẩm tiêu biểu nhất ở từng thời kì cụ thể, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:** Rèn luyện kỹ năng khám phá bản chất thẩm mĩ của văn chương, cá tính sáng tạo và quan niệm nghệ thuật của nhà văn  **Về thái độ:** Trân trọng và phát huy những giá trị văn chương tốt đẹp của nhân loại. Từ đó, sinh viên có thể rút ra những bài học sáng tạo quý giá, góp phần xây dựng nền văn hóa nghệ thuật giàu bản sắc dân tộc mà hiện đại. | 6 | Kì học: học kì V  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 70 (tiết)  - Thực hành, xêmina: 15 (tiết)  - Khác: bài tập ở nhà | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 9 | Pháp luật | **Về kiến thức:**  Môn Pháp luật đại cương, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  Trang bị cho người học có những kiến thức cơ bản về nhà nước (nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng, hình thức, kiểu nhà nước); nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam; pháp luật (nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, vai trò, hình thức, kiểu pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý); một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như dân sự, hình sự, hành chính đặc biệt liên quan đến lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, biểu diễn, nhiếp ảnh; pháp luật về phòng chống tham nhũng.  **Về kỹ năng:**  - Người học có kỹ năng phân tích cơ cấu của quy phạm pháp luật; xác định hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật; phân tích cấu thành của quan hệ pháp luật; nhận biết hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý tương ứng. Người học vận dụng được kiến thức đã học để làm kiến thức cơ bản ứng dụng trong cuộc sống làm nghề.  Đồng thời, người học có kỹ năng thuyết trình về một vấn đề của pháp luật; có kỹ năng điều hành hoạt động nhóm, tham gia hoạt động nhóm; có kỹ năng ghi biên bản cuộc họp.  **Về thái độ:** - Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân; thấy được vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội, từ đó nâng cao ý thức thực hiện pháp luật, tuyên truyền ý thức thực hiện pháp luật với cộng đồng xung quanh.  - Đồng thời, người học biết cách tra cứu và tự cập nhật các văn bản pháp luật để phục vụ cho công việc và có ý thức tự điều chỉnh công việc của mình theo những quy định của pháp luật. | 3 | Kì học: học kì I  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết: 24 LT, 6 TL | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 10 | Giáo dục thể chất | **Về kiến thức**: Sau khi kết thúc môn học, sinh viên biết được nguồn gốc ra đời, quá trình phát triển và vị trí của môn Bóng rổ trên thế giới, sự hình thành phát triển của môn Bóng rổ ở Việt Nam; Nắm và hiểu được một số điều luật cơ bản Bóng rổ; Nắm và hiểu được các nguyên lý kỹ thuật và chiến thuật cơ bản  của môn Bóng rổ, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:** -  Thực hiện được các kỹ thuật và chiến thuật cơ bản về môn học.  -  Hình thành kỹ năng động tác  để tự tập luyện hoặc tập theo nhóm.  - Sử dụng kiến thức Bóng rổ cơ bản để có thể tự phân tích, thảo luận và hướng dẫn người khác cùng tham gia tập luyện  **Về thái độ:**  - Người học cần có thái độ tích cực, yêu thích môn học mà mình đã lựa chọn, luôn có tinh thần thái độ hăng say trong mỗi tiết học và tích cực tập luyện ngoại khóa, để có được các kỹ năng cần thiết và tâm lý tốt. Ngoài ra, người học biết vận dụng môn Bóng rổ làm phương tiện cho việc rèn luyện và nâng cao sức khỏe của con người.  - Giáo dục phẩm chất cần thiêt để đáp ứng với nhu cầu xã hội: Năng động, sáng tạo có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, ý chí và đoàn kết tập thể. | 5 | Kì học: học kì VI  Thời gian: 15 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 8 LT  - Thực hành: 46 TH  - Khác: 21 | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 11 | Giáo dục Quốc phòng và An ninh | Liên kết với Trung tâm GDQP & AN Đại học Quốc gia Hà Nội. | 11 | Liên kết với Trung tâm GDQP & AN Đại học Quốc gia Hà Nội. | Liên kết với Trung tâm GDQP & AN Đại học Quốc gia Hà Nội. |
| 12 | Tâm lý học | **Về kiến thức:** Môn học Tâm lý học đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:** Thông qua những kiến thức cơ bản của Tâm lý học, sinh viên có những hiểu biết nhất định về tâm lý con người để vận dụng trong công tác hoạt động nghệ thuật sau này.  **Về thái độ:** Xây dựng thái độ đúng đắn với hoạt động sáng tạo nghệ thuật. | 3 | Kì học: học kì VII  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 35 tiết  - Thi vấn đáp hết môn: 5 tiết  - Khác: Bài tập ở nhà: 5 tiết | - 10% điểm chuyêncần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 13 | Mỹ học | **Về kiến thức:** Giúp sinh viên nắm được những nội dung cơ bản của lý luận mỹ học Mác – Lênin, biết cảm thụ, đánh giá truớc thế giới các hiện tuợng thẩm mỹ và sáng tạo các giá thị thẩm mĩ theo quy luật của cái đẹp, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:** sinh viên vận dụng vào học tập chuyên ngành và hoạt động sống, hoạt động nghề nghiệp trong tương lai của mình  **Về thái độ:** sinh viên tiếp thu một cách có phê phán, có chọn lọc các giá trị thẩm mỹ của dân tộc và thời đại, bồi dưỡng nâng cao ý thức và năng lực thẩm mỹ. | 3 | Kì học: học kì VI  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 39 (tiết)  - Thực hành, xêmina: 6 (tiết)  - Khác: bài tập ở nhà | - 10% điểm chuyêncần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 14 | Lịch sử triết học phương Đông | **Về kiến thức:** Trên cơ sở những đặc điểm về kinh tế, văn hóa, xã hội của các nước phương Đông, môn học làm sáng tỏ quá trình phát sinh, hình thành và phát triển của triết học phương Đông qua 2 cái nôi triết học lớn nhất là Trung Quốc và Ấn Độ. Đạt được mục tiêu kiến thức này sẽ góp phần thực hiện sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:** Trang bị cho sinh viên tư duy lý luận triết học sâu sắc, ứng dụng vào việc phân tích và sáng tác các tác phẩm sân khấu, điện ảnh.  **Về thái độ: +** Sinh viên có thái độ chính trị tốt, có tư cách, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, tích cực tham gia vào việc giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn.  + Trân trọng, tiếp thu những giá trị và nhận định được hạn chế trong tư tưởng của các trường phái, các triết gia phương Đông. Từ đó đưa ra được quan điểm, lập trường sáng tạo về triết lý nhân sinh để ứng dụng trong nghề nghiệp và cuộc sống. | 3 | Kì học: học kì VII  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 35 tiết  - Thực hành, thảo luận: 7 tiết  - Bài tập: 3 tiết | - 10% điểm chuyêncần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 15 | Xã hội học | **Về kiến thức:** Sự hình thành và phát triển của xã hội học; các lý thuyết, khái niệm xã hội học; phương pháp nghiên cứu xã hội học. Sinh viên hiểu các khái niệm, các luận điểm cơ bản của các cách tiếp cận xã hội học; nắm vững cơ sở lý luận và phương pháp luận để phân tích, lý giải các hiện tượng của đời sống xã hội dưới góc độ xã hội học; biết triển khai đề tài nghiên cứu xã hội học. Đạt được mục tiêu kiến thức này, góp phần thực hiện sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:** Sinh viên có kỹ năng đọc các tài liệu xã hội học; phân tích, đánh giá các sự kiện xã hội; phân tích mối quan hệ giữa cá nhân, nhóm và xã hội, trên cơ sở đó đưa ra các nhận định, đánh giá về các mối quan hệ xã hội nhằm tìm cách giải quyết các vấn đề xã hội nảy sinh. Sinh viên có kỹ năng thu thập, xử lí thông tin; biết triển khai đề tài nghiên cứu xã hội học thực nghiệm, phục vụ cho chuyên ngành học của mình.  **Về thái độ:** Sinh viên có thái độ chính trị tốt, có tư cách, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, tích cực tham gia vào việc giải quyết các vấn đề xã hội dưới góc độ của nghệ thuật, sân khấu, điện ảnh. | 3 | Kì học: học kì VII  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 35 tiết  - Thực tập phòng TN, thực hành: 5 tiết  - Bài tập về nhà: 5 tiết | - 10% điểm chuyêncần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 16 | Tiếng Việt thực hành | **Về kiến thức:** Học phần Tiếng Việt thực hành giúp sinh viên có năng lực soạn thảo văn bản thuộc các thể loại như khoa học, báo chí và nghệ thuật, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu - điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kĩ năng**:Phát triển các kĩ năng sử dụng tiếng việt (nói và viết văn bản) cho sinh viên Nhiếp ảnh và Biên Tập truyền hình. Rèn luyện kĩ năng tạo lập văn bản. Góp phần cùng các môn học khác rèn luyện tư duy khoa học cho sinh viên. Có khả năng tìm tài liệu, đọc hiểu các kiến thức mở rộng liên quan đến học phần.  **Về thái độ:** Rèn luyện được thái độ nghiêm túc trong học tập và có khả năng đọc hiểu và nghiên cứu chuyên sâu. | 4 | Kì học: học kì V  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp lý thuyết: 25 tiết  - Thực hành: 35 tiết  - Thi/ Kiểm tra hết học phần: 5 tiết | - 10% điểm chuyêncần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi. |

**2. TRUNG *TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tiếng Anh 1 | Kết thúc chư­ơng trình học, sinh viên các lớp Đại học phải nắm được những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm tiếng Anh và một số nghi thức lời nói ở trình độ sơ cấp. |  | Kỳ học: Kỳ 1 (Khối ĐA, Kỳ 2 (Khối SK)  Thời gian: 15 tuần  Phân bổ số tiết: 45 LT, 30 TH  + Module 1: 5LT, 5TH  + Module 2: 8LT, 5TH  + Module 3: 8LT, 5TH  + Module 4: 8LT, 5TH  + Module 5: 8LT, 5TH  + Module 6: 8LT, 5TH | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 2 | Tiếng Anh 2 | Kết thúc chư­ơng trình học, sinh viên các lớp Đại học phải nắm đ­ược những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm tiếng Anh và một số nghi thức lời nói ở trình độ sơ cấp. |  | Kỳ học: Kỳ 2 (Khối ĐA, Kỳ 3 (Khối SK)  Thời gian: 15 tuần  Phân bổ số tiết: 45 LT, 30 TH  + Module 7: 5LT, 5TH  + Module 8: 8LT, 5TH  + Module 9: 8LT, 5TH  + Module 10: 8LT, 5TH  + Module 11: 8LT, 5TH  + Module 12: 8LT, 5TH | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 3 | Tiếng Anh 3 | Kết thúc chương trình học,  sinh viên phải nắm được một  lượng từ vựng, thuật ngữ  tiếng Anh chuyên ngành nhất  định, cấu trúc ngữ pháp, ngữ  âm tiếng Anh và một số nghi  thức lời nói ở trình độ Pre-  intermediate. |  | Kỳ học: Kỳ 3 (Khối ĐA, Kỳ 4 (Khối SK)  Thời gian: 15 tuần  Phân bổ số tiết: 45 LT, 30 TH  + Module 1: 5LT, 5TH  + Module 2: 8LT, 5TH  + Module 3: 8LT, 5TH  + Module 4: 8LT, 5TH  + Module 5: 8LT, 5TH  + Module 6: 8LT, 5TH | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 4 | Tin học | Cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản nhất về máy tính, lịch sử hình thành cũng như quá trình phát triển và những kiến thức về hệ điều hành (Microsoft Windows) và bộ phần mềm về văn phòng (Microsoft Office) |  | Kỳ học: Kỳ 1 (Khối ĐA, Kỳ 2 (Khối SK)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 30 LT, 30 TH | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |

**3. KHOA NHIẾP ẢNH**

**A. Chuyên ngành nhiếp ảnh nghệ thuật (K35-K36-K37)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **\* Kiến thức cơ sở ngành** | | | | | |
| 1 | Lịch sử NAVN | ***Về kiến thức:***  Cung cấp kiến thức về lịch sử Việt Nam,đặc biệt trong giai đoạn từ cuối thế kỷ XIX,đầu thế kỷ XX đến nay  ***Về kỹ năng:*** Để giúp sinh viên cần các phương pháp tiếp cận lịch sử nhiếp ảnh ,nắm vững kiến thức lịch sử Việt Nam ,sự hình thành từ giai đoạn ngày thành lập nước VNDCCH(nay là CHXHCNVN) và trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp .Mỹ và giai đoạn hiện nay  ***Về thái độ:*** Vận dụng những thông tin đã học để hiểu thêm về lịch sử từng giai đoạn  + Hiểu rõ hơn về lịch sử nhiếp ảnh của các nhà hoạt động cách mạng Nhiếp ảnh nước nhà |  | \* **Lịch sử Nhiếp Ảnh Việt Nam**  Kì học: học kì 3  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  - 50 tiết lý thuyết  - 10 tiết thực hành  - 5 tiết ôn tập và thi học kỳ  Nội dung: 60 tiết  Chương 1: 15 tiết  Chương 2: 15 tiết  Chương 3: 10 tiết  Chương 4: 15 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | - Đi học chuyên cần 10% điểm tổng kết  - Thu thập tài liệu lịch sử thực hành, bài tập về nhà : 20% điểm tổng kết  - Thi cuối học kỳ : 70% điểm tổng kết |
| 2 | Lịch sử  Nhiếp ảnh Thế giới | -Mục tiêu kiến thức:  +Hiểu về lịch sử phát triển và hình thành của Nhiếp ảnh từ thủa sơ khai đã sớm khẳng định vị thế của một ngành nghệ thuật tạo hình hiện đại  + Tìm hiểu sự phát triển của Nhiếp ảnh thế giới qua các quá trình phát triển, khuynh hướng sang tác truyền thống và hiện đại  - Mục tiêu kỹ năng: Sinh viên được trang bị kiến thức tài liệu xử lý tốt cho học tập  - Mục tiêu ý thức:Sinh viên cần đọc một cách căn bản sách lý luận liên quan đến lịch sử Nhiếp Ảnh thế giới.Vì thế các kiến thức và kỹ năng được giảng viên cung cấp cho sinh viên là không thể thiếu. Bên cạnh đó, sinh viên cần ý thức cao về việc thu thập thêm về các thông tin về lịch sử nhiếp ảnh | 2 | * LSNATG   Kì học: học kì 2  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  - 50 tiết lý thuyết  - 05 tiết thực hành thảo luận  - 5 tiết thi học kỳ  Nội dung: 60 tiết  Chương 1:20 tiết  Chương 2:15 tiết  Chương 3:20 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài kiểm tra giữa kì, thu thập thêm các tư liệu nhiếp ảnh các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 3 | Nghiệp vụ báo chí 1 | - Mục tiêu kiến thức:  + Sinh viên được trang bị các kiến thức về Lao động nhà báo, Các loại hình báo chí hiện đại  - Mục tiêu kỹ năng: Được rèn luyện các kỹ năng như Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng khai thác tài liệu, Kỹ năng viết báo  - Mục tiêu ý thức: Tôn trọng sự thật và không can thiệp vào sự kiện. | 4 | **Nghiệp vụ báo chí 1**  Kì học: học kì 3  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 90 tiết  - 40 tiết lý thuyết  - 45 tiết thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 30 tiết  Chương 2: 55 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 4 | Nghiệp vụ báo chí 2 | - Mục tiêu kiến thức:  + Sinh viên được trang bị các kiến thức về Lao động nhà báo, Các loại hình báo chí hiện đại  - Mục tiêu kỹ năng: Được rèn luyện các kỹ năng như Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng khai thác tài liệu, kỹ năng viết báo  - Mục tiêu ý thức: Tôn trọng sự thật và không can thiệp vào sự kiện. | 5 | **Nghiệp vụ báo chí 2**  Kì học: học kì 4  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 105 tiết  - 50 tiết lý thuyết  - 50 tiết thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 100 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 5 | Lý luận phê bình nhiếp ảnh nghệ thuật | - Mục tiêu kiến thức:  - Các thể loại của nhiếp ảnh nghệ thuật.  - Tính chất cơ bản của nhiếp ảnh nghệ thuật.  - Mối quan hệ giữa kỹ thuật và nghệ thuật của nhiếp ảnh.  - Sức mạnh của khoảnh khắc trong nhiếp ảnh nghệ thuật.  - Nhiếp ảnh là một ngôn ngữ hình tượng  - Nắm vững mối quan hệ giữa nội dung và hình thức. Nắm được phương pháp biên tập một xuất bản phẩm.  - Mục tiêu kỹ năng: kỹ năng khai thác tư liệu, làm việc nhóm, thuyết trình  - Mục tiêu ý thức: kiến thức lý luận sẽ dẫn đường thực hành cho các sinh viên; sinh viên ý thức tốt được những vấn đề đang diễn ra và cần giải quyết về lý luận ảnh nghệ thuật. | 4 | Kì học: học kì VII  Thời gian: 16 tuần  Phân bổ số tiết:  - 70 lý thuyết  - 15 thực hành  05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 10 tiết  Chương 2: 15 tiết  Chương 3: 5 tiết  Chương 4: 10 tiết  Chương 5: 10 tiết  Chương 6: 10 tiết  Chương 7: 5 tiết  Chương 8: 10 tiết  Chương 9: 10tiết  Chương 10: 5 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 7 | Tin học chuyên ngành 1 | **Về kiến thức:** Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức, quy trình xử lý hậu kỳ ảnh, sử dụng một số phần mềm chỉnh sửa ảnh kỹ thuật số.  **Về kỹ năng***:* Rèn luyện kỹ năng sử dụng các phần mềm để chỉnh sửa ảnh, kỹ thuật hậu kỳ ảnh để tạo ra hiệu quả hình ảnh nhiếp ảnh theo yêu cầu sáng tác.  **Về thái độ:** Rèn luyện được thái độ nghiêm túc trong học tập. | 5 | \* **Tin học chuyên ngành 1**  Kì học: học kì I  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  - 50 lý thuyết  - 50 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 8 | Tin học chuyên ngành 2 | **Về kiến thức*:*** Học phần này nâng cao cho sinh viên những kiến thức về xử lý hậu kỳ ảnh và mở rộng ứng dụng hình ảnh của Nhiếp ảnh trong biên tập video, slideshow ảnh, trong các sản phẩm truyền thông đa phương tiện….  **Về kỹ năng:** Rèn luyện kỹ năng sử dụng các phần mềm để chỉnh sửa ảnh, biên tập video, hoặc một số sản phẩm truyền thông đa phương tiện có sử dụng hình ảnh nhiếp ảnh theo yêu cầu nội dung có trước.  **Về thái độ:** Rèn luyện được thái độ nghiêm túc trong học tập. | 5 | \* **Tin học chuyên ngành 2**  Kì học: học kì I  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  - 50 lý thuyế  - 50 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện. Trong đó: Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 9 | Tin học Đồ họa vi tính | **Về kiến thức***:* Học phần này nâng cao cho sinh viên những kiến thức về xử lý hậu kỳ ảnh và mở rộng ứng dụng hình ảnh của Nhiếp ảnh trong thiết kế đồ họa, quảng cáo, ấn phẩm ảnh, truyền thông đa phương tiện….  **Về kỹ năng:** Rèn luyện kỹ năng sử dụng các phần mềm để chỉnh sửa ảnh, thiết kế đồ họa có sử dụng hình ảnh nhiếp ảnh theo yêu cầu nội dung có trước.  **Về thái độ:**  Rèn luyện được thái độ nghiêm túc trong học tập. | 5 | \* **Tin học Đồ họa vi tính**  Kì học: học kì I  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  - 50 lý thuyết  - 50 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó: Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 10 | Nghệ thuật trình bày ấn phẩm ảnh | Cung cấp các kiến thức liên quan đến việc nhận biết về ấn phẩm truyền thông và thiết kế ấn phẩm truyền thông. Giúp sinh viên có khả năng vận dụng lý thuyết thiết kế một cách độc lập, tự chủ, sáng tạo theo ý đồ cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo các yếu tố theo yêu cầu truyền thông.  Giúp sinh viên có kỹ năng xây dựng và thực hiện các ý tưởng về truyền thông theo những trường hợp cụ thể, rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm.  Thái độ, chuyên cần: Nắm vững lý thuyết giảng trên lớp. Kết hợp với nghiên cứu tài liệu tham khảo, tham gia thảo luận (theo hướng dẫn của giáo viên) và làm các bài tập tình huống bắt buộc nhằm rèn luyện các kỹ năng, phương pháp và nghệ thuật trong việc thực hiện các dự án thiết kế ấn phẩm |  | Kì học: học kì VI  Thời gian: 16 tuần  Phân bổ số tiết:  - 70 lý thuyết  - 15 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 10 tiết  Chương 2: 20 tiết  Chương 3: 20 tiết  Chương 4: 20 tiết  Chương 5: 15 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| **\* Kiến thức ngành** | | | | | |
| 1 | Kỹ thuật Nhiếp ảnh 1 | *Về kiến thức:* Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức về nhiếp ảnh đặc biệt, môi trường đặc biệt trong nhiếp ảnh, các dạng đặc biệt trong nhiếp ảnh, kỹ thuật chụp ảnh đặc biệt và các trang thiết bị đặc biệt để thực hiện chụp ảnh đặc biệt trong nhiếp ảnh.  *Về kỹ năng:* Rèn luyện kỹ năng tác nghiệp trong những điều kiện đặc biệt, kỹ năng sử dụng thiết bị máy ảnh, các thiết bị đặc biệt, kỹ thuật chụp ảnh đặc biệt để tạo ra hiệu quả hình ảnh nhiếp ảnh theo yêu cầu sáng tác.  *Về thái độ:* Rèn luyện được thái độ nghiêm túc trong học tập. | 3 | \* **Nhiếp ảnh Đặc biệt**  Kì học: học kì I  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  - 40 lý thuyết  - 30 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 20 tiết  Chương 2: 20 tiết  Chương 3: 30 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 2 | Kỹ Thuật Nhiếp Ảnh 2 | *Về kiến thức:* Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về nhiếp ảnh kỹ thuật số, những khái niệm số hoá cơ bản, các phương thức số hoá ảnh, cấu tạo máy ảnh kỹ thuật số, quy trình xử lý ảnh số...  *Về kỹ năng:* Rèn luyện kỹ năng sử dụng thiết bị máy ảnh, kỹ thuật chụp ảnh để tạo ra hiệu quả hình ảnh nhiếp ảnh theo yêu cầu sáng tác.  *Về thái độ:* Rèn luyện được thái độ nghiêm túc trong học tập. | 3 | \* **Kỹ thuật Nhiếp ảnh 2**  Kì học: học kì II  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  - 40 lý thuyết  - 30 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện  Trong đó: Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 3 | Nhiếp ảnh cơ bản 1 | Về kiến thức: Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong việc xử lý nội dung và hình thức của hình ảnh, xây dựng ý tưởng nghệ thuật trong các phương pháp sử lý tạo hình nhiếp ảnh. Đồng thời phân biệt và có ý định rõ rệt trong cách diễn đạt nội dung hình ảnh của các thể loại nhiếp ảnh  *Về kỹ năng:* Rèn luyện kỹ năng sử dụng thiết bị máy ảnh trong phối hợp sử lý nội dung và hình thức hình ảnh của khuôn hình nhiếp ảnh. Biết vận dụng nguyên lý tạo hình nhiếp ảnh để bố cục khuôn hình nhiếp ảnh theo yêu cầu sáng tác.  *Về thái độ:* Rèn luyện được thái độ nghiêm túc trong học tập và có khả năng đọc hiểu và nghiên cứu chuyên sâu. | 3 | Kì học: học kì I  Thời gian: 16 tuần  Phân bổ số tiết:  - 30 lý thuyết  - 25 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 10 tiết  Chương 2: 20 tiết  Chương 3: 25 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 4 | Nhiếp ảnh cơ bản 2 | *Về kiến thức:* Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong việc xử lý nội dung và hình thức của hình ảnh, xây dựng ý tưởng nghệ thuật trong các phương pháp sử lý tạo hình nhiếp ảnh. Đồng thời phân biệt và có ý định rõ rệt trong cách diễn đạt nội dung hình ảnh của các thể loại nhiếp ảnh  *Về kỹ năng:* Rèn luyện kỹ năng sử dụng thiết bị máy ảnh trong phối hợp sử lý nội dung và hình thức hình ảnh của khuôn hình nhiếp ảnh. Biết vận dụng nguyên lý tạo hình nhiếp ảnh để bố cục khuôn hình nhiếp ảnh theo yêu cầu sáng tác.  *Về ý thức:* Xây dựng cho sinh viên ý thức chủ động làm chủ trang thiết bị kỹ thuật trong tác nghiệp nhiếp ảnh. Biết tổ chức, sắp xếp các nội dung cần thiết trong khuôn hình nhiếp ảnh. Rèn luyện được thái độ nghiêm túc trong học tập và có khả năng đọc hiểu và nghiên cứu chuyên sâu. | 2 | Kì học: học kì II  Thời gian: 16 tuần  Phân bổ số tiết:  - 30 lý thuyết  - 25 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 10 tiết  Chương 2: 20 tiết  Chương 3: 25 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 5 | Nhiếp ảnh Đặc biệt và Kỹ xảo | *Về kiến thức:* Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức về nhiếp ảnh đặc biệt, môi trường đặc biệt trong nhiếp ảnh, các dạng đặc biệt trong nhiếp ảnh, kỹ thuật chụp ảnh đặc biệt và các trang thiết bị đặc biệt để thực hiện chụp ảnh đặc biệt, kỹ thuật chụp ảnh kỹ xảo, kỹ thuật làm kỹ xảo trong nhiếp ảnh.  *Về kỹ năng:* Rèn luyện kỹ năng tác nghiệp trong những điều kiện đặc biệt, kỹ năng sử dụng thiết bị máy ảnh, các thiết bị đặc biệt, kỹ thuật chụp ảnh đặc biệt, kỹ thuật chụp ảnh và kỹ thuật làm kỹ xảo để tạo ra hiệu quả hình ảnh nhiếp ảnh theo yêu cầu sáng tác.  *Về thái độ:* Rèn luyện được thái độ nghiêm túc trong học tập. | 3 | \* **Nhiếp ảnh Đặc biệt và Kỹ xảo**  Kì học: học kì I  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  - 40 lý thuyết  - 30 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 20 tiết  Chương 2: 20 tiết  Chương 3: 30 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 6 | Nghệ thuật nhiếp ảnh 1 | Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức thực hành trong sáng tác nhiếp ảnh. NhËn biÕt thuéc tÝnh kh¸ch quan vµ chñ quan trong thÓ hiÖn cña h×nh ¶nh. Cung cÊp c¸c ph­¬ng ph¸p tiÕp cËn, sö lý ¸nh s¸ng ®¶m b¶o chÊt l­îng cho néi dung còng nh­ h×nh ¶nh. N¾m b¾t ®­îc c¸c nh©n tè thÈm mü cña t¹o h×nh nhiÕp ¶nh.  RÌn luyÖn kü n¨ngcho sinh viªn trong t¸c nghiÖp nhiÕp ¶nh. Sö dông gãc ®é, tiªu cù èng kÝnh vµ lé s¸ng thuÇn thôc. Cã ý ®å râ rÖt trong néi dung vµ h×nh thøc thÓ hiÖn cho mçi h×nh ¶nh.  Gióp sinh viªn biÕt sö lý h×nh ¶nh trong nh÷ng ®iÒu kiÖn kh¸c nhau. Chän c¸c hiÖu qu¶ h×nh ¶nh phï hîp cho c¸c thÓ lo¹i nhiÕp ¶nh vµ hoµn thiÖn kü n¨ng sö lý kü thuËt nhiÕp ¶nh. | 5 | Kì học: học kì III  Thời gian: 14 tuần  Phân bổ số tiết:  - 50 lý thuyết  - 50 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 40 tiết  Chương 2: 30 tiết  Chương 3: 30 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 7 | Nghệ thuật nhiếp ảnh 2 | Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về chôp ¶nh trong studio. KiÕn thøc vÒ c¸c trang thiÕt bÞ kü thuËt ¸nh s¸ng, c¸c ph­¬ng ph¸p chiÕu s¸ng, ®o s¸ng cho bèi c¶nh vµ nh©n vËt, thiÕt lËp c¸c s¬ ®å ¸nh s¸ng cho kh«ng gian cña néi dung thÓ hiÖn.  Cã kü n¨ng thùc hµnh, sö dông hiÖu qu¶ ph­¬ng tiÖn kü thuËt chiÕu s¸ng trong studio. BiÕt s¾p xÕp nh©n vËt, kh«ng gian bèi c¶nh,sö dông hÖ thèng chiÕu s¸ng cho néi dung thÓ hiÖn. Chän c¸c hiÖu qu¶ chiÕu s¸ng cho c¸c h×nh ¶nh cña n«i dung c©u truyÖn.  Gióp cho sinh viªn ý thøc ®­îc viÖc lËp kÕ ho¹ch, tæ chøc thùc hiÖn c¸c néi dung yªu cÇu trong mét kh«ng gian chñ ®éng. Cã sù chuÈn bÞ lùa chän kü l­ìng cho viÖc s¸ng t¸c theo mét kÞch b¶n ®· hoµn thiÖn. | 6 | Kì học: học kì IV  Thời gian: 16 tuần  Phân bổ số tiết:  - 60 lý thuyết  - 75 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 10 tiết  Chương 2: 30 tiết  Chương 3: 30 tiết  Chương 4: 60 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 8 | Nghệ thuật nhiếp ảnh 3 | Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về kh¶ n¨ng më réng néi dung cña c¸c bøc ¶nh; sù liªn hÖ qua l¹i gi÷a c¸c h×nh ¶nh cã c¸c cì c¶nh kh¸c nhau. Mèi liªn hÖ cã ®Þnh h­íng cña c¸c d¹ng ¶nh: nhãm ¶nh; bé ¶nh vµ ¶nh liªn hoµn. Giíi h¹n, ph¹m vi vµ liªn kÕt cña c¸c bøc ¶nh trong tæ chøc, thiÕt kÕ chóng ®Ó thÓ hiÖn néi dung trong mét kho¶ng thêi gian vµ kh«ng gian.  RÌn luyÖn kü n¨ng thiÕt lËp néi dung, ý t­ëng trªn ®Ò c­¬ng, dµn ý, h×nh thµnh c¸c chÊt liÖu cho h×nh ¶nh nhiÕp ¶nh. H­íng x©y dùng liªn kÕt cÊu tróc cho thÓ hiÖn néi dung mét c¸ch nhÊt qu¸n. NhËn biÕt c¸c thñ ph¸p Èn dô, t­îng tr­ng trong liªn kÕt, thÓ hiÖn h×nh ¶nh. TËp m« t¶ trªn dµn ý c¸c h×nh ¶nh trùc tiÕp, gi¸n tiÕp ®Ó miªu t¶ sù viÖc, con ng­êi.  X©y dùng cho sinh viªn ý thøc chñ ®éng t×m tßi, tiÕp thu vµ kÕ thõa nh÷ng gi¸ trÞ vÒ v¨n hãa truyÒn thèng trong c¸c lÜnh vùc v¨n hãa nghÖ thuËt kh¸c. Ph¸t hiÖn vµ t«n vinh nh÷ng nh©n tè tÝch cùc trong ho¹t ®éng x· héi, nh÷ng gi¸ trÞ cña viÖc b¶o tån sù c©n b»ng trong ph¸t triÓn cña thÕ giíi tù nhiªn. |  | Kì học: học kì V  Thời gian: 16 tuần  Phân bổ số tiết:  - 60 lý thuyết  - 85 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 40 tiết  Chương 2: 20 tiết  Chương 3: 55 tiết  Chương 4: 30 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 9 | Nghệ thuật nhiếp ảnh 4 | Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức vÒ ph­¬ng ph¸p t¸c nghiÖp nhanh c¸c néi dung cã ph¹m vÞ hÑp. ViÖc lËp ®Ò c­¬ng, dµn ý vµ x©y dùng kÕ ho¹ch cho t¸c nghiÖp nhiÕp ¶nh ngoµi hiÖn tr­êng. KiÕn thøc vÒ chôp ¶nh trong studio vµ kh¶ n¨ng thÓ hiÖn nghÖ thuËt mét c¸ch chñ ®éng cña t¸c gia nhiÕp ¶nh.  Biết tổ chức, tập hợp các chất liệu nội dung từ mọi hoạt động xã hội và nhận biết quá trình vận động phát triển của quy luật tự nhiên để liên kết xây dựng các nội dung đề tài. Các phương pháp phân tích chọn lọc tìm kiếm nội dung trong các cách thức kết cấu nhận diện qu¸ tr×nh tån t¹i, vËn ®éng vµ ph¸t triÓn cña sù vËt, sù viÖc. H­íng ®Õn c¸c gi¸ trÞ nh©n v¨n trong cuéc sèng. BiÕt sö lý ¸nh s¸ng nh©n t¹o, gi¶i quyÕt viÖc chiÕu s¸ng hîp lý trong viÖc x©y dùng nh©n vËt, bèi c¶nh theo thêi gian vµ kh«ng gian mét c¸ch nghÖ thuËt.  Gióp cho sinh viªn có ý thức sö lý ¸nh s¸ng hiÖu qu¶ cho néi dung thÓ hiÖn c¶ trong néi c¶nh hay ngoµi ngo¹i c¶nh. Cã nhận biết vÒ sù tån t¹i, vËn ®éng vµ ph¸t triÓn cña mäi ho¹t ®éng x· héi vµ c¸c qui luËn cña thÕ giíi tù nhiªn. N¾m b¾t ®­îc giíi h¹n cña ®èi t­îng, ph¹m vi néi dung ®Ò tµi theo ph­¬ng ph¸p thÓ hiÖn cña ng«n ng÷ nhiÕp ¶nh. |  | Kì học: học kì VI  Thời gian: 16 tuần  Phân bổ số tiết:  - 60 lý thuyết  - 85 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 30 tiết  Chương 2: 30 tiết  Chương 3: 45 tiết  Chương 4: 40 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 10 | Nghệ thuật nhiếp ảnh 5 | Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng hợp về nhận thức sáng tác nhiếp ảnh trong các thể loại của đề tài. KiÕn thøc vÒ ®Æc ®iÓm ­u thÕ cña viÖc sö dông c¸c thiÕt bÞ sè trong t¸c nghiÖp nhiÕp ¶nh. Sö lý linh ho¹t, ®¹t chÊt l­îng cao ë studio vµ ngoµi hiÖn tr­êng.  Biết tổ chøc thùc hiÖn c¸c néi dung, ¸nh s¸ng trong phßng chôp hay ngoµi hiÖn tr­êng theo yªu cÇu ®Ò tµi. X©y dùng vµ thùc hiÖn c¸c ®Ò tµi nhiÕp ¶nh theo c¸c ph­¬ng ph¸p cña thÓ lo¹i, ph¸t hiÖn t×m kiÕm nh©n tè thÈm mü trong thÓ hiÖn b»ng ¸nh s¸ng, b»ng lîi thÕ cña trang thiÕt bÞ kü thuËt. Ph¶n ¸nh ch©n thùc tiÕn bé x· héi vµ b¶o vÖ m«i tr­êng ph¸t triÓn cña thÕ giíi tù nhiªn.  Gióp sinh viªn cã ý thøc kiÓm so¸t, lµm chñ trong m«i tr­êng s¸ng t¸c. Chñ ®éng ®iÒu chØnh, gi¶i quyÕt nhiÖm vô c«ng t¸c theo h­íng chuyªn nghiÖp trong s¸ng t¸c vµ t¸c nghiÖp nhiÕp ¶nh. | 8 | Kì học: học kì VII  Thời gian: 16 tuần  Phân bổ số tiết:  - 60 lý thuyết  - 55 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 40 tiết  Chương 2: 50 tiết  Chương 3: 25 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |

**Chuyên ngành nhiếp ảnh Nghệ thuật K38**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Lịch sử Nhiếp ảnh Thế giới | - Mục tiêu kiến thức:  +Hiểu về lịch sử phát triển và hình thành của Nhiếp ảnh từ thủa sơ khai đã sớm khẳng định vị thế của một ngành nghệ thuật tạo hình hiện đại  + Tìm hiểu sự phát triển của Nhiếp ảnh thế giới qua các quá trình phát triển, khuynh hướng sang tác truyền thống và hiện đại  - Mục tiêu kỹ năng: Sinh viên được trang bị kiến thức tài liệu xử lý tốt cho học tập  - Mục tiêu ý thức: SV cần đọc một cách căn bản sách lý luận liên quan đến lịch sử Nhiếp Ảnh thế giới.Vì thế các kiến thức và kỹ năng được giảng viên cung cấp cho sinh viên là không thể thiếu. Bên cạnh đó, sinh viên cần ý thức cao về việc thu thập thêm về các thông tin về lịch sử N/A | 2 | * LSNATG   Kì học: học kì 2  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  - 50 tiết lý thuyết  - 05tiết thực hành thảo luận  - 05tiết thi học kỳ  Nội dung: 60 tiết  Chương 1:20 tiết  Chương 2:15 tiết  Chương 3:20 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài kiểm tra giữa kì, thu thập thêm các tư liệu nhiếp ảnh các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) | |
| 3 | Kỹ thuật Nhiếp ảnh 1 | *Về kiến thức:* Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức về nhiếp ảnh đặc biệt, môi trường đặc biệt trong nhiếp ảnh, các dạng đặc biệt trong nhiếp ảnh, kỹ thuật chụp ảnh đặc biệt và các trang thiết bị đặc biệt để thực hiện chụp ảnh đặc biệt trong nhiếp ảnh.  *Về kỹ năng:* Rèn luyện kỹ năng tác nghiệp trong những điều kiện đặc biệt, kỹ năng sử dụng thiết bị máy ảnh, các thiết bị đặc biệt, kỹ thuật chụp ảnh đặc biệt để tạo ra hiệu quả hình ảnh nhiếp ảnh theo yêu cầu sáng tác.  *Về thái độ:* Rèn luyện được thái độ nghiêm túc trong học tập. | 3 | \* **Nhiếp ảnh Đặc biệt**  Kì học: học kì I  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: - 40 lý thuyết  - 30 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 20 tiết  Chương 2: 20 tiết  Chương 3: 30 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) | |
| 4 | Kỹ Thuật Nhiếp Ảnh 2 | *Về kiến thức:* Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về nhiếp ảnh kỹ thuật số, những khái niệm số hoá cơ bản, các phương thức số hoá ảnh, cấu tạo máy ảnh kỹ thuật số, quy trình xử lý ảnh số...  *Về kỹ năng:* Rèn luyện kỹ năng sử dụng thiết bị máy ảnh, kỹ thuật chụp ảnh để tạo ra hiệu quả hình ảnh nhiếp ảnh theo yêu cầu sáng tác.  *Về thái độ:* Rèn luyện được thái độ nghiêm túc trong học tập. | 3 | \* **Kỹ thuật Nhiếp ảnh 2**  Kì học: học kì II  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  - 40 lý thuyết  - 30 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn,chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) | |
| 5 | Lý luận phê bình nhiếp ảnh nghệ thuật | - Mục tiêu kiến thức:  - Các thể loại của nhiếp ảnh nghệ thuật.  - Tính chất cơ bản của nhiếp ảnh nghệ thuật.  - Mối quan hệ giữa kỹ thuật và nghệ thuật của nhiếp ảnh.  - Sức mạnh của khoảnh khắc trong nhiếp ảnh nghệ thuật.  - Nhiếp ảnh là một ngôn ngữ hình tượng  - Nắm vững mối quan hệ giữa nội dung và hình thức.  - Nắm được phương pháp biên tập một xuất bản phẩm.  - Mục tiêu kỹ năng: kỹ năng khai thác tư liệu, làm việc nhóm, thuyết trình  - Mục tiêu ý thức: kiến thức lý luận sẽ dẫn đường thực hành cho các sinh viên; sinh viên ý thức tốt được những vấn đề đang diễn ra và cần giải quyết về lý luận ảnh nghệ thuật. | 4 | Kì học: học kì VII  Thời gian: 16 tuần  Phân bổ số tiết: - 70 lý thuyết  - 15 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung: Chương 1: 10 tiết  Chương 2: 15 tiết  Chương 3: 5 tiết  Chương 4: 10 tiết  Chương 5: 10 tiết  Chương 6: 10 tiết  Chương 7: 5 tiết  Chương 8: 10 tiết  Chương 9: 10tiết  Chương 10: 5 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn . chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) | |
| **\* Kiến thức ngành** | | | | | | |
| 1 | Nhiếp ảnh  cơ bản 1 | * 1. Về kiến thức: Học phần này trang bị cho sinh viên hiểu được vị trí của nhiếp ảnh trong các loại hình nghệ thuật khác, những kiến thức cơ bản trong việc bố cục hình ảnh. Nắm vững các dạng ánh sáng và hướng chiếu sáng. Nhận biết nội dung, hình thức thể hiện của hình ảnh nhiếp ảnh, xây dựng ý tưởng nghệ thuật trong các phơng pháp sử lý tạo hình nhiếp ảnh. Đồng thời phân biệt và có ý định rõ rệt trong cách diễn đạt nội dung hình ảnh của các thể loại nhiếp ảnh   2. Về kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng sử dụng thiết bị máy ảnh trong phối hợp sử lý nội dung và hình thức hình ảnh của khuôn hình nhiếp ảnh. Biết vận dụng nguyên lý tạo hình nhiếp ảnh để bố cục khuôn hình nhiếp ảnh theo yêu cầu sáng tác.   Về thái độ: Rèn luyện được thái độ nghiêm túc trong học tập và có khả năng đọc hiểu và nghiên cứu chuyên sâu | 3 | Kì học: học kì I  Thời gian: 16 tuần  Phân bổ số tiết:  - 30 lý thuyết  - 25 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 10 tiết  Chương 2: 20 tiết  Chương 3: 25 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 4 | Nhiếp ảnh  cơ bản 2 | * 1. *Về kiến thức:* Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong việc xử lý nội dung và hình thức của hình ảnh, xây dựng ý tưởng nghệ thuật trong các phương pháp sử lý tạo hình nhiếp ảnh. Đồng thời phân biệt và có ý định rõ rệt trong cách diễn đạt nội dung hình ảnh của các thể loại nhiếp ảnh*Về kỹ năng:* Rèn luyện kỹ năng sử dụng thiết bị máy ảnh trong phối hợp sử lý nội dung và hình thức hình ảnh của khuôn hình nhiếp ảnh. Biết vận dụng nguyên lý tạo hình nhiếp ảnh để bố cục khuôn hình nhiếp ảnh theo yêu cầu sáng tác.   2. *Về ý thức:* Xây dựng cho sinh viên ý thức chủ động làm chủ trang thiết bị kỹ thuật trong tác nghiệp nhiếp ảnh. Biết tổ chức, sắp xếp các nội dung cần thiết trong khuôn hình nhiếp ảnh. Rèn luyện được thái độ nghiêm túc trong học tập và có khả năng đọc hiểu và nghiên cứu chuyên sâu. | 2 | Kì học: học kì II  Thời gian: 16 tuần  Phân bổ số tiết:  - 30 lý thuyết  - 25 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 10 tiết  Chương 2: 20 tiết  Chương 3: 25 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 4 | Nhiếp ảnh nghệ thuật 1 | * 1. *Về kiến thức*: Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức thực hành trong sáng tác nhiếp ảnh. Nhận biết thuộc tính khách quan và chủ quan trong thể hiện của hình ảnh. Cung cấp các phương pháp tiếp cận, sử lý ánh sáng đảm bảo chất lượng cho nội dung cũng như hình ảnh. Nắm bắt được các nhân tố thẩm mỹ của tạo hình nhiếp ảnh*Về kỹ năng*: Giúp sinh viên có kỹ năng về khuôn hình nhiếp ảnh, cỡ cảnh khuôn hình, phối cảnh chiều sâu không gian, rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập cho sinh viên.   2. *Về ý thức:* Nắm vững lý thuyết giảng trên lớp. Kết hợp với nghiên cứu tài liệu tham khảo, tham gia thảo luận (theo hướng dẫn của giáo viên) và làm các bài tập tình huống bắt buộc nhằm rèn luyện các kỹ năng, phương pháp và nghệ thuật trong việc thực hiện các khuôn hình nhiếp ảnh với chiều sâu không gian ... Có ý thức và tích cực vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn hoạt động nhiếp ảnh. Quá trình học tập và tham khảo mở rộng. Tham gia các hoạt động (theo quy định ở phần phân bổ thời gian). Có ý thức tổ chức kỷ luật. | 4 | Kì học: học kì I  Thời gian: 16 tuần  Phân bổ số tiết:  - 50 lý thuyết  - 40 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 30 tiết  Chương 2: 60 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 5 | Nhiếp ảnh nghệ thuật 2 | Về kiến thức: Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về bản chất của ánh sáng, vai trò của ánh sáng đối với tạo hình nhiếp ảnh, kiến thức tạo hình nhiếp ảnh ngoại cảnh, các phương pháp chiếu sáng khi chụp ảnh trong studio, tỷ lệ ánh sáng, mảng sáng, mật độ hình ảnh.  Về kỹ năng: Giúp sinh viên có kỹ năng chụp ảnh trong các điều kiện ngoại cảnh, nội thất, studio, tư duy hình ảnh bằng ánh sáng.  Về ý thức: Thái độ, chuyên cần: Nắm vững lý thuyết giảng trên lớp. Kết hợp với nghiên cứu tài liệu tham khảo, tham gia thảo luận (theo hướng dẫn của giáo viên) và làm các bài tập tình huống bắt buộc nhằm rèn luyện các kỹ năng, phương pháp và nghệ thuật trong việc thực hiện các dự án ảnh và thiết lập các không gian trưng bày ảnh ...Có ý thức và tích cực vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn hoạt động nhiếp ảnh. Quá trình học tập và tham khảo mở rộng. Tham gia các hoạt động (theo quy định ở phần phân bổ thời gian). Có ý thức tổ chức kỷ luật. | 5 | Kì học: học kì II  Thời gian: 16 tuần  Phân bổ số tiết:  - 60 lý thuyết  - 55 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 50 tiết  Chương 2: 65 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |

**B. Chuyên ngành nhiếp ảnh báo chí: (K35-K36-K37)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. Kiến thức cơ sở ngành** | | | | | |
| 1 | Lịch sử NAVN | ***Về kiến thức:*** Cung cấp kiến thức về lịch sử Việt Nam,đặc biệt trong giai đoạn từ cuối thế kỷ XIX,đầu thế kỷ XX đến nay  ***Về kỹ năng:*** Để giúp sinh viên cần các phương pháp tiếp cận lịch sử nhiếp ảnh ,nắm vững kiến thức lịch sử Việt Nam ,sự hình thành từ giai đoạn ngày thành lập nước VNDCCH(nay là CHXHCNVN) và trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp, Mỹ và giai đoạn hiện nay  ***Về thái độ:*** Vận dụng những thông tin đã học để hiểu thêm về lịch sử từng giai đoạn  + Hiểu rõ hơn về lịch sử nhiếp ảnh của các nhà hoạt động cách mạng Nhiếp ảnh nước nhà. | 3 | \* **Lịch sử Nhiếp Ảnh VN**  Kì học: học kì 3  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  - 50 tiết lý thuyết.10 tiết th/hành  - 5 tiết ôn tập và thi học kỳ  Nội dung: 60 tiết  Chương 1: 15 tiết  Chương 2: 15 tiết  Chương 3: 10 tiết  Chương 4: 15 tiết.  Thi học kỳ: 5 tiết | - Đi học chuyên cần 10% điểm tổng kết  - Thu thập tài liệu lịch sử thực hành, bài tập về nhà : 20% điểm tổng kết  - Thi cuối học kỳ : 70% điểm tổng kết |
| 2 | Lịch sử Nhiếp ảnh Thế giới | - Mục tiêu kiến thức:  + Hiểu về lịch sử phát triển và hình thành của Nhiếp ảnh từ thủa sơ khai đã sớm khẳng định vị thế của một ngành nghệ thuật tạo hình hiện đại  + Tìm hiểu sự phát triển của Nhiếp ảnh thế giới qua các quá trình phát triển, khuynh hướng sang tác truyền thống và hiện đại  - Mục tiêu kỹ năng: Sinh viên được trang bị kiến thức tài liệu xử lý tốt cho học tập  - Mục tiêu ý thức:Sinh viên cần đọc một cách căn bản sách lý luận liên quan đến lịch sử Nhiếp Ảnh thế giới.Vì thế các kiến thức và kỹ năng được giảng viên cung cấp cho sinh viên là không thể thiếu. Bên cạnh đó, sinh viên cần ý thức cao về việc thu thập thêm về các thông tin về lịch sử Nhiếp Ảnh | 2 | * LSNATG   Kì học: học kì 2  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết:  - 30 tiết lý thuyết  - 10tiết thực hành thảo luận  - 5 tiết thi học kỳ  Nội dung: 45 tiết  Chương 1:15 tiết  Chương 2:15 tiết  Chương 3:10 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài kiểm tra giữa kì, thu thập thêm các tư liệu nhiếp ảnh các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 3 | Nghiệp vụ báo chí 1 | - Mục tiêu kiến thức:  + Sinh viên được trang bị các kiến thức về Lao động nhà báo, Các loại hình báo chí hiện đại  - Mục tiêu kỹ năng: Được rèn luyện các kỹ năng như Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng khai thác tài liệu, Kỹ năng viết báo  - Mục tiêu ý thức: Tôn trọng sự thật và không can thiệp vào sự kiện. |  | **Nghiệp vụ báo chí 1**  Kì học: học kì 4  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 45 tiết  - 20 tiết lý thuyết  - 20 tiết thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 20 tiết  Chương 2: 20 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện  Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 4 | Nghiệp vụ báo chí 2 | - Mục tiêu kiến thức: ”.  + Sinh viên được trang bị các kiến thức về Lao động nhà báo, Các loại hình báo chí hiện đại  - Mục tiêu kỹ năng: Được rèn luyện các kỹ năng như Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng khai thác tài liệu, Kỹ năng viết báo  - Mục tiêu ý thức: Tôn trọng sự thật và không can thiệp vào sự kiện. | 3 | **Nghiệp vụ báo chí 2**  Kì học: học kì 5  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 105 tiết  - 50 tiết lý thuyết  - 50 tiết thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 30 tiết  Chương 2: 70 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 5 | Nghiệp vụ báo chí 3 | - Mục tiêu kiến thức:  + Sinh viên được trang bị các kiến thức về Lao động nhà báo, Các loại hình báo chí hiện đại  - Mục tiêu kỹ năng: Được rèn luyện các kỹ năng như Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng khai thác tài liệu, Kỹ năng viết báo  - Mục tiêu ý thức: Tôn trọng sự thật và không can thiệp vào sự kiện. | 4 | **Nghiệp vụ báo chí 3**  Kì học: học kì 6  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 105 tiết  - 50 tiết lý thuyết  - 50 tiết thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 100 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 6 | Tin học Đồ họa vi tính | *Về kiến thức:* Học phần này nâng cao cho sinh viên những kiến thức về xử lý hậu kỳ ảnh và mở rộng ứng dụng hình ảnh của Nhiếp ảnh trong thiết kế đồ họa, quảng cáo, ấn phẩm ảnh, truyền thông đa phương tiện….  *Về kỹ năng:* Rèn luyện kỹ năng sử dụng các phần mềm để chỉnh sửa ảnh, thiết kế đồ họa có sử dụng hình ảnh nhiếp ảnh theo yêu cầu nội dung có trước.  *Về thái độ:* Rèn luyện được thái độ nghiêm túc trong học tập. | 5 | \* **Tin học Đồ họa vi tính**  Kì học: học kì I  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  - 50 lý thuyết  - 50 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 7 | Lý luận phê bình nhiếp ảnh báo chí | **- Mục tiêu kiến thức:**  - Các thể loại của nhiếp ảnh.  - Tính chất cơ bản của nhiếp ảnh.  - Mối quan hệ giữa kỹ thuật và nghệ thuật của nhiếp ảnh.  - Sức mạnh của khoảnh khắc trong nhiếp ảnh.  - Nhiếp ảnh là một ngôn ngữ hình tượng  - Nắm vững mối quan hệ giữa nội dung và hình thức.  - Nắm được phương pháp biên tập một xuất bản phẩm.  - Mục tiêu kỹ năng: kỹ năng khai thác tư liệu, làm việc nhóm, thuyết trình  -Mục tiêu ý thức: kiến thức lý luận sẽ dẫn đường thực hành cho các sinh viên; sinh viên ý thức được những vấn đề đang diễn ra và cần giải quyết về lý luận ảnh báo chí | 4 | Kì học: học kì VI  Thời gian: 14 tuần  Phân bổ số tiết:  - 60 lý thuyết  - 10 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:Chương 1: 10 tiết  Chương 2: 10 tiết  Chương 3: 5 tiết  Chương 4: 10 tiết  Chương 5: 5tiết  Chương 6: 5 tiết  Chương 7: 5 tiết  Chương 8: 10 tiết  Chương 9: 5 tiết  Chương 10: 5 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện  Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 8 | Tin học chuyên ngành | *Về kiến thức:* Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức, quy trình xử lý hậu kỳ ảnh, sử dụng một số phần mềm chỉnh sửa ảnh kỹ thuật số.  *Về kỹ năng:* Rèn luyện kỹ năng sử dụng các phần mềm để chỉnh sửa ảnh, kỹ thuật hậu kỳ ảnh để tạo ra hiệu quả hình ảnh nhiếp ảnh theo yêu cầu sáng tác.  *Về thái độ:* Rèn luyện được thái độ nghiêm túc trong học tập. | 5 | \* **Tin học chuyên ngành**  Kì học: học kì I  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  - 50 lý thuyết  - 50 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện  Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| **\* Kiến thức ngành** | | | | | |
| 1 | Kỹ thuật Nhiếp ảnh 1 | *Về kiến thức:* Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức về nhiếp ảnh đặc biệt, môi trường đặc biệt trong nhiếp ảnh, các dạng đặc biệt trong nhiếp ảnh, kỹ thuật chụp ảnh đặc biệt và các trang thiết bị đặc biệt để thực hiện chụp ảnh đặc biệt trong nhiếp ảnh.  *Về kỹ năng:* Rèn luyện kỹ năng tác nghiệp trong những điều kiện đặc biệt, kỹ năng sử dụng thiết bị máy ảnh, các thiết bị đặc biệt, kỹ thuật chụp ảnh đặc biệt để tạo ra hiệu quả hình ảnh nhiếp ảnh theo yêu cầu sáng tác.  *Về thái độ:* Rèn luyện được thái độ nghiêm túc trong học tập. | 3 | \* **Kỹ thuật Nhiếp ảnh**  Kì học: học kì I  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  - 40 lý thuyết  - 30 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 20 tiết  Chương 2: 20 tiết  Chương 3: 30 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 2 | Kỹ Thuật  Nhiếp Ảnh 2 | *Về kiến thức:* Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về nhiếp ảnh kỹ thuật số, những khái niệm số hoá cơ bản, các phương thức số hoá ảnh, cấu tạo máy ảnh kỹ thuật số, quy trình xử lý ảnh số...  *Về kỹ năng:* Rèn luyện kỹ năng sử dụng thiết bị máy ảnh, kỹ thuật chụp ảnh để tạo ra hiệu quả hình ảnh nhiếp ảnh theo yêu cầu sáng tác.  *Về thái độ:* Rèn luyện được thái độ nghiêm túc trong học tập. | 3 | \* **Kỹ thuật Nhiếp ảnh 2**  Kì học: học kì II  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  - 40 lý thuyết  - 30 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 3 | Nhiếp ảnh cơ bản 1 | * 1. Về kiến thức: Học phần này trang bị cho sinh viên hiểu được vị trí của nhiếp ảnh trong các loại hình nghệ thuật khác, những kiến thức cơ bản trong việc bố cục hình ảnh. Nắm vững các dạng ánh sáng và hướng chiếu sáng. Nhận biết nội dung, hình thức thể hiện của hình ảnh nhiếp ảnh, xây dựng ý tưởng nghệ thuật trong các phơng pháp sử lý tạo hình nhiếp ảnh”.   Về kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng sử dụng thiết bị máy ảnh trong phối hợp sử lý nội dung và hình thức hình ảnh của khuôn hình nhiếp ảnh. Biết vận dụng nguyên lý tạo hình nhiếp ảnh để bố cục khuôn hình nhiếp ảnh theo yêu cầu sáng tác.  Về thái độ: Rèn luyện được thái độ nghiêm túc trong học tập và có khả năng đọc hiểu và nghiên cứu chuyên sâu. | 3 | Kì học: học kì I  Thời gian: 16 tuần  Phân bổ số tiết:  - 30 lý thuyết  - 25 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 10 tiết  Chương 2: 20 tiết  Chương 3: 25 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 4 | Nhiếp ảnh cơ bản 2 | Về kiến thức: Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong việc xử lý nội dung và hình thức của hình ảnh, xây dựng ý tưởng nghệ thuật trong các phương pháp sử lý tạo hình nhiếp ảnh  Về kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng sử dụng thiết bị máy ảnh trong phối hợp sử lý nội dung và hình thức hình ảnh của khuôn hình nhiếp ảnh. Biết vận dụng nguyên lý tạo hình nhiếp ảnh để bố cục khuôn hình nhiếp ảnh theo yêu cầu sáng tác.  Về ý thức: Xây dựng cho sinh viên ý thức chủ động làm chủ trang thiết bị kỹ thuật trong tác nghiệp nhiếp ảnh. Biết tổ chức, sắp xếp các nội dung cần thiết trong khuôn hình nhiếp ảnh. Rèn luyện được thái độ nghiêm túc trong học tập và có khả năng đọc hiểu và nghiên cứu chuyên sâu. | 2 | Kì học: học kì II  Thời gian: 16 tuần  Phân bổ số tiết:  - 30 lý thuyết  - 25 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 10 tiết  Chương 2: 20 tiết  Chương 3: 25 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 5 | Nhiếp ảnh Đặc biệt | *Về kiến thức:* Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức về nhiếp ảnh đặc biệt, môi trường đặc biệt trong nhiếp ảnh, các dạng đặc biệt trong nhiếp ảnh, kỹ thuật chụp ảnh đặc biệt và các trang thiết bị đặc biệt để thực hiện chụp ảnh đặc biệt trong nhiếp ảnh.  *Về kỹ năng:* Rèn luyện kỹ năng tác nghiệp trong những điều kiện đặc biệt, kỹ năng sử dụng thiết bị máy ảnh, các thiết bị đặc biệt, kỹ thuật chụp ảnh đặc biệt để tạo ra hiệu quả hình ảnh nhiếp ảnh theo yêu cầu sáng tác.  *Về thái độ:* Rèn luyện được thái độ nghiêm túc trong học tập. | 3 | \* **Nhiếp ảnh Đặc biệt**  Kì học: học kì I  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  - 40 lý thuyết  - 30 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 20 tiết  Chương 2: 20 tiết  Chương 3: 30 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện  Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 6 | Ảnh báo chí 1(Tổng quan ảnh BC) | - Mục tiêu kiến thức:  +Sinh viên nắm được các kiến thức lý thuyết và tổng quan về ảnh báo chí,  Mục tiêu kỹ năng: Sinh viên được trang bị các kỹ năng và hiểu hơn về các thể loại ảnh, viết tin và biên tập  - Mục tiêu ý thức: Tổng quan về các thể loại ảnh là khái niệm cơ bản của ảnh báo chí, giúp sinh viên hiểu thể loại cơ bản và quan trọng của báo chí. Nó chính là cơ sở và nền móng để sinh viên có thể thực hiện được các thể loại ảnh báo chí khác. Vì thế các kiến thức và kỹ năng được giảng viên cung cấp cho sinh viên là không thể thiếu. Bên cạnh đó, sinh viên cần ý thức cao về việc cập nhật các kiến thức ngoài xã hội để có khả năng phát hiện thông tin làm đề tài cho các bài tập của thể loại ảnh tin. | 2 | **\*Ảnh báo chí 1**  **(Tổng quan ảnh BC)**  Kì học: học kì 2  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết: 45 tiết  - 35 lý thuyết  - 05 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 15 tiết  Chương 2: 10 tiết  Chương 3: 15 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện  Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 7 | Ảnh báo chí 2 | - Mục tiêu kiến thức:  . +Sinh viên nắm được các kiến thức lý thuyết và nắm vững cách thực hiện thể loại ảnh tin  - Mục tiêu kỹ năng: Sinh viên được trang bị các kỹ năng khai thác tư liệu, phỏng vấn, chụp ảnh và viết thể loại tin, biên tập  - Mục tiêu ý thức: Ảnh tin là một thể loại cơ bản và quan trọng của báo chí. Nó chính là cơ sở và nền móng để sinh viên có thể thực hiện được các thể loại ảnh báo chí khác. Vì thế các kiến thức và kỹ năng được giảng viên cung cấp cho sinh viên là không thể thiếu. Bên cạnh đó, sinh viên cần ý thức cao về việc cập nhật các kiến thức ngoài xã hội để có khả năng phát hiện thông tin làm đề tài cho các bài tập của thể loại ảnh tin. | 5 | \* **Ảnh báo chí 2**  Kì học: học kì 3  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 120 tiết  - 60 lý thuyết  - 55 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 60 tiết  Chương 2: 55 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện  Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 8 | Ảnh báo chí 3 | - Về kiến thức:  + Sinh viên nắm được các kiến thức về ảnh bình luận.  - Về kỹ năng: Sinh viên được trang bị các kỹ năng như khai thác tài liệu, làm việc nhóm và thuyết trình để làm tốt các đề tài mà giảng viên thực hành yêu cầu.  - Về ý thức: Ý thức rõ hơn về nghề nghiệp mình đang được học tập. | 3 | **Ảnh báo chí 3**  Kì học: học kì 5  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 60 tiết  - 30 tiết lý thuyết  - 25 tiết thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 30 tiết  Chương 2: 25 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện  Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 9 | Ảnh báo chí 4 | - Mục tiêu kiến thức:  +Sinh viên nắm được các kiến thức lý thuyết và nắm vững cách thực hiện thể loại ảnh tài liệu  - Mục tiêu kỹ năng: Sinh viên được trang bị các kỹ năng phân tích, so sánh, đối chiếu, sử dụng tư liệu để làm rõ vấn đề mà đề tài thực hành yêu cầu.  - Mục tiêu ý thức: Ảnh tài liệu phản ánh cả chiều dài của lịch sử. Do đó để thực hiện nó sinh viên cần phải trao dồi kiến thức và kỹ năng thường xuyên, nhanh nhạy với các vấn đề diễn biến trong xã hội để tìm ra ý tưởng, đề tài cho thể loại ảnh báo chí đặc biệt này. | 3 | \* **Ảnh báo chí 4**  Kì học: học kì 4  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 60 tiết  - 30 tiết lý thuyết  - 25 tiết thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 25 tiết  Chương 2: 30 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 10 | Ảnh báo chí 5 | - Về kiến thức:  + Sinh viên nắm được các kiến thức về ký sự ảnh.  - Về kỹ năng: Sinh viên được trang bị các kỹ năng như khai thác tài liệu, làm việc nhóm và thuyết trình để làm tốt các đề tài mà giảng viên thực hành yêu cầu.  - Về ý thức: Ý thức rõ hơn về nghề nghiệp mình đang được học tập. | 4 | **Ảnh báo chí 5**  Kì học: học kì 5  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 75 tiết  - 40 tiết lý thuyết  - 30 tiết thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 10 tiết  Chương 2: 20 tiết  Chương 3: 30 tiết  Chương 4: 10 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 11 | Ảnh báo chí 6 | - Mục tiêu kiến thức:  + Sinh viên nắm vững kiến thức về thể loại ảnh tường thuật  - Mục tiêu kỹ năng: Sinh viên được trang bị các kỹ năng thực hành thể loại ảnh tường thuật như kỹ năng phỏng vấn, kỹ năng quan sát, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng viết và kỹ năng biên tập.  - Mục tiêu ý thức: Ảnh tường thuật yêu cầu người thực hiện phải có được những phát hiện tinh ý, tinh vi và am hiểu vấn đề đang tiến hành. Mọi chi tiết diễn ra xung quanh sự kiện, nếu có được sự nhạy bén và nhạy cảm nghề nghiệp đều có thể trở thành những chi tiết đắt giá cho bài báo. Do đó, người học cần luôn ý thức về vai trò của bài học quan sát, phỏng vấn, khai thác tài liệu để phát hiện ra những chi tiết tinh vi được ẩn giấu bên ngoài sự kiện. | 5 | \* **Ảnh báo chí 6**  Kì học: học kì 6  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 105 tiết  - 50 lý thuyết  - 50 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 20 tiết  Chương 2: 55 tiết  Chương 3: 25 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 12 | Ảnh báo chí 7 | - Về kiến thức:  + Sinh viên nắm được các kiến thức lý thuyết về phóng sự ảnh.  *-* Về kỹ năng: Sinh viên được trang bị các kỹ năng như khai thác tài liệu, làm việc nhóm và thuyết trình để làm tốt các đề tài mà giảng viên thực hành yêu cầu.  - Về ý thức: Ý thức rõ hơn về nghề nghiệp mình đang được học tập. | 5 | **Ảnh báo chí 7**  Kì học: học kì 7  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 120 tiết  - 60 tiết lý thuyết  - 55 tiết thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 25 tiết  Chương 2: 60 tiết  Chương 3: 30 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 13 | Ảnh báo chí 8 | - Mục tiêu kiến thức:  + Nắm vững các kiến thức về biên tập ảnh  + Hiều biết về cách thiết kế và trình bày ấn phẩm ảnh cụ thể  - Mục tiêu kỹ năng: Sinh viên có được kỹ năng về biên tập ảnh, tổ chức nội dung trang báo, tạp chí, thiết kế trình bày báo và tạp chí.  - Mục tiêu kiến thức: Rèn luyện cho sinh viên hiểu biết về nghề báo ảnh, trong đó có 2 phần kiến thức và kỹ năng tiêu biểu là biên tập và thiết kế báo chí. | 5 | \* **Ảnh báo chí 8**  Kì học: học kì 7  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 105 tiết  - 50 tiết lý thuyết  - 50 tiết thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 25 tiết  Chương 2: 30 tiết  Chương 3: 25 tiết  Chương 4: 25 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện  Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |

**Chuyên ngành nhiếp ảnh báo chí : K38**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **\* Kiến thức cơ sở ngành** | | | | | |
| 1 | Lịch sử Nhiếp ảnh Thế giới | Mục tiêu kiến thức:  + Hiểu về lịch sử phát triển và hình thành của Nhiếp ảnh từ thủa sơ khai đã sớm khẳng định vị thế của một ngành nghệ thuật tạo hình hiện đại  + Tìm hiểu sự phát triển của Nhiếp ảnh thế giới qua các quá trình phát triển, khuynh hướng sang tác truyền thống và hiện đại  - Mục tiêu kỹ năng: Sinh viên được trang bị kiến thức tài liệu xử lý tốt cho học tập  - Mục tiêu ý thức:Sinh viên cần đọc một cách căn bản sách lý luận liên quan đến lịch sử Nhiếp Ảnh thế giới.Vì thế các kiến thức và kỹ năng được giảng viên cung cấp cho sinh viên là không thể thiếu. Bên cạnh đó, sinh viên cần ý thức cao về việc thu thập thêm về các thông tin về lịch sử nh/ảnh | 2 | * LSNATG   Kì học: học kì 2  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết:  - 30 tiết lý thuyết  - 10tiết th/ hành thảo luận  - 5 tiết thi học kỳ  Nội dung: 45 tiết  Chương 1:15 tiết  Chương 2:15 tiết  Chương 3:10 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài kiểm tra giữa kì, thu thập thêm các tư liệu nhiếp ảnh các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 2 | Kỹ thuật Nhiếp ảnh 1 | *Về kiến thức:* Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức về nhiếp ảnh đặc biệt, môi trường đặc biệt trong nhiếp ảnh, các dạng đặc biệt trong nhiếp ảnh, kỹ thuật chụp ảnh đặc biệt và các trang thiết bị đặc biệt để thực hiện chụp ảnh đặc biệt trong nhiếp ảnh.  *Về kỹ năng:* Rèn luyện kỹ năng tác nghiệp trong những điều kiện đặc biệt, kỹ năng sử dụng thiết bị máy ảnh, các thiết bị đặc biệt, kỹ thuật chụp ảnh đặc biệt để tạo ra hiệu quả hình ảnh nhiếp ảnh theo yêu cầu sáng tác.  *Về thái độ:* Rèn luyện được thái độ nghiêm túc trong học tập. | 3 | \* **Nhiếp ảnh Đặc biệt**  Kì học: học kì I  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  - 40 lý thuyết  - 30 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 20 tiết  Chương 2: 20 tiết  Chương 3: 30 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện  Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 3 | Kỹ Thuật Nhiếp Ảnh 2 | *Về kiến thức:* Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về nhiếp ảnh kỹ thuật số, những khái niệm số hoá cơ bản, các phương thức số hoá ảnh, cấu tạo máy ảnh kỹ thuật số, quy trình xử lý ảnh số...  *Về kỹ năng:* Rèn luyện kỹ năng sử dụng thiết bị máy ảnh, kỹ thuật chụp ảnh để tạo ra hiệu quả hình ảnh nhiếp ảnh theo yêu cầu sáng tác.  *Về thái độ:* Rèn luyện được thái độ nghiêm túc trong học tập. | 3 | \* **Kỹ thuật Nhiếp ảnh 2**  Kì học: học kì II  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  - 40 lý thuyết  - 30 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| * **Kiến thức ngành** | | | | | |
| 1 | Nhiếp ảnh cơ bản 1 | Về kiến thức: Học phần này trang bị cho sinh viên hiểu được vị trí của nhiếp ảnh trong các loại hình nghệ thuật khác, những kiến thức cơ bản trong việc bố cục hình ảnh. Nắm vững các dạng ánh sáng và hướng chiếu sáng. Nhận biết nội dung, hình thức thể hiện của hình ảnh nhiếp ảnh, xây dựng ý tưởng nghệ thuật trong các phơng pháp sử lý tạo hình nhiếp ảnh.  Về kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng sử dụng thiết bị máy ảnh trong phối hợp sử lý nội dung và hình thức hình ảnh của khuôn hình nhiếp ảnh. Biết vận dụng nguyên lý tạo hình nhiếp ảnh để bố cục khuôn hình nhiếp ảnh theo yêu cầu sáng tác.  Về thái độ: Rèn luyện được thái độ nghiêm túc trong học tập và có khả năng đọc hiểu và nghiên cứu chuyên sâu. | 3 | Kì học: học kì I  Thời gian: 16 tuần  Phân bổ số tiết:  - 30 lý thuyết  - 25 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 10 tiết  Chương 2: 20 tiết  Chương 3: 25 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 2 | Nhiếp ảnh  cơ bản 2 | *Về kiến thức:* Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong việc xử lý nội dung và hình thức của hình ảnh, xây dựng ý tưởng nghệ thuật trong các phương pháp sử lý tạo hình nhiếp ảnh.  *Về kỹ năng:* Rèn luyện kỹ năng sử dụng thiết bị máy ảnh trong phối hợp sử lý nội dung và hình thức hình ảnh của khuôn hình nhiếp ảnh. Biết vận dụng nguyên lý tạo hình nhiếp ảnh để bố cục khuôn hình nhiếp ảnh theo yêu cầu sáng tác.  *Về ý thức:* Xây dựng cho sinh viên ý thức chủ động làm chủ trang thiết bị kỹ thuật trong tác nghiệp nhiếp ảnh. Biết tổ chức, sắp xếp các nội dung cần thiết trong khuôn hình nhiếp ảnh. Rèn luyện được thái độ nghiêm túc trong học tập và có khả năng đọc hiểu và nghiên cứu chuyên sâu. | 2 | Kì học: học kì II  Thời gian: 16 tuần  Phân bổ số tiết:  - 30 lý thuyết  - 25 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 10 tiết  Chương 2: 20 tiết  Chương 3: 25 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 3 | Ảnh báo chí 1(Tổng quan  ảnh BC) | - Mục tiêu kiến thức:  ***+***Sinh viên nắm được các kiến thức lý thuyết và tổng quan về các thể loại ảnh báo chí  -Mục tiêu kỹ năng: Sinh viên được trang bị các kỹ năng và hiểu hơn về các thể loại ảnh, viết tin và biên tập  - Mục tiêu ý thức: Tổng quan về các thể loại ảnh là khái niệm cơ bản của ảnh báo chí, giúp sinh viên hiểu thể loại cơ bản và quan trọng của báo chí. Nó chính là cơ sở và nền móng để sinh viên có thể thực hiện được các thể loại ảnh báo chí khác. Vì thế các kiến thức và kỹ năng được giảng viên cung cấp cho sinh viên là không thể thiếu. Bên cạnh đó, sinh viên cần ý thức cao về việc cập nhật các kiến thức ngoài xã hội để có khả năng phát hiện thông tin làm đề tài cho các bài tập của thể loại ảnh tin. | 2 | **\*Ảnh báo chí 1**  **(Tổng quan ảnh BC)**  Kì học: học kì 2  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết: 45 tiết  - 35 lý thuyết  - 05 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 15 tiết  Chương 2: 10 tiết  Chương 3: 15 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 4 | Ảnh báo chí 2 | - Mục tiêu kiến thức:  + Sinh viên nắm được các kiến thức lý thuyết và nắm vững cách thực hiện thể loại ảnh tin và ảnh tường thuật  - Mục tiêu kỹ năng: Sinh viên được trang bị các kỹ năng khai thác tư liệu, phỏng vấn, chụp ảnh và viết thể loại tin và ảnh tường thuật, biên tập  - Mục tiêu ý thức: Ảnh tin và ảnh tường thuật là một thể loại cơ bản và quan trọng của báo chí. Nó chính là cơ sở và nền móng để sinh viên có thể thực hiện được các thể loại ảnh báo chí khác. Vì thế các kiến thức và kỹ năng được giảng viên cung cấp cho sinh viên là không thể thiếu. Bên cạnh đó, sinh viên cần ý thức cao về việc cập nhật các kiến thức ngoài xã hội để có khả năng phát hiện thông tin làm đề tài cho các bài tập của thể loại ảnh tin. | 4 | \* **Ảnh báo chí 2**  Kì học: học kì 2  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  - 75 tiết lý thuyết  - 55 tiết thực hành   * 05 tiết thi học kỳ   Nội dung: 135 tiết  Chương 1: 20 tiết  Chương 2: 40 tiết  Chương 3: 40 tiết  Chương 4: 40 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |

**Chuyên ngành Nhiếp ảnh truyền thông đa phương tiện**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **\* Kiến thức cơ sở ngành** | | | | | |
| 1 | Lịch sử Nhiếp ảnh Thế giới | - Mục tiêu kiến thức:  +Hiểu về lịch sử phát triển và hình thành của Nhiếp ảnh từ thủa sơ khai đã sớm khẳng định vị thế của một ngành nghệ thuật tạo hình hiện đại. Tìm hiểu sự phát triển của Nhiếp ảnh thế giới qua các quá trình phát triển, khuynh hướng sang tác truyền thống và hiện đại  - Mục tiêu kỹ năng: Sinh viên được trang bị kiến thức tài liệu xử lý tốt cho học tập  - Mục tiêu ý thức:Sinh viên cần đọc một cách căn bản sách lý luận liên quan đến lịch sử Nhiếp Ảnh thế giới.Vì thế các kiến thức và kỹ năng được giảng viên cung cấp cho sinh viên là không thể thiếu. Bên cạnh đó, sinh viên cần ý thức cao về việc thu thập thêm về các thông tin về lịch sử nhiếp ảnh | 2 | **\* LSNATG**  Kì học: học kì 2  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết:  - 30 tiết lý thuyết  - 10 tiết thực hành thảo luận  - 5 tiết thi học kỳ  Nội dung: 45 tiết  Chương 1:15 tiết  Chương 2:15 tiết  Chương 3:10 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài kiểm tra giữa kì, thu thập thêm các tư liệu nhiếp ảnh các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 2 | Kỹ thuật Nhiếp ảnh 1 | *Về kiến thức:* Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức về nhiếp ảnh đặc biệt, môi trường đặc biệt trong nhiếp ảnh, các dạng đặc biệt trong nhiếp ảnh, kỹ thuật chụp ảnh đặc biệt và các trang thiết bị đặc biệt để thực hiện chụp ảnh đặc biệt trong nhiếp ảnh.  *Về kỹ năng:* Rèn luyện kỹ năng tác nghiệp trong những điều kiện đặc biệt, kỹ năng sử dụng thiết bị máy ảnh, các thiết bị đặc biệt, kỹ thuật chụp ảnh đặc biệt để tạo ra hiệu quả hình ảnh nhiếp ảnh theo yêu cầu sáng tác.  *Về thái độ:* Rèn luyện được thái độ nghiêm túc trong học tập. | 3 | \* **Nhiếp ảnh Đặc biệt**  Kì học: học kì I  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: - 40 lý thuyết  - 30 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:Chương 1: 20 tiết  Chương 2: 20 tiết  Chương 3: 30 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 3 | Kỹ Thuật Nhiếp Ảnh 2 | *Về kiến thức:* Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về nhiếp ảnh kỹ thuật số, những khái niệm số hoá cơ bản, các phương thức số hoá ảnh, cấu tạo máy ảnh kỹ thuật số, quy trình xử lý ảnh số...  *Về kỹ năng:* Rèn luyện kỹ năng sử dụng thiết bị máy ảnh, kỹ thuật chụp ảnh để tạo ra hiệu quả hình ảnh nhiếp ảnh theo yêu cầu sáng tác.  *Về thái độ:* Rèn luyện được thái độ nghiêm túc trong học tập. | 3 | \* **Kỹ thuật Nhiếp ảnh 2**  Kì học: học kì II  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  - 40 lý thuyết  - 30 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| **\* Kiến thức ngành** | | | | | |
| 1 | Nhiếp ảnh cơ bản 1 | * 1. *Về kiến thức:* Học phần này trang bị cho sinh viên hiểu được vị trí của nhiếp ảnh trong các loại hình nghệ thuật khác, những kiến thức cơ bản trong việc bố cục hình ảnh. Nắm vững các dạng ánh sáng và hướng chiếu sáng. Nhận biết nội dung, hình thức thể hiện của hình ảnh nhiếp ảnh, xây dựng ý tưởng nghệ thuật trong các phơng pháp sử lý tạo hình nhiếp ảnh.   2. *Về kỹ năng*: Rèn luyện kỹ năng sử dụng thiết bị máy ảnh trong phối hợp sử lý nội dung và hình thức hình ảnh của khuôn hình nhiếp ảnh. Biết vận dụng nguyên lý tạo hình nhiếp ảnh để bố cục khuôn hình nhiếp ảnh theo yêu cầu sáng tác.   *Về thái độ*: Rèn luyện được thái độ nghiêm túc trong học tập và có khả năng đọc hiểu và nghiên cứu chuyên sâu. | 3 | Kì học: học kì I  Thời gian: 16 tuần  Phân bổ số tiết:  - 30 lý thuyết  - 25 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 10 tiết  Chương 2: 20 tiết  Chương 3: 25 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 2 | Nhiếp ảnh cơ bản 2 | * 1. *Về kiến thức:* Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong việc xử lý nội dung và hình thức của hình ảnh, xây dựng ý tưởng nghệ thuật trong các phương pháp sử lý tạo hình nhiếp ảnh. Đồng thời phân biệt và có ý định rõ rệt trong cách diễn đạt nội dung hình ảnh của các thể loại nhiếp ảnh*Về kỹ năng:* Rèn luyện kỹ năng sử dụng thiết bị máy ảnh trong phối hợp sử lý nội dung và hình thức hình ảnh của khuôn hình nhiếp ảnh. Biết vận dụng nguyên lý tạo hình nhiếp ảnh để bố cục khuôn hình nhiếp ảnh theo yêu cầu sáng tác.   2. *Về ý thức:* Xây dựng cho sinh viên ý thức chủ động làm chủ trang thiết bị kỹ thuật trong tác nghiệp nhiếp ảnh. Biết tổ chức, sắp xếp các nội dung cần thiết trong khuôn hình nhiếp ảnh. Rèn luyện được thái độ nghiêm túc trong học tập và có khả năng đọc hiểu và nghiên cứu chuyên sâu. | 2 | Kì học: học kì II  Thời gian: 16 tuần  Phân bổ số tiết:  - 30 lý thuyết  - 25 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 10 tiết  Chương 2: 20 tiết  Chương 3: 25 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |
| 3 | Nhiếp ảnh truyền thông đa phương tiện 1 (dành cho lớp k38 TTĐPT) | 1. *Về kiến thức****:*** Hiểu được khái niệm, lịch sử ra đời, đặc điểm và ứng dụng của truyền thông đa phương tiện, báo chí đa phương tiện và truyền thông xã hội   *Về kỹ năng:* Hiểu rõ được từng loại hình truyền thông, mục đích, đặc trưng cơ bản và mối tương quan giữa chúng.  *Về thái độ:* Vận dụng kiến thức đã học một cách phù hợp với từng nội dung thực tế: Sáng tạo tác phẩm, chương trình, nghiên cứu khoa học.  + Thái độ công bằng, khách quan và khoa học trong kiểm tra, đánh giá nhận xét, thẩm định từng loại tác phẩm. | 4 | \* **Nhiếp ảnh truyền thông đa phương tiện 1**  Kì học: học kì 1  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  - 50 tiết lý thuyết  - 45 tiết thực hàn  - 5 tiết ôn tập và thi học kỳ  Nội dung: 90 tiết  Chương 1: 10 tiết  Chương 2: 40 tiết  Chương 3: 35 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | - Đi học chuyên cần 10% điểm tổng kết  - Làm đầy đủ bài tập thực hành, bài tập về nhà : 30% điểm tổng kết  - Thi cuối học kỳ : 60% điểm tổng kết |
| 4 | Nhiếp ảnh truyền thông đa phương tiện 2 | * 1. *Về kiến thức:* Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về những nguyên lý tái hiện hình ảnh của phim chụp bằng máy ảnh cơ, của cảm biến trong máy ảnh số trong công nghệ nhiếp ảnh hiện đại.   2. *Về kỹ năng:* Trên cơ sở khái quát được sự phát triển công nghệ nhiếp ảnh để nắm chắc kiến thức căn bản của kỹ thật nhiếp ảnh để phục vụ tốt các môn nhiếp ảnh cơ bản, nghệ thuật nhiếp ảnh, nhiếp ảnh báo chí và các môn chuyên ngành khác.   3. *Về ý thức:* Thái độ, chuyên cần: Nắm vững lý thuyết giảng trên lớp. Kết hợp với nghiên cứu tài liệu tham khảo, tham gia thảo luận (theo hướng dẫn của giáo viên) và làm các bài tập tình huống bắt buộc nhằm rèn luyện các kỹ năng, phương pháp và nghệ thuật trong việc thực hiện các khuôn hình nhiếp ảnh với chiều sâu không gian ...Có ý thức và tích cực vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn hoạt động nhiếp ảnh. Quá trình học tập và tham khảo mở rộng. Tham gia các hoạt động (theo quy định ở phần phân bổ thời gian). Có ý thức tổ chức kỷ luật. |  | Kì học: học kì II  Thời gian: 16 tuần  Phân bổ số tiết:  - 45 lý thuyết  - 40 thực hành  - 05 tiết thi học kỳ  Nội dung:  Chương 1: 15 tiết  Chương 2: 30 tiết  Chương 3: 20 tiết  Chương 4: 20 tiết  Thi học kỳ: 5 tiết | Dự lớp (10% - hệ số 1): tham dự giờ giảng trên lớp, làm bài tập đúng hạn … chấm điểm chuyên cần  Thi giữa học kì (30% - hệ số 3): nội dung này sẽ được đánh giá trên cơ sở chấm điểm bài thi giữa kì, các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận … để tính điểm trung bình. Điểm này tính làm điểm thi điều kiện Trong đó:  Điểm đánh giá các bài tập, báo cáo, thuyết trình, thu hoạch, thảo luận: 15%  Điểm thi giữa kỳ: 15%  Thi cuối kì: Bài thi cuối kỳ (60% - hệ số 6) |

**4. KHOA MÚA**

1. **Ngành Biên đạo múa**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Kết cấu múa Dân gian dân tộc** | | | | | | |
| 1 | | Kết cấu múa  Dân gian dân tộc 1 | + Trang bị cho sinh viên những kiến thức kết cấu (cốt lõi) của Nghệ thuật Biên đạo.  + Hình thức múa So lo, liên kết, móc nối các động tác múa với nhau.  + Ý, tình cảm, hình ảnh, tính cách của nhân vật.  + Tìm động tác có tính diễn cảm phục vụ cho ý.  + Học xong học phần này sinh viên có khả năng dựng kết cấu hình thức múa Solo với tác phẩm Âm nhạc từ 2 đến 3 phút. | 3 | Học kỳ I – Năm thứ 1  Thời gian: 12 Tuần  (20 tiết LT + 40 TH)  Thi hết HP 1 | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 2 | | Kết cấu múa  Dân gian dân tộc 2 | + Kết cấu hình thức múa Duo sinh viên đã có kiến thức, kĩ năng sáng tạo múa Solo, nhận thức  + Trang bị cho sinh viên kiến thức về múa đôi (Duo) mối quan hệ tình cảm, tính cách, hình ảnh, tìm động tác biểu cảm  + Nhận thức về múa đối thoại (nói chuyện) thủ pháp Canon, tuyến và đội hình (vị trí đứng).  + Các khái niện về không gian Sân khấu, mặt sàn, góc độ, xử dụng động tác múa hòa điệu, phù hợp.  + Sinh viên được trang bị kiến thức về tạo hình, tương tác với nhau (bạn diễn) với không gian, tương tác với Âm nhạc.  + Sinh viên thực hành xây dựng tiểu phẩm múa hình thức 2 người phù hợp với tác phẩm âm nhạc. | 3 | Học kỳ II: Năm thứ nhất  Lý thuyết và thực hành đan sen  60 tiết  Thi hết HP 2 | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 3 | | Kết cấu múa  Dân gian dân tộc3 | + Trang bị cho sinh viên hiểu rõ các khái niệm thuật ngữ. Có kiến thức, kĩ năng sáng tác hình thức Trio.  + Sinh viên nắm bắt và thực hành kĩ năng sáng tạo múa 03 người, tạo hình, di chuyển, đội hình, vị trí đứng theo nguyên lý hình học, tam giác, cân, nhọn, vuông.  + Sinh viên có kiến thức về tư duy sáng tạo, tư duy tưởng tượng, hư cấu, ước lệ “nội” bên trong, “ngoại” bên ngoài, tìm động tác diễn tả cảm xúc.  + Trang bị cho sinh viên thủ pháp (cách thức tiến hành, tiếp cận) sáng tạo thủ pháp xử lý đạo cụ, tạo hình và tính tạo hình. |  | Học kỳ III: Năm thứ 2  Lý thuyết và thực hành đan sen  60 tiết (LT + TH)  Thi hết HP 3 | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 4 | | Kết cấu múa  Dân gian dân tộc 4 | + Học xong học phần này sinh viên có kiến thức về hình thức múa tập thể (đông người) tuyến múa, đội hình múa.  + Sinh viên có những kiến thức về phương pháp sáng tạo, thủ pháp múa đồng điệu, thủ pháp múa phức điệu (phức tạp).  + Trang bị cho sinh viên nắm bắt, thực hành các kĩ năng dàn dựng múa tập thể, cụm múa, mảng múa, phương pháp tạo luật động múa, phương pháp tương tác múa trong các hình thức tuyến và đội hình.  + Trang bị cho sinh viên những kiến thức về đoạn múa, phần múa, thủ pháp đoạn (cách sáng tạo của từng đoạn) ví dụ Andale và Allegro. Xử lý đạo cụ và không xử lý đạo cụ … | 4 | Học kỳ IV: Năm thứ 2  Lý thuyết và thực hành đan sen  60 tiết  Thi hết HP 4 | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 5 | | Kết cấu múa  Dân gian dân tộc 5 | + Trang bị cho sinh viên những tư duy tưởng tượng, mô phỏng, mô tả, hư cấu ước lệ xây dựng ý tưởng nghệ thuật xuất phát từ ý tưởng của nội dung.  + Sinh viên có kiến thức và nhận thức rõ. Tư duy logic là bê phóng cho tư duy hình tượng (hình ảnh). Quá trình xây dựng Nghệ thuật trong tác phẩm .  + Trang bị cho sinh viên kiến thức xây dựng hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm múa. Sự thống nhất, logic của ý tưởng và sự liên kết, móc nối, tính thống nhất của nội dung và hình thức.  + Khơi gợi, hướng dẫn, gợi ý cho sinh viên tư duy tưởng tượng, tư duy hư cấu, xây dựng ý tưởng, hình tượng nghệ thuật thông qua ngôn ngữ động tác múa (phương tiện biểu hiện của tác phẩm múa). | 4 | Học kỳ V: Năm thứ 3  Lý thuyết và thực hành đan sen  60 tiết (LT + TH)  Thi hết HP 5 | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 6 | | Kết cấu múa  Dân gian dân tộc 6 | + Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức các hình thức kết cấu. Thể loại múa. (tác phẩm múa ngắn, thơ múa, tổ khúc…)  + Sinh viên có khả năng tư duy, sáng tạo độc lập bộc lộ được cá tính (Riêng biệt) trong sáng tạo, tác phẩm Nghệ thuật bắt nguồn từ hiện thực + trở thành thông điệp, lăng kính sáng tạo của tác giả.  + Sinh viên có kỹ năng sáng tác theo thể loại thơ múa có ý tưởng lãng mạng, có chất thơ, có tính nhân văn, logic của ý tưởng và hình thức của ngôn ngữ động tác có tính chất biểu đạt.  + Trang bị cho sinh viên kiến thức và kĩ năng sáng tạo, dàn dựng tổ khúc múa (nhiều khúc múa) được sắp xếp, lien kết thống nhất về ý tưởng, hình ảnh, tính cách và ý đồ sáng tạo.  + Học xong môn học/học phần này sinh viên có tri thức và kỹ năng làm việc nhóm, tương tác với đồng nghiệp, phát huy các thế mạnh cá nhân đồng sáng tạo để trở thành một chỉnh thể thống nhất trong sáng tạo.  - Xây dựng tính logic trong ý tưởng  - Xây dựng tính logic trong hình thức biểu hiện, diễn tả … | 4 | Học kỳ VI: Năm thứ 3  Lý thuyết và thực hành đan sen  60 tiết (LT + TH)  Thi hết môn | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| **Phương pháp Huấn luyện Múa dân gian dân tộc** | | | | | | |
| 1 | | Phương pháp Huấn luyện Dân gian dân tộc 1  *(Nhập môn, hệ thống chất liệu các động tác múa)* | + Trang bị những kiến thức dạy Múa Dân gian dân tộc Việt Nam, nắm được những khái quát về đời sống Văn hóa Dân tộc Kinh, Mông. Sinh viên nắm được các nguyên tắc trong giảng dạy: 05 nguyên tắc tính cơ bản, tính dân tộc, tính khoa học, tính thẩm mỹ và tính biểu diễn. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điển ảnh, nhiệp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  + Bước đầu hiểu rõ và thực hiện kỹ năng trong dạy Múa Dân gian dân tộc, kỹ năng biên luyện bài tập (tổ hợp) đơn giản, làm thị phạm động tác.  + Sinh viên hiểu rõ trách nhiệm, tự đọc giáo trình Múa Dân gian dân tộc Kinh, Mông. Học phần này chủ yếu thực hiện nguyên tắc bảo đảm tính cơ bản, tính dân tộc. | 3 | Học kỳ I: Năm thứ 1  12 tuần (60 tiết)  - Lý thuyết: 15 tiết  - Thực hành: 40 tiết  - Thi học phần: 5 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 2 | Phương pháp huấn luyện múa DGDT 2  *(Nguyên tắc dạy học múa).* | | + Ôn luyện động tác Múa của dân tộc Tày, Mông, XTeng (Miền Trung Tây Nguyên) đảm bảo tính dân tộc, khoa học. Có khả năng biên luyện bài tập và thị phạm. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điển ảnh, nhiệp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN  + Thực hành biên luyện bài tập, thực hiện tốt các động tác Múa cơ bản, có khả năng sư phạm dẫn lớp.  + Biết phân tích quy cách động tác, tầm quan trọng của thực hiện giáo trình, nắm rõ tuyến múa đội hình múa. | 3 | Học kỳ: II –Năm thứ 1  - Lý thuyết: 15 tiết  - Thực hành: 40 tiết  - Thi học phần: 5 tiết  Thi hết HP 2 | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| **Phương pháp Huấn luyện múa Cổ điển Châu Âu** | | | | | | |
| 1 | PPHL Múa Cổ điển Châu Âu 1  *(Nhập môn, Giới thiệu hệ thống chất liệu các động tác múa CĐCÂ)* | | + Tầm quan trọng của môn học phương pháp Huấn luyện Múa Cổ điển Châu Âu. Lịch sử Múa Cổ điển Châu Âu và ý nghĩa của nó trong Đào tạo và sáng tác tác phẩm, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điển ảnh, nhiệp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  + Nắm được kỹ năng biên luyện bài tập Huấn luyện phần trong gióng cho học sinh lớp nhỏ, kỹ năng dẫn lớp và kỹ năng xử lý âm nhạc tốc độ chậm phù hợp với năm thứ nhất.  + Nắm được những nguyên lý trong xây dựng bài tập Huấn luyện Múa Cổ điển Châu Âu. | 3 | Học kỳ I: Năm thứ 1  12 tuần (60 tiết)  - Lý thuyết: 15 tiết  - Thực hành: 40 tiết  - Thi học phần: 5 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 2 | PPHL Múa Cổ điển Châu Âu 2  *Phương pháp huấn luyện múa CĐCÂ 2:*  *(Phương pháp giảng dạy)* | | + Hoàn thành tốt công việc tổ chức, lên lớp, giảng dạy bộ môn múa CĐCÂ cho các lớp năm 1 và 2 của các trường đào tạo diễn viên múa Trung cấp hệ 7 năm, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điển ảnh, nhiệp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  + Nắm vững được những nguyên tắc, kỹ năng biên bài tập mục đích huấn luyện cho những lớp nhỏ.  **+** Bổ sung thêm những phần kiến thức mang tính tổng quát của ngành đào tạo, có tính chất lý thuyết định hướng. | 3 | Học kỳ II: Năm thứ 1  12 tuần (60 tiết)  - Lý thuyết: 15 tiết  - Thực hành: 40 tiết  - Thi học phần: 5 tiết  Điều kiện tiên quyết:  Học phần II phải học sau học phần I. | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| **Kết cấu múa Cổ điển Châu Âu** | | | | | | |
| 1 | Kết cấu múa  Cổ điển Châu Âu 2 | | + Trang bị cho sinh viên những kiến thức kết cấu (cốt lõi) của Nghệ thuật Biên đạo.  + Hình thức múa So lo, liên kết, móc nối các động tác múa với nhau.  + Ý, tình cảm, hình ảnh, tính cách của nhân vật.  + Tìm động tác có tính diễn cảm phục vụ cho ý.  + Học xong học phần này có khả năng dựng kết cấu hình thức múa Solo với tác phẩm âm nhạc từ 2 đến 3 phút. | 3 | Học kỳ I – Năm thứ 1  Thời gian: 12 Tuần  Lý thuyết và thực hành đan sen  (20 tiết LT + 40 TH)  Thi hết học phần 1 | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 2 | Kết cấu múa  Cổ điển Châu Âu 1 | | + Kết cấu hình thức múa Duo sinh viên đã có kiến thức, kĩ năng sáng tạo múa Solo.  + Trang bị cho sinh viên kiến thức về múa đôi (Duo) mối quan hệ tình cảm, tính cách, hình ảnh, tìm động tác biểu cảm  + Nhận thức về múa đối thoại (nói chuyện) thủ pháp Canon, tuyến và đội hình (vị trí đứng).  + Các khái niện về không gian Sân khấu, mặt sàn, góc độ, xử dụng động tác múa hòa điệu, phù hợp.  + Sinh viên được trang bị kiến thức về tạo hình, tương tác với nhau (bạn diễn) với không gian, tương tác với âm nhạc.  + Sinh viên thực hành xây dựng tiểu phẩm múa hình thức 2 người phù hợp với tác phẩm âm nhạc. | 3 | Học kỳ II: Năm thứ 2  Lý thuyết và thực hành đan sen  60 tiết LT + TH  Thi hết HP 2 | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 3 | Kết cấu múa  Cổ điển Châu Âu 3 | | + Sinh viên được trang bị kiến thức về tạo hình, tương tác với nhau (bạn diễn) với không gian, tương tác với âm nhạc.  + Trang bị cho sinh viên hiểu rõ các khái niệm thuật ngữ. Có kiến thức, kĩ năng sáng tác hình thức Trio.  + Sinh viên nắm bắt và thực hành kĩ năng sáng tạo múa 03 người, tạo hình, di chuyển, đội hình, vị trí đứng theo nguyên lý hình học, tam giác, cân, nhọn, vuông.  + Sinh viên có kiến thức về tư duy sáng tạo, tư duy tưởng tượng, hư cấu, ước lệ “nội” bên trong, “ngoại” bên ngoài, tìm động tác diễn tả cảm xúc.  + Trang bị cho sinh viên thủ pháp (cách thức tiến hành, tiếp cận) sáng tạo thủ pháp xử lý đạo cụ, tạo hình và tính tạo hình. | 3 | Học kỳ III: Năm thứ 2  Lý thuyết và thực hành đan sen  60 tiết (LT + TH)  Thi hết HP 3 | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 4 | Kết cấu múa  Cổ điển Châu Âu 4 | | + Học xong học phần này sinh viên có kiến thức về hình thức múa tập thể (đông người) tuyến múa, đội hình múa.  + Sinh viên có những kiến thức về phương pháp sáng tạo, thủ pháp múa đồng điệu, thủ pháp múa phức điệu (phức tạp).  + Trang bị cho sinh viên nắm bắt, thực hành các kĩ năng dàn dựng múa tập thể, cụm múa, mảng múa, phương pháp tạo luật động múa, phương pháp tương tác múa trong các hình thức tuyến và đội hình.  + Trang bị cho sinh viên những kiến thức về đoạn múa, phần múa, thủ pháp đoạn (cách sáng tạo của từng đoạn) ví dụ Andale và Allegro. Xử lý đạo cụ và không xử lý đạo cụ … | 3 | Học kỳ IV: Năm thứ 2  Lý thuyết và thực hành đan sen  60 tiết (LT + TH)  Thi hết HP 4 | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 5 | Kết cấu múa  Cổ điển Châu Âu 5 | | + Trang bị cho sinh viên những tư duy tưởng tượng, mô phỏng, mô tả, hư cấu ước lệ xây dựng ý tưởng nghệ thuật xuất phát từ ý tưởng của nội dung.  + Sinh viên có kiến thức và nhận thức rõ. Tư duy logic là bê phóng cho tư duy hình tượng (hình ảnh). Quá trình xây dựng Nghệ thuật trong tác phẩm .  + Trang bị cho sinh viên kiến thức xây dựng hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm múa. Sự thống nhất, logic của ý tưởng và sự liên kết, móc nối, tính thống nhất của nội dung và hình thức.  + Khơi gợi, hướng dẫn, gợi ý cho sinh viên tư duy tưởng tượng, tư duy hư cấu, xây dựng ý tưởng, hình tượng nghệ thuật thông qua ngôn ngữ động tác múa (phương tiện biểu hiện của tác phẩm múa). | 4 | Học kỳ V: Năm thứ 3  Lý thuyết và thực hành đan sen  60 tiết (LT + TH)  Thi hết HP 5 | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 6 | Kết cấu múa  Cổ điển Châu Âu 6 | | + Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức các hình thức kết cấu. Thể loại múa. (tác phẩm múa ngắn, thơ múa, tổ khúc…)  + Sinh viên có khả năng tư duy, sáng tạo độc lập bộc lộ được cá tính (riêng biệt) trong sáng tạo, tác phẩm Nghệ thuật bắt nguồn từ hiện thực + trở thành thông điệp, lăng kính sáng tạo của tác giả.  + Sinh viên có kỹ năng sáng tác theo thể loại thơ múa có ý tưởng lãng mạng, có chất thơ, có tính nhân văn, logic của ý tưởng và hình thức của ngôn ngữ động tác có tính chất biểu đạt.  + Trang bị cho sinh viên kiến thức và kĩ năng sáng tạo, dàn dựng tổ khúc múa (nhiều khúc múa) được sắp xếp, liên kết thống nhất về ý tưởng, hình ảnh, tính cách và ý đồ sáng tạo.  + Học xong môn học/ học phần này sinh viên có tri thức và kỹ năng làm việc nhóm, tương tác với đồng nghiệp, phát huy các thế mạnh cá nhân đồng sáng tạo để trở thành một chỉnh thể thống nhất trong sáng tạo.  - Xây dựng tính logic trong ý tưởng  - Xây dựng tính logic trong hình thức biểu hiện, diễn tả … | 4 | Học kỳ VI: Năm thứ 3  Lý thuyết và thực hành đan sen  60 tiết (LT + TH)  Thi hết môn | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| **Phương pháp Huấn luyện múa Hiện đại** | | | | | | |
| 1 | Phương pháp Huấn luyện Múa Hiện đại 1 | | - Nắm được lịch sử hình thành và phát triển múa hiện đại ở Việt Nam và thế giới, phân loại được các thể loại múa hiện đại. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điển ảnh, nhiệp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  - Khởi động cơ thể với các hình thức bài tập khác nhau và hệ thống bài tập trên mặt sàn.  - Môn học kết thúc sẽ là tiền đề, đặt nền móng cho sinh viên trở thành người giảng dạy bộ môn Huấn Luyện Múa Hiện Đại. | 2 | Lý thuyết và thực hành đan xen.  Lý thuyết: 10 tiết  Thực hành: 30 tiết  Thi học phần 1: 5 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 2 | Phương pháp Huấn luyện Múa Hiện đại 2 | | - Nắm được lịch sử hình thành và phát triển múa hiện đại ở Việt Nam và thế giới, phân loại được các thể loại múa hiện đại, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điển ảnh, nhiệp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  - Khởi động cơ thể với các hình thức bài tập khác nhau và hệ thống bài tập trên mặt sàn.  - Môn học kết thúc sẽ là tiền đề, đặt nền móng cho sinh viên trở thành người giảng dạy bộ môn Huấn Luyện Múa Hiện Đại. | 3 | Lý thuyết và thực hành đan xen.  Lý thuyết: 20 tiết  Thực hành: 35 tiết  Thi học phần 2: 5 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| **Múa Di sản Sân khấu truyền thống Việt Nam** | | | | | | |
| 1 | Múa Di sản SKTT | | - Nắm được hệ thống Múa cơ bản trong sân khấu Múa truyền thống, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điển ảnh, nhiệp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  - Nắm được kỹ thuật, kỹ năng Múa và kết hợp diễn xuất trong một số trích đoạn Múa mẫu trong sân khấu truyền thống Chèo, Tuồng.  - Hiểu rõ lịch sử, nguồn gốc Nghệ thuật Múa truyền thống Việt Nam. | 3 | Lý thuyết và thực hành đan xen.  Lý thuyết: 20 tiết  Thực hành: 40 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| **Lịch sử múa** | | | | | | |
| 1 | Lịch sử Múa | | - Mục tiêu kiến thức: Giới thiệu cho sinh viên tóm tắt lịch sử của Nghệ thuật Múa Việt Nam và lịch sử Múa thế giới.  - Mục tiêu kỹ năng: Bài viết về lịch sử múa Việt Nam và Thế giới.  - Mục tiêu ý thức: Nhận biết được các thành tựu cơ bản của nghệ thuật múa Việt Nam – Nghệ thuật múa Thế giới. |  | Môn học được chia làm 2 phần:  a. Lịch sử Múa VN: 30 tiết  b. Lịch sử Múa TG: 30 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |

**Ngành: Huấn luyện múa**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Kết cấu múa Dân gian dân tộc** | | | | | |
| 1 | Kết cấu múa  Dân gian dân tộc 1 | + Trang bị cho sinh viên những kiến thức kết cấu (cốt lõi) của Nghệ thuật Biên đạo.  + Hình thức múa So lo, liên kết, móc nối các động tác múa với nhau.  + Ý, tình cảm, hình ảnh, tính cách của nhân vật.  + Tìm động tác có tính diễn cảm phục vụ cho ý.  + Học xong học phần này sinh viên có khả năng dựng kết cấu hình thức múa Solo với tác phẩm âm nhạc từ 2 đến 3. | 3 | Học kỳ I – Năm thứ 1  Thời gian: 12 Tuần  Lý thuyết và thực hành đan sen  (20 tiết LT + 40 TH)  Thi hết học phần 1 | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 2 | Kết cấu múa  Dân gian dân tộc 2 | +Kết cấu hình thức múa Duo sinh viên đã có kiến thức, kĩ năng sáng tạo múa Solo, nhận thức  +Trang bị cho sinh viên kiến thức về múa đôi (Duo) mối quan hệ tình cảm, tính cách, hình ảnh, tìm động tác biểu cảm  +Nhận thức về múa đối thoại (nói chuyện) thủ pháp Canon, tuyến và đội hình (vị trí đứng).  +Các khái niện về không gian Sân khấu, mặt sàn, góc độ, xử dụng động tác múa hòa điệu, phù hợp.  + Sinh viên được trang bị kiến thức về tạo hình, tương tác với nhau (bạn diễn) với không gian, tương tác với âm nhạc.  + Sinh viên thực hành xây dựng tiểu phẩm múa hình thức 2 người phù hợp với tác phẩm âm nhạc. | 3 | Học kỳ II: Năm thứ 1  Lý thuyết và thực hành đan sen  60 tiết LT + TH  Thi hết HP 2 | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| **Phương pháp Huấn luyện Múa dân gian dân tộc** | | | | | |
| 1 | Phương pháp Huấn luyện Dân gian dân tộc 1  *(Nhập môn, hệ thống chất liệu các động tác múa)* | + Trang bị những kiến thức dạy Múa Dân gian dân tộc Việt Nam, nắm được những khái quát về đời sống Văn hóa Dân tộc Kinh, Mông. Sinh viên nắm được các nguyên tắc trong giảng dạy: 05 nguyên tắc tính cơ bản, tính dân tộc, tính khoa học, tính thẩm mỹ và tính biểu diễn. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điển ảnh, nhiệp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  + Bước đầu hiểu rõ và thực hiện kỹ năng trong dạy Múa Dân gian dân tộc, kỹ năng biên luyện bài tập (tổ hợp) đơn giản, làm thị phạm động tác.  + Sinh viên hiểu rõ trách nhiệm, tự đọc giáo trình Múa Dân gian dân tộc Kinh, Mông. Học phần này chủ yếu thực hiện nguyên tắc bảo đảm tính cơ bản, tính dân tộc. | 3 | Học kỳ I: Năm thứ 1  12 tuần (60 tiết)  - Lý thuyết: 15 tiết  - Thực hành: 40 tiết  - Thi học phần: 5 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 2 | Phương pháp huấn luyện múa DGDT 2  *Nguyên tắc dạy học múa).* | + Ôn luyện động tác Múa của dân tộc Tày, Mông, XTeng (Miền Trung Tây Nguyên) đảm bảo tính dân tộc, khoa học. Có khả năng biên luyện bài tập và thị phạm. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điển ảnh, nhiệp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN  + Thực hành biên luyện bài tập, thực hiện tốt các động tác Múa cơ bản, có khả năng sư phạm dẫn lớp.  + Biết phân tích quy cách động tác, tầm quan trọng của thực hiện giáo trình, nắm rõ tuyến múa đội hình múa. | 3 | Học Kỳ: II năm thứ 1  - Lý thuyết: 15 tiết  - Thực hành: 40 tiết  - Thi học phần: 5 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 3 | Phương pháp huấn luyện múa DGDT 3  *( Biên luyện bài tập)* | + Dạy múa phải đảm bảo tính thẩm mỹ, tính biểu diễn. Chú ý tình cảm khi thực hiện động tác, vẻ dẹp của đường nét, tư thế, cái hồn chứa đựng trong động tác.  + Thực hiện động tác đúng quy cách, đảm bảo tính cơ bản, dân tộc, khoa học và chú ý nhiều đén tính thẩm mỹ, biểu diễn để làm nổi bật phong cách Múa của từng Dân tộc.  + Tư duy khoa học có ý thức biên luyện bài tập linh hoạt, đội hình múa đa dạng, tuyến múa linh hoạt, tự hệ thống hóa động tác theo giáo trình. | 3 | Học kỳ III: Năm thứ 2  12 tuần (60 tiết)  - Lý thuyết: 15 tiết  - Thực hành: 40 tiết  - Thi học phần: 5 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 4 | Phương pháp huấn luyện múa DGDT 4  *( Phương pháp truyền đạt)* | + Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đời sống văn hoá, nắm vững hệ thống động tác các dân tộc: Dao, Cờ Ho, Ê Đê, Chăm, Khơ Me. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo Sân khấu - Điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  + Hướng dẫn sinh viên có kĩ năng thực hành chính xác quy cách động tác kết hợp với âm nhạc và thể hiện rõ tính chất, phong cách múa của các dân tộc: Dao, Cờ Ho, Ê Đê, Chăm, Khơ Me.  + Qua học múa dân gian dân tộc sinh viên có khả năng hiểu và phân biệt rõ đường nét, dáng vẻ, đặc trưng riêng của nghệ thuật múa từng dân tộc. | 3 | Học kỳ IV: Năm thứ 2  12 tuần (60 tiết)  - Lý thuyết: 15 tiết  - Thực hành: 40 tiết  - Thi học phần: 5 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 5 | Phương pháp huấn luyện múa DGDT 5  *( Những kỹ năng sư phạm)* | + Thực hiện các động tác múa trong hệ thống múa dân tộc Việt, ChămHơRoi, ÊĐê, KơTu, LôLô, KhMer thực hiện chuẩn xác về quy cách, tư thế, luật động múa của từng động tác.  + Thực hành múa các động tác theo giáo trình, kỹ năng dẫn lớp, kỹ năng quan sát, kỹ năng thị phạm.  + Nắm được những kiến thức về lý thuyết và thực hành dạy học. Nghiên cứu giáo trình đọc. | 3 | Học kỳ V: Năm thứ 3  12 tuần (60 tiết)  - Lý thuyết: 25 tiết  - Thực hành: 60 tiết  - Thi học phần: 5 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 6 | Phương pháp huấn luyện múa DGDT 6  *(Kỹ năng kỹ xảo về huấn luyện động tác múa)* | + Nắm vững hệ thống động tác cơ bản, có năng lực biên luyện các bài tập đi vào kỹ thuật, kỹ sảo các động tác.  + Thực hành dẫn lớp, biên luyện bài tập có mục đích huấn luyện kỹ thuật (ví dụ: Kỹ thuật của sức chân, mềm mại của thân trên).  + Nắm được những kiến thức về lý thuyết và thực hành dạy học, nắm vững phương pháp giảng dạy với 05 nguyên tắc. |  | Học kỳ VI: Năm thứ 3  12 tuần (90 tiết)  - Lý thuyết: 25 tiết  - Thực hành: 60 tiết  - Thi học phần: 5 tiết. | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 7 | Phương pháp huấn luyện múa DGDT 7  *( Hoàn thiện hệ thống Huấn luyện múa)* | + Có những hiểu biết cơ bản về đời sống Văn hóa của các dân tộc Chăm, KhơMe, Thái. Nắm vững hệ thống động tác và phân biệt rõ đường nét, phong cách múa của từng dân tộc. + Thị phạm đúng yếu lĩnh, quy cách, động tác, biên bài tập với nhiều hình thức: Ít người và đông người.  + Đọc giáo trình và thực hiện từng bước phương pháp sư phạm: Thị phạm và truyền đạt. |  | Học kỳ VII: Năm thứ 4  18 tuần (90 tiết)  - Lý thuyết: 25 tiết  - Thực hành: 60 tiết  - Thi học phần: 5 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| **Phương pháp Huấn luyện múa Cổ điển Châu Âu** | | | | | |
| 1 | PPHL Múa Cổ điển Châu Âu 1  *(Nhập môn, Giới thiệu hệ thống chất liệu các động tác múa CĐCÂ)* | + Tầm quan trọng của môn học phương pháp Huấn luyện Múa Cổ điển Châu Âu. Lịch sử Múa Cổ điển Châu Âu và ý nghĩa của nó trong Đào tạo và sáng tác tác phẩm, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điển ảnh, nhiệp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  + Nắm được kỹ năng biên luyện bài tập Huấn luyện phần trong gióng cho học sinh lớp nhỏ, kỹ năng dẫn lớp và kỹ năng xử lý âm nhạc tốc độ chậm phù hợp với năm thứ nhất.  + Nắm được những nguyên lý trong xây dựng bài tập Huấn luyện Múa Cổ điển Châu Âu. | 3 | Học kỳ I: Năm thứ 1  12 tuần (60 tiết)  - Lý thuyết: 15 tiết  - Thực hành: 40 tiết  - Thi học phần: 5 tiết  Điều kiện tiên quyết:  - Tốt nghiệp trung cấp múa | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 2 | PPHL Múa Cổ điển Châu Âu 2  *Phương pháp huấn luyện múa CĐCÂ 2:*  *(Phương pháp giảng dạy)* | + Hoàn thành tốt công việc tổ chức, lên lớp, giảng dạy bộ môn múa CĐCÂ cho các lớp năm 1 và 2 của các trường đào tạo diễn viên múa Trung cấp hệ 7 năm, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điển ảnh, nhiệp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  + Nắm vững được những nguyên tắc, kỹ năng biên bài tập mục đích huấn luyện cho những lớp nhỏ.  + Bổ sung thêm những phần kiến thức mang tính tổng quát của ngành đào tạo, có tính chất lý thuyết định hướng. | 3 | Học kỳ II: Năm thứ 1  12 tuần (60 tiết)  - Lý thuyết: 15 tiết  - Thực hành: 40 tiết  - Thi học phần: 5 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 3 | Phương pháp huấn luyện múa CĐCÂ 3  *(Biên luyện bài tập nhưng năm lớp nhỏ)* | + Trang bị kiến thức, kỹ năng đảm bảo cho việc lên lớp giảng dạy cho học sinh các lớp học của các trường trung cấp đào tạo diễn viên múa. Bộ môn múa CĐCÂ.  + Phương pháp biên soạn bài tập cùng chung mục đích huấn luyện; Chung mô hình bài tập.  + Phân biệt được từng nhóm hệ thống động tác có thể kết hợp với nhau thành nhóm; cao hơn nữa hiểu rõ nhóm bài tập có quan hệ với nhau để biên soạn các loại nhóm bài tập có chung mục đích huấn luyện. | 3 | Học kỳ III: Năm thứ 2  12 tuần (60 tiết)  - Lý thuyết: 15 tiết  - Thực hành: 40 tiết  - Thi học phần: 5 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 4 | Phương pháp huấn luyện múa CĐCÂ 4  *(Phương pháp truyền đạt)* | + Nắm chắc một số hệ thống động tác đã hoàn chỉnh các bước phát triển qua các học phần đã học như: Tendu – jeté … Fondu …  + Hiểu được những yếu tố quan trọng để củng cố và phát triển khả năng lỹ thuật cho các học phần tiếp theo: kỹ thuật quay nhỏ … nhảy … đồng thời lưu ý đến phong cách tổng hòa trong việc thực hiện kỹ thuật …  + Hoàn thành tốt nhiệm vụ của người giáo viên múa CĐCÂ cho học sinh các lớp từ năm học thứ nhất … đến năm học thứ tư (theo cấu tạo của học phần này). | 3 | Học kỳ IV: Năm thứ 2  12 tuần (60 tiết)  - Lý thuyết: 15 tiết  - Thực hành: 40 tiết  - Thi học phần: 5 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 5 | Phương pháp huấn luyện múa CĐCÂ 5  *( Những kỹ năng sư phạm)* | + Hiểu được đặc trưng các loại bài học – bài tập của các lớp học sinh sắp tốt nghiệp. Tính thẩm mỹ - tính biểu diễn – tính âm nhạc.  + Tổng quát chung được và quy tụ được các vấn đề thuộc về lý thuyết và kỹ năng nghiệp vụ theo hệ thống và theo quy luật phát triển qua các hệ thống động tác ngôn ngữ kỹ thuật.  + Hoàn thành được công việc của người giáo viên múa CĐCÂ cho các lớp học sinh năm thứ 1 đến năm cuối của các trường Trung cấp múa. | 4 | Học kỳ V: Năm thứ 3  15 tuần (75 tiết)  - Lý thuyết: 10 tiết  - Thực hành: 60 tiết  - Thi học phần: 5 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 6 | Phương pháp huấn luyện múa CĐCÂ 6  *(Kỹ năng về huấn luyện động tác múa kỹ thuật).* | + Nắm vững hệ thống động tác cơ bản, có năng lực biên luyện các bài tập đi vào kỹ thuật, kỹ sảo các động tác.  Tổng kết được những hệ thống động tác kỹ thuật chủ yếu theo từng bước phát triển.  + Biên soạn và hiểu được phương pháp kết cấu những loại bài tập phức tạp: Adagio lớn – Mở đầu – kết thúc …  + Đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy cho học sinh năm học cuối trường Trung cấp bộ môn Múa CĐCÂ. | 4 | Học kỳ VI: Năm thứ 3  15 tuần (75 tiết)  - Lý thuyết: 10 tiết  - Thực hành: 60 tiết  - Thi học phần: 5 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 7 | Phương pháp huấn luyện múa CĐCÂ 7  *(Hoàn thiện hệ thống Huấn luyện múa. Cách thức xây dựng kết cấu chương trình thi tốt nghiệp)* | + Học phần này hỗ trợ cho sinh viên kiến thức để có thể tự mình hoàn thiện công việc giảng dạy cho các học sinh các lớp tốt nghiệp.  + Thông qua biên soạn bài tập ở học phần này vấn đề cảm thụ và xử lý âm nhạc của sinh viên sẽ được nần lên cho thích hợp với yêu cầu giảng dạy, biên soạn bài tập huấn luyện theo hình thức kết cấu âm nhạc.  + Sinh viên có thể chủ động tiếp cận với những phương pháp thúc đẩy và phát triển những yếu tố kỹ thuật và nghệ thuật cho học sinh của mình. | 6 | Học kỳ VII: Năm thứ 4  18 tuần (90 tiết)  - Lý thuyết: 20 tiết  - Thực hành: 65 tiết  - Thi học phần: 5 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| **Kết cấu múa Cổ điển Châu Âu** | | | | | |
| 1 | Kết cấu múa  Cổ điển Châu Âu 1 | + Trang bị cho sinh viên những kiến thức kết cấu (cốt lõi) của Nghệ thuật Biên đạo.  + Hình thức múa So lo, liên kết, móc nối các động tác múa với nhau.  + Ý, tình cảm, hình ảnh, tính cách của nhân vật.  + Tìm động tác có tính diễn cảm phục vụ cho ý.  + Học xong học phần này sinh viên có khả năng dựng kết cấu hình thức múa Solo với tác phẩm âm nhạc từ 2s đến 3. | 3 | Học kỳ I – Năm thứ 1  Thời gian: 12 Tuần  Lý thuyết và thực hành đan sen  (20 tiết LT + 40 TH)  Thi hết học phần 1 | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 2 | Kết cấu múa  Cổ điển Châu Âu 2 | + Kết cấu hình thức múa Duo sinh viên đã có kiến thức, kĩ năng sáng tạo múa Solo, nhận thức  + Trang bị cho sinh viên kiến thức về múa đôi (Duo) mối quan hệ tình cảm, tính cách, hình ảnh, tìm động tác biểu cảm  + Nhận thức về múa đối thoại (nói chuyện) thủ pháp Canon, tuyến và đội hình (vị trí đứng).  + Các khái niện về không gian Sân khấu, mặt sàn, góc độ, xử dụng động tác múa hòa điệu, phù hợp.  + Sinh viên được trang bị kiến thức về tạo hình, tương tác với nhau (bạn diễn) với không gian, tương tác với âm nhạc.  + Sinh viên thực hành xây dựng tiểu phẩm múa hình thức 2 người phù hợp với tác phẩm âm nhạc. | 3 | Học kỳ II: Năm thứ 1  Lý thuyết và thực hành đan sen  60 tiết LT + TH  Thi hết HP 2 | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| **Múa Di sản Sân khấu truyền thống** | | | | | |
| 1 | Múa Di sản SKTT | - Nắm được hệ thống Múa cơ bản trong sân khấu Múa truyền thống, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điển ảnh, nhiệp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  - Nắm được kỹ thuật, kỹ năng Múa và kết hợp diễn xuất trong một số trích đoạn Múa mẫu trong sân khấu truyền thống Chèo, Tuồng  - Hiểu rõ lịch sử, nguồn gốc Nghệ thuật Múa truyền thống Việt Nam. | 3 | Lý thuyết và thực hành đan xen.  Lý thuyết: 20 tiết  Thực hành: 40 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| **Phương pháp Huấn luyện Múa Hiện đại** | | | | | |
| 1 | Phương pháp Huấn luyện Múa Hiện đại 1 | - Nắm được lịch sử hình thành và phát triển múa hiện đại ở Việt Nam và thế giới, phân loại được các thể loại múa hiện đại. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điển ảnh, nhiệp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  - Khởi động cơ thể với các hình thức bài tập khác nhau và hệ thống bài tập trên mặt sàn.  - Môn học kết thúc sẽ là tiền đề, đặt nền móng cho sinh viên trở thành người giảng dạy bộ môn Huấn Luyện Múa Hiện Đại. | 2 | Lý thuyết và thực hành đan xen.  Lý thuyết: 10 tiết  Thực hành: 30 tiết  Thi học phần 1: 5 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 2 | Phương pháp Huấn luyện Múa Hiện đại 2 | - Nắm được lịch sử hình thành và phát triển múa hiện đại ở Việt Nam và thế giới, phân loại được các thể loại múa hiện đại, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điển ảnh, nhiệp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  - Khởi động cơ thể với các hình thức bài tập khác nhau và hệ thống bài tập trên mặt sàn.  - Môn học kết thúc sẽ là tiền đề, đặt nền móng cho sinh viên trở thành người giảng dạy bộ môn Huấn Luyện Múa Hiện Đại. | 3 | Lý thuyết và thực hành đan xen.  Lý thuyết: 20 tiết  Thực hành: 35 tiết  Thi học phần 2: 5 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 3 | Phương pháp Huấn luyện Múa Hiện đại 3 | - Sinh viên phải nắm được những kiến thức, những khái niệm cơ bản về nền nghệ thuật múa đương đại, hiểu và làm đúng những yếu lĩnh động tác múa theo các hệ thống giáo trình được giảng dạy. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điển ảnh, nhiệp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  - Kỹ thuật thả lỏng cơ bắp, các tầng không gian sân khấu và các tạo hình sân khấu hiện đại.  - Môn học kết thúc sẽ là tiền đề, đặt nền móng cho sinh viên trở thành người giảng dạy bộ môn Huấn Luyện Múa Hiện Đại, hiểu được những khó khăn, vất vả và nuôi dưỡng những ước mơ trở thành nhà Huấn Luyện múa trong tương lai, có đầy đủ bản lĩnh, tri thức và là người hữu ích cho xã hội để phục vụ nhân dân, phục vụ tổ quốc. | 3 | Lý thuyết và thực hành đan xen.  Lý thuyết: 20 tiết  Thực hành: 35 tiết  Thi học phần 3: 5 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 4 | Phương pháp Huấn luyện Múa Hiện đại 4 | - Sinh viên phải nắm được những kiến thức, những khái niệm cơ bản về nền nghệ thuật múa đương đại, hiểu và làm đúng những yếu lĩnh động tác múa theo các hệ thống giáo trình được giảng dạy. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điển ảnh, nhiệp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  - Xử lý cơ bắp trong các luật động rơi, kéo, chảy của cơ thể.  - Môn học kết thúc sẽ là tiền đề, đặt nền móng cho sinh viên trở thành người giảng dạy bộ môn Huấn Luyện Múa Hiện Đại, hiểu được những khó khăn, vất vả và nuôi dưỡng những ước mơ trở thành nhà Huấn Luyện múa trong tương lai, có đầy đủ bản lĩnh, tri thức và là người hữu ích cho xã hội để phục vụ nhân dân, phục vụ tổ quốc.  - Phân biệt được động tác múa đã có và các động tác, tạo hình múa mới tìm ra, biết phát triển động tác và tạo hình múa theo ý tưởng mới mang tính hình tượng múa. | 3 | Lý thuyết và thực hành đan xen.  Lý thuyết: 20 tiết  Thực hành: 35 tiết  Thi học phần 4: 5 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 5 | Phương pháp Huấn luyện Múa Hiện đại 5 | - Sinh viên phải nắm được những kiến thức, những khái niệm cơ bản về nền nghệ thuật múa đương đại, hiểu và làm đúng những yếu lĩnh động tác múa theo các hệ thống giáo trình được giảng dạy. Phân biệt được động tác múa đã có và các động tác, tạo hình múa mới tìm ra, biết phát triển động tác và tạo hình múa theo ý tưởng mới mang tính hình tượng múa. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điển ảnh, nhiệp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  - Biết cách tìm được động tác chính, các động tác phụ và liờn kết chúng lại tạo thành chuỗi tổ hợp múa có luật động mang tính lo gic, hợp lý, mới mẻ… Có khả năng độc lập tư duy, tìm kiếm, sáng tạo, tạo ra các động tác kỹ thuật, kỹ xảo múa mới mang giá trị thực tiễn cho sự phát triển của ngành Múa nước nhà.  - Môn học kết thúc sẽ là tiền đề, đặt nền móng cho sinh viên trở thành người giảng dạy bộ môn Huấn Luyện Múa Hiện Đại. | 3 | Lý thuyết và  thực hành đan xen.  Lý thuyết: 20 tiết  Thực hành: 35 tiết  Thi học phần 5: 5 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 6 | Phương pháp Huấn luyện Múa Hiện đại 6 | - Sinh viên phải nắm được những kiến thức, những khái niệm cơ bản về nền nghệ thuật múa đương đại, hiểu và làm đúng những yếu lĩnh động tác múa theo các hệ thống giáo trình được giảng dạy. Phân biệt được động tác múa đã có và các động tác, tạo hình múa mới tìm ra, biết phát triển động tác và tạo hình múa theo ý tưởng mới mang tính hình tượng múa. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điển ảnh, nhiệp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  - Biết cách tìm được động tác chính, các động tác phụ và liờn kết chúng lại tạo thành chuỗi tổ hợp múa có luật động mang tính lo gic, hợp lý, mới mẻ… Có khả năng xây dựng một chương trình múa Hiện Đại bằng ngôn ngữ của cơ thể hoặc kết hợp các đạo cụ nhằm truyền tải những ý tưởng của chương trình đã đề ra. Có khả năng độc lập tư duy, tìm kiếm, sáng tạo, tạo ra các động tác kỹ thuật, kỹ xảo múa mới mang giá trị thực tiễn cho sự phát triển của ngành Múa nước nhà.  - Môn học kết thúc sẽ là tiền đề, đặt nền móng cho sinh viên trở thành người giảng dạy bộ môn Huấn Luyện Múa Hiện Đại. | 3 | Lý thuyết và thực hành đan xen.  Lý thuyết: 20 tiết  Thực hành: 35 tiết  Thi học phần 5: 5 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 7 | Phương pháp Huấn luyện Múa Hiện đại 7 | - Sinh viên phải nắm được những kiến thức, những khái niệm cơ bản về nền nghệ thuật múa đương đại, hiểu và làm đúng những yếu lĩnh động tác múa theo các hệ thống giáo trình được giảng dạy. Phân biệt được động tác múa đã có và các động tác, tạo hình múa mới tìm ra, biết phát triển động tác và tạo hình múa theo ý tưởng mới mang tính hình tượng múa. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điển ảnh, nhiệp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  - Biết cách tìm được động tác chính, các động tác phụ và liên kết chúng lại tạo thành chuỗi tổ hợp múa có luật động mang tính lo gic, hợp lý, mới mẻ… Có khả năng độc lập tư duy, tìm kiếm, sáng tạo, tạo ra các động tác kỹ thuật, kỹ xảo múa mới mang giá trị thực tiễn cho sự phát triển của ngành Múa nước nhà.  - Môn học kết thúc sẽ là tiền đề, đặt nền móng cho sinh viên trở thành người giảng dạy bộ môn Huấn Luyện Múa Hiện Đại, hiểu được những khó khăn, vất vả và nuôi dưỡng những ước mơ trở thành nhà Huấn Luyện múa trong tương lai, có đầy đủ bản lĩnh, tri thức và là người hữu ích cho xã hội để phục vụ nhân dân, phục vụ tổ quốc. |  | Lý thuyết và  thực hành đan xen.  Lý thuyết: 20 tiết  Thực hành: 35 tiết  Thi học phần 5: 5 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| **Lịch sử Múa** | | | | | |
| 1 | Lịch sử Múa | - Mục tiêu kiến thức: Giới thiệu cho sinh viên tóm tắt lịch sử của Nghệ thuật Múa Việt Nam và lịch sử Múa thế giới.  - Mục tiêu kỹ năng: Bài viết về lịch sử múa Việt Nam và Thế giới.  - Mục tiêu ý thức: Nhận biết được các thành tựu cơ bản của nghệ thuật múa Việt Nam – Nghệ thuật múa Thế giới. |  | Môn học  được chia làm 2 phần:  a. Lịch sử Múa VN: 30 tiết  b. Lịch sử Múa TG: 30 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |

**Chuyên ngành: Biên đạo múa đại chúng**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nghệ thuật Biên đạo** | | | | | | | | | |
| 1 | Nghệ thuật  Biên đạo 1 | | + Sinh viên nắm được những kiến thức cốt lõi, căn bản về sáng tác múa, hình thức múa ít người, thể loại dàn dựng múa phụ họa, minh họa (ca khúc có lời).  + Sáng tạo chủ động thông qua ca từ, lựa chọn hình ảnh điển hình, tính cách, tình cảm, thống nhất từ đầu đến kết thúc.  + Trang bị cho sinh viên những nhận biết, lựa chọn đạo cụ, hình thức xử lý đạo cụ, sự hóa thân của đạo cụ có ý nghĩa mới  + Sinh viên nhận thức được sáng tạo là quá trình tìm kiếm phương tiện biểu hiện được cụ thể hóa bằng động tác múa, luật động múa, tạo hình múa.  + Trang bị cho sinh viên sáng tác câu múa, đoạn múa (phần múa) thay đổi cách dựng của từng đoạn (từng phần) tổ hợp múa thẩm mỹ, tổ hợp múa truyền tải nội dung. |  | | Học kỳ V: Năm thứ 3  12 tuần (60 tiết)  20 tiết LT + 40 tiết TH  Đan sen giữa lý thuyết  và thực hành.  Thi hết học phần 1 | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% | |
| 2 | Nghệ thuật  Biên đạo 2 | | + Trang bị cho sinh viên những kỹ năng sáng tác, hình thức múa tập thể (đông người) với tác phẩm âm nhạc viết cho múa (khí nhạc).  + Sinh viên nắm bắt và thực hành sáng tác, thủ pháp múa đồng điệu (cùng múa). Thủ pháp múa Canon (đuổi nhau) thủ pháp múa phức điệu (phức tạp).  + Trang bị cho sinh viên những kỹ năng tìm tạo hình, lưu lại thời gian nhất định, tạo được dấu ấn trong tác phẩm.  + Sinh viên có kỹ năng dàn dựng theo tuyến múa, đội hình múa (Điểm dựng lại) vị trí đứng của diễn viên trong đội hình, được sắp xếp của ý tưởng nghệ thuật. |  | | Học kỳ VI: Năm thứ 3  12 tuần (60 tiết)  20 tiết LT + 40 tiết TH  Thi hết học phần 2 | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% | |
| 3 | Nghệ thuật  Biên đạo 3 | | + Môn học kết thúc sẽ là tiền đề, đặt nền móng căn bản của người sáng tạo, sinh viên có năng thực hành dàn dựng với đầy đủ kiến thức: Múa ít người, múa đông người.  + Biết tìm mo túy chính, động tác chính mang tính diễn cảm, biểu hiện và các động tác bổ trợ, lien kết mang theo được ý + ý thành ý tưởng, Nội dung của tác phẩm.  + Trang bị cho sinh viên những kỹ năng xử lý đạo cụ, xử lý đạo cụ như là một thủ pháp sáng tạo, xử lý như giá trị nội tại (hiện thực khách quan). Xử lý theo giá trị vận động, mới, lạ, (chủ quan sags tạo).  + Phương pháp tư duy bằng ngôn ngữ cơ thể, kỹ năng dàn dựng, kỹ năng mềm, ứng tác, xử lý mọi tình huống bằng phương tiện nghệ thuật, thủ pháp. |  | | Học kỳ VII: Năm thứ 4  12 tuần (60 tiết)  20 tiết LT + 40 tiết TH    Thi hết môn | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% | |
| **Kết cấu múa Dân gian dân tộc** | | | | | | | | | |
| 1 | Kết cấu múa Dân gian dân tộc 1 | | + Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu, cốt lõi về sáng tác, hiểu và thực hành xây dựng bài tập theo hình thức kết cấu múa tập thể. Âm nhạc có lời (ca khúc).  + Sinh viên dàn dựng được tiểu phẩm múa, có ý tưởng, được thể hiện bằng động tác múa, luật động, tuyến múa, tạo hình múa.  + Học xong học phần này sinh viên có kỹ năng tư duy sáng tạo, lựa tìm hình ảnh điển hình, tình cảm, tính cách đặc trưng, cốt lõi thông qua ca từ (lời ca khúc).  + Sinh viên độc lập sáng tạo, tìm môtúy chủ đạo, động tác lien kết, tìm động tác có tính diễn cảm. mô phỏng, mô tả biểu hiện. |  | | Học kỳ V: Năm thứ 3  12 tuần (60 tiết)  Đan sen lý thuyết + Thực Hành  Thi hết học phần 1 | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% | |
| 2 | Kết cấu múa Dân gian dân tộc 2 | | + Học xong học phần này sinh viên có được những kiến thức kết cấu muavới nhiều hình thức: Solo, Duo, Trio, có kỹ năng thực hành dàn dựng trực tiếp sáng tạo, xây dựng bài tập thực hành.  + Trang bị cho sinh viên những kỹ năng tư duy, tưởng tượng, hư cấu xây dựng ý tưởng, tìm động tác biểu hiện. Có những kiến thức về kết cấu dựng múa minh họa, phụ họa.  + Sinh viên có kỹ năng thực hiện bài tập, lien kết, móc nối động tác múa, logic với quy luật, luật động, hợp lý, hài hóa có những thủ pháp dàn dựng Canon, đồng điệu, phức điệu. | 3 | | Học kỳ VI: Năm thứ 3  12 tuần (60 tiết)  Lý thuyết và thực hành đan sen  Thi hết học phần 2 | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% | |
| 3 | Kết cấu múa Dân gian dân tộc 3 | | + Sinh viên được trang bị những kiến thức xây dựng tổ khúc múa (nhiều khúc múa được nối với nhau). Kỹ năng xử lý đạo cụ, tự do sáng tạo và phát huy vai trò của đạo cụ trong tác phẩm múa.  + Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi các hình kết cấu trong các chương trình sự kiện, lễ hội. Hình thức mang tính đồng diễn, mảng, khối, cụm múa mô phỏng và các xử lý đạo cụ, giá trị nội tại và hóa thân, biến hình của đạo cụ có những giá trị, ý nghĩa mới.  + Học xong học phần này sinh viên có đầy đủ những nhận biết và kỹ năng thực hành sáng tạo, các hình thức kết cấu, các thể loại múa, với đa dạng phương pháp tiếp cận khi sáng tạo. | 3 | | Học kỳ VII: Năm thứ 4  12 tuần (60 tiết)  Lý thuyết và thực hành đan sen  Thi hết môn | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% | |
| **Múa Dân gian dân tộc**. | | | | | | | | | |
| 1 | Múa dân gian dân tộc 1  *(Nhập môn, hệ thống động tác các dân tộc: Kinh, H’Mông, Lô Lô,Tày, Xơ Đăng)* | | + Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đời sống văn hoá, nắm vững hệ thống động tác các dân tộc: Kinh, H’Mông, Lô Lô,Tày, Xơ Đăng. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo Sân khấu - Điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  + Hướng dẫn sinh viên có kĩ năng thực hành chính xác quy cách động tác kết hợp với âm nhạc và thể hiện rõ tính chất, phong cách múa của các dân tộc: Kinh, H’Mông, Lô Lô,Tày, Xơ Đăng.  + Qua học múa dân gian dân tộc sinh viên có khả năng hiểu và phân biệt rõ đường nét, dáng vẻ, đặc trưng riêng của nghệ thuật múa từng dân tộc. | 3 | | Học kỳ I Năm thứ nhất  12 tuần (60 tiết)  - Lên lớp : 5 tiết  - Thực hành: 50 tiết  - Thi học phần: 5 tiết | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% | |
| 2 | Múa Dân gian dân tộc 2  *(Hệ thống động tác các dân tộc : Kinh, Lô Lô,Tày, Thái, Cor, Bana)* | | **+** Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đời sống văn hoá, nắm vững hệ thống động tác các dân tộc: Kinh, Lô Lô,Tày, Thái, Cor, Bana. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo Sân khấu - Điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  + Hướng dẫn sinh viên có kĩ năng thực hành chính xác quy cách động tác kết hợp với âm nhạc và thể hiện rõ tính chất, phong cách múa của các dân tộc: Kinh, Lô Lô,Tày, Thái, Cor, Bana  + Qua học múa dân gian dân tộc sinh viên có khả năng hiểu và phân biệt rõ đường nét, dáng vẻ, đặc trưng riêng của nghệ thuật múa từng dân tộc. | 3 | | Học kỳ II - Năm thứ nhất  12 tuần (60 tiết)  - Lên lớp : 5 tiết  - Thực hành: 50 tiết  - Thi học phần: 5 tiết | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% | |
| 3 | Múa Dân gian dân tộc 3  *(Hệ thống động tác các dân tộc : Kinh, Thái, Khơ Mú, Cao Lan, Gia Rai)* | | + Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đời sống văn hoá, nắm vững hệ thống động tác các dân tộc: Kinh, Thái, Khơ Mú, Cao Lan, Gia Rai. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo Sân khấu - Điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  + Hướng dẫn sinh viên có kĩ năng thực hành chính xác quy cách động tác kết hợp với âm nhạc và thể hiện rõ tính chất, phong cách múa của các dân tộc: Kinh, Thái, Khơ Mú, Cao Lan, Gia Rai  + Qua học múa dân gian dân tộc sinh viên có khả năng hiểu và phân biệt rõ đường nét, dáng vẻ, đặc trưng riêng của nghệ thuật múa từng dân tộc. | 3 | | Học kỳ II - Năm thứ nhất  12 tuần (60 tiết)  - Lên lớp : 5 tiết  - Thực hành: 50 tiết  - Thi học phần: 5 tiết | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% | |
| 4 | Múa Dân gian dân tộc 4  *(Hệ thống động tác các dân tộc : Dao, Cờ Ho, Ê Đê, Chăm, Khơ Me)* | | + Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đời sống văn hoá, nắm vững hệ thống động tác các dân tộc: Dao, Cờ Ho, Ê Đê, Chăm, Khơ Me. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo Sân khấu - Điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  + Hướng dẫn sinh viên có kĩ năng thực hành chính xác quy cách động tác kết hợp với âm nhạc và thể hiện rõ tính chất, phong cách múa của các dân tộc: Dao, Cờ Ho, Ê Đê, Chăm, Khơ Me.  + Qua học múa dân gian dân tộc sinh viên có khả năng hiểu và phân biệt rõ đường nét, dáng vẻ, đặc trưng riêng của nghệ thuật múa từng dân tộc. |  | | Học kỳ II - Năm thứ nhất  12 tuần (60 tiết)  - Lên lớp : 5 tiết  - Thực hành: 50 tiết  - Thi học phần: 5 tiết | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% | |
| **Múa Cổ điển Châu Âu** | | | | | | | | | |
| 1  2 | Múa Cổ điển Châu Âu 1  *(Nhập môn, Những kiến thức khái quát về múa CĐCÂ. Những kĩ năng, động tác, tổ hợp, bài tập của Múa CĐCÂ dành cho sinh viên năm thứ nhất).*  Múa Cổ điển  Châu Âu 2  *(Phát triển sự khéo léo bằng cánh nhắc lại những bài học đã qua với sự tăng cường số lượng và tốc độ nhanh hơn các động tác cơ bản đã được học ở kỳ I. Hệ thống các động tác cơ bản)* | | + Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về múa cổ điển Châu Âu. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo Sân khấu - Điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **+** Hướng dẫn sinh viên có kĩ năng thực hành chính xác quy cách động tác kết hợp với âm nhạc và làm quen với các động tác cơ bản phần bài tập trong gióng. Các bài tập luyện thăng bằng ngoài gióng. Luyện sức bật cho bàn chân, các bài tập nhảy từ hai chân xuống hai chân.  + Tầm quan trọng của môn học Múa Cổ điển Châu Âu nhằm trang bị cho sinh viên các kĩ năng kĩ thuật cơ bản của một diễn viên múa Cổ điển Châu âu.  + Nắm vững hệ thống các động tác đã học và làm chủ được trọng tâm. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo Sân khấu - Điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  + Nắm được kỹ năng cơ bản phần bài tập trong gióng, ổn định thăng bằng cho phần bài tập ngoài gióng, luyện sức bật cho phần Allegro. Tiếp tục luyện tập các bài tập cơ bản rèn luyện độ mở, độ dẻo, sức khống chế, sức nén…  + Tầm quan trọng của môn học Múa Cổ điển Châu Âu nhằm trang bị cho sinh viên các kĩ năng kĩ thuật cơ bản của một diễn viên múa. | 3 | | Học kỳ I - Năm thứ nhất.  Thời gian: 12 tuần.  Phân bổ số tiết:  - Thực hành:55 tiết  - Thi học phần: 5 tiết  Kỳ học : Học kỳ II năm thứ nhất.  Thời gian: 12 tuần.  Phân bổ số tiết:  - Thực hành:55 tiết  -Thi học phần: 5 tiết | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60%  ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% | |
| 3 | Múa Cổ điển Châu Âu 3  *(Hệ thống các động tác cơ bản của học phần 3).* | | + Tiếp tục phát triển hệ thống các động tác cơ bản của Múa Cổ điển Châu Âu. Củng cố lại những động tác kỹ thuật từ những học phần trước. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo Sân khấu - Điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  + Nắm được kỹ năng cơ bản phần bài tập trong gióng, ổn định thăng bằng cho phần bài tập ngoài gióng, luyện sức bật cho phần Allegro, độ xoạc, độ xé, sức khống chế của sinh viên, luyện các kỹ năng quay nhỏ, các bước chuẩn bị quay lớn với âm nhạc phù hợp dành cho năm thứ hai. Phát triển bài tập ở các phương hướng, nâng cao kĩ thuật động tác, phức.  + Tầm quan trọng của môn học Múa Cổ điển Châu Âu nhằm trang bị cho sinh viên các kĩ năng kĩ thuật | 3 | |  | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% | |
| 4 | Múa Cổ điển Châu Âu 4  (*Phát triển sự khéo léo bằng cánh nhắc lại những bài học đã qua với sự tăng cường số lượng và tốc độ nhanh hơn các động tác cơ bản đã học.Cung cấp hệ thống các động tác cơ bản của học phần 4).* | | + Tiếp tục phát triển hệ thống các động tác cơ bản của Múa Cổ điển Châu Âu.Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành.  \* Nắm được kỹ năng cơ bản phần bài tập trong gióng, phát triển bài tập ở các phương hướng trên ½ bàn chân.  \* Ổn định thăng bằng cho phần bài tập ngoài gióng, kết hợp các kĩ thuật quay nhỏ, quay lớn cho từng phần bài tập. Phát triển phương hướng Croise, Efface, En Tournant.  \* Phát triển phần Adagio, luyện sức khống chế, sự thăng bằng của chân dưới các hình thức .  \* Luyện sức bật cho phần Allegro, độ xoạc, độ xé, sức khống chế của sinh viên, luyện các kỹ năng quay nhỏ, quay lớn với âm nhạc phù hợp dành cho năm thứ hai.  + Tầm quan trọng của môn học Múa Cổ điển Châu Âu nhằm trang bị cho | 3 | | Học kỳ II - Năm thứ hai.  Thời gian: 12 tuần.  Phân bổ số tiết:  - Thực hành:55 tiết  - Thi học phần: 5 tiết | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% | |
| **Múa Hiện đại** | | | | | | | | | |
| 1 | Múa Hiện đại 1  *(Nhập môn, Những kiến thức khái quát về múa Hiện Đại. Những kĩ năng, động tác, tổ hợp, giải phóng cơ thể dành cho học phần 1).* | **+** Nắm được lịch sử hình thành và phát triển múa hiện đại ở Việt Nam và thế giới. Khởi động cơ thể với các hình thức bài tập khác nhau và hệ thống bài tập trên mặt sàn. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo Sân khấu - Điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  + Các hình thức khởi động, làm nóng từng phần cơ thể với các dạng bài tập khác nhau và hệ thống bài tập cảm nhận mặt sàn.  **+** Môn học kết thúc sẽ là tiền đề, đặt nền móng cho sinh viên nắm được. | | |  | | Học kỳ I - Năm thứ nhất.  Thời gian: 12 tuần . (60 tiết)  Phân bổ số tiết:  - Thực hành:55 tiết  -Thi học phần: 5 tiết | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 2 | Múa Hiện đại 2  (*Củng cố, nối tiếp các động tác kỹ thuật đã được học đồng thời cung cấp các phương pháp cảm nhận không gian, lực, mặt sàn của học phần 2 cho sinh viên).* | + Phân định được các động tác theo hình học không gian. Cảm nhận cơ thể của bản thân và của đối tượng được tương tác. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo Sân khấu - Điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **+** Các luật động cơ thể theo hình học và hệ thống bài tập cảm nhận mặt sàn, tương tác với đối tượng cụ thể. Nhuần nhuyễn các kĩ thuật động tác: lăn, trườn, lộn, thấm.... trên các thể loại âm nhạc khác nhau và phương hướng khác nhau.  + Môn học kết thúc sẽ là tiền đề, đặt nền móng cho sinh viên nắm được các | | | 3 | | Học kỳ II - Năm thứ nhất.  Thời gian: 12 tuần.  Phân bổ số tiết:  - Thực hành:55 tiết  - Thi học phần: 5 tiết | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 3 | Múa Hiện đại 3  *(Hệ thống các động tác cơ bản của học phần 3).* | + Tiếp tục phát triển hệ thống các động tác, sự tương tác, trọng lượng cơ thể. Cảm nhận không gian và các phương pháp tương tác khác nhau. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo Sân khấu - Điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  + Hiểu và vận dụng các cách thức thả lỏng cơ thể, cách dùng sức, phân bổ lực trong Múa Hiện đại. Tiếp tục hoàn thiện các kĩ năng, kĩ thuật của Múa Hiện đại thạt nhuần nhuyễn. Biết các phối hợp, tương tác với bạn diễn và làm việc theo nhóm. Phát triển các kĩ thuật cá nhân trên mọi hướng và ở các tầng bậc không gian khác nhau.  + Môn học kết thúc sẽ là tiền đề, đặt nền móng cho sinh viên nắm được các chất liệu, kiến thức của múa Hiện Đại. | | |  | | Học kỳ I - Năm thứ hai.  Thời gian: 12 tuần.  Phân bổ số tiết:  - Thực hành:55 tiết  -Thi học phần: 5 tiết  Điều kiện tiên quyết:  -Đạt yêu cầu của học phần 1 và học phần | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| **Kết cấu múa nước ngoài** | | | | | | | | | |
| 1 | Kết cấu múa nước ngoài 1  *Nhập môn: Giới thiệu về kết cấu*  *múa. Ngôn ngữ múa.* | + Nắm được quy luật động tác Múa, Mô tuýp chủ đạo, câu Múa, đoạn Múa và tính chất sắc thái âm nhạc. Sinh viên nắm được kết cấu múa 1 người trong tác phẩm múa ngắn ít người, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điển ảnh, nhiệp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  + Nắm được kỹ năng xây dựng tổ hợp Múa, mô tuýp Múa chủ đạo và phát triển nó thành câu Múa, đoạn Múa.  + Hiểu rõ tầm quan trọng của kết cấu. Kết cấu Múa Cổ điển Châu Âu, kết cấu múa hiện đại và các hình thức kết cấu trong tác phẩm Múa. | | | 3 | | Học kì I - Năm thứ nhất  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lý thuyết: 15 tiết  - Thực hành: 40 tiết  - Thi học phần: 5 tiết | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 2 | Kết cấu múa Nước ngoài 2  *(Phương pháp xây dựng kịch bản phân cảnh và sáng tạo chuyển động)* | + Sinh viên nắm được kết cấu múa 2 người trong tác phẩm Múa ngắn, Múa Solo, Duo và Trio trong kết cấu Múa cổ điển châu Âu. Múa 2 người còn có tên gọi Pas de deux và cấu trúc của nó, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điển ảnh, nhiệp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế”  **+** Biên soạn một kết cấu đơn và đôi hoàn cảnh tư tưởng kịch bản Múa với Âm nhạc có sắc thái, tính chất khác nhau từ 2 – 4 phút.  + Sinh viên nắm được việc chuyển hóa từ ý tưởng của người sáng tạo thành kịch bản Văn học và từ đó được xây dựng chuyển sang ý múa, kịch bản mang tính hình tượng Múa có nội dung và chủ đề. | | | 4 | | Học kì II - Năm thứ nhất  Thời gian: 15 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lý thuyết: 20 tiết  - Thực hành: 50 tiết  - Thi học phần: 5 tiết | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 3 | Kết cấu múa Nước ngoài 3  *(Cách thức biên tập âm nhạc, xây dựng tổ khúc múa)* | **+** Nắm được kiến thức kết cấu Múa đồng điệu và phức điệu. Đồng điệu trong phức điệu. Phức điệu của phức điệu.  Cách thức xây dựng tổ hợp múa hình thức đông người. Liên kết, kết cấu thành tác phẩm và chùm tác phẩm theo đề tài.  + Nắm được kết cấu Corde ballet và thực hành xây dựng bài tập với hình thức kết cấu múa đông người.  + Nắm được các đội hình tuyến Múa cơ bản và ý nghĩa của đội hình tuyến | | | 4 | | Học kì I - Năm thứ hai  Thời gian: 15 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lý thuyết: 20 tiết  - Thực hành: 50 tiết  - Thi học phần: 5 tiết | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| **Múa Di sản Sân khấu truyền thống Việt Nam** | | | | | | | | | |
| 1 | Múa Di sản SKTT | - Nắm được hệ thống Múa cơ bản trong sân khấu Múa truyền thống, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điển ảnh, nhiệp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  - Nắm được kỹ thuật, kỹ năng Múa và kết hợp diễn xuất trong một số trích đoạn Múa mẫu trong sân khấu truyền thống Chèo, Tuồng.  - Hiểu rõ lịch sử, nguồn gốc Nghệ thuật Múa truyền thống Việt Nam. | | | 3 | | Lý thuyết và thực hành đan xen.  Lý thuyết: 20 tiết  Thực hành: 40 tiết | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| **Lịch sử Múa** | | | | | | | | | |
| 1 | Lịch sử Múa | - Mục tiêu kiến thức: Giới thiệu cho sinh viên tóm tắt lịch sử của Nghệ thuật Múa Việt Nam và lịch sử Múa thế giới.  - Mục tiêu kỹ năng: Bài viết về lịch sử múa Việt Nam và Thế giới.  - Mục tiêu ý thức: Nhận biết được các thành tựu cơ bản của nghệ thuật múa Việt Nam – Nghệ thuật múa T/giới. | | |  | | Môn học được chia làm 2 phần:  a. Lịch sử Múa VN: 30 tiết  b. Lịch sử Múa TG: 30T | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |

**5. KHOA TRUYỀN HÌNH**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tiếng Anh 1 | Kết thúc chư­ơng trình học, sinh viên các lớp Đại học phải nắm đ­ược những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm tiếng Anh và một số nghi thức lời nói ở trình độ sơ cấp. |  | Kỳ học: Kỳ 1 (Khối ĐA, Kỳ 2 (Khối SK)  Thời gian: 15 tuần  Phân bổ số tiết: 45 LT, 30 TH | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| + Module 1: 5LT, 5TH  + Module 2: 8LT, 5 TH  + Module 3: 8LT, 5TH | + Module 4: 8LT, 5TH  + Module 5: 8LT, 5TH  + Module 6: 8LT, 5TH |
| 2 | Tiếng Anh 2 | Kết thúc chư­ơng trình học, sinh viên các lớp Đại học phải nắm đ­ược những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm tiếng Anh và một số nghi thức lời nói ở trình độ sơ cấp. |  | Kỳ học: Kỳ 2 (Khối ĐA, Kỳ 3 (Khối SK)  Thời gian: 15 tuần  Phân bổ số tiết: 45 LT, 30 TH | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| + Module 7: 5LT, 5TH  + Module 8: 8LT, 5TH  + Module 9: 8LT, 5TH | + Module 10: 8LT, 5TH  + Module 11: 8LT, 5TH  + Module 12: 8LT, 5TH |
| 3 | Tiếng Anh 3 | Kết thúc chương trình học,  sinh viên phải nắm được một  lượng từ vựng, thuật ngữ  tiếng Anh chuyên ngành nhất  định, cấu trúc ngữ pháp, ngữ  âm tiếng Anh và một số nghi  thức lời nói ở trình độ Pre-  intermediate. |  | Kỳ học: Kỳ 3 (Khối ĐA, Kỳ 4 (Khối SK)  Thời gian: 15 tuần  Phân bổ số tiết: 45 LT, 30 TH  + Module 1: 5LT, 5TH  + Module 2: 8LT, 5TH  + Module 3: 8LT, 5TH  + Module 4: 8LT, 5TH  + Module 5: 8LT, 5TH  + Module 6: 8LT, 5TH | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 4 | Tin học | Cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản nhất về máy tính, lịch sử hình thành cũng như quá trình phát triển và những kiến thức về hệ điều hành (Microsoft Windows) và bộ phần mềm về văn phòng (Microsoft Office) |  | Kỳ học: Kỳ 1 (Khối ĐA, Kỳ 2 (Khối SK)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 30 LT, 30 TH | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 5 | Âm nhạc trong tác phẩm truyền hình | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về đặc trưng, phương tiện biểu hiện của âm nhạc, một số thể loại âm nhạc để từ đó hiểu được vai trò, vị trí cũng như hiệu quả sử dụng của âm nhạc trong tác phẩm truyền hình. Các phương pháp sử dụng âm nhạc trong từng thể loại truyền hình. Sinh viên có khả năng lựa chọn âm nhạc và lên ý tưởng sử dụng âm nhạc trong các thể loại fomat truyền hình khác nhau. |  | Kỳ học: Kỳ 3 (Biên tập truyền hình; Đạo diễn truyền hình; Quay phim truyền hình.)  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết: 20 LT, 25 TH  - Học lý thuyết (20 tiết)  - Học thực hành (20 tiết)  - Ôn tập và thi hết học phần (5 tiết) | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 6 | Âm thanh truyền hình | Sinh viên biết ứng dụng, sử dụng linh hoạt các thiết bị và phần mềm âm thanh cơ bản. Vận dụng xử lý âm thanh hiệu qủa trong phim truyền hình từ mức cơ bản. |  | Kỳ học: Kỳ 4 (Biên tập truyền hình; Đạo diễn truyền hình; Quay phim truyền hình.)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 30 LT, 30 TH  - Học lý thuyết (25 tiết)  - Học thực hành (30 tiết)  - Thi hết học phần (5 tiết) | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 7 | Đồ hoạ | Cung cấp các kiến thức về mỹ thuật và đồ họa 2D cho sinh viên. Cung cấp kiến thức về màu sắc, bố cục, kỹ năng thiết kế, cắt ghép, chỉnh sửa ảnh trong phần mềm Adobe Photoshop. Cung cấp kỹ năng cơ bản để sử dụng hình ảnh thiết kế từ Photoshop kết hợp với các phần mềm đồ họa khác tạo ra những Video đồ họa 2D. |  | Kỳ học: Kỳ 7 (Đạo diễn truyền hình, Quay phim truyền hinh, Biên tập truyền hình)  Thời gian: 06 tuần  Phân bổ số tiết: 30 LT, TH  - Lý thuyết, thực hành: 25 tiết  - Thi/ Kiểm tra hết học phần: 5 tiết | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 8 | Lịch sử truyền hình thế giới và Việt Nam | Sinh viênnắm được những kiến thức cơ bản về lịch sử điện ảnh, truyền hình thế giới và Việt Nam. Biết vận dụng kiến thức vào thực tế hàng ngày khi xem phim, các chương trình truyền hình, tự quay những clip ngắn, biết sơ bộ về cỡ hình, động tác máy, về cái đẹp. |  | Kỳ học: Kỳ 2 (Biên tập truyền hình; Đạo diễn truyền hình; Quay phim truyền hình.)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 40 LT, 20 TH  - Học lý thuyết (40 tiết)  - Học thực hành (15 tiết)  - Ôn tập và thi hết học phần (5 tiết) | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 9 | Luật báo chí và đạo đức nghề nghiệp. | - Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Luật Báo chí và đạo đức nghề nghiệp của người làm báo.  - Hiểu rõ hệ thống Đạo đức học và Đạo đức nghề nghiệp của Nhà báo, những quy định về pháp lý, về báo chí truyền thông trong quá trình hoạt động nghề nghiệp.  - Hiểu và nắm rõ các cam kết về đạo đức, trách nhiệm xã hội mà nhà báo, người làm báo hoặc cơ quan báo chí cần tự nguyện thực hiện để đảm bảo lợi ích cộng đồng xã hội. |  | Kỳ học: Kỳ 6 (Biên tập truyền hình; Đạo diễn truyền hình; Quay phim truyền hình.)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 40 LT, 20 TH  - Học lý thuyết (40 tiết)  - Học thực hành (15 tiết)  - Ôn tập và thi hết học phần (5 tiết) | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 10 | Mỹ thuật truyền hình | Hiểu rõ về mỹ thuật trong truyền hình, mối quan hệ sáng tác giữa bộ phận mỹ thuật và các thành phần sáng tác khác |  | Kỳ học: Kỳ 7 (Biên tập truyền hình; Đạo diễn truyền hình; Quay phim truyền hình.)  Thời gian: 09 tuần  Phân bổ số tiết: 45 LT | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 11 | Quảng cáo – cổ động truyền hình | Sinh viên được cung cấp các kiến thức để hiểu được vai trò của quảng cáo với kinh tế - xã hội, quy trình sản xuất phim quảng cáo – cổ động trên truyền hình và các hình thức của quảng cáo – cổ động truyền hình, các thể loại phim quảng cáo và những xu hướng quảng cáo hiện đại |  | Kỳ học: Kỳ 6 (Biên tập truyền hình; Đạo diễn truyền hình; Quay phim truyền hình.)  Thời gian: 09 tuần  Phân bổ số tiết: 25 LT, 20 TH  - Học lý thuyết (25 tiết)  - Học thực hành (15 tiết)  - Ôn tập và thi hết học phần (5 tiết) | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 12 | Trường quay thực tại ảo | Giới thiệu cho sinh viên khái niệm về các cách quay key hình cũng như xu thế sử dụng trường quay ảo trong phim truyện điện ảnh (truyền hình), trong các chương trình tin tức chính luận. |  | Kỳ học: Kỳ 7 (Biên tập truyền hình; Đạo diễn truyền hình; Quay phim truyền hình.)  Thời gian: 6 tuần  Phân bổ số tiết: 30 LT | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 13 | Phân tích tác phẩm điện - ảnh truyền hình. | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các yếu tố tạo nên một tác phẩm điện ảnh – truyền hình. Hiểu các vấn đề mang tính lý thuyết về nội dung và nghệ thuật trong tác phẩm điện ảnh – truyền hình. |  | Kỳ học: Kỳ 1 (Biên tập truyền hình; Đạo diễn truyền hình; Quay phim truyền hình.)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 30 LT, 30 TH  - Học lý thuyết (30 tiết)  - Học thực hành (20 tiết)  - Ôn tập và thi hết học phần (10 tiết) | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 14 | Biên tập chương trình truyền hình | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác biên tập để giúp ích cho việc hiểu biết nhiệm vụ cũng như mối quan hệ công việc của các thành phần khi làm việc cùng biên tập trong quá trình hợp tác làm việc của e kíp sản xuất. |  | Kỳ học: Kỳ 5 (Đạo diễn truyền hình; Quay phim truyền hình.)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 40 LT, 20 TH  - Học lý thuyết (40 tiết)  - Học thực hành (20 tiết) | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 15 | Nhiếp ảnh | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật nhiếp ảnh, bố cục, các thể loại ảnh và nghệ thuật nhiếp ảnh. Rèn luyện cho sinh viên khả năng quan sát đời sống, vấn đề xã hội để cảm nhận, suy tính và đưa đến quyết định bấm máy để có một bức ảnh phù hợp với nội dung hoặc ý tưởng đã định trước. |  | Kỳ học: Kỳ 1 (Biên tập truyền hình, Đạo diễn truyền hình)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 45 LT, 15 TH | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 16 | Nghiệp vụ báo chí và truyền hình | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ báo chí nói chung và báo chí truyền hình nói riêng. Nắm bắt được cách thức hoạt động và cập nhật thông tin của các loại báo chí. |  | Kỳ học: Kỳ 3 (Đạo diễn truyền hình; Quay phim truyền hình.)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 40 LT, 20 TH | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 17 | Quy trình sản xuất chương trình truyền hình | Ý thức được vai trò, nhiệm vụ của người đạo diễn, quay phim trong sáng tác, đòi hỏi phải tích lũy vốn sống, vốn kiến thức về văn hóa và xã hội để phục vụ cho tác phẩm truyền hình của mình. |  | Kỳ học: Kỳ 4 (Đạo diễn truyền hình; Quay phim truyền hình.)  Thời gian: 09 tuần  Phân bổ số tiết: 35 LT, 10 TH  - Học lý thuyết (35 tiết)  - Học thực hành (5 tiết)  - Ôn tập và thi hết học phần (5 tiết) | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 18 | Toạ đàm và đối thoại truyền hình | Môn học sẽ mang đến cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thể loại phỏng vấn và trò chuyện trong truyền hình. Sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng thông qua các bài tập thực hành trên lớp cùng tác phẩm truyền hình thực hiện cuối các môn học. |  | Kỳ học: Kỳ 5 (Đạo diễn truyền hình, Quay phim truyền hình)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 30 LT, 30 TH  - Lên lớp: 30 tiết  - Thực tập phòng TN, thực hành: 25 tiết  - Thi kiểm tra hết học phần: 5 tiết | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 19 | Biên tập truyền hình 1 | Giúp cho sinh viên tiếp cận với tư duy hình ảnh, biết biểu đạt một nội dung thông tin qua việc kết nối các hình ảnh được thể hiện bằng con chữ, nhằm chuyển đạt được thông điệp cuối cùng tới công chúng. |  | Kỳ học: Kỳ 1 (Biên tập truyền hình.)  Thời gian: 16 tuần  Phân bổ số tiết: 90 LT,  - Học lý thuyết (55 tiết)  - Thực hành (35 tiết) | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 20 | Biên tập truyền hình 2 | Hiểu rõ phương pháp và các bước tiến hành thực hiện phỏng vấn truyền hình. Hiểu và phân biệt được các loại hình tin tức truyền hình, nắm rõ cấu trúc và những yêu cầu đối với tin tức truyền hình. |  | Kỳ học: Kỳ 2 (Biên tập truyền hình.)  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 105 LT, TH | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 21 | Biên tập truyền hình 3 | Hiểu rõ phương pháp và các bước tiến hành thực hiện phóng sự, ký sự truyền hình. Hiểu và phân biệt được các loại hình phóng sự truyền hình, nắm rõ cấu trúc và những yêu cầu đối với công tác biên tập thể loại này. |  | Kỳ học: Kỳ 3 (Biên tập truyền hình.)  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 105 LT, TH | |  |
| 22 | Biên tập truyền hình 4 | Hiểu rõ phương pháp và các bước tiến hành thực hiện toạ đàm - đối thoại, giao lưu truyền hình. Hiểu và phân biệt được các loại hình toạ đàm – đối thoại giao lưu truyền hình, nắm rõ cấu trúc và những yêu cầu đối với công tác biên tập thể loại này. |  | Kỳ học: Kỳ 4 (Biên tập truyền hình.)  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 105 LT, TH | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 23 | Biên tập truyền hình 5 | Sinh viên được cung cấp các kiến thức lý thuyết về chương chình Trò chơi truyền hình (game show), chương trình Ca nhạc truyền hình. Sinh viên hiểu, nắm được các kiến thức lý thuyết, thực hành về chương trình Trò chơi truyền hình và Ca nhạc truyền hình và cách thức biên tập, tổ chức sản xuất các chương trình này trong vai trò biên tập viên truyền hình. |  | Kỳ học: Kỳ 4 (Biên tập truyền hình.)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  Học phần 5.1. Biên tập Chương trình Trò chơi truyền hình  Học phần 5.2. Biên tập Chương trình Ca nhạc truyền hình.  Thời gian chung của 2 học phần 5.1 và 5.2 được phân bổ như sau:  - Lên lớp lý thuyết và thực hành theo hướng dẫn của giảng viên (cả 2 học phần nhỏ): 60 tiết;  - Làm bài hết học phần (cả 2 học phần nhỏ): 50 tiết  - Trả bài hết học phần (cả 2 học phần nhỏ): 10 tiết  Như vậy, thời gian của mỗi học phần nhỏ được phân chia như sau:  - Lên lớp lý thuyết và thực hành theo hướng dẫn của giảng viên: 30 tiết;  - Làm bài hết học phần: 25 tiết;  - Trả bài hết học phần: 5 tiết; | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 24 | Biên tập truyền hình 6 | Sinh viên nắm vững các quy trình xây dung ý tưởng, viết kịch bản, đề cương 1 chương trình truyền hình thực tế, nắm vững những yêu cầu từ nội dung, kỹ thuật và những bước sản xuất các chương trình truyền hình thực tế và các tiêu chuẩn kỹ thuật đảm bảo cho việc phát sóng hiện nay. |  | Kỳ học: Kỳ 6 (Biên tập truyền hình.)  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 120 LT, TH | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 25 | Biên tập truyền hình 7 | Sinh viên nắm vững các quy trình xây dung ý tưởng, viết kịch bản, đề cương 1 chương trình truyền hình thực tế, nắm vững những yêu cầu từ nội dung, kỹ thuật và những bước sản xuất các chương trình truyền hình thực tế và các tiêu chuẩn kỹ thuật đảm bảo cho việc phát sóng hiện nay. |  | Kỳ học: Kỳ 6 (Biên tập truyền hình.)  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 120 LT, TH  - Lên lớp và thực hành theo hướng dẫn của giảng viên: 65 tiết  - Làm bài tiền tốt nghiệp: 45 tiết  - Trả bài tiền tốt nghiệp: 10 tiết | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 26 | Biên tập phim 1 | Giúp cho sinh viên tiếp cận với phương pháp biên tập kịch bản và phim trong thể loại phim truyện (truyền hình). Hiểu khái niệm và có thể thực hành ở mức cơ bản. |  | Kỳ học: Kỳ 4 (Biên tập truyền hình.)  Thời gian: 6 tuần  Phân bổ số tiết: 30 LT,  - Học lý thuyết (25 tiết)  - Thi hết môn (05 tiết) | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 27 | Biên tập phim 2 | Giúp cho sinh viên tiếp cận với phương pháp biên tập kịch bản và phim trong thể loại phim tài liệu. Hiểu khái niệm và có thể thực hành ở mức cơ bản. |  | Kỳ học: Kỳ 5 (Biên tập truyền hình.)  Thời gian: 6 tuần  Phân bổ số tiết: 30 LT,  - Học lý thuyết (25 tiết)  - Thi hết môn (05 tiết) | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 28 | Đạo diễn điện ảnh – truyền hình 1 | Trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quát về nghiệp vụ đạo diễn; vai trò của người đạo diễn trong quá trình thực hiện bộ phim hoặc chương trình truyền hình. |  | Kỳ học: Kỳ 5 (Biên tập truyền hình)  Thời gian: 09 tuần  Phân bổ số tiết: 30 LT, 15 TH  - Lý thuyết: 30 tiết  - Xem phim, thực hành: 10 tiết  - Thi/ Kiểm tra hết học phần: 5 tiết | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 29 | Đạo diễn điện ảnh – truyền hình 2 | Trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quát về dàn cảnh; tổng quát về phóng sự truyền hình và phim tài liệu. Sự giống nhau và khác nhau của hai thể loại phóng sự và phim tài liệu. |  | Kỳ học: Kỳ 5 (Biên tập truyền hình)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 30 LT, 30 TH  - Lý thuyết: 30 tiết  - Xem phim, thực hành: 25 tiết  - Thi/ Kiểm tra hết học phần: 5 tiết | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 30 | Quay phim 1 | Sau khi học sinh viên có thể tự sử dụng máy quay để thực hiện các bài tập của môn học cũng như vận dụng kiến thức để áp dụng vào công việc sau này; có hiểu biết căn bản về hình ảnh để phối hợp làm việc với đạo diễn, quay phim đạt hiệu quả tốt. |  | Kỳ học: Kỳ 2 (Biên tập truyền hình)  Thời gian: 09 tuần  Phân bổ số tiết: 30 LT, 15 TH  - Lý thuyết: 25 tiết  - Xem phim, thực hành: 15 tiết  - Thi/ Kiểm tra hết học phần: 5 tiết | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 31 | Quay phim 2 | Dựa trên nền tảng kiến thức cơ bản đã học ở quay phim 1, sinh viên bắt đầu đi sâu vào kiến thức ở quay phim 2. Đó là nắm được trục diễn xuất, hướng chuyển động. Phân biệt được góc máy chủ quan, khách quan. |  | Kỳ học: Kỳ 3 (Biên tập truyền hình)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 40 LT, 20 TH  - Lý thuyết: 35 tiết  - Thực tập phòng TN, thực hành: 15 tết  - Nhận xét, đánh giá bài kiểm tra: 5 tiết  - Thi/ Kiểm tra hết học phần: 5 tiết | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 32 | Hình thể | Cung cấp một số bài tập cơ bản “Huấn luyện giải phóng hình thể diễn viên nhằm giúp các bạn biên tập truyền hình nắm được các kỹ năng để có một cơ thể được dẻo dai, khỏe mạnh, linh hoạt.  Cung cấp các kỹ năng kỹ thuật vận hành di chuyển cho người biên tập truyền hình.  Cung cấp hệ thống các kỹ thuật tạo hình cho các yêu cầu về mặt dáng dấp, chuyển động của người biên tập viên sao cho phù hợp và có tính thẩm mỹ. |  | Kỳ học: Kỳ 4 (Biên tập truyền hình)  Thời gian: 09 tuần  Phân bổ số tiết: 45 LT, TH | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 33 | Tiếng nói | Hiểu rõ cơ chế hoạt động của cơ quan phát âm để từ đó thực hiện các bài tập thực hành rèn luyện tạo ra sự linh hoạt của chúng. Đạt được kỹ thuật điều chỉnh hơi thở, khẩu hình một cách linh hoạt, có khả năng phát âm rõ các nguyên âm, phụ âm và từ Tiếng Việt |  | Kỳ học: Kỳ 3 (Biên tập truyền hình.)  Thời gian: 6 tuần  Phân bổ số tiết: 60 LT, TH | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 34 | Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức nhập môn về công tác tổ chức sản xuất các chương trình truyền hình hiện nay. Nâng cao khả năng tổ chức và làm việc nhóm của các nhân sự trong nhóm sản xuất |  | Kỳ học: Kỳ 4 (Biên tập truyền hình.)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 45 LT, 15 TH | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 35 | Nghiệp vụ quay phim truyền hình 1 | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên lý, cấu tạo, kỹ thuật máy quay phim đã và đang được sử dụng trong hệ thống các đài truyền hình Việt Nam và các nước tiên tiến, |  | Kỳ học: Kỳ 1 (Quay phim truyền hình)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 35 LT, 25 TH   * Lên lớp: 35 tiết * Thực tập phòng TN, thực hành: 10 tết * Bài kiểm tra: 5 tiết * Nhận xét, đánh giá: 5 tiết * Thi/ Kiểm tra hết học phần: 5 tiết | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 36 | Nghiệp vụ quay phim truyền hình 2 | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ống kính máy quay với tư cách là phương tiện biểu hiện quan trọng của người quay phim. Những yếu tố ngôn ngữ hình ảnh cơ bản như các cỡ cảnh, bố cục khuôn hình, góc độ máy quay. |  | Kỳ học: Kỳ 2 (Quay phim truyền hình)  Thời gian: 15 tuần  Phân bổ số tiết: 45 LT, 30 TH   * Lên lớp: 45 tiết * Thực tập phòng TN, thực hành: 15 tết * Bài kiểm tra: 5 tiết * Nhận xét, đánh giá: 5 tiết   Thi/ Kiểm tra hết học phần: 5 tiết | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 37 | Nghiệp vụ quay phim truyền hình 3 | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ánh sáng và sử dụng ánh sáng tự nhiên trong quay phim truyền hình. Câu hình, trục diễn xuất, trục hành động. Góc máy đặc biệt, góc máy tâm lí. |  | Kỳ học: Kỳ 3 (Quay phim truyền hình)  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 50 LT, 40 TH   * Lên lớp: 50 tiết * Thực tập phòng TN, thực hành: 25 tết * Bài kiểm tra: 5 tiết * Nhận xét, đánh giá: 5 tiết * Thi/ Kiểm tra hết học phần: 5 tiết | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 38 | Nghiệp vụ quay phim truyền hình 4 | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chuyển động máy quay, các phương tiện hỗ trợ chuyển động. Sinh viên hiểu biết căn bản về chiếu sáng bối cảnh, chiếu sáng nhân vật, sự phối hợp giữa chiếu sáng và chuyển động máy quay trong các dàn cảnh động. |  | Kỳ học: Kỳ 4 (Quay phim truyền hình)  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 45 LT, 45 TH   * Lên lớp: 40 tiết * Thực tập phòng TN, thực hành: 35 tết * Nhận xét, đánh giá: 10 tiết * Thi/ Kiểm tra hết học phần: 5 tiết | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 39 | Nghiệp vụ quay phim truyền hình 5 | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ánh sáng và chiếu sáng nội cảnh. Hiểu biết về các phương tiện chiếu sang. |  | Kỳ học: Kỳ 5 (Quay phim truyền hình)  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 50 LT, 40 TH   * Lên lớp: 50 tiết * Thực tập phòng TN, thực hành: 25 tết * Nhận xét, đánh giá: 10 tiết * Thi/ Kiểm tra hết học phần: 5 tiết | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 40 | Nghiệp vụ quay phim truyền hình 6 | Giúp sinh viên bộc lộ và phát triển năng khiếu, sở trường và vận dụng các kiến thức đã học trong quá trình thực hiện phim tiền tốt nghiệp. |  | Kỳ học: Kỳ 6 (Quay phim truyền hình)  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 50 LT, 55 TH   * Lên lớp: 40 tiết * Thực tập phòng TN, thực hành: 50 tiết * Nhận xét, đánh giá: 10 tiết * Thi/ Kiểm tra hết học phần: 5 tiết | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 41 | Nghiệp vụ quay phim truyền hình 7 | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các hiệu quả chiếu sáng đặc biệt. Những kĩ năng quay phim trong những chương trình đặc trưng truyền hình như thể thao, clip ca nhạc, sự kiện truyền hình, truyền hình thực tế. |  | Kỳ học: Kỳ 7 (Quay phim truyền hình)  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 45 LT, 45 TH   * Lên lớp: 45 tiết * Thực tập phòng TN, thực hành: 30 tiết * Nhận xét, đánh giá: 10 tiết * Thi/ Kiểm tra hết học phần: 5 tiết | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 42 | Nhiếp ảnh 1 | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kĩ thuật nhiếp ảnh đen trắng, những yếu tố tạo hình cơ bản của nghệ thuật nhiếp ảnh làm cơ sở cho sinh viên bắt đầu rèn luyện kĩ năng quan sát hiện thực cuộc sống bằng hình ảnh nhiếp ảnh. |  | Kỳ học: Kỳ 1 (Quay phim truyền hình)  Thời gian: 15 tuần  Phân bổ số tiết: 40 LT, 35 TH   * Lên lớp: 35 tiết * Thực tập phòng TN, thực hành: 25 tết * Bài kiểm tra: 5 tiết * Nhận xét, đánh giá: 5 tiết * Thi/ Kiểm tra hết học phần: 5 tiết | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 43 | Nhiếp ảnh 2 | Bổ xung và nâng cao những kiến thức về nghệ thuật nhiếp ảnh và ngôn ngữ hình ảnh. |  | Kỳ học: Kỳ 2 (Quay phim truyền hình)  Thời gian: 15 tuần  Phân bổ số tiết: 40 LT, 35 TH   * Lên lớp: 40 tiết * Thực tập phòng TN, thực hành: 20 tết * Bài kiểm tra: 5 tiết * Nhận xét, đánh giá: 5 tiết * Thi/ Kiểm tra hết học phần: 5 tiết | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 44 | Nhiếp ảnh 3 | Bổ xung và nâng cao những kiến thức về nghệ thuật nhiếp ảnh – tập trung vào các vấn đề ánh sáng, màu sắc và tổ chức chiếu sáng nội. |  | Kỳ học: Kỳ 3 (Quay phim truyền hình)  Thời gian: 15 tuần  Phân bổ số tiết: 40 LT, 35 TH   * Lên lớp: 35 tiết * Thực tập phòng TN, thực hành: 25 tết * Bài kiểm tra: 5 tiết * Nhận xét, đánh giá: 5 tiết * Thi/ Kiểm tra hết học phần: 5 tiết | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 45 | Nghiệp vụ đạo diễn truyền hình | Hiểu được tính chất đặc thù trong sáng tạo nghề nghiệp đạo diễn, từ đó rút ra được những yêu cầu về tư chất, khả năng cần có của người đạo diễn. Học phần giới thiệu cho sinh viên nắm được toàn bộ quy trình sản xuất phim, bắt đầu từ kịch bản đến giai đoạn cuối kết thúc hậu kỳ ra phim. Hiểu được mối quan hệ liên kết phối hợp giữa các bộ môn nghệ thuật trong một tổng thể thống nhất dưới sự chỉ đạo quán xuyến của đạo diễn từ nghệ thuật đến kỹ thuật, từ công việc sáng tạo đến tổ chức chất liệu nghệ thuật đến tổ chức công việc và con người. |  | Kỳ học: Kỳ 4 (Quay phim truyền hình)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 45 LT, 15 TH  - Lên lớp (Lý thuyết): 45 tiết  - Thực hành, xem phim: 10 tiết  - Thi/ Kiểm tra hết học phần: 5 tiết | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 46 | Kỹ thuật ánh sáng màu sắc | Sinh viên sẽ nắm vững được kiến thức về bản chất vật lý của ánh sáng và màu sắc, các đặc tính của các nguồn sáng, Cấu tạo của các loại thiết bị chiếu sáng. Các thể loại chiếu sáng trong điện ảnh và truyền hình |  | Kỳ học: Kỳ 3 (Quay phim truyền hình.)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 60 LT. | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 47 | Nguyên lý tái hiện hình ảnh | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về nguyên lí tái hiện hình ảnh của các phương thức ghi hình, làm nền tảng cho hoạt động sáng tạo hình ảnh của sinh viên sau này. |  | Kỳ học: Kỳ 1 (Quay phim truyền hình.)  Thời gian: 06 tuần  Phân bổ số tiết: 30 LT. | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 48 | Phim tài liệu | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nghiệp vụ về phim tài liệu, khởi nguồn của điện ảnh trong những năm đầu, xây dựng và phát triển ý tưởng phim tài liệu để người học có được một hệ thống kiến thức căn bản giúp cho việc phát huy khả năng sáng tạo đa dạng về sau. |  | Kỳ học: Kỳ 6 (Quay phim truyền hình)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 40 LT, 15 TH   * Lên lớp: 40 tiết * Thực tập phòng TN, thực hành: 15 tiết * Thi/ Kiểm tra hết học phần: 5 tiết | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 49 | Tin tức, phóng sự | Giúp cho sinh viên hiểu được vai trò, chức năng, nhiệm vụ của tin tức, phóng sự truyền hình. Sinh viên có thể tự xây dựng ý tưởng và xây dựng đề cương làm tin, làm phóng sự truyền hình góp phần đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp khi ra trường. |  | Kỳ học: Kỳ 2 (Quay phim truyền hình.)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 40 LT, 20 TH  - Học lý thuyết (40 tiết)  - Học thực hành (15 tiết)  - Ôn tập và thi hết học phần (5 tiết) | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 50 | Nghiệp vụ đạo diễn truyền hình 1.1 | Trang bị cho sinh viên những kiến thức nhập môn cơ bản về những khái niệm đặc trưng của truyền hình. Vai trò và vị trí của người đạo diễn trong sáng tác các thể loại truyền hình: Tin tức, phóng sự, phim tài liệu, phim truyện, ca nhạc, các trò chơi giải trí, quảng cáo, talkshow... |  | Kỳ học: Kỳ 1 (Đạo diễn truyền hình)  Thời gian: 15 tuần  Phân bổ số tiết: 45 LT, 30 TH  - Học lý thuyết (45 tiết)  - Học thực hành (25 tiết)  - Ôn tập và thi hết học phần (5 tiết) | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 51 | Nghiệp vụ đạo diễn truyền hình 1.2 | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nghiệp vụ về phim tài liệu, khởi nguồn của điện ảnh trong những năm đầu, xây dựng và phát triển ý tưởng phim tài liệu để người học có được một hệ thống kiến thức căn bản giúp cho việc phát huy khả năng sáng tạo đa dạng về sau. |  | Kỳ học: Kỳ 1 (Đạo diễn truyền hình)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 35 LT, 25 TH  - Học lý thuyết (35 tiết)  - Học thực hành (20 tiết)  - Ôn tập và thi hết học phần (5 tiết) | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 52 | Nghiệp vụ đạo diễn truyền hình 2.1 | Kết hợp lý thuyết và thực hành để cho sinh viên bước đầu hiểu được cách tiếp cận chất liệu thực tế, thông qua quan sát cuộc sống để hiểu biết phát hiện vấn đề và chi tiết thú vị, sinh động sẽ thể hiện trong các tiểu phẩm. |  | Kỳ học: Kỳ 2 (Đạo diễn truyền hình)  Thời gian: 15 tuần  Phân bổ số tiết: 45 LT, 30 TH  - Học lý thuyết (45 tiết)  - Học thực hành (25 tiết)  - Ôn tập và thi hết học phần (5 tiết) | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 53 | Nghiệp vụ đạo diễn truyền hình 2.2 | Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về phim khoa học, các cấp độ của phim khoa học, các thể loại phim khoa học thông thường và các thiết bị đặc biệt được sử dụng trong phim khoa học |  | Kỳ học: Kỳ 2 (Đạo diễn truyền hình)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 30 LT, 30 TH  - Học lý thuyết (30 tiết)  - Học thực hành (25 tiết)  - Ôn tập và thi hết học phần (5 tiết) | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 54 | Nghiệp vụ đạo diễn truyền hình 3.1 | Thông qua thực hành kết hợp với lý thuyết phân tích cho sinh viên nắm được những yêu cầu cơ bản cấu trúc kịch - mấu chốt của bộ môn kịch học: Phát triển mâu thuẫn, xung đột, nghệ thuật dàn cảnh - công cụ chủ yếu của đạo diễn. Kết hợp với chỉ đạo diễn xuất cho diễn viên trong phát triển kịch tính cốt truyện, |  | Kỳ học: Kỳ 3 (Đạo diễn truyền hình)  Thời gian: 15 tuần  Phân bổ số tiết: 30 LT, 45 TH  - Học lý thuyết (30 tiết)  - Học thực hành (40 tiết)  - Ôn tập và thi hết học phần (5 tiết) | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 55 | Nghiệp vụ đạo diễn truyền hình 3.2 | Từ những kiến thức nền tảng cơ bản các bạn sinh viên có thể tự xây dựng ý tưởng và xây dựng đề cương làm tin, làm phóng sự truyền hình góp phần đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp khi ra trường. |  | Kỳ học: Kỳ 3 (Đạo diễn truyền hình)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 40 LT, 20 TH  - Học lý thuyết (40 tiết)  - Học thực hành (15 tiết)  - Ôn tập và thi hết học phần (5 tiết) | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 56 | Nghiệp vụ đạo diễn truyền hình 4.1 | Trang bị cho sinh viên ý thức được vai trò văn học và lựa chọn được những tác phẩm văn học và xử lý tạo hình trong phim, xử lý hành động của nhân vật kết hợp với dàn cảnh trong mối quan hệ hài hòa với bố cục dựng từ đó bộc lộ khả năng sáng tạo và tổ chức công việc để làm nền tảng cho quá trình phát triển sau này |  | Kỳ học: Kỳ 4 (Đạo diễn truyền hình)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 30 LT, 30 TH  - Học lý thuyết (30 tiết)  - Học thực hành (25 tiết)  - Ôn tập và thi hết học phần (5 tiết) | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 57 | Nghiệp vụ đạo diễn truyền hình 4.2 | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nghiệp vụ về phim tài liệu, khởi nguồn của điện ảnh trong những năm đầu, xây dựng và phát triển ý tưởng phim tài liệu để người học có được một hệ thống kiến thức căn bản giúp cho việc phát huy khả năng sáng tạo đa dạng về sau. |  | Kỳ học: Kỳ 4 (Đạo diễn truyền hình)  Thời gian: 15 tuần  Phân bổ số tiết: 45 LT, 30 TH  - Học lý thuyết (45 tiết)  - Học thực hành (25 tiết)  - Ôn tập và thi hết học phần (5 tiết) | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 58 | Nghiệp vụ đạo diễn truyền hình 5.1 | Học phần giới thiệu cho sinh viên ngoài những hiểu biết và kinh nghiệm của bài tập phim, so sánh để thấy từ hình dung tưởng tượng đến thực hiện thành hình ảnh có sự chuyển biến như thế nào? Từ bài tập phim mỗi sinh viên cần tiến hành xử lý âm thanh trong phim, từ các loại tiếng động đến lời thoại và âm nhạc, từ việc lồng tiếng đến hoà âm, cách xử lý montage trong tiếng và các hiệu quả tạo không khí và cảm xúc của âm thanh...từ đó bộc lộ khả năng sáng tạo và tổ chức công việc để làm nền tảng cho quá trình phát triển sau này, |  | Kỳ học: Kỳ 5 (Đạo diễn truyền hình)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 30 LT, 30 TH  - Học lý thuyết (30 tiết)  - Học thực hành (25 tiết)  - Ôn tập và thi hết học phần (5 tiết) | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 59 | Nghiệp vụ đạo diễn truyền hình 5.2 | Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản để sinh viên nắm được các xu hướng làm phim tài liệu tại Việt Nam và trên thế giới trong giai đoạn hiện nay. |  | Kỳ học: Kỳ 5 (Đạo diễn truyền hình)  Thời gian: 15 tuần  Phân bổ số tiết: 40 LT, 35 TH  - Học lý thuyết (40 tiết)  - Học thực hành (30 tiết)  - Ôn tập và thi hết học phần (5 tiết) | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 60 | Nghiệp vụ đạo diễn truyền hình 6 | Tạo cho sinh viên khả năng độc lập, phối hợp công việc và tư duy sáng tạo nghiên cứu, trên cơ sở đó sinh viên có cơ hội tìm tòi, khám phá, phát hiện những vấn đề liên quan đến chuyên ngành Đạo diễn truyền hình. |  | Kỳ học: Kỳ 6 (Đạo diễn truyền hình)  Thời gian: 15 tuần  Phân bổ số tiết: 135 LT, TH  - Thu thập tài liệu, chuẩn bị các điều kiện kỹ thuật, thiết bị, cơ sở vật chất liên quan đến công việc làm phim tốt nghiệp (quay và dựng phim). (70 tiết)  - Làm việc với giảng viên Nghiệp vụ đạo diễn thống nhất nội dung, kế hoạch thực hiện phim Tiền tốt nghiệp. (65 tiết) | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 61 | Nghiệp vụ đạo diễn truyền hình 7 | Học phần giới thiệu cho sinh viên tìm hiểu các loại hình khác nhau của truyền hình như: Showgame, Talkshow, Ca nhạc, Quảng cáo, Phim khoa học...các thể loại đa dạng trong từng loại hình và sự giao thoa giữa các yếu tố nghệ thuật và kỹ thuật của các loại hình phim từ đó bộc lộ khả năng sáng tạo và tổ chức công việc để làm nền tảng cho quá trình phát triển sau này. |  | Kỳ học: Kỳ 7 (Đạo diễn truyền hình)  Thời gian: 15 tuần  Phân bổ số tiết: 70 LT, 65 TH | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 62 | Quay phim truyền hình | Sau khi học sinh viên có thể tự sử dụng máy quay để thực hiện các bài tập của môn học cũng như vận dụng kiến thức để thực hiện các bài tập của môn học chuyên ngành đạo diễn; có hiểu biết căn bản về ngôn ngữ hình ảnh để hợp tác làm việc với quay phim đạt hiệu quả tốt. |  | Kỳ học: Kỳ 4 (Đạo diễn truyền hình)  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết: 30 LT, 15 TH  - Lý thuyết: 30 tiết. Bài tập thực hành: 15 tiết. | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |

**6. KHOA THIẾT KẾ MỸ THUẬT**

**Chuyên ngành: Thiết kế trang phục nghệ thuật**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Kỹ thuật cắt may I.A | * Trang bị cho sinh viên kiến thức về Chất liệu và những kỹ thuật may cơ bản giúp sinh viên nhận biết được các loại vải, cách sử dụng và bảo quản. Biết chọn vải phù hợp với cỡ người, kiểu trang phục. Biết cách sửa chữa những trục trặc của máy khâu thường gặp**,** đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”. * Kết thúc học phần sinh viên có kĩ năng may thành thạo và đẹp những đường may cơ bản. Biết cách đo những số đo cơ bản trên hình thể nam và nữ. Thuộc công thức cắt, may đẹp sản phẩm may đơn giản của trang phục truyền thống Việt nam. * Ý thức được vai trò, nhiệm vụ của người họa sĩ thiết kế trong quá trình sáng tác, đòi hỏi SV phải tích lũy vốn sống, vốn kiến thức về văn hóa và xã hội để phục vụ cho tác phẩm của mình. Có ý thức tự giác rèn luyện kĩ thuật cắt may chuyên nghiệp. | 3 | Kì học: học kì I (năm thứ nhất)  Thời gian: 06 tuần  Phân bổ số tiết: 50 LT, 50 TH   * Bài 1: 5 LT * Bài 2: 3 LT, 2 TH * Bài 3: 2 LT, 3 TH * Bài 4: 2 LT, 3 TH * Bài 5: 3 LT, 2 TH * Bài 6: 3 LT, 2 TH * Bài 7: 2 LT, 3 TH * Bài 8: 2 LT, 3 TH * Bài 9: 2 LT, 3 TH * Bài 10: 2 LT, 3 TH * Bài 11: 5 LT * Bài 12: 5T (Chấm bài thi kết thúc HP) | * 20% điểm chuyên cần * 30% điểm giữa   kỳ  - 50% điểm thi kết thúc HP |
| 2 | Kỹ thuật cắt may I.B | * Trang bị cho sinh viên kiến thức về kỹ thuật cắt may Âu phục**,** đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”. * Kết thúc học phần sinh viên có kĩ năng cắt may thành thạo và đẹp sản phẩm âu phục nam nữ. * Ý thức được vai trò, nhiệm vụ của người họa sĩ thiết kế trong quá trình sáng tác, đòi hỏi phải tích lũy vốn sống, vốn kiến thức về văn hóa và xã hội để phục vụ cho tác phẩm của mình. Có ý thức tự giác rèn luyện kĩ thuật cắt may chuyên nghiệp. | 3 | Kì học: học kì II (năm thứ nhất)  Thời gian: 06 tuần  Phân bổ số tiết: 50 LT, 50 TH   * Bài 1: 5 LT * Bài 2: 5 TH * Bài 3: 5 LT * Bài 4: 5 TH * Bài 5: 5 LT * Bài 6: 5 TH * Bài 7: 5 LT * Bài 8: 5 TH * Bài 9: 5 LT * Bài 10: 5 TH * Bài 11: 5 LT * Bài 12: 5T (Chấm bài thi kết thúc HP) | * 20% điểm chuyên cần * 30% điểm giữa   kỳ  - 50% điểm thi kết thúc HP |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 3 | Kỹ thuật cắt may II.A | * Trang bị cho sinh viên kiến thức về kỹ thuật cắt may trang phục Truyền thống Việt Nam,đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”. * Kết thúc học phần sinh viên có kĩ năng cắt may thành thạo và đẹp trang phục Truyền thống Việt Nam**.** * Ý thức được vai trò, nhiệm vụ của người họa sĩ thiết kế trong quá trình sáng tác, đòi hỏi phải tích lũy vốn sống, vốn kiến thức về văn hóa và xã hội để phục vụ cho tác phẩm của mình. Có ý thức tự giác rèn luyện kĩ thuật cắt may chuyên nghiệp. | 3 | Kì học: học kì III (năm thứ hai)  Thời gian: 06 tuần  Phân bổ số tiết: 55 LT, 45 TH   * Bài 1: 5 LT * Bài 2: 5LT, 5 TH * Bài 3: 5 LT * Bài 4: 5 TH * Bài 5: 5 LT * Bài 6: 5 LT * Bài 7: 5 LT * Bài 8: 1 LT, 4 TH * Bài 9: 3 LT, 2 TH * Bài 10: 5 LT * Bài 11: 10 TH * Bài 12: 5T (Chấm bài thi kết thúc HP) | * 20% điểm chuyên cần * 30% điểm giữa   kỳ  - 50% điểm thi kết thúc HP |
| 4 | Kỹ thuật cắt may II.B | * Trang bị cho sinh viên kiến thức về Kỹ thuật cắt may Trang phục Lịch sử và Cổ trang Việt Nam, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”. * Kết thúc học phần sinh viên có kĩ năng cắt may thành thạo và đẹp Trang phục Lịch sử và Cổ trang Việt Nam**.** * Ý thức được vai trò, nhiệm vụ của người họa sĩ thiết kế trong quá trình sáng tác, đòi hỏi phải tích lũy vốn sống, vốn kiến thức về văn hóa và xã hội để phục vụ cho tác phẩm của mình. Có ý thức tự giác rèn luyện kĩ thuật cắt may chuyên nghiệp. | 3 | Kì học: học kì IV (năm thứ hai)  Thời gian: 06 tuần  Phân bổ số tiết: 60 LT, 40 TH   * Bài 1: 5 LT * Bài 2: 3 LT, 2 TH * Bài 3: 5 LT * Bài 4: 3 LT, 2 TH * Bài 5: 5 LT * Bài 6: 5 LT * Bài 7: 5 TH * Bài 8: 5 LT * Bài 9: 10 TH * Bài 10: 5 LT, 5 TH * Bài 11: 5 LT * Bài 12: 5T (Chấm bài thi kết thúc HP) | * 20% điểm chuyên cần * 30% điểm giữa   kỳ   * 50% điểm thi kết thúc HP |
| 5 | Thiết kế trang phục cơ bản I-A | * Trang bị cho sinh viên kiến thức để sinh viên biết được vị trí và vai trò của bộ môn thiết kế trang phục cơ bản trong chuyên ngành thiết kế trang phục Sân khấu Điện ảnh. Hiểu được vai trò của sáng tác vải trong thiết kế thời trang. Biết phân biệt hình thức mỹ thuật cũng như kỹ thuật tạo vải. Nhận biết các nguyên tắc thiết kế vải dài trong sản xuất công nghiệp. Hiểu biết sâu về màu và hòa sắc màu trong thiết kế vải. Sáng tác và vẽ được mẫu vải theo phong cách lựa chọn. Có khả năng thiết kế bộ sưu tập thời trang theo phong cách vải đã thiết kế. Sinh viên nắm được các nguyên tắc và phương pháp sáng tác bố cục mẫu trang trí trên một sản phẩm dệt. Biết cách triển khai và thể hiện phác thảo theo từng giai đoạn nghiên cứu, thành một sản phẩm phù hợp mục tiêu của thị trường xác định**,** đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”. * Kết thúc học phần sinh viên có kĩ năng thể hiện mẫu bằng đồ hoạ thời trang, bước đầu biết kỹ thuật thể hiện trên sản phẩm thật. * Ý thức được vai trò, nhiệm vụ của người họa sĩ thiết kế trong quá trình sáng tác, đòi hỏi phải tích lũy vốn sống, vốn kiến thức về văn hóa và xã hội để phục vụ cho tác phẩm của mình. | 2 | Kì học: học kì I (năm thứ nhất)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 50 LT, 50 TH   * Bài 1: 5 LT * Bài 2: 5 LT * Bài 3: 5 LT * Bài 4: 5 LT * Bài 5: 5 TH * Bài 6: 5 TH * Bài 7: 5 TH * Bài 8: 5 LT * Bài 9: 5 T (Chấm bài giữa kì) * Bài 10: 5 LT * Bài 11: 5 TH * Bài 12: 5 TH | * 20% điểm chuyên cần * 30% điểm giữa   kỳ   * 50% điểm thi kết thúc HP |
| 6 | Thiết kế trang phục cơ bản I-B | * Trang bị cho sinh viên kiến thức để sinh viên tập làm quen chép ảnh mẫu từ đó biết hình dung dáng đứng, tỷ lệ người mẫu đa dạng, phong phú. Biết làm đồ hoạ đen trắng, đồ hoạ mầu trên hình thể người mẫu vẽ. Làm quen và thực hành bố cục sáng tạo, đòi hỏi tư duy cao. Biết chép tranh từ đó hình dung ra bố cục, sắp đặt màu, phân tích màu sắc, ý tưởng , phong cách của người hoạ sĩ qua bức tranh**,** đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”. * Ý thức được vai trò, nhiệm vụ của người họa sĩ thiết kế trong quá trình sáng tác, đòi hỏi phải tích lũy vốn sống, vốn kiến thức về văn hóa và xã hội để phục vụ cho tác phẩm của mình. * Ý thức được vai trò, nhiệm vụ của người họa sĩ thiết kế trong quá trình sáng tác, đòi hỏi phải tích lũy vốn sống, vốn kiến thức về văn hóa và xã hội để phục vụ cho tác phẩm của mình. | 2 | Kì học: học kì II (năm thứ nhất)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 50 LT, 50 TH   * Bài 1: 5 LT * Bài 2: 5 LT * Bài 3: 5 TH * Bài 4: 5 TH * Bài 5: 5 LT * Bài 6: 5 TH * Bài 7: 5 TH * Bài 8: 5 LT * Bài 9: 5 T (Chấm bài kết thúc HP) | 20% điểm chuyên cần  30% điểm giữa  kỳ  50% điểm thi kết thúc HP |
| 7 | Thiết kế trang phục cơ bản II- A | * Trang bị cho sinh viên kiến thức giúp sinh viên tìm hiểu, nghiên cứu kĩ chi tiết hoạ tiết trên Trang phục các dân tộc Việt Nam.Có được những kiến thức cơ bản về trang phục nghệ thuật. Nắm được những nguyên tắc cơ bản về bố cục trang phục.   Nắm được phương pháp thiết kế trang phục nghệ thuật từ trang phục lịch sử**,** đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.   * Kết thúc học phần sinh viên nắm biết xây dựng biểu tượng thời trang. Có khả năng thiết kế được một bộ sưu tập mang tính đồng bộ cao. *(đồng nhất về màu sắc, kết cấu, chất liệu, trang trí …).* * Ý thức được vai trò, nhiệm vụ của người họa sĩ thiết kế trong quá trình sáng tác, đòi hỏi phải tích lũy vốn sống, vốn kiến thức về văn hóa và xã hội để phục vụ cho tác phẩm của mình. | 2 | Kì học: học kì III (năm thứ hai)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 50 LT, 50 TH   * Bài 1: 5 LT * Bài 2: 5 LT * Bài 3: 5 LT * Bài 4: 5 TH * Bài 5: 5 LT * Bài 6: 5 LT * Bài 7: 5 LT * Bài 8: 5 TH * Bài 9: 5 TH * Bài 10: 5 TH * Bài 11: 5 TH * Bài 12: 5 T (Chấm bài kết thúc HP) | 20% điểm chuyên cần  30% điểm giữa  kỳ  50% điểm thi kết thúc HP |
| 8 | Thiết kế trang phục cơ bản II- B | * Trang bị cho sinh viên kiến thức giúp sinh viên nắm được các đặc tính của khối cơ bản nói chung cũng như cấu trúc khối trong không gian nói chung ,thời trang nói riêng. Nắm được phương pháp tạo hình của cấu trúc khối trên cơ thể người cũng như trên trang phục sáng tác. Trang phục sáng tác mang đậm tính nghệ thuật trong xu hướng mới nhất của thị trường thời trang. Đối với các nhà thiết kế lớn còn mang tính dự báo hay định hướng cho một xu hướng mới**,** đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”. * Kết thúc học phần sinh viên có kỹ năng sáng tác trang phục biểu hiện được cá tính của họa sỹ thiết kế. Có khả năng triển khai thiết kế và thể hiện phác thảo theo từng giai đoạn nghiên cứu, thành một đồ án hoàn chỉnh. * Ý thức được vai trò, nhiệm vụ của người họa sĩ thiết kế trong quá trình sáng tác, đòi hỏi phải tích lũy vốn sống, vốn kiến thức về văn hóa và xã hội để phục vụ cho tác phẩm của mình. | 2 | Kì học: học kì IV (năm thứ hai)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 50 LT, 50 TH   * Bài 1: 5 LT, * Bài 2: 5 LT * Bài 3: 5 LT * Bài 4: 5 LT * Bài 5: 5 LT * Bài 6: 5 LT, 5 TH * Bài 7: 10 TH * Bài 8: TH * Bài 9: 10 TH | 20% điểm chuyên cần  30% điểm giữa  kỳ  50% điểm thi kết thúc HP |
| 9 | Thiết kế trang phục cơ bản III- A | Trang bị cho sinh viên kiến thức giúp sinh viên biết sáng táng và phân biệt được bộ và tính đồng bộ trong trang phục. Nắm được những nguyên tắc cơ bản về thời trang trong sản xuất công nghiệp. Lý giải được đặc điểm của thời trang trong sản xuất công nghiệp. Biết phân biệt thời trang sản xuất trong công nghiệp và các thể loại thời trang khác, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  Kết thúc học phần sinh viên có kỹ năng sáng tác trang phục biểu hiện được phong cách và tính thời sự của xu hướng đương thời và theo dự báo xu hướng mốt. Biết cách triển khai và thể hiện phác thảo theo từng giai đoạn nghiên cứu, thành một đồ án hoàn chỉnh.  Ý thức được vai trò, nhiệm vụ của người họa sĩ thiết kế trong quá trình sáng tác, đòi hỏi phải tích lũy vốn sống, vốn kiến thức về văn hóa và xã hội để phục vụ cho tác phẩm của mình. | 2 | Kì học: học kì V (năm thứ ba)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 50 LT, 50 TH   * Bài 1: 5 LT * Bài 2: 5 LT * Bài 3: 5 LT * Bài 4: 5 T ( hỏi thi giữa kì) * Bài 5: 5 LT * Bài 6: 5 LT * Bài 7: 5 TH * Bài 8: 10 TH * Bài 9: 5 TH * Bài 10: 5 TH * Bài 11: SV làm bài thi * Bài 12: 5 T (Chấm bài kết thúc HP) | 20% điểm chuyên cần  30% điểm giữa  kỳ  50% điểm thi kết thúc HP |
| 10 | Thiết kế trang phục cơ bản III- B | * Trang bị cho sinh viên kiến thức giúp sinh viên sinh viên biết được các dáng mẫu người cơ bản và cách xử lý ứng dụng trang phục trên từng phom người khác nhau. Nghiên cứu được về hình thức và nội tâm người mình cần thiết kế. Nắm được những nguyên tắc cơ bản về thời trang theo phong cách cá nhân. Lý giải được sự độc đáo, tính khác biệt trong trang phục theo phong cách cá nhân, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”. * Kết thúc học phần sinh viên có kỹ năng biết phân biệt thời trang theo phong cách cá nhân với thời trang trong sản xuất trong công nghiệp và các thể loại thời trang khác. Sáng tác trang phục biểu hiện được phong cách và cá tính của nhân vật lựa chọn. Biết cách triển khai và thể hiện phác thảo theo từng giai đoạn nghiên cứu, thành một đồ án hoàn chỉnh. * Ý thức được vai trò, nhiệm vụ của người họa sĩ thiết kế trong quá trình sáng tác, đòi hỏi phải tích lũy vốn sống, vốn kiến thức về văn hóa và xã hội để phục vụ cho tác phẩm của mình. | 2 | Kì học: học kì VI (năm thứ ba)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 50 LT, 50 TH   * Bài 1: 5 LT * Bài 2: 5 LT * Bài 3: 5 LT, 5 TH * Bài 4: 5 T ( hỏi thi giữa kì) * Bài 5: 5 LT * Bài 6: 5 LT * Bài 7: SV làm bài * Bài 8: 10 TH * Bài 9: 5 TH * Bài 10: 5 TH * Bài 11: SV làm bài thi * Bài 12: 5 T (Chấm bài kết thúc HP) | * 20% điểm chuyên cần * 30% điểm giữa   kỳ   * 50% điểm thi kết thúc HP |

**Chuyên ngành: Thiết kế đồ họa kỹ xảo**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | ĐỒ HỌA VI TÍNH 1 - (T  hiết kế đồ họa tĩnh). | * Cung cấp cho sinh viên khái niệm về phương pháp thiết kế đồ họa trong in ấn, các tiêu chuẩn thiết kế đồ họa trong in ấn * Khái niệm về bộ nhận dạng thương hiệu sản phẩm * Kỹ năng sử dụng phần mềm đồ họa ADOBE ILLUSTRATOR, ADOBE INDESIGN * Kỹ năng làm việc nhóm thông qua Project tập thể   Kết thúc môn học Sinh viên hiểu được Các khái niệm cơ bản về đồ họa máy tính  - Mô hình màu trong máy tính  - Biết phân biệt được các phần mềm đồ họa máy tính  - Nắm chắc và thực hành được  Phần mềm đồ họa ADOBE ILLUSTRATOR  - Sinh viên thực hiện được Bộ nhận dạng thương hiệu sản phẩm và thuyết trình ý tưởng thiết kế. | 4 | Kì học: học kì II (năm thứ nhất)  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 50% LT, | | | * 20% điểm chuyên cần * 30% điểm giữa   kỳ   * -50% điểm thi kết thúc HP |
| 50% TH   * Bài 1: 5 LT * Bài 2: 5 LT * Bài 3: 5 LT * Bài 4: 5 TH * Bài 5: 5 LT * Bài 6: 5 TH * Bài 7: 5 LT   Bài 8: 5 TH | * Bài 9: 5 TH * Bài 10: 5 TH * Bài 11: 5 LT * Bài 12 5 LT * Bài 13 5 LT * Bài 14 5 LT * Bài 15 5 TH * Bài 16 5 TH * Bài 17 5 TH | |
| Bài 18: 5T (Chấm bài thi kết thúc HP) | | |
| 2 | ĐỒ HỌA VI TÍNH 2 - (Thiết kế đồ họa động) | ***+*** Cung cấp cho sinh viên khái niệm về các sản phẩm đồ họa động sử dụng trong lĩnh vực truyền thông  + Các dạng sản phẩm đồ họa động cơ bản: TVC, Hình hiệu, hình gạt, hình cắt, trailer video, các motiongraphic trong video ART hoặc trình diễn nghệ thuật  + Qui trình và phương pháp thực hiện một sản phẩm đồ họa động (Ý tưởng, kịch bản, lập kế hoạch thực hiện, phương pháp là việc nhóm….)  + Kỹ năng sử dụng phần mềm ADOBE AFTEREFFECT, plugins và một số phần mềm hỗ trợ. Kết thúc môn học Sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản về đồ họa động và ứng dụng của đồ họa động  - Các phần mềm thực hiện video đồ họa động. Quy trình thực hiện một sản phẩm đồ họa động  - Thực hành biên tập Video (Hình ảnh, âm thanh) với các phần mềm động  - Thực hành thể hiện được bộ phác thảo hình hiệu truyền hình bằng các phần mềm đồ họa động | 4 | Kì học: học kì I (năm thứ hai)  Thời gian:18 tuần  Phân bổ số tiết: 50% LT, 50% TH | | | 20% điểm chuyên cần  30% điểm giữa  kỳ  - 50% điểm thi kết thúc HP |
| Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 LT  Bài 3: 5 TH  Bài 4: 5 TH  Bài 5: 5 LT  Bài 6: 5 TH  Bài 7: 5 LT  Bài 8: 5 TH | | Bài 9: 5 LT  Bài 10: 5 TH  Bài 11: 5 LT  Bài 12 5 LT  Bài 13 5 LT  Bài 14 5 LT  Bài 15 5 TH  Bài 16 5 TH  Bài 17 5 TH |
| * Bài 18: 5T (Chấm bài thi kết thúc HP) | | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 3 | ĐỒ HỌA VI TÍNH 3 - (Kỹ xảo điện ảnh 2D) | ***+*** Cung cấp cho sinh viên khái niệm về quy trình sản xuất một tác phẩm điện ảnh, khái niệm kỹ xảo điện ảnh, các dạng kỹ xảo điện ảnh vai trò của kỹ xảo điện ảnh trong tác phẩm điện ảnh  + Phương pháp thực hiện một đoạn kỹ xảo điện ảnh  + Kỹ năng sử dụng phần mềm ADOBE PREMIERE, ADOBE AFTEREFFECT, plugins và một số phần mềm hỗ trợ. Kết thúc môn học Sinh viên hiểu được các khái niệm về kỹ xảo điện ảnh  - Các phần mềm thực hiện kỹ xảo điện ảnh. Quy trình thực hiện kỹ xảo điện ảnh cho một tác phẩm điện ảnh  - Thực hành ghép các đoạn kỹ xảo vào đoạn phim quay kỹ thuật  - Thực hành Ghép bối cảnh và nhân vật thành cảnh phim hoàn chỉnh, thuyết trình ý tưởng và kỹ thuật thực hiện. | 4 | Kì học: học kì II (năm thứ hai)  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 50% LT, 50% TH | | | | | 20% điểm chuyên cần  30% điểm giữa kỳ  50% điểm thi kết thúc HP |
| * Bài 1: 5 LT * Bài 2: 5 LT * Bài 3: 5 TH * Bài 4: 5 TH * Bài 5: 5 LT * Bài 6: 5 TH * Bài 7: 5 LT * Bài 8: 5 TH * Bài 9: 5 LT | * Bài 10: 5 TH * Bài 11: 5 LT * Bài 12 5 LT * Bài 13 5 LT * Bài 14 5 LT * Bài 15 5 TH * Bài 16 5 TH * Bài 175 TH * Bài 18: 5T (Chấm bài thi kết thúc HP) | | | |
| 4 | ĐỒ HỌA VI TÍNH 4 - (Thiết kế mô hình 3D) | + Cung cấp cho sinh viên kỹ năng sử dụng phần mềm đồ họa MAYA trong việc xây dựng và mô phỏng các đồ vật, hình ảnh, không gian  + Phương pháp xử lý, mô tả các chất liệu  + Kỹ năng liên kết giữa phần mềm 3D và 2D trong việc mô tả không gian trong các sản phẩm điện ảnh, sân khấu  Kết thúc môn học Sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản về đồ họa 3D  - Các phần mềm thực hiện đồ họa 3D  - Quy trình thực hiện một kỹ xảo điện ảnh có sử dụng phần mềm 3D  - Thực hành xây dựng mô hình nhân vật với Polygon  - Thiết kế bối cảnh Điện ảnh / Sân khấu bằng phần mềm Maya | 4 | Kì học: học kì I (năm thứ ba)  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 50% LT, 50% TH | | | | | 20% điểm chuyên cần  30% điểm giữa  kỳ  50% điểm thi kết thúc HP |
| * Bài 1: 5 LT * Bài 2: 5 LT * Bài 3: 5 LT * Bài 4: 5 TH * Bài 5: 5 LT * Bài 6: 5 TH * Bài 7: 5 LT * Bài 8: 5 TH * Bài 9: 5 TH | | * Bài 10: 5 TH * Bài 11: 5 LT * Bài 12 5 LT * Bài 13 5 LT * Bài 14 5 LT * Bài 15 5 TH * Bài 16 5 TH * Bài 17 5 TH | | |
| Bài 18: 5T (Chấm bài thi kết thúc HP) | | | | |
| 5 | ĐỒ HỌA VI TÍNH 5 - (Kỹ thuật Hoạt hình 3D) | + Cung cấp cho sinh viên kỹ năng sử dụng phần mềm đồ họa MAYA trong việc xử lý các đối tượng đồ họa động (Text, các đối tượng đồ họa đơn giản)  + Phương pháp thực hiện hoạt cảnh có kết hợp giữa cảnh quay thật (Nhân vật trên phông key) với bối cảnh 3D  + Phương pháp thực hiện hoạt cảnh có diễn xuất giữa người và các đối tượng 3D  + Phương pháp xử lý, mô tả các chất liệu  Kết thúc môn học  Sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản về Phim hoạt hình  - Các phần mềm diễn hoạt trong phim hoạt hình  - Quy trình thực hiện một đoạn phim Hoạt hình với phần mềm MAYA  - Thực hành xây dựng mô hình nhân vật và diễn động  - Thực hành tổng hợp các khâu trong dựng phim có kỹ xảo. | 4 | Kì học: học kì II (năm thứ ba)  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 50% LT, 50% TH | | | | | * 20% điểm chuyên cần * 30% điểm giữa   kỳ   * 50% điểm thi kết thúc HP |
| * Bài 1: 5 LT * Bài 2: 5 LT * Bài 3: 5 TH * Bài 4: 5 TH * Bài 5: 5 LT * Bài 6: 5 TH * Bài 7: 5 LT   Bài 8: 5 TH Bài 9: 5 LT | | * Bài 10: 5 TH * Bài 11: 5 LT * Bài 12 5 LT * Bài 13 5 TH * Bài 14 5 LT * Bài 15 5 TH * Bài 16 5 LT   Bài 17 5 TH | | |
| Bài 18: 5T (Chấm bài thi kết thúc HP) | | | | |
|  | ĐỒ HỌA VI TÍNH 6 - (Kỹ xảo điện ảnh 3D). | + Cung cấp cho sinh viên khái niệm về các phần mềm kỹ xảo 3D  + Phương pháp thực hiện các clip kỹ xảo dạng chất lỏng (Nước, sữa, xăng dầu, khói, lửa)  + Phương pháp thực hiện các kỹ xảo biến dạng (Từ người thành chất lỏng và ngược lại)  + Phương pháp tổ chức thực hiện một cảnh quay kỹ xảo ngoài hiện trường  + Kỹ năng sử dụng phần mềm RealFLOW | 4 | Kì học: học kì I (năm thứ tư)  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 50% LT, 50% TH | | | | | * 20% điểm chuyên cần * 30% điểm giữa   kỳ   * 50% điểm thi kết thúc HP |
| * Bài 1: 5 LT * Bài 2: 5 LT * Bài 3: 5 LT * Bài 4: 5 TH * Bài 5: 5 LT * Bài 6: 5 TH * Bài 7: 5 LT   Bài 8: 5 TH  Bài 9: 5 TH | | | * Bài 10: 5 TH * Bài 11: 5 LT * Bài 12 5 LT * Bài 13 5 LT * Bài 14 5 LT * Bài 15 5 TH * Bài 16 5 TH * Bài 17 5 TH | |
| Bài 18: 5T (Chấm bài thi kết thúc HP) | | | | |
| **7** | NGHỆ THUẬT CHỮ - TYPOGRAPHY | Cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về lịch sử phát triển, các đặc điểm tạo hình và nguyên tắc sử dụng nghệ thuật chữ trong các thiết kế đồ họa in ấn, đồ họa động, đồ họa kỹ xảo trong lĩnh vực điện ảnh, truyền hình.  Kết thúc môn học sinh viên hiểu được Các khái niệm cơ bản về nghệ thuật chữ  + Nhận diện được các họ chữ, kiểu phông chữ và các đặc điểm của từng loại  + Nắm được nguyên tắc sử dụng chữ trong thiết kế  + Ứng dụng được kiến thức đã học vào công tác thiết kế các ấn phẩm đồ họa như Poster phim, Poster sân khấu và các ấn phẩm phụ vụ truyền thông khác | 2 | Thời gian: 10 tuần  Phân bổ số tiết: 50% LT, 50% TH | | | | | 20% điểm chuyên cần  30% điểm giữa  kỳ  50% điểm thi kết thúc HP |
| * Bài 1: 5 LT * Bài 2: 5 TH * Bài 3: 5 LT   Bài 4: 5 TH | | | * Bài 5: 5 LT * Bài 6: 5 TH * Bài 7: 5 LT * Bài 8: 5 TH | |
| Bài 9: 5 T (Chấm bài kết thúc HP) | | | | |
| 8 | THIẾT KẾ KỊCH BẢN HÌNH ẢNH – STORYBOARD | Cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về lịch sử phát triển, các đặc điểm tạo hình và nguyên tắc sử dụng nghệ thuật chữ trong các thiết kế đồ họa in ấn, đồ họa động, đồ họa kỹ xảo trong lĩnh vực điện ảnh, truyền hình.  Kết thúc môn học sinh viên hiểu được quy trình sản xuất một bộ phim  + Sinh viên nắm được kỹ năng và các phương pháp sáng tạo một kịch bản hình ảnh  + Ứng dụng được kiến thức đã học vào việc thiết kế một kịch bản hình ảnh cho một bộ phim hoặc một clip quảng cáo. | 2 | Thời gian: 10 tuần  Phân bổ số tiết: 50% LT, 50% TH | | | | | 20% điểm chuyên cần  30% điểm giữa  kỳ  50% điểm thi kết thúc HP |
| * Bài 1: 5 LT * Bài 2: 5 LT * Bài 3: 5 TH   Bài 4: 5 TH | | | * Bài 5: 5 LT * Bài 6: 5 TH * Bài 7: 5 TH * Bài 8: 5 LT | |
| Bài 9: 5 T (Chấm bài kết thúc HP) | | | | |
| 9 | Vẽ điện tử - Digital painting | Cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về kỹ thuật vẽ bằng bút điện tử và sử dụng phần mềm vi tính trong việc minh họa.  Kết thúc môn học sinh viên có khả năng sử dụng các phần mểm vi tính để minh họa bằng bút điện tử | 3 | Kì học: học kì II (năm thứ nhất)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 50% LT, 50% TH | | | | | 20% điểm chuyên cần  30% điểm giữa  kỳ  50% điểm thi kết thúc HP |
| * Bài 1: 5 LT * Bài 2: 5 LT * Bài 3: 5 TH * Bài 4: 5 TH   Bài 5: 5 LT | | | * Bài 6: 5 LT * Bài 7: 5 TH * Bài 8: 5 LT * Bài 9: 5 TH * Bài 10: 5 LT * Bài 11: 5 TH   Bài 12: 5 T (Chấm bài kết thúc HP) | |
| 10 | Vẽ điện tử 2 - Digital matte painting | Cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về kỹ thuật vẽ bằng bút điện tử và sử dụng phần mềm vi tính trong việc minh họa, tạo không gian ảo, trường quay ảo bằng kỹ thuật matte painting.  Kết thúc môn học sinh viên có khả năng sử dụng các phần mểm vi tính để minh họa bằng bút điện tử | 3 | Kì học: học kì I (năm thứ hai)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 50% LT, 50% TH | | | | | * 20% điểm chuyên cần * 30% điểm giữa   kỳ  50% điểm thi kết thúc HP |
| * Bài 1: 5 LT * Bài 2: 5 TH * Bài 3: 5 LT * Bài 4: 5 TH * Bài 5: 5 LT * Bài 6: 5 TH | | | | * Bài 7: 5 LT * Bài 8: 5 TH * Bài 9: 5 LT * Bài 10: 5 LT * Bài 11: 5 TH |
| * Bài 9: 5 T (Chấm bài kết thúc HP) | | | | |

**Chuyên ngành: Thiết kế mỹ thuật hoạt hình**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tạo hình phim hoạt hình IV  (Vẽ động) | - Nắm được những kiến thức cơ bản của việc vẽ động  - Biết phân biệt sự khác nhau giữa các chuyển động cơ bản  - Mô phỏng chuyển động | 4 | Kì học: học kì V  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 50LT, 40TH  + Chương I: 50 LT  + Chương II: 40 TH | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 2 | Tạo hình phim hoạt hình V  (Các phương pháp thể hiện phim hoạt hình) | - Nắm được những kiến thức cơ bản về các thể loại phim Hoạt hình  - Biết phân biệt hình thức mỹ thuật của thể các loại phim Hoạt Hình và với các môn nghệ thuật khác Điện ảnh, Sân Khấu  - Có khả năng làm được phim hoạt hình theo nhiều phương pháp khác nhau | 4 | Kì học: học kỳ VI  Thời gian: 18 tuần  Phân bố sổ tiết: 15LT, 75TH | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| - Bài 1: 5 LT  - Bài 2: 10 TH  - Bài 3: 10 TH  - Bài 4: 5 LT | - Bài 5: 10 TH  - Bài 6: 5 LT  - Bài 7: 10 TH  - Bài 8: 10 TH  - Bài 9: 25 TH |

Chuyên ngành: Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh, hoạt hình

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | ĐỒ HỌA VI TÍNH 2A | - Cung cấp cho sinh viên kỹ năng sử dụng phần mềm đồ họa MAYA trong việc tạo hình Modeling, xử lý các đối tượng đồ họa tĩnh  - Hướng dẫn sử dụng các công cụ cơ bản trong phần mềm MAYA  - Thực hành xây dựng tạo hình Modeling (Đồ vật 3D)  - Hướng dẫn phương pháp thực hiện tạo hình bối cảnh 3D  - Hướng dẫn phương pháp ép các chất liệu vào modeling  - Hướng dẫn phương pháp tạo hiệu chiếu sáng | 3 | Kì học: học kì V (năm thứ 3)  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết: 25 LT, 20 TH | | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa  kỳ  - 60% điểm thi kết thúc HP |
| * Bài 1: 3 LT, 2TH * Bài 2: 2 LT, 3TH * Bài 3: 3 LT, 2 TH * Bài 4: 2 LT, 3 TH | * Bài 5: 3 LT, 2 TH * Bài 6: 2 LT, 3 TH * Bài 7: 3 LT, 2 TH * Bài 8: 5 TH   Bài 9: TH (Bài thi TH) |
| 1 | ĐỒ HỌA VI TÍNH 2B | - Thực hành xây dựng tạo hình Modeling phức tạp (nhân vật 3D)  - Hướng dẫn phương pháp thực hiện tạo hình bối cảnh 3D phức tạp  - Hướng dẫn phương pháp ép các chất liệu, màu sắc vào modeling  - Hướng dẫn làm ánh sáng và chiếu sáng cho bối cảnh, nhân vật 3D  - Thực hiện các hiệu ứng kỹ xảo 3D  - Thực hành xây dựng mô hình nhân vật và diễn động. |  | Kì học: học kì VI (năm thứ 3)  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết: 25 LT, 20 TH | | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa  kỳ  - 60% điểm thi kết thúc HP |
| Bài 1: 3 LT, 2TH  Bài 2: 2 LT, 3TH  Bài 3: 3 LT, 2 TH  Bài 4: 2 LT, 3 TH | Bài 5: 3 LT, 2 TH  Bài 6: 2 LT, 3 TH  Bài 7: 3 LT, 2 TH  Bài 8: 5 TH |
| Bài 9: TH (Bài thi TH) | |

**Chuyên ngành: Thiết kế trang phục nghệ thuật**

Môn: Kỹ Thuật Cắt may

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Kỹ thuật cắt may I.A | * Trang bị cho sinh viên kiến thức về Chất liệu và những kỹ thuật may cơ bản giúp sinh viên nhận biết được các loại vải, cách sử dụng và bảo quản. Biết chọn vải phù hợp với cỡ người, kiểu trang phục. Biết cách sửa chữa những trục trặc của máy khâu thường gặp**,** đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”. * Kết thúc học phần sinh viên có kĩ năng may thành thạo và đẹp những đường may cơ bản. Biết cách đo những số đo cơ bản trên hình thể nam và nữ. Thuộc công thức cắt, may đẹp sản phẩm may đơn giản của trang phục truyền thống Việt nam. * Ý thức được vai trò, nhiệm vụ của người họa sĩ thiết kế trong quá trình sáng tác, đòi hỏi SV phải tích lũy vốn sống, vốn kiến thức về văn hóa và xã hội để phục vụ cho tác phẩm của mình. Có ý thức tự giác rèn luyện kĩ thuật cắt may chuyên nghiệp. | 3 | Kì học: học kì I (năm thứ nhất)  Thời gian: 06 tuần  Phân bổ số tiết: 50 LT, 50 TH   * Bài 1: 5 LT * Bài 2: 3 LT, 2 TH * Bài 3: 2 LT, 3 TH * Bài 4: 2 LT, 3 TH * Bài 5: 3 LT, 2 TH * Bài 6: 3 LT, 2 TH * Bài 7: 2 LT, 3 TH * Bài 8: 2 LT, 3 TH * Bài 9: 2 LT, 3 TH * Bài 10: 2 LT, 3 TH * Bài 11: 5 LT * Bài 12: 5T (Chấm bài thi kết thúc HP) | 20% điểm chuyên cần  30% điểm giữa  kỳ  -50% điểm thi kết thúc HP |
| 2 | Kỹ thuật cắt may I.B | * Trang bị cho sinh viên kiến thức về kỹ thuật cắt may Âu phục**,** đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”. * Kết thúc học phần sinh viên có kĩ năng cắt may thành thạo và đẹp sản phẩm âu phục nam nữ. * Ý thức được vai trò, nhiệm vụ của người họa sĩ thiết kế trong quá trình sáng tác, đòi hỏi phải tích lũy vốn sống, vốn kiến thức về văn hóa và xã hội để phục vụ cho tác phẩm của mình. Có ý thức tự giác rèn luyện kĩ thuật cắt may chuyên nghiệp. | 3 | Kì học: học kì II (năm thứ nhất)  Thời gian: 06 uần  Phân bổ số tiết: 50 LT, 50 TH   * Bài 1: 5 LT * Bài 2: 5 TH * Bài 3: 5 LT * Bài 4: 5 TH * Bài 5: 5 LT * Bài 6: 5 TH * Bài 7: 5 LT * Bài 8: 5 TH * Bài 9: 5 LT * Bài 10: 5 TH * Bài 11: 5 LT * Bài 12: 5T (Chấm bài thi kết thúc HP) | 20% điểm chuyên cần  30% điểm giữa  kỳ  -50% điểm thi kết thúc HP |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 3 | Kỹ thuật cắt may II.A | * Trang bị cho sinh viên kiến thức về kỹ thuật cắt may trang phục Truyền thống Việt Nam,đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”. * Kết thúc học phần sinh viên có kĩ năng cắt may thành thạo và đẹp trang phục Truyền thống Việt Nam**.** * Ý thức được vai trò, nhiệm vụ của người họa sĩ thiết kế trong quá trình sáng tác, đòi hỏi phải tích lũy vốn sống, vốn kiến thức về văn hóa và xã hội để phục vụ cho tác phẩm của mình. Có ý thức tự giác rèn luyện kĩ thuật cắt may chuyên nghiệp. | 3 | Kì học: học kì III (năm thứ 2)  Thời gian: 06 tuần  Phân bổ số tiết: 55 LT, 45 TH   * Bài 1: 5 LT * Bài 2: 5LT, 5 TH * Bài 3: 5 LT * Bài 4: 5 TH * Bài 5: 5 LT * Bài 6: 5 LT * Bài 7: 5 LT * Bài 8: 1 LT, 4 TH * Bài 9: 3 LT, 2 TH * Bài 10: 5 LT * Bài 11: 10 TH * Bài 12: 5T (Chấm bài thi kết thúc HP) | | 20% điểm chuyên cần  30% điểm giữa  kỳ  - 50% điểm thi kết thúc HP |
| 4 | Kỹ thuật cắt may II.B | * Trang bị cho sinh viên kiến thức về Kỹ thuật cắt may Trang phục Lịch sử và Cổ trang Việt Nam, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”. * Kết thúc học phần sinh viên có kĩ năng cắt may thành thạo và đẹp Trang phục Lịch sử và Cổ trang Việt Nam**.** * Ý thức được vai trò, nhiệm vụ của người họa sĩ thiết kế trong quá trình sáng tác, đòi hỏi phải tích lũy vốn sống, vốn kiến thức về văn hóa và xã hội để phục vụ cho tác phẩm của mình. Có ý thức tự giác rèn luyện kĩ thuật cắt may chuyên nghiệp. | 3 | Kì học: học kì IV (năm thứ 2)  Thời gian: 06 tuần  Phân bổ số tiết: 60 LT, 40 TH | | 20% điểm chuyên cần  30% điểm giữa  kỳ  50% điểm thi kết thúc HP |
| Bài 1: 5 LT  Bài 2: 3 LT, 2 TH  Bài 3: 5 LT  Bài 4: 3 LT, 2 TH  Bài 5: 5 LT | Bài 6: 5 LT  Bài 7: 5 TH  Bài 8: 5 LT  Bài 9: 10 TH  Bài 10: 5 LT, 5 TH  Bài 11: 5 LT |
| Bài 12: 5T (Chấm bài thi kết thúc HP) | |

Môn: Thiết kế Trang phục cơ bản

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 5 | Thiết kế trang phục cơ bản I-A | * Trang bị cho sinh viên kiến thức để sinh viên biết được vị trí và vai trò của bộ môn thiết kế trang phục cơ bản trong chuyên ngành thiết kế trang phục Sân khấu Điện ảnh. Hiểu được vai trò của sáng tác vải trong thiết kế thời trang. Biết phân biệt hình thức mỹ thuật cũng như kỹ thuật tạo vải. Nhận biết các nguyên tắc thiết kế vải dài trong sản xuất công nghiệp. Hiểu biết sâu về màu và hòa sắc màu trong thiết kế vải. Sáng tác và vẽ được mẫu vải theo phong cách lựa chọn. Có khả năng thiết kế bộ sưu tập thời trang theo phong cách vải đã thiết kế. Sinh viên nắm được các nguyên tắc và phương pháp sáng tác bố cục mẫu trang trí trên một sản phẩm dệt. Biết cách triển khai và thể hiện phác thảo theo từng giai đoạn nghiên cứu, thành một sản phẩm phù hợp mục tiêu của thị trường xác định**,** đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”. * Kết thúc học phần sinh viên có kĩ năng thể hiện mẫu bằng đồ hoạ thời trang, bước đầu biết kỹ thuật thể hiện trên sản phẩm thật. * Ý thức được vai trò, nhiệm vụ của người họa sĩ thiết kế trong quá trình sáng tác, đòi hỏi phải tích lũy vốn sống, vốn kiến thức về văn hóa và xã hội để phục vụ cho tác phẩm của mình. | 2 | Kì học: học kì I (năm thứ nhất)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 50 LT, 50 TH  Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 LT  Bài 3: 5 LT  Bài 4: 5 LT  Bài 5: 5 TH  Bài 6: 5 TH  Bài 7: 5 TH  Bài 8: 5 LT  Bài 9: 5 T (Chấm bài giữa kì)  Bài 10: 5 LT  Bài 11: 5 TH  Bài 12: 5 TH | 20% điểm chuyên cần  30% điểm giữa  kỳ  50% điểm thi kết thúc HP |
| 6 | Thiết kế trang phục cơ bản I-B | * Trang bị cho sinh viên kiến thức để sinh viên tập làm quen chép ảnh mẫu từ đó biết hình dung dáng đứng, tỷ lệ người mẫu đa dạng, phong phú. Biết làm đồ hoạ đen trắng, đồ hoạ mầu trên hình thể người mẫu vẽ. Làm quen và thực hành bố cục sáng tạo, đòi hỏi tư duy cao. Biết chép tranh từ đó hình dung ra bố cục, sắp đặt màu, phân tích màu sắc, ý tưởng , phong cách của người hoạ sĩ qua bức tranh**,** đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”. * Ý thức được vai trò, nhiệm vụ của người họa sĩ thiết kế trong quá trình sáng tác, đòi hỏi phải tích lũy vốn sống, vốn kiến thức về văn hóa và xã hội để phục vụ cho tác phẩm của mình. * Ý thức được vai trò, nhiệm vụ của người họa sĩ thiết kế trong quá trình sáng tác, đòi hỏi phải tích lũy vốn sống, vốn kiến thức về văn hóa và xã hội để phục vụ cho tác phẩm của mình. | 2 | Kì học: học kì II (năm thứ nhất)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 50 LT, 50 TH  Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 LT  Bài 3: 5 TH  Bài 4: 5 TH  Bài 5: 5 LT  Bài 6: 5 TH  Bài 7: 5 TH  Bài 8: 5 LT  Bài 9: 5 T (Chấm bài kết thúc HP) | 20% điểm chuyên cần  30% điểm giữa  kỳ  50% điểm thi kết thúc HP |
| 7 | Thiết kế trang phục cơ bản II- A | * Trang bị cho sinh viên kiến thức giúp sinh viên tìm hiểu, nghiên cứu kĩ chi tiết hoạ tiết trên Trang phục các dân tộc Việt Nam.Có được những kiến thức cơ bản về trang phục nghệ thuật. Nắm được những nguyên tắc cơ bản về bố cục trang phục.   Nắm được phương pháp thiết kế trang phục nghệ thuật từ trang phục lịch sử**,** đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.   * Kết thúc học phần sinh viên nắm biết xây dựng biểu tượng thời trang. Có khả năng thiết kế được một bộ sưu tập mang tính đồng bộ cao. *(đồng nhất về màu sắc, kết cấu, chất liệu, trang trí …).* * Ý thức được vai trò, nhiệm vụ của người họa sĩ thiết kế trong quá trình sáng tác, đòi hỏi phải tích lũy vốn sống, vốn kiến thức về văn hóa và xã hội để phục vụ cho tác phẩm của mình. | 2 | Kì học: học kì III (năm thứ hai)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 50 LT, 50 TH  Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 LT  Bài 3: 5 LT  Bài 4: 5 TH  Bài 5: 5 LT  Bài 6: 5 LT  Bài 7: 5 LT  Bài 8: 5 TH  Bài 9: 5 TH  Bài 10: 5 TH  Bài 11: 5 TH  Bài 12: 5 T  (Chấm bài kết thúc HP) | 20% điểm chuyên cần  30% điểm giữa  kỳ  50% điểm thi kết thúc HP |
| 8 | Thiết kế trang phục cơ bản II- B | * Trang bị cho sinh viên kiến thức giúp sinh viên nắm được các đặc tính của khối cơ bản nói chung cũng như cấu trúc khối trong không gian nói chung ,thời trang nói riêng. Nắm được phương pháp tạo hình của cấu trúc khối trên cơ thể người cũng như trên trang phục sáng tác. Trang phục sáng tác mang đậm tính nghệ thuật trong xu hướng mới nhất của thị trường thời trang. Đối với các nhà thiết kế lớn còn mang tính dự báo hay định hướng cho một xu hướng mới**,** đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”. * Kết thúc học phần sinh viên có kỹ năng sáng tác trang phục biểu hiện được cá tính của họa sỹ thiết kế. Có khả năng triển khai thiết kế và thể hiện phác thảo theo từng giai đoạn nghiên cứu, thành một đồ án hoàn chỉnh. * Ý thức được vai trò, nhiệm vụ của người họa sĩ thiết kế trong quá trình sáng tác, đòi hỏi phải tích lũy vốn sống, vốn kiến thức về văn hóa và xã hội để phục vụ cho tác phẩm của mình. | 2 | Kì học: học kì IV (năm thứ hai)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 50 LT, 50 TH  Bài 1: 5 LT,  Bài 2: 5 LT  Bài 3: 5 LT  Bài 4: 5 LT  Bài 5: 5 LT  Bài 6: 5 LT, 5 TH  Bài 7: 10 TH  Bài 8: TH  Bài 9: 10 TH | 20% điểm chuyên cần  30% điểm giữa  kỳ  50% điểm thi kết thúc HP |
| 9 | Thiết kế trang phục cơ bản III- A | * Trang bị cho sinh viên kiến thức giúp sinh viên biết sáng táng và phân biệt được bộ và tính đồng bộ trong trang phục. Nắm được những nguyên tắc cơ bản về thời trang trong sản xuất công nghiệp. Lý giải được đặc điểm của thời trang trong sản xuất công nghiệp. Biết phân biệt thời trang sản xuất trong công nghiệp và các thể loại thời trang khác, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”. * Kết thúc học phần sinh viên có kỹ năng sáng tác trang phục biểu hiện được phong cách và tính thời sự của xu hướng đương thời và theo dự báo xu hướng mốt. Biết cách triển khai và thể hiện phác thảo theo từng giai đoạn nghiên cứu, thành một đồ án hoàn chỉnh. * Ý thức được vai trò, nhiệm vụ của người họa sĩ thiết kế trong quá trình sáng tác, đòi hỏi phải tích lũy vốn sống, vốn kiến thức về văn hóa và xã hội để phục vụ cho tác phẩm của mình. | 2 | Kì học: học kì V (năm thứ ba)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 50 LT, 50 TH  Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 LT  Bài 3: 5 LT  Bài 4: 5 T ( hỏi thi giữa kì)  Bài 5: 5 LT  Bài 6: 5 LT  Bài 7: 5 TH  Bài 8: 10 TH  Bài 9: 5 TH  Bài 10: 5 TH  Bài 11: SV làm bài thi  Bài 12: 5 T (Chấm bài kết thúc HP) | 20% điểm chuyên cần  30% điểm giữa  kỳ  50% điểm thi kết thúc HP |
| 10 | Thiết kế trang phục cơ bản III- B | * Trang bị cho sinh viên kiến thức giúp sinh viên sinh viên biết được các dáng mẫu người cơ bản và cách xử lý ứng dụng trang phục trên từng phom người khác nhau. Nghiên cứu được về hình thức và nội tâm người mình cần thiết kế. Nắm được những nguyên tắc cơ bản về thời trang theo phong cách cá nhân. Lý giải được sự độc đáo, tính khác biệt trong trang phục theo phong cách cá nhân, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”. * Kết thúc học phần sinh viên có kỹ năng biết phân biệt thời trang theo phong cách cá nhân với thời trang trong sản xuất trong công nghiệp và các thể loại thời trang khác. Sáng tác trang phục biểu hiện được phong cách và cá tính của nhân vật lựa chọn. Biết cách triển khai và thể hiện phác thảo theo từng giai đoạn nghiên cứu, thành một đồ án hoàn chỉnh. * Ý thức được vai trò, nhiệm vụ của người họa sĩ thiết kế trong quá trình sáng tác, đòi hỏi phải tích lũy vốn sống, vốn kiến thức về văn hóa và xã hội để phục vụ cho tác phẩm của mình. | 2 | Kì học: học kì VI (năm thứ 3)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 50 LT, 50 TH  Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 LT  Bài 3: 5 LT, 5 TH  Bài 4: 5 T ( hỏi thi giữa kì)  Bài 5: 5 LT  Bài 6: 5 LT  Bài 7: SV làm bài  Bài 8: 10 TH  Bài 9: 5 TH  Bài 10: 5 TH  Bài 11: SV làm bài thi  Bài 12: 5 T (Chấm bài kết thúc HP) | * 20% điểm chuyên cần * 30% điểm giữa   kỳ   * 50% điểm thi kết thúc HP |

**Môn học: ĐỒ HỌA VI TÍNH 2A, 2B**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Đồ họa vi tính 2a | - Nguyên lý đồ họa vector của hệ thống Adobe  - Nắm vững giao thức trong hệ thống Adobe  - Thiết kế poster chuyên ngành  - Biết cách sử dụng phần mềm đồ họa Illustrator.  - Phối hợp với photoShop để tạo ra một bản thiết kế.  - Kỹ thuật chuyển đổi với CorelDraw  - Tạo ra các định dạng file phù hợp để sử dụng vào các mục đích khác nhau: In ấn, cho web, các phần mềm đồ họa nâng cao, kỹ xảo phim… | 3 | Kì học: học kì VI (năm thứ ba)  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết: 25 LT, 20 TH   * Bài 1: 5 LT ;Bài 2: 5 LT * Bài 3: 3 LT, 2 TH; * Bài 4: 2 LT, 3 TH; * Bài 5: 3 LT, 2 TH * Bài 6: 2 LT, 3 TH * Bài 7: 5 LT ;Bài 8: 5 TH * Bài 9: TH (Bài thi TH) | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa  kỳ  - 60% điểm thi kết thúc HP |
| 2 | Đồ họa vi tính 2b | - Nắm được quy trình thực hiện bài chuyên ngành trên máy tính  - Thiết kế poster giới thiệu cá nhân  - Kỹ năng vector hóa bản vẽ chì.  - Vector hóa tư liệu ảnh chụp  - Trình bày mẫu thiết kế trên bản vẽ  - Kỹ năng trình bày tiểu luận tốt nghiệp  - Lưu trữ và in ấn | 3 | Kì học: học kì VII (năm thứ 4)  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết: 25 LT, 20 TH   * Bài 1: 5 LT; Bài 2: 5 LT * Bài 3: 3 LT, 2 TH; Bài 4: 2 LT, 3 TH ; Bài 5: 3 LT, 2 TH * Bài 6: 2 LT, 3 TH ; Bài 7: 5 LT * Bài 8: 5 TH * Bài 9: TH (Bài thi TH) | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa  kỳ  - 60% điểm thi kết thúc HP |

**Chuyên ngành; thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh, hoạt hình**

**Môn học: ĐỒ HỌA VI TÍNH 2A, 2B**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | ĐỒ HỌA VI TÍNH 2A | - Cung cấp cho sinh viên kỹ năng sử dụng phần mềm đồ họa MAYA trong việc tạo hình Modeling, xử lý các đối tượng đồ họa tĩnh  - Hướng dẫn sử dụng các công cụ cơ bản trong phần mềm MAYA  - Thực hành xây dựng tạo hình Modeling (Đồ vật 3D)  - Hướng dẫn phương pháp thực hiện tạo hình bối cảnh 3D  - Hướng dẫn phương pháp ép các chất liệu vào modeling  - Hướng dẫn phương pháp tạo hiệu chiếu sáng | 3 | Kì học: học kì V (năm thứ 3)  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết: 25 LT, 20 TH   * Bài 1: 3 LT, 2TH * Bài 2: 2 LT, 3TH * Bài 3: 3 LT, 2 TH * Bài 4: 2 LT, 3 TH * Bài 5: 3 LT, 2 TH * Bài 6: 2 LT, 3 TH * Bài 7: 3 LT, 2 TH * Bài 8: 5 TH * Bài 9: TH (Bài thi TH) | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa  kỳ  - 60% điểm thi kết thúc HP |
| 1 | ĐỒ HỌA VI TÍNH 2B | - Thực hành xây dựng tạo hình Modeling phức tạp (nhân vật 3D)  - Hướng dẫn phương pháp thực hiện tạo hình bối cảnh 3D phức tạp  - Hướng dẫn phương pháp ép các chất liệu, màu sắc vào modeling  - Hướng dẫn làm ánh sáng và chiếu sáng cho bối cảnh, nhân vật 3D  - Thực hiện các hiệu ứng kỹ xảo 3D  - Thực hành xây dựng mô hình nhân vật và diễn động. |  | Kì học: học kì VI (năm thứ 3)  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết: 25 LT, 20 TH   * Bài 1: 3 LT, 2TH * Bài 2: 2 LT, 3TH * Bài 3: 3 LT, 2 TH * Bài 4: 2 LT, 3 TH * Bài 5: 3 LT, 2 TH * Bài 6: 2 LT, 3 TH * Bài 7: 3 LT, 2 TH * Bài 8: 5 TH * Bài 9: TH (Bài thi TH) | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa  kỳ  - 60% điểm thi kết thúc HP |

**Môn: Kỹ thuật dựng phim**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | KỸ THUẬT DỰNG PHIM | - Trang bị cho sinh viên kiến thức về Nghệ thuật dựng phim, đáp ứng sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực Điện ảnh - Truyền hình  - Giúp sinh viên nắm được những nguyên tắc cơ bản về kỹ thuật và nghệ thuật dựng phim.  - Biết cách sử dụng phần mềm dựng phim Adobe Premiere để dựng phim.  -Biết cắt ghép, chỉnh sửa, lồng tiếng và làm các hiệu ứng, kỹ xảo cho Video  - Có thể làm công việc về dựng phim TVC, phim quảng cáo, đài hiệu, MV, phim ngắn, phim Điện ảnh, phim Truyền hình… | 3 | Kì học: học kì VII (năm thứ 4)  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết: 25 LT, 20 TH  Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 LT  Bài 3: 3 LT, 2 TH  Bài 4: 2 LT, 3 TH  Bài 5: 3 LT, 2 TH  Bài 6: 2 LT, 3 TH  Bài 7: 5 LT  Bài 8: 5 TH  Bài 9: TH (Bài thi TH) | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa  kỳ  - 60% điểm thi kết thúc HP |

**Môn: Tạo hình TKMT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tạo hình TKMT Hoạt hình 1.2 | Nắm được những kiến thức cơ bản về phim Hoạt hình.- Định nghĩa được thế nào là phim Hoạt hình.- Biết được quy trình sản xuất một bộ phim Hoạt hình.- Biết được vai trò, trách nhiệm của người Họa sĩ trong một bộ phim hoạt hình.- Xây dựng được bộ nhân vật cho một bộ phim hoạt hình. . Bảng tỉ lệ nhân vật.. Vẽ chi tiết các nhân vật chính, phụ và tô màu.. Dáng xoay của các nhân vật.. Các dáng chuyển động và biểu cảm khuôn mặt khác nhau của nhân vật | 4 | Kỳ học: học kỳ II  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 30% LT, 70% TH | | | ĐCC: 30%  ĐBT: 30%  ĐKT: 40% |
| Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 LT  Bài 3: 5 TH  Bài 4: 5 TH  Bài 5: 5 LT  Bài 6: 5 TH  Bài 7: 5 TH  Bài kiểm tra: 5 TH | Bài 9: 5 LT  Bài 10: 5 LT  Bài 11: 5 TH  Bài 12: 5 LT  Bài 13: 5 TH  Bài 14: 5 TH  Bài thi: 20 TH | |  |
| 2 | Tạo hình TKMT Hoạt hình 2.1 | - Nắm được những kiến thức cơ bản về phân cảnh hình ảnh.- Nêu được quy trình xây dựng một phân cảnh hình ảnh cho một bộ phim.- Nắm chắc kiến thức về khuôn hình, tỷ lệ khuôn hình, góc máy và động tác máy…- Xây dựng được một bộ phác thảo phân cảnh hình ảnh cho một bộ phim hoạt hình. . Bối cảnh. . Phác thảo phân cảnh hình ảnh. | 4 | Kỳ học: học kỳ I  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 30% LT, 70% TH | | | ĐCC: 20%  ĐBT: 40%  ĐKT: 40% |
| Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 LT  Bài 3: 5 LT  Bài 4: 5 LT  Bài 5: 5 TH  Bài 6: 5 TH  Bài 7: 5 TH  Bài kiểm tra: 5 TH | Bài 9: 5 LT  Bài 10: 5 LT  Bài 11: 5 TH  Bài 12: 5 TH  Bài 13: 5 TH  Bài 14: 5 TH  Bài thi: 20 TH | |
| 3 | Tạo hình TKMT Hoạt hình 2.2 | - Hiểu được vai trò của phân cảnh hình ảnh màu đối với một bộ phim Hoạt hình.- Nắm vững các nguyên tắc tính chất, ý nghĩa của màu sắc.- Các kỹ thuật tô màu.- Thiết kế được một bộ phân cảnh hình ảnh đấy đủ cho một bộ phim hoạt hình. . Phác thảo phân cảnh hình ảnh đen trắng. . Phân cảnh hình ảnh chi tiết bằng màu. | 4 | Kỳ học: học kỳ II  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 30% LT, 70% TH | | | ĐCC: 20%  ĐBT: 40%  ĐKT: 40% |
| Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 LT  Bài 3: 5 LT  Bài 4: 5 LT  Bài 5: 5 TH  Bài 6: 5 TH  Bài kiểm tra: 10 TH | Bài 9: 5 LT  Bài 10: 5 LT  Bài 11: 5 TH  Bài 12: 5 TH  Bài 13: 5 TH  Bài thi: 25 TH | |  |
| 4 | Tạo hình TKMT Hoạt hình 3.1 | - Nắm được những kiến thức cơ bản của việc vẽ động  - Biết phân biệt sự khác nhau giữa các chuyển động cơ bản  - Mô phỏng chuyển động  - Xây dựng được chuyển động cho các cảnh phim Hoạt hình | 4 | Kỳ học: học kỳ I  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 30% LT, 70% TH | | | ĐCC: 20%  ĐBT: 40%  ĐKT: 40% |
| Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 LT  Bài 3: 5 TH  Bài 4: 5 TH  Bài 5: 5 LT  Bài 6: 5 TH  Bài kiểm tra: 10 TH | | Bài 9: 5 LT  Bài 10: 5 LT  Bài 11: 5 TH  Bài 12: 5 LT  Bài 13: 5 TH  Bài thi: 25 TH |
| 5 | Tạo hình TKMT Hoạt hình 3.2 | - Nắm được những kiến thức cơ bản về các thể loại phim Hoạt hình  - Biết phân biệt hình thức mỹ thuật của thể các loại phim Hoạt Hình và với các môn nghệ thuật khác Điện ảnh, Sân Khấu  - Có khả năng làm được phim hoạt hình theo nhiều phương pháp khác nhau. | 4 | Kỳ học: học kỳ II  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 40% LT, 60% TH | | | ĐCC: 20%  ĐBT: 40%  ĐKT: 40% |
| Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 LT  Bài 3: 5 LT  Bài 4: 5 TH  Bài 5: 5 LT  Bài 6: 5 TH  Bài kiểm tra: 10 TH | | Bài 9: 5 LT  Bài 10: 5 LT  Bài 11: 5 TH  Bài 12: 5 LT  Bài 13: 5 LT  Bài thi: 25 TH |
| 6 | Tạo hình TKMT Hoạt hình 4.1 | - Sinh viên cần hoàn thành bộ thiết kế của mình theo kịch bản đã được lựa chọn trước khi thực hiện phim tốt nghiệp gồm :  - Tạo hình nhân vật  - Phân cảnh hình ảnh (storyboard)  - Phông nền (background) cho một bộ phim | 4 | Kỳ học: học kỳ I  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 40% LT, 60% TH | | | ĐCC: 20%  ĐBT: 40%  ĐKT: 40% |
| Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 LT  Bài 3: 5 LT  Bài 4: 5 TH  Bài 5: 5 TH  Bài 6: 5 TH  Bài kiểm tra: 10 TH | | Bài 9: 5 LT  Bài 10: 5 LT  Bài 11: 5 TH  Bài 12: 5 LT  Bài 13: 5 TH  Bài thi: 25 TH |
| 7 | Tạo hình TKMT Hoạt hình 4.2 | - Sinh viên sử dụng các kỹ năng đã được học trong các môn học trước để làm một bộ phim Hoạt hình hoàn chỉnh | 4 | Kỳ học: học kỳ II  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 20% LT, 60% TH | | | ĐCC: 20%  ĐKT: 80% |
| Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 LT  Bài 3: 5 TH  Bài 4: 5 TH  Bài 5: 5 TH  Bài 6: 5 TH | | Bài 7: 5 TH  Bài 8; 5 TH  Bài 9: 5 LT  Bài 10: 5 LT  Bài 11: 5 TH  Bài thi: 35 TH |

**Chuyên ngành Thiết kế đồ họa kỹ xảo**

**Môn: Kỹ thuật dựng phim**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | KỸ THUẬT DỰNG PHIM | - Trang bị cho sinh viên kiến thức về Nghệ thuật dựng phim, đáp ứng sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực Điện ảnh - Truyền hình  - Giúp sinh viên nắm được những nguyên tắc cơ bản về kỹ thuật và nghệ thuật dựng phim.  - Biết cách sử dụng phần mềm dựng phim Adobe Premiere để dựng phim.  - Biết cắt ghép, chỉnh sửa, lồng tiếng và làm các hiệu ứng, kỹ xảo cho Video  - Có thể làm công việc về dựng phim TVC, phim quảng cáo, đài hiệu, MV, phim ngắn, phim Điện ảnh, phim Truyền hình… | 3 | Kì học: học kì VII (năm thứ 4)  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết: 25 LT, 20 TH | | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa  kỳ  - 60% điểm thi kết thúc HP |
| * Bài 1: 5 LT * Bài 2: 5 LT * Bài 3: 3 LT, 2 TH Bài 4: 2 LT, 3 TH * Bài 5: 3 LT, 2 TH | * Bài 6: 2 LT, 3 TH * Bài 7: 5 LT * Bài 8: 5 TH   Bài 9: TH (Bài thi TH) |

**Môn: Đồ họa vi tính**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | ĐỒ HỌA VI TÍNH 1 - (Thiết kế đồ họa tĩnh). | Cung cấp cho sinh viên khái niệm về phương pháp thiết kế đồ họa trong in ấn, các tiêu chuẩn thiết kế đồ họa trong in ấn  Khái niệm về bộ nhận dạng thương hiệu sản phẩm  Kỹ năng sử dụng phần mềm đồ họa ADOBE ILLUSTRATOR, ADOBE INDESIGN  Kỹ năng làm việc nhóm thông qua Project tập thể  Kết thúc môn học Sinh viên hiểu được Các khái niệm cơ bản về đồ họa máy tính  Mô hình màu trong máy tính. Biết phân biệt được các phần mềm đồ họa máy tính  Nắm chắc và thực hành được Phần mềm đồ họa ADOBE ILLUSTRATOR  - Sinh viên thực hiện được Bộ nhận dạng thương hiệu sản phẩm và thuyết trình ý tưởng thiết kế. | 4 | Kì học: học kì II (năm thứ nhất)  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 50% LT, 50% TH | | 20% điểm chuyên cần  30% điểm giữa  kỳ  -50% điểm thi kết thúc HP |
| Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 LT  Bài 3: 5 LT  Bài 4: 5 TH  Bài 5: 5 LT  Bài 6: 5 TH  Bài 7: 5 LT  Bài 8: 5 TH  Bài 9: 5 TH  Bài 10: 5 TH | Bài 11: 5 LT  Bài 12 5 LT  Bài 13 5 LT  Bài 14 5 LT  Bài 15 5 TH  Bài 16 5 TH  Bài 17 5 TH  Bài 18: 5T (Chấm bài thi kết thúc HP) |
| **2** | ĐỒ HỌA VI TÍNH 2 - (Thiết kế đồ họa động) | ***+*** Cung cấp cho sinh viên khái niệm về các sản phẩm đồ họa động sử dụng trong lĩnh vực truyền thông  + Các dạng sản phẩm đồ họa động cơ bản: TVC, Hình hiệu, hình gạt, hình cắt, trailer video, các motiongraphic trong video ART hoặc trình diễn nghệ thuật  + Qui trình và phương pháp thực hiện một sản phẩm đồ họa động (Ý tưởng, kịch bản, lập kế hoạch thực hiện, phương pháp là việc nhóm….)  + Kỹ năng sử dụng phần mềm ADOBE AFTEREFFECT, plugins và một số phần mềm hỗ trợ. Kết thúc môn học Sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản về đồ họa động và ứng dụng của đồ họa động  - Các phần mềm thực hiện video đồ họa động  - Quy trình thực hiện một sản phẩm đồ họa động  - Thực hành biên tập Video (Hình ảnh, âm thanh) với các phần mềm động  - Thực hành thể hiện được bộ phác thảo hình hiệu truyền hình bằng các phần mềm đồ họa động | 4 | Kì học: học kì I (năm thứ hai)  Thời gian:18 tuần  Phân bổ số tiết: 50% LT, 50% TH | | 20% điểm chuyên cần  30% điểm giữa  kỳ  -50% điểm thi kết thúc HP |
| Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 LT  Bài 3: 5 TH  Bài 4: 5 TH  Bài 5: 5 LT  Bài 6: 5 TH  Bài 7: 5 LT  Bài 8: 5 TH Bài 9: 5 LT  Bài 10: 5 TH | Bài 11: 5 LT  Bài 12 5 LT  Bài 13 5 LT  Bài 14 5 LT  Bài 15 5 TH  Bài 16 5 TH  Bài 17 5 TH  Bài 18: 5T (Chấm bài thi kết thúc HP) |
| 3 | ĐỒ HỌA VI TÍNH 3 - (Kỹ xảo điện ảnh 2D) | ***+*** Cung cấp cho sinh viên khái niệm về quy trình sản xuất một tác phẩm điện ảnh, khái niệm kỹ xảo điện ảnh, các dạng kỹ xảo điện ảnh vai trò của kỹ xảo điện ảnh trong tác phẩm điện ảnh  + Phương pháp thực hiện một đoạn kỹ xảo điện ảnh  + Kỹ năng sử dụng phần mềm ADOBE PREMIERE, ADOBE AFTEREFFECT, plugins và một số phần mềm hỗ trợ  Kết thúc môn học Sinh viên hiểu được các khái niệm về kỹ xảo điện ảnh  - Các phần mềm thực hiện kỹ xảo điện ảnh  - Quy trình thực hiện kỹ xảo điện ảnh cho một tác phẩm điện ảnh  - Thực hành ghép các đoạn kỹ xảo vào đoạn phim quay kỹ thuật  - Thực hành Ghép bối cảnh và nhân vật thành cảnh phim hoàn chỉnh, thuyết trình ý tưởng và kỹ thuật thực hiện. | 4 | Kì học: học kì II (năm thứ hai)  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 50% LT, 50% TH | | 20% điểm chuyên cần  30% điểm giữa  kỳ  -50% điểm thi kết thúc HP |
| Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 LT  Bài 3: 5 TH  Bài 4: 5 TH  Bài 5: 5 LT  Bài 6: 5 TH  Bài 7: 5 LT  Bài 8: 5 TH Bài 9: 5 LT  Bài 10: 5 TH | Bài 11: 5 LT  Bài 12 5 LT  Bài 13 5 LT  Bài 14 5 LT  Bài 15 5 TH  Bài 16 5 TH  Bài 17 5 TH  Bài 18: 5T (Chấm bài thi kết thúc HP) |
| 4 | ĐỒ HỌA VI TÍNH 4 - (Thiết kế mô hình 3D) | + Cung cấp cho sinh viên kỹ năng sử dụng phần mềm đồ họa MAYA trong việc xây dựng và mô phỏng các đồ vật, hình ảnh, không gian  + Phương pháp xử lý, mô tả các chất liệu  + Kỹ năng liên kết giữa phần mềm 3D và 2D trong việc mô tả không gian trong các sản phẩm điện ảnh, sân khấu  Kết thúc môn học Sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản về đồ họa 3D  - Các phần mềm thực hiện đồ họa 3D  - Quy trình thực hiện một kỹ xảo điện ảnh có sử dụng phần mềm 3D  - Thực hành xây dựng mô hình nhân vật với Polygon  - Thiết kế bối cảnh Điện ảnh / Sân khấu bằng phần mềm Maya | 4 | Kì học: học kì I (năm thứ ba)  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 50% LT, 50% TH | | 20% điểm chuyên cần  30% điểm giữa  kỳ  50% điểm thi kết thúc HP |
| Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 LT  Bài 3: 5 LT  Bài 4: 5 TH  Bài 5: 5 LT  Bài 6: 5 TH  Bài 7: 5 LT  Bài 8: 5 TH  Bài 9: 5 TH  Bài 10: 5 TH | Bài 11: 5 LT  Bài 12 5 LT  Bài 13 5 LT  Bài 14 5 LT  Bài 15 5 TH  Bài 16 5 TH  Bài 17 5 TH  Bài 18: 5T (Chấm bài thi kết thúc HP) |
| 5 | ĐỒ HỌA VI TÍNH 5 - (Kỹ thuật Hoạt hình 3D) | + Cung cấp cho sinh viên kỹ năng sử dụng phần mềm đồ họa MAYA trong việc xử lý các đối tượng đồ họa động (Text, các đối tượng đồ họa đơn giản)  + Phương pháp thực hiện hoạt cảnh có kết hợp giữa cảnh quay thật (Nhân vật trên phông key) với bối cảnh 3D  + Phương pháp thực hiện hoạt cảnh có diễn xuất giữa người và các đối tượng 3D  + Phương pháp xử lý, mô tả các chất liệu  Kết thúc môn học  Sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản về Phim hoạt hình  - Các phần mềm diễn hoạt trong phim hoạt hình  - Quy trình thực hiện một đoạn phim Hoạt hình với phần mềm MAYA  - Thực hành xây dựng mô hình nhân vật và diễn động  - Thực hành tổng hợp các khâu trong dựng phim có kỹ xảo. | 4 | Kì học: học kì II (năm thứ ba)  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 50% LT, 50% TH | | 20% điểm chuyên cần  30% điểm giữa  kỳ  50% điểm thi kết thúc HP |
| Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 LT  Bài 3: 5 TH  Bài 4: 5 TH  Bài 5: 5 LT  Bài 6: 5 TH  Bài 7: 5 LT  Bài 8: 5 TH  Bài 9: 5 LT  Bài 10: 5 TH | Bài 11: 5 LT  Bài 12 5 LT  Bài 13 5 TH  Bài 14 5 LT  Bài 15 5 TH  Bài 16 5 LT  Bài 17 5 TH  Bài 18: 5T (Chấm bài thi kết thúc HP) |
| 6 | ĐỒ HỌA VI TÍNH 6 - (Kỹ xảo điện ảnh 3D). | + Cung cấp cho sinh viên khái niệm về các phần mềm kỹ xảo 3D  + Phương pháp thực hiện các clip kỹ xảo dạng chất lỏng (Nước, sữa, xăng dầu, khói, lửa)  + Phương pháp thực hiện các kỹ xảo biến dạng (Từ người thành chất lỏng và ngược lại)  + Phương pháp tổ chức thực hiện một cảnh quay kỹ xảo ngoài hiện trường  + Kỹ năng sử dụng phần mềm RealFLOW | 4 | Kì học: học kì I (năm thứ tư)  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 50% LT, 50% TH | | 20% điểm chuyên cần  30% điểm giữa  kỳ  50% điểm thi kết thúc HP |
| Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 LT  Bài 3: 5 LT  Bài 4: 5 TH  Bài 5: 5 LT  Bài 6: 5 TH  Bài 7: 5 LT  Bài 8: 5 TH  Bài 9: 5 TH  Bài 10: 5 TH | Bài 11: 5 LT  Bài 12 5 LT  Bài 13 5 LT  Bài 14 5 LT  Bài 15 5 TH  Bài 16 5 TH  Bài 17 5 TH  Bài 18: 5T (Chấm bài thi kết thúc HP) |
| 7 | NGHỆ THUẬT CHỮ - TYPOGRAPHY | Cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về lịch sử phát triển, các đặc điểm tạo hình và nguyên tắc sử dụng nghệ thuật chữ trong các thiết kế đồ họa in ấn, đồ họa động, đồ họa kỹ xảo trong lĩnh vực điện ảnh, truyền hình.  Kết thúc môn học sinh viên hiểu được Các khái niệm cơ bản về nghệ thuật chữ  + Nhận diện được các họ chữ, kiểu phông chữ và các đặc điểm của từng loại  + Nắm được nguyên tắc sử dụng chữ trong thiết kế  + Ứng dụng được kiến thức đã học vào công tác thiết kế các ấn phẩm đồ họa như Poster phim, Poster sân khấu và các ấn phẩm phụ vụ truyền thông khác | 2 | Thời gian: 10 tuần  Phân bổ số tiết: 50% LT, 50% TH | | 20% điểm chuyên cần  30% điểm giữa  kỳ  50% điểm thi kết thúc HP |
| Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 TH  Bài 3: 5 LT  Bài 4: 5 TH  Bài 5: 5 LT | Bài 6: 5 TH  Bài 7: 5 LT  Bài 8: 5 TH  Bài 9: 5 T (Chấm bài kết thúc HP) |
| 8 | THIẾT KẾ KỊCH BẢN HÌNH ẢNH – STORYBOARD | Cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về lịch sử phát triển, các đặc điểm tạo hình và nguyên tắc sử dụng nghệ thuật chữ trong các thiết kế đồ họa in ấn, đồ họa động, đồ họa kỹ xảo trong lĩnh vực điện ảnh, truyền hình.  Kết thúc môn học sinh viên hiểu được quy trình sản xuất một bộ phim  + Sinh viên nắm được kỹ năng và các phương pháp sáng tạo một kịch bản hình ảnh  + Ứng dụng được kiến thức đã học vào việc thiết kế một kịch bản hình ảnh cho một bộ phim hoặc một clip quảng cáo. | 2 | Thời gian: 10 tuần  Phân bổ số tiết: 50% LT, 50% TH  Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 LT  Bài 3: 5 TH  Bài 4: 5 TH  Bài 5: 5 LT  Bài 6: 5 TH  Bài 7: 5 TH  Bài 8: 5 LT  Bài 9: 5 T (Chấm bài kết thúc HP) | | 20% điểm chuyên cần  30% điểm giữa  kỳ  50% điểm thi kết thúc HP |
| 9 | Vẽ điện tử - Digital painting | Cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về kỹ thuật vẽ bằng bút điện tử và sử dụng phần mềm vi tính trong việc minh họa.  Kết thúc môn học sinh viên có khả năng sử dụng các phần mểm vi tính để minh họa bằng bút điện tử | 3 | Kì học: học kì II (năm thứ nhất)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 50% LT, 50% TH | | 20% điểm chuyên cần  30% điểm giữa  kỳ  50% điểm thi kết thúc HP |
| Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 LT  Bài 3: 5 TH  Bài 4: 5 TH  Bài 5: 5 LT  Bài 6: 5 LT  Bài 7: 5 TH | Bài 8: 5 LT  Bài 9: 5 TH  Bài 10: 5 LT  Bài 11: 5 TH  Bài 12: 5 T (Chấm bài kết thúc HP) |
| 10 | Vẽ điện tử 2 - Digital matte painting | Cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về kỹ thuật vẽ bằng bút điện tử và sử dụng phần mềm vi tính trong việc minh họa, tạo không gian ảo, trường quay ảo bằng kỹ thuật matte painting.  Kết thúc môn học sinh viên có khả năng sử dụng các phần mểm vi tính để minh họa bằng bút điện tử | 3 | Kì học: học kì I (năm thứ hai)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 50% LT, 50% TH | | 20% điểm chuyên cần  30% điểm giữa  kỳ  50% điểm thi kết thúc HP |
| Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 TH  Bài 3: 5 LT  Bài 4: 5 TH  Bài 5: 5 LT  Bài 6: 5 TH | Bài 7: 5 LT  Bài 8: 5 TH  Bài 9: 5 LT  Bài 10: 5 LT  Bài 11: 5 TH  Bài 9: 5 T (Chấm bài kết thúc HP) |

**Môn: Kỹ xảo vi tính**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Kỹ xảo vi tính | - Hiểu được nguyên lý làm việc của phần mềm đồ họa chuyển động  - Nắm rõ cơ chế quản lý lớp, hòa trộn lớp hình ảnh  - Nắm rõ nguyên lý đặt key trong AE.  **-** Biết cách sử dụng phần mềm After Effects để tạo ra một đoạn video clip với hiệu ứng hình ảnh và chữ động theo yêu cầu.  - Tạo ra các định dạng file phù hợp để sử dụng vào các công việc khác như: Hoạt hình, kỹ xảo phim, cho web, để trình chiếu…  - Tạo thói quen làm việc khoa học.  - Phát triển tư duy logic và rèn luyện tính kiên trì | 3 | Kì học: học kì VII (năm thứ tư)  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết: 25 LT, 20 TH  Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 LT  Bài 3: 3 LT, 2 TH  Bài 4: 2 LT, 3 TH  Bài 5: 3 LT, 2 TH  Bài 6: 2 LT, 3 TH  Bài 7: 5 LT  Bài 8: 5 TH  Bài 9: TH (Bài thi TH) | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa  kỳ  - 60% điểm thi kết thúc HP |

**Môn: Vẽ điện tử**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Vẽ điện tử 1 | Cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về kỹ thuật vẽ bằng bút điện tử và sử dụng phần mềm vi tính trong việc minh họa. | 2 | Kì học: học kì II  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết: 15LT, 30TH  + Chương I: 15LT  + Chương II: 10TH  + Chương III: 10TH  + Chương IV: 10TH | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |

**Chuyên ngành: Thiết kế mỹ thuật hoạt hình**

**Môn: Kỹ xảo vi tính**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Kỹ xảo vi tính | - Hiểu được nguyên lý làm việc của phần mềm đồ họa chuyển động  - Nắm rõ cơ chế quản lý lớp, hòa trộn lớp hình ảnh  - Nắm rõ nguyên lý đặt key trong AE.  **-** Biết cách sử dụng phần mềm After Effects để tạo ra một đoạn video clip với hiệu ứng hình ảnh và chữ động theo yêu cầu.  - Tạo ra các định dạng file phù hợp để sử dụng vào các công việc khác như: Hoạt hình, kỹ xảo phim, cho web, để trình chiếu…  - Tạo thói quen làm việc khoa học.  - Phát triển tư duy logic và rèn luyện tính kiên trì. | 3 | Kì học: học kì VII (năm thứ tư)  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết: 25 LT, 20 TH | | 10% điểm chuyên cần  30% điểm giữa  kỳ  - 60% điểm thi kết thúc HP |
| Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 LT  Bài 3: 3 LT, 2 TH  Bài 4: 2 LT, 3 TH  Bài 5: 3 LT, 2 TH | Bài 6: 2 LT, 3 TH  Bài 7: 5 LT  Bài 8: 5 TH  Bài 9: TH (Bài thi TH) |

**Môn: Tạo hình phim hoạt hình**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tạo hình phim hoạt hình IV  (Vẽ động) | - Nắm được những kiến thức cơ bản của việc vẽ động  - Biết phân biệt sự khác nhau giữa các chuyển động cơ bản  - Mô phỏng chuyển động | 4 | Kì học: học kì V  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 50LT, 40TH  + Chương I: 50LT  + Chương II: 40TH | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 2 | Tạo hình phim hoạt hình V  (Các phương pháp thể hiện phim hoạt hình) | - Nắm được những kiến thức cơ bản về các thể loại phim Hoạt hình  - Biết phân biệt hình thức mỹ thuật của thể các loại phim Hoạt Hình và với các môn nghệ thuật khác Điện ảnh, Sân Khấu  - Có khả năng làm được phim hoạt hình theo nhiều phương pháp khác nhau | 4 | Kì học: học kỳ VI  Thời gian: 18 tuần  Phân bố sổ tiết: 15LT, 75TH | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| Bài 1: 5LT  Bài 2: 10TH  Bài 3: 10TH  Bài 4: 5LT | Bài 5: 10TH  Bài 6: 5LT  Bài 7: 10TH  Bài 8: 10TH  Bài 9: 25TH |

**Môn: Nghiệp vụ Đạo diễn phim Hoạt hình**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Nghiệp vụ Đạo diễn phim Hoạt hình 1.1 | **-** Trang bị cho sinh viên kiến thức về nghiệp vụ đạo diễn hoạt hình**,** đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **-** Kết thúc học phần sinh viên có kĩ năng biết được vai trò của đạo diễn trong một bộ phim hoạt hình. Hiểu các công đoạn mà người đạo diễn đảm nhiệm. Nắm vững nghiệp vụ đạo diễn một bộ phim hoạt hình  **-** Ý thức được vai trò, nhiệm vụ của người họa sĩ thiết kế trong quá trình sáng tác, đòi hỏi phải tích lũy vốn sống, vốn kiến thức về văn hóa và xã hội để phục vụ cho tác phẩm của mình. | 2 | Học kỳ I  Thời gian: *9 tuần*  Phân bổ số tiết: *30% lý thuyết, 70% thực hành*  **Bài 1**: Lý thuyết về kiến thức chung môn nghiệp vụ đạo diễn: (5 tiết)  **Bài 2**: Hướng dẫn cách chọn kịch bản văn học để đưa vào làm phân cảnh đạo diễn: (5 tiết)  **Bài 3**: Hướng dẫn cách viết phân cảnh đạo diễn bằng lời, giới thiệu về cách dàn dựng các cữ khuôn hình: (5 tiết)  **Bài 4**: Cách tạo hình nhân vật và bối cảnh chính cho phù hợp với nội dung kịch bản: (5 tiết)  **Bài 5**: Làm phác thảo nhân vật và bối cảnh chính ở nhà: (5 tiết)  **Bài 6+7**: Kiểm tra phần viết phân cảnh lời, trao đổi với sinh viên từng bài: (10 tiết)  **Bài 8**: Kiểm tra phần tạo hình nhân vật, bối cảnh chính: (5 tiết)  *(Sinh viên tự làm phân cảnh hình ảnh ở nhà)*  **Bài 9**: Kiểm tra phần vẽ phân cảnh hình ảnh cho phù hợp với môn học và đánh giá kết quả: (5 tiết) | ĐCC: 10%  ĐBT: 40%  ĐKT: 50% |

**CHUYÊN NGÀNH: THIẾT KẾ MỸ THUẬT SÂN KHẤU**

**Môn: Tạo hình SK**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tạo hình SK 1 | - Biết được không gian Sân khấu nói chung và không gian của Mỹ thuật Sân khấu nói riêng.  - Hiểu được vai trò đặc trưng của Mỹ thuật Sân khấu.  - Biết phân biệt hình thức mỹ thuật sân khấu khác với mỹ thuật tạo hình.  - Nhận biết các mô hình kỹ thuật Sân khấu.  - Hiểu và vẽ được sơ đồ kỹ thuật mặt bằng, mặt cắt của cấu trúc sàn diễn, nhà hát sân khấu.  - Có khả năng tạo dựng được một bối cảnh mang tính sân khấu trên một sàn diễn. | 3 | Kì học: học kì II (năm thứ nhất)  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 50 LT, 40 TH  Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 LT  Bài 3: 5 LT  Bài 4: 2 LT, 3 TH  Bài 5: 3 LT, 2 TH  Bài 6: 3 LT, 2 TH  Bài 7: 2 LT, 3 TH  Bài 8: 2 LT, 3 TH  Bài 9: 2 LT, 3 TH  Bài 10: 2 LT, 3 TH  Bài 11: 3 LT, 2 TH  Bài 12: 3 LT, 2 TH  Bài 13: 2 LT, 3 TH  Bài 14: 5 TH  Bài 15: 5 LT  Bài 16: 5 TH  Bài 17: 5 LT  Bài 18: 5 TH (Bài thi TH) | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa  kỳ  - 60% điểm thi kết thúc HP |
| 2 | Tạo hình SK 2 | - Nắm vững được các loại tạo hình Cảnh cứng, cảnh mềm trong một vở diễn Sân khấu.  - Biết chắt lọc và hình tượng hoá khi thực hiện mỹ thuật cho một vở diễn.  - Biết làm đúng và làm đẹp cho vở diễn Sân khấu.  - Biết kỹ thuật dựng một tổng thể thiết kế trên sơ đồ dựng cảnh.  - Giải trình được các phương án và chất liệu chế tác. | 3 | Kì học: học kì III (năm thứ hai)  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 55 LT, 35 TH  Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 LT  Bài 3: 3 LT, 2 TH  Bài 4: 3 LT, 2 TH  Bài 5: 3 LT, 2 TH  Bài 6: 3 LT, 2 TH  Bài 7: 3 LT, 2 TH  Bài 8: 3 LT, 3 TH  Bài 9: 3 LT, 3 TH  Bài 10: 2 LT, 3 TH  Bài 11: 2 LT, 3 TH  Bài 12: 2 LT, 3 TH  Bài 13: 2 LT, 3 TH  Bài 14: 5 TH  Bài 15: 5 LT  Bài 16: 5 TH  Bài 17: 5 LT  Bài 18: 5t (Thi TH) | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa  kỳ  - 60% điểm thi kết thúc HP |
| 3 | Tạo hình SK 3 | - Có được những kiến thức cơ bản về SK kịch nói VN và Thế giới.  - Nắm được những nguyên tắc cơ bản về không gian trình diễn SK kịch nói.  - Lý giải được đặc điểm của sân khấu kịch nói.  - Biết phân biệt hình thức mỹ thuật của thể loại sân khấu kịch nói với các thể loại sân khấu khác.  - Có khả năng thiết kế được một bộ trang trí (Bối cảnh, trang phục, áp phích) cho vở diễn của SK kịch nói. | 3 | Kì học: học kì III (năm thứ hai)  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 55 LT, 35 TH   * Bài 1: 5 LT * Bài 2: 5 LT * Bài 3: 3 LT, 2 TH * Bài 4: 3 LT, 2 TH * Bài 5: 3 LT, 2 TH * Bài 6: 3 LT, 2 TH * Bài 7: 3 LT, 2 TH * Bài 8: 3 LT, 3 TH * Bài 9: 3 LT, 3 TH * Bài 10: 2 LT, 3 TH * Bài 11: 2 LT, 3 TH * Bài 12: 2 LT, 3 TH * Bài 13: 2 LT, 3 TH * Bài 14: 5 TH * Bài 15: 5 LT * Bài 16: 5 TH * Bài 17: 5 LT * Bài 18: 5t (Thi TH) | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa  kỳ  - 60% điểm thi kết thúc HP |
| 4 | Tạo hình SK 4 | - Có được những kiến thức cơ bản về SK Chèo.  - Nắm được những nguyên tắc cơ bản về không gian trình diễn Sân khấu Chèo.  - Lý giải được đặc điểm của sân khấu Chèo.  - Biết phân biệt hình thức mỹ thuật của sân khấu chèo và các thể loại sân khấu khác.  - Có khả năng thiết kế được một bộ trang trí (Bối cảnh, trang phục, áp phích) cho vở diễn của SK chèo truyền thống. | 3 | Kì học: học kì III (năm thứ hai)  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 55 LT, 35 TH  Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 LT  Bài 3: 3 LT, 2 TH  Bài 4: 3 LT, 2 TH  Bài 5: 3 LT, 2 TH  Bài 6: 3 LT, 2 TH  Bài 7: 3 LT, 2 TH  Bài 8: 3 LT, 3 TH  Bài 9: 3 LT, 3 TH  Bài 10: 2 LT, 3 TH  Bài 11: 2 LT, 3 TH  Bài 12: 2 LT, 3 TH  Bài 13: 2 LT, 3 TH  Bài 14: 5 TH  Bài 15: 5 LT  Bài 16: 5 TH  Bài 17: 5 LT  Bài 18: 5t (Thi TH) | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa  kỳ  - 60% điểm thi kết thúc HP |
| 5 | Tạo hình SK 5 | - Nắm được những nguyên tắc cơ bản về không gian trình diễn SK Tuồng dân gian.  - Lý giải được đặc điểm của sân khấu Tuồng dân gian và SK tuồng Cung đình.  - Biết phân biệt hình thức mỹ thuật của thể loại sân khấu giữa Tuồng và các thể loại Sân khấu khác.  - Nhận biết các mô hình trang phục Tuồng truyền thống ứng với hệ thống Đào, Mụ, Lão, Kép…  - Trên cơ sở đó tạo hình được những mô hình trang phục hiện đại mang đặc trưng thể loại Tuồng  - Có khả năng thiết kế được một bộ (Bối cảnh, Trang phục, áp phích) cho vở diễn của SK Tuồng. | 3 | Kì học: học kì III (năm thứ hai)  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 55 LT, 35 TH  Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 LT  Bài 3: 3 LT, 2 TH  Bài 4: 3 LT, 2 TH  Bài 5: 3 LT, 2 TH  Bài 6: 3 LT, 2 TH  Bài 7: 3 LT, 2 TH  Bài 8: 3 LT, 3 TH  Bài 9: 3 LT, 3 TH  Bài 10: 2 LT, 3 TH  Bài 11: 2 LT, 3 TH  Bài 12: 2 LT, 3 TH  Bài 13: 2 LT, 3 TH  Bài 14: 5 TH  Bài 15: 5 LT  Bài 16: 5 TH  Bài 17: 5 LT  Bài 18: 5t (Thi TH) | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa  kỳ  - 60% điểm thi kết thúc HP |
| 6 | Tạo hình SK 6 | - Phương pháp sáng tạo khi tiếp cận hình tượng Sân khấu trong kịch bản văn học.  - Tạo dựng và biết bảo vệ ý đồ thiết kế mỹ thuật của một vở diễn.  - Xây dựng được một hình thức thống nhất trong phong cách cá nhân.  - Lập được hồ sơ kỹ thuật và kinh phí cho kế hoạch chỉ đạo thực hiện thiết kế.  - Biết thao tác, điều hành các khâu kỹ thuật dựng cảnh trong một đêm diễn. | 3 | Kì học: học kì III (năm thứ hai)  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 45 LT, 45 TH   * Bài 1: 5 LT   Bài 2: 5 LT  Bài 3: 3 LT, 2 TH  Bài 4: 3 LT, 2 TH  Bài 5: 3 LT, 2 TH  Bài 6: 3 LT, 2 TH  Bài 7: 3 LT, 2 TH  Bài 8: 5 TH  Bài 9: 5 TH  Bài 10: 5 TH  Bài 11: 5 LT  Bài 12: 5 TH  Bài 13: 5 LT  Bài 14: 5 TH  Bài 15: 5 LT  Bài 16: 5 TH  Bài 17: 5 LT  Bài 18: 5t (Thi TH) | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa  kỳ  - 60% điểm thi kết thúc HP |

**Môn: HÌNH HỌA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Hình họa1.1 | - Sinh viên nắm được những khái niệm,vai trò, kỹ thuật vẽ cơ bản của cácbài tập vẽ chân dung mẫu người  nam và nữ .  - So sánh sự khác biệt cơ bản về cấu trúc cơ thể nam và nữ, già và trẻ.  - Vận dụng tốt kiến thức vào bài tập và thể hiện được đường nét, hình khối, không gian, đậm nhạt và đặc điểm của mẫu chân dung.  - Thể hiện được sự khác biệt về đường nét, hình khối, giữa nam và nữ, giữa già và trẻ trên từng mẫu người cụ thể.  - Phát triển nhận thức thẩm mỹ. | 2 | | Kỳ học: Kỳ 1  Thời gian: 06 tuần  Phân bổ số tiết:  30% LT, 70% TH  Bài 1: 10TH  Bài 2: 10TH  Bài 3: 10TH  Bài 4: 10TH  Bài 5: 10TH  Bài 6: 10TH | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% | | |
| 2 | Hình họa 1.2 | - Sinh viên nắm được những khái niệm, vai trò, kỹ thuật vẽ cơ bản của các bài tập vẽ mẫu thật toàn thân nam già và trẻ. So sánh sự khác biệt cơ bản về cấu trúc cơ thể nam già và trẻ.  - Vận dụng tốt kiến thức vào bài tập và thể hiện được đường nét, hình khối, không gian, đậm nhạt và đặc điểm của mẫu.  - Thể hiện được sự khác biệt về đường nét, hình khối, giữa nam già và trẻ trên từng mẫu.  - Phát triển nhận thức thẩm mỹ tốt | 2 | | Kỳ học: Kỳ 2  Thời gian: 06 tuần  Phân bổ số tiết:  20%LT, 80% TH  Bài 1: 10TH  Bài 2: 10TH  Bài 3: 10TH  Bài 4: 10TH  Bài 5: 10TH  Bài 6: 10TH | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% | | |
| 3 | Hình họa 2.1 | - Sinh viên nắm được những khái niệm, vai trò, kỹ thuật vẽ cơ bản của các bài tập vẽ mẫu thật toàn thân nữ.  - So sánh sự khác biệt cơ bản về cấu trúc cơ thể nam và nữ, già và trẻ.  - Vận dụng tốt kiến thức vào bài tập và thể hiện được đường nét, hình khối, không gian, đậm nhạt và đặc điểm của mẫu nữ già và trẻ.  - Thể hiện được sự khác biệt về đường nét, hình khối, giữa nam và nữ, giữa già và trẻ trên từng mẫu cụ thể.  - Phát triển nhận thức thẩm mỹ đúng đắn. Trân trọng và yêu quý những giá trị và vẻ đẹp của con người, tự nhiên và xã hội. | | 2 | | Kỳ học: Kỳ 3  Thời gian: 06 tuần  Phân bổ số tiết:  10%LT, 90% TH  Bài 1: 10TH  Bài 2: 10TH  Bài 3: 10TH  Bài 4: 10TH  Bài 5: 10TH  Bài 6: 10TH | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 4 | Hình họa 2.2 | - Sinh viên nắm được những khái niệm, vai trò, kỹ thuật vẽ cơ bản của các bài tập vẽ mẫu thật toàn thân nữ chất liệu than.  - So sánh sự khác biệt cơ bản về cấu trúc cơ thể nam và nữ, già và trẻ.  - Vận dụng tốt kiến thức vào bài tập và thể hiện được đường nét, hình khối, không gian, đậm nhạt và đặc điểm của mẫu nữ.  - Thể hiện được sự khác biệt về đường nét, hình khối, giữa nam và nữ, giữa già và trẻ trên từng mẫu vẽ cụ thể.  - Rèn luyện kỹ năng sử dụng chất liệu than, tẩy...  - Phát triển nhận thức thẩm mỹ đúng đắn.  - Trân trọng và yêu quý những giá trị và vẻ đẹp của tự nhiên, xã hội.  - Sinh viên yêu thích môn học hình họa và chất liệu than. | | 2 | | Kỳ học: Kỳ 4  Thời gian: 06 tuần  Phân bổ số tiết:  10% LT, 90% TH  Bài 1: 10TH  Bài 2: 10TH  Bài 3: 10TH  Bài 4: 10TH  Bài 5: 10TH  Bài 6: 10TH | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 5 | Hình họa 3.1 | - Sinh viên nắm được những khái niệm, vai trò, kỹ thuật vẽ cơ bản của chất liệu sơn dầu.  - So sánh sự khác biệt cơ bản về cấu trúc, mầu sắc cơ thể nam và nữ.  - Vận dụng tốt kiến thức vào bài tập và thể hiện được đường nét, hình khối, mầu sắc và không gian đặc điểm mẫu.  - Thể hiện được sự khác biệt về đường nét, hình khối, mầu sắc giữa nam và nữ, giữa già và trẻ.  - Rèn luyện kỹ năng vẽ và sử dụng các loại bút, bay và các dụng cụ khác trong chất liệu sơn dầu.  - Phát triển nhận thức thẩm mỹ đúng đắn, sinh viên yêu thích môn học hình họa và chất liệu sơn dầu trên toan. | | 2 | | Kỳ học: Kỳ 5  Thời gian: 06 tuần  Phân bổ số tiết:  10% LT, 90% TH  Bài 1: 10TH  Bài 2: 10TH  Bài 3: 10TH  Bài 4: 10TH  Bài 5: 10TH  Bài 6: 10TH | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 6 | Hình họa 3.2 | - Sinh viên nắm được những khái niệm, vai trò, kỹ thuật vẽ cơ bản của  chất liệu sơn dầu thông qua những bài tập vẽ mẫu toàn thân có trang phục, rèn luyện kỹ năng diễn tả chất liệu.  - So sánh được sự khác biệt cơ bản về cấu trúc cơ thể, trang phục nam và nữ.  - Vận dụng tốt kiến thức vào bài tập và thể hiện được đường nét, hình khối, mầu sắc, không gian, đậm nhạt và đặc điểm của mẫu thật.  - Cảm nhận được sự khác biệt cơ bản của mẫu thông qua đường nét, hình khối, mầu sắc, đậm nhạt, không gian và chất cảm trên từng mẫu cụ thể giữa nam và nữ, già và trẻ, giữa thành thị và nông thôn.  - Rèn luyện kỹ năng vẽ và sử dụng các loại bút, bay và các dụng cụ khác trong chất liệu sơn dầu.  - Phát triển nhận thức thẩm mỹ đúng đắn. SV yêu thích môn học hình họa và chất liệu sơn dầu. | | 2 | | Kỳ học: Kỳ 6  Thời gian: 06 tuần  Phân bổ số tiết:  10%LT, 90% TH  Bài 1: 10TH  Bài 2: 10TH  Bài 3: 10TH  Bài 4: 10TH  Bài 5: 10TH  Bài 6: 10TH | | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |

**Môn: Hội Họa**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Hội họa I | - Sinh viên nắm được những khái niệm, vai trò, mầu sắc cơ bản của bài tĩnh vật.  - Chuẩn bị tốt họa phẩm, bảng, bút và các dụng cụ khác cho bài tập vẽ tĩnh vật chất liệu bột mầu trên giấy.  - Nêu được kỹ thuật vẽ cơ bản của chất liệu bột mầu.  - Vận dụng kiến thức vào bài tập và thể hiện được không gian, hình khối, mầu sắc, đậm nhạt trên cơ sở mẫu thật.  - Cảm nhận được sự khác biệt về mầu sắc, hình khối, không gian và chất cảm trên từng mẫu tĩnh vật cụ thể.  - Thể hiện được kỹ thuật vẽ chất liệu bột mầu.  - Trân trọng và yêu quý những giá trị và vẻ đẹp của tự nhiên và xã hội.  - Phát triển nhận thức thẩm mỹ đúng đắn.  - Sinh viên yêu thích môn học hội họa và chất liệu bột mầu. | 2 | Kì học: học kì II  Thời gian: 6 tuần  Phân bổ số tiết: 10LT, 50TH  + Bài 1: 2LT, 8TH  + Bài 2: 2LT, 8TH  + Bài 3: 2LT, 8TH  + Bài 4: 2LT, 8TH  + Bài 5: 2LT, 8TH  + Bài 6: 10TH | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |

**Môn: Hội Họa**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Hội họa1.1  Vẽ tĩnh vật chất liệu acylic | Trang bị cho sinh viên nắm được những khái niệm, vai trò, mầu sắc cơ bản của bài tĩnh vật.Chuẩn bị tốt họa phẩm, bảng, bút và các dụng cụ khác cho bài tập vẽ tĩnh vật chất liệu acylic trên toan.Nêu được kỹ thuật vẽ cơ bản của chất liệu acylic**.** Vận dụng kiến thức vào bài tập và thể hiện được không gian, hình khối, mầu sắc, đậm nhạt trên cơ sở mẫu thật. Cảm nhận được sự khác biệt về mầu sắc, hình khối, không gian và chất cảm trên từng mẫu tĩnh vật cụ thể. Thể hiện được kỹ thuật vẽ chất liệu acylic.  Ý thức được vai trò, nhiệm vụ của người họa sĩ thiết kế trong quá trình sáng tác, đòi hỏi phải tích lũy vốn sống, vốn kiến thức về văn hóa và xã hội để phục vụ cho tác phẩm của mình. Trân trọng và yêu quý những giá trị và vẻ đẹp của tự nhiên và xã hội. Phát triển nhận thức thẩm mỹ đúng đắn. Sinh viên yêu thích môn học hội họa và chất liệu acylic. | 2 | Kỳ học: Kỳ 1  Thời gian: 06 tuần  Phân bổ số tiết:  30% LT, 70% TH  Bài 1: 10TH  Bài 2: 10TH  Bài 3: 10TH  Bài 4: 10TH  Bài 5: 10TH  Bài 6: 10TH | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 2 | Hội họa 1.2  Vẽ phong cảnh - chất liệu acylic | Trang bị cho sinh viên kiến thức nắm được những khái niệm, vai trò, mầu sắc cơ bản của đặc điểm cụ thể địa điểm vẽ.Nêu được kỹ thuật vẽ cơ bản của chất liệu acylic**.** Có kĩ năng vận dụng kiến thức vào bài tập và thể hiện được không gian, mầu sắc, và đặc điểm sinh hoạt vùng miền. Thể hiện được sự khác biệt về hình khối, mầu sắc, không gian, thời gian và đặc điểm nơi vẽ, thể hiện tốt chất cảm trên từng bài tập cụ thể. Thể hiện được kỹ thuật vẽ chất liệu acylic.  Ý thức được vai trò, nhiệm vụ của người họa sĩ thiết kế trong quá trình sáng tác, đòi hỏi phải tích lũy vốn sống, vốn kiến thức về văn hóa và xã hội để phục vụ cho tác phẩm của mình. Trân trọng và yêu quý những giá trị và vẻ đẹp của tự nhiên và xã hội. Phát triển nhận thức thẩm mỹ đúng đắn. Sinh viên yêu thích môn học hội họa và chất liệu acylic. | 2 | Kỳ học: Kỳ 2  Thời gian: 06 tuần  Phân bổ số tiết:  20%LT, 80% TH  Bài 1: 10TH  Bài 2: 10TH  Bài 3: 10TH  Bài 4: 10TH  Bài 5: 10TH  Bài 6: 10TH | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 3 | Hội họa 2.1  Vẽ tĩnh vật - chất liệu sơn dầu | Trang bị cho sinh viên nắm được những khái niệm, vai trò, gam mầu cơ bản của bài tĩnh vật cụ thể. Chuẩn bị tốt họa phẩm, toan, bút và các dụng cụ khác cho bài tập vẽ tĩnh vật chất liệu sơn dầu trên toan. Nêu được kỹ thuật vẽ cơ bản của chất liệu sơn dầu. So sánh được sự khác biệt về gam mầu, và chất cảm trên từng mẫu tĩnh vật cụ thể*.* Thể hiện được đường nét, hình khối, mầu sắc, đậm nhạt trên cơ sở mẫu thật, sự khác biệt về sắc thái của gam mầu, hình khối, không gian và chất cảm trên từng mẫu tĩnh vật cụ thể. Thể hiện được kỹ thuật vẽ cơ bản của chất liệu sơn dầu.  Ý thức được vai trò, nhiệm vụ của người họa sĩ thiết kế trong quá trình sáng tác, đòi hỏi phải tích lũy vốn sống, vốn kiến thức về văn hóa và xã hội để phục vụ cho tác phẩm của mình. Trân trọng và yêu quý những giá trị và vẻ đẹp của tự nhiên và xã hội. Phát triển nhận thức thẩm mỹ đúng đắn. Sinh viên yêu thích môn học hội họa và chất liệu sơn dầu. | 2 | Kỳ học: Kỳ 3  Thời gian: 06 tuần  Phân bổ số tiết:  10%LT, 90% TH  Bài 1: 10TH  Bài 2: 10TH  Bài 3: 10TH  Bài 4: 10TH  Bài 5: 10TH  Bài 6: 10TH | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 4 | Hội họa 2.2  Vẽ phong cảnh - chất liệu sơn dầu | Trang bị cho sinh viên nắm được những khái niệm, vai trò, mầu sắc cơ bản của đặc điểm cụ thể địa điểm vẽ.Chuẩn bị tốt họa phẩm, toan, bút và các dụng cụ khác cho bài tập vẽ phong cảnh chất liệu sơn dầu trên toan. Nêu được kỹ thuật vẽ cơ bản của chất liệu sơn dầu  Kết thúc học phần sinh viên có kĩ năng vận dụng kiến thức vào bài tập và thể hiện được không gian, mầu sắc, và đặc điểm sinh hoạt vùng miền. Thể hiện được sự khác biệt về hình khối, mầu sắc, không gian, thời gian và đặc điểm nơi vẽ, thể hiện tốt chất cảm trên từng bài tập cụ thể. Thể hiện được kỹ thuật vẽ cơ bản chất liệu sơn dầu trên toan.  Ý thức được vai trò, nhiệm vụ của người họa sĩ thiết kế trong quá trình sáng tác, đòi hỏi phải tích lũy vốn sống, vốn kiến thức về văn hóa và xã hội để phục vụ cho tác phẩm của mình. Trân trọng và yêu quý những giá trị và vẻ đẹp của tự nhiên và xã hội. Phát triển nhận thức thẩm mỹ đúng đắn về chất liệu sơn dầu. Sinh viên yêu thích môn học hội họa và chất liệu sơn dầu. | 2 | Kỳ học: Kỳ 4  Thời gian: 06 tuần  Phân bổ số tiết:  10% LT, 90% TH  Bài 1: 10TH  Bài 2: 10TH  Bài 3: 10TH  Bài 4: 10TH  Bài 5: 10TH  Bài 6: 10TH | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 5 | Hội họa 3.1  Vẽ chân dung - chất liệu sơn dầu | Sinh viên nắm được những khái niệm, vai trò mầu sắc cơ bản của hình khối.Chuẩn bị tốt họa phẩm, toan, bút, bay vẽ và các dụng cụ khác cho bài tập.Nêu được kỹ thuật vẽ cơ bản của chất liệu sơn dầu. Có kĩ năng vận dụng kiến thức vào bài tập và thể hiện được không gian, mầu sắc, và đặc điểm nhân vật. Thể hiện được hình khối nhân vật. Thể hiện được kỹ thuật vẽ đi mảng lớn.  Ý thức được vai trò, nhiệm vụ của người họa sĩ thiết kế trong quá trình sáng tác, đòi hỏi phải tích lũy vốn sống, vốn kiến thức về văn hóa và xã hội để phục vụ cho tác phẩm của mình. Phát triển nhận thức thẩm mỹ đúng đắn về kỹ thuật vẽ chân dung. Sinh viên yêu thích môn học hội họa vẽ chân dung. | 2 | Kỳ học: Kỳ 5  Thời gian: 06 tuần  Phân bổ số tiết:  10% LT, 90% TH  Bài 1: 10TH  Bài 2: 10TH  Bài 3: 10TH  Bài 4: 10TH  Bài 5: 10TH  Bài 6: 10TH | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 6 | Hội họa 3.2  Vẽ sáng tác tranh - chất liệu sơn dầu | Sinh viên nắm được những khái niệm mầu sắc cơ bản của tranh nghệ thuật, các cách thức tiến hành thực hiện một tác phẩm nghệ thuật. Chuẩn bị được họa phẩm, và các dụng cụ thực hiện tốt một tác phẩm trên chất liệu sơn dầu. Nêu được kỹ thuật vẽ cơ bản của chất liệu sơn dầu. Nêu được các bước cơ bản sáng tác một tác phẩm nghệ thuật của chất liệu sơn dầu.  Kết thúc học phần sinh viên có kĩ năng vận dụng kiến thức vào bài tập và thể hiện được không gian, mầu sắc, và đặc điểm sinh hoạt vùng miền mà tác phẩm thể hiện. Thể hiện được sự khác biệt về hình khối, mầu sắc, không gian, thời gian và đặc điểm nơi vẽ, thể hiện tốt chất cảm trên từng bài tập cụ thể. Cảm nhận và thể hiện được gam mầu, chất cảm, phong cách vẽ mang đậm dấu ấn các nhân trên tác phẩm. Thể hiện được kỹ thuật vẽ cơ bản của chất liệu sơn dầu. | 2 | Kỳ học: Kỳ 6  Thời gian: 06 tuần  Phân bổ số tiết:  10%LT, 90% TH  Bài 1: 10TH  Bài 2: 10TH  Bài 3: 10TH  Bài 4: 10TH  Bài 5: 10TH  Bài 6: 10TH | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |

**Môn: Đồ họa vi tính**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **Đồ họa vi tính 1a** | **a. Mục tiêu kiến thức:**  - Hiểu nguyên lý làm việc của phần mềm Bitmap  - Bước đầu làm quen với thiết kế các ấn phẩm truyền thông quảng cáo bằng phần mềm đồ họa.  **b. Mục tiêu kỹ năng:**  - Biết cách sử dụng phần mềm đồ họa Adobe Photoshop ứng dụng vào công tác sáng tạo mỹ thuật  - Biết các tiêu chuẩn kỹ thuật của một sản phẩm thiết kế bằng phần mềm đồ họa | 2 | Kì học: học kì I (năm thứ nhất)  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết: 10 tiết lý thuyết, 30 tiết hướng dẫn và thực hành, 10 tiết kiểm tra và thi học kỳ.  Lịch trình giảng dạy:  Bài 1: Làm quen với Adobe Photoshop: - (Lý thuyết = 5 tiết).  - Giới thiệu phần mềm  - Giao diện làm việc: các cửa sổ  - Tính năng của các cửa sổ.  Bài 2 : Thanh công cụ - (Lý thuyết = 5 tiết).  - Giới thiệu tính năng, công dụng  - Các thao tác khi sử dụng công cụ  - Các thông số, ý nghĩa, cách xử lý các thông số để tùy chỉnh từng công cụ.  - Các lưu ý khi sử dụng, phím tắt.  Bài 3 : Tạo và hiệu chỉnh các Layer đặc biệt - (Lý thuyết = 5 tiết).  - Các loại layers  - Chỉnh sửa hình ảnh với Adjustment layer  - Tạo hình với Fill layer  - Vẽ hình vector phức tạp với Shape Layer  Bài 4 : Màu sắc và hiệu ứng - (Lý thuyết = 5 tiết).  - Palettes mầu  - Các phương pháp pha màu  - Làm việc với Layer effects  **Kiểm tra điều kiện**  Bài 5: Xắp xếp và các tính năng khác - (Lý thuyết = 5 tiết).  - Chia tách, phối hợp các đối tượng  - Quản lý lớp, canh chỉnh đối tượng  - Một số tính năng khác của phần mềm.  Bài 6: Thực hành – sử dụng Adoe Photoshop để thực một bản vẽ hoàn thiện (Thực hành= 5 tiết).  Bài 7: Làm bài thi hết phần mềm trên lớp. (Thực hành= 5 tiết).  **Thi học kỳ** | + 20% điểm chuyên cần  + 30% điểm giữa kỳ  + 50% điểm thi kết thúc HP |
| 2 | **Đồ họa vi tính 1b** | **a. Mục tiêu kiến thức:**  - Hiểu nguyên lý làm việc của phần mềm vector  - Thiết kế logo, bìa sách, poster bằng phần mềm Adobe Illustrator  **b. Mục tiêu kỹ năng:**  - Biết cách sử dụng phần mềm đồ họa Adobe Illustrator  - Tạo ra các định dạng file phù hợp để sử dụng vào các mục đích khác nhau: In ấn, cho web, các phần mềm đồ họa nâng cao, kỹ xảo phim… | 2 | Kì học: học kì II (năm thứ nhất)  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết: 10 tiết lý thuyết, 30 tiết hướng dẫn và thực hành, 10 tiết kiểm tra và thi học kỳ.  Lịch trình giảng dạy:  Bài 1: Làm quen với Adobe Illustrator: - (Lý thuyết = 5 tiết).  - Giới thiệu phần mềm  - Giao diện làm việc: các cửa sổ  - Tính năng của các cửa sổ.  Bài 2 : Thanh công cụ - (Lý thuyết = 5 tiết).  - Giới thiệu tính năng, công dụng  - Các thao tác khi sử dụng công cụ  - Các thông số, ý nghĩa, cách xử lý các thông số để tùy chỉnh từng công cụ.  - Các lưu ý khi sử dụng, phím tắt.  Bài 3 : Tạo và hiệu chỉnh đường bezier - (Lý thuyết = 5 tiết).  - Các phương pháp vẽ hình  - Chỉnh sửa hình với shape tool  - Định dạng đường cong  - Vẽ hình phức tạp  Bài 4 : Màu sắc và hiệu ứng - (Lý thuyết = 5 tiết).  - Palettes mầu  - Các phương pháp pha màu  - Làm việc với công cụ effects  **Kiểm tra điều kiện**  Bài 5: Xắp xếp và các tính năng khác - (Lý thuyết = 5 tiết).  - Chia tách, phối hợp các đối tượng  - Quản lý lớp, canh chỉnh đối tượng  - Một số tính năng khác của phần mềm.  Bài 6: Thực hành – sử dụng Adoe Illustrator để thực một bản vẽ hoàn thiện (Thực hành= 5 tiết).  Bài 7: Làm bài thi hết phần mềm trên lớp. (Thực hành= 5 tiết).  **Thi học kỳ** | + 20% điểm chuyên cần  + 30% điểm giữa kỳ  + 50% điểm thi kết thúc HP |

**Môn: Nghệ thuật giải phẫu cơ thể người**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Nghệ thuật giải phẫu cơ thể người | - Giúp sinh viên nhận thức đầy đủ vai trò của bộ môn giải phẫu tạo hình đối với mĩ thuật nói chung tạo hình nói riêng. Không thể tạo hình chính xác và sống động nhân vật trong tác phẩm nếu không nắm vững cấu tạo của cơ thể con người.  - Xác định đối tượng nghiên cứu của bộ môn đó là hệ xương, hệ cơ, tỉ lệ toàn thân và tỉ lệ từng bộ phận. Từ đó nhận xét tương quan trong mối liên hệ giữa xương và cơ của cơ thể. Biết các chuyển biến cấu trúc xương dẫn tới sự thay đổi cấu trúc các cơ chính trong hoạt động, sinh hoạt của con người.  - Thông qua các hình minh hoạ, kí hoạ thực tế các dáng hoạt động cơ bản của con người, sinh viên áp dụng vào các bài hình hoạ, phác thảo các dáng người trong bài tập chuyên ngành. Đây là yếu tố rất quan trọng mà sinh viên học mĩ thuật cần nghiên cứu. | 2 | Kì học: học kì I (năm thứ nhất)  Thời gian: 09 tuần  Phân bổ số tiết: 25 tiết LT, 20 tiết TH  Bài 1: Những kiến thức chung (Lý thuyết = 5 tiết).  - Lịch sử và khái niệm về Giải phẫu tạo hình.  - Vai trò của Giải phẫu tạo hình đối với mĩ thuật.  - Phương pháp học tập và nghiên cứu.  - Tỉ lệ cơ thể người.  Bài 2: Hệ xương. - (Lý thuyết = 5 tiết).  - Xương đầu.  - Xương thân.  - Xương chi trên.  - Xương chi dưới.  Bài 3+4: Vẽ thực hành bộ xương người toàn thân. (Thực hành = 5 tiết). Kiểm tra điều kiện (5 tiết).  Bài 5+6: Hệ cơ. - (Lý thuyết = 10 tiết).  - Cơ đầu.  - Cơ thân.  - Cơ chi trên.  - Cơ chi dưới.  Bài 6: Vẽ thực hành giải phẫu hệ cơ người thông qua bài tập hình hoạ. (Thực hành = 5 tiết).  Bài 7: Vận dụng giải phẫu để vẽ dáng động. - (Lý thuyết = 5 tiết).  - Tư thế động tác cơ thể người trong bước đi và chạy.  - Tìm hiểu một số động tác, tư thế hoạt động của con người theo cách vẽ giải phẫu đơn giản.  Bài 8: Vẽ thực hành vận dụng Giải phẫu tạo hình trong kí hoạ các dáng người trong thực tế. (Thực hành = 05 tiết).  Bài 9: Thi hết môn | + 20% điểm chuyên cần  + 30% điểm giữa kỳ  + 50% điểm thi kết thúc HP |

**Môn:** **Trang trí không gian**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **Trang trí không gian** | - Biết được cơ bản đặc điểm không gian ngoại cảnh và kiến trúc người Việt trải qua từng thời kỳ, không gian kiến trúc tôn giáo và cung đình các triều đại Việt Nam.  - Biết phân biệt đặc điểm Văn hóa thuần Việt với các nền văn hóa khác.  - Hiểu và vẽ được sơ đồ kỹ thuật mặt bằng, mặt cắt của cấu trúc nhà Việt.  - Có khả năng tạo dựng được không gian ngoại thất và nội thất mang tính chuyên ngành SK-ĐA.  - Hiểu được vai trò đặc trưng của không gian dân tộc Việt trong ứng dụng các chuyên ngành nghệ thuật Sân khấu và Điện ảnh. | 4 | Kì học: học kì I (năm thứ nhất)  Thời gian: 15 tuần  Phân bổ số tiết: Lý thuyết về kiến thức chung: 30 tiết; Hướng dẫn khảo sát tại Bảo tàng Dân tộc; Làng kiến trúc cổ VN: 20 tiết; Hướng dẫn thực hành tại lớp: 20 tiết; Treo bài, Nhận xét đánh giá: 5 tiết.  Lịch trình giảng dạy:  **Chương I: Không gian ngoại thất**  Bài 1: Giới thiệu lịch trình môn học + Khái niệm về không gian trong Sân khấu và Điện ảnh - (Lý thuyết = 5 tiết).  SV cần nắm được:  + Không gian trong đời sống thực  + Không gian được chắt lọc trong góc nhìn Sân khấu và Điện ảnh.  + Tính hợp lý giữa không gian thực và không gian nghệ thuật.  Bài 2: Khái luận những đặc điểm không gian ngoại thất gần gũi với cuộc sống người Việt - thông qua các tư liệu lịch sử và thực tế cuộc sống. (LT = 5 tiết).  SV cần nắm được:  + Đặc điểm, địa lý, điều kiện sống từng vùng miền  + Một số loại nhóm cây gắn với đời sống người Việt.  + Tạo nên cái nhìn đặc thù về không gian ngoại thất Việt Nam.  Bài 3: Vẽ ghi chép một số nhóm cây gần gũi với đời sống người Việt. (TH = 10 tiết).  SV cần làm tốt:  + Vẽ kỹ, thâm diễn cấu trúc một số nhóm cây tại hiện trường.  + Khái quát nhóm cây và nghiên cứu sâu đặc điểm riêng của mỗi loại.  + Dự tính được sự hợp lý khi sử dụng các nhóm cây đã nghiên cứu vào các không gian nghệ thuật.  Bài 4: Vẽ ghi chép một số đồ đạc (đạo cụ) ngoại cảnh gần gũi với đời sống người Việt. (Thực hành = 5 tiết).  SV cần làm tốt:  + Phân biệt được các đạo cụ ngoại cảnh thường gặp trong ngoại cảnh gần gũi đời sống người Việt.  + Vẽ kỹ, thâm diễn cấu trúc một số đạo cụ tại hiện trường.  + Khái quát tổng thể và nghiên cứu sâu cấu trúc kỹ thuật của mỗi loại.  + Dự tính được sự hợp lý khi sử dụng đạo cụ đã nghiên cứu vào các không gian nghệ thuật.  (Các bài tập thực hành phần này, chấm lấy điểm điều kiện)  **Chương II: Không gian nội thất**  Bài 5: Kiến trúc sơ khai và sự hình thành kiến trúc mang đặc trưng của người Việt cổ - (Lý thuyết = 5 tiết).  SV cần nắm được:  + Bộ khung Rường cột  + Bộ mái và đồ lợp  + Tường, liếp- đồ che chắn  Bài 6: Một số không gian kiến trúc ảnh hưởng vùng địa lý, tôn giáo và qua từng thời kỳ. (Lý thuyết = 5 tiết).  SV cần nắm được:  + Nêu được 3 mô hình của 3 dân tộc  + Kết cấu, đặc điểm  + Cái giống và khác nhau của ba mô hình ấy.  Bài 7: Sự tiếp biến và ảnh hưởng các nền văn hóa khác trong không gian kiến trúc của người Việt (Lý thuyết = 5 tiết).  SV cần nắm được:  + Kết cấu về Kỹ thuật.  + Vật liệu.  + Đặc điểm chung và riêng của hai loại kiến trúc  Bài 8: Vẽ nghiên cứu một số kết cấu trong kiến trúc nhà truyền thống người Việt. (Thực hành = 10 tiết).  SV cần làm tốt:  + Ghi chép, đo đạc toàn bộ một căn nhà truyền thống  + Vẽ kỹ thuật sơ đồ mặt bằng, mặt cắt và phối cảnh.  + Dự tính ứng dụng các bản vẽ kỹ thuật khi sử dụng vào các không gian nghệ thuật.  (Các bài tập thực hành phần này, chấm lấy điểm điều kiện)  **Chương III: Ứng dụng các tư liệu nghiên cứu vào không gian SK-ĐA**  Bài 9: Tạo dựng không gian ngoại cảnh mang tính chuyên ngành  (Thực hành = 10 tiết \_ Chấm lấy điểm thi).  SV cần làm tốt:  + Sử dụng các tư liệu đã vẽ nghiên cứu  + Đăng ký tạo dựng loại hình nghệ thuật cụ thể (SK, ĐA, H.hình)  + Tính hợp lý và chắt lọc của mỗi loại hình.  Bài 10: Tạo dựng không gian nội cảnh mang tính chuyên ngành  (Thực hành = 10 tiết \_ Chấm lấy điểm thi).  SV cần làm tốt:  + Sử dụng các tư liệu đã vẽ nghiên cứu về nội cảnh  + Đăng ký tạo dựng loại hình nghệ thuật cụ thể (SK, ĐA, H.hình)  + Tính hợp lý và chắt lọc của mỗi loại hình.  Bài 11: Trình bày bài thi chấm điểm (Nhận xét và đánh giá- 5T) | + 20% điểm chuyên cần  + 30% điểm giữa kỳ  + 50% điểm thi kết thúc HP |

Môn: **Kỹ thuật ống kính**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Kỹ thuật ống kính 4.2 | - Trang bị cho sinh viên kiến thức về kỹ thuật ống kính giúp sinh viên có được những khái niệm về kiến trúc và các góc nhìn của ống kính quay, tiếp xúc bước đầu với công tác dựng cảnh và thể hiện trên bản vẽ những góc quay thông qua các loại ống kính khác nhau.  - Kết thúc học phần sinh viên có kĩ năng: Nắm vững môn học sẽ giúp cho sinh viên có được cách nhìn tốt khi xây dựng các phác thảo của bài tập môn học chuyên ngành.  - Ý thức được vai trò, nhiệm vụ của người họa sĩ thiết kế trong quá trình sáng tác, đòi hỏi phải tích lũy vốn sống, vốn kiến thức về văn hóa và xã hội để phục vụ cho tác phẩm của mình. | 3 | Kỳ học: học kỳ II  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết:  40% lý thuyết  60% thực hành  Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 LT  Bài 3: 5 LT  Bài 4: 5 TH  Bài 5: 5 TH  Bài 6: 5 TH  Bài kiểm tra: 15 TH | ĐCC: 20%  ĐBT: 40%  ĐKT: 40% |

**Môn: Luật xa gần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **Luật xa gần 1.1** | - Trang bị cho sinh viên kiến thức về luật xa gần giúp sinh viên nắm rõ cơ chế của Luật xa gần và vai trò của bộ môn này đối với việc học tập và sáng tác mĩ thuật.  - Kết thúc học phần sinh viên có kĩ năng hiểu và vẽ thuần thục phối cảnh đường nét các hình khối đơn giản. Biết vận dụng sáng tạo những kiến thức về Luật xa gần vào các phác thảo tranh và phác thảo phối cảnh bài tập chuyên ngành.  - Ý thức được vai trò, nhiệm vụ của người họa sĩ thiết kế trong quá trình sáng tác, đòi hỏi phải tích lũy vốn sống, vốn kiến thức về văn hóa và xã hội để phục vụ cho tác phẩm của mình. | 2 | Học kỳ I  Thời gian: *9 tuần*  Phân bổ số tiết: *30% lý thuyết*  *70% thực hành*  Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 LT  Bài 3: 5 LT  Bài 4: 5 TH  Bài 5: 5 TH  Bài 6: 5 TH  Bài 7: 5 TH  Bài 8: 5 TH  Bài 9: Kiểm tra hết môn (5TH) | ĐCC: 10%  ĐBT: 40%  ĐKT: 50% |

**Môn: Mỹ thuật Điện ảnh đại cương**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Mỹ thuật Điện ảnh đại cương 2.2 | - Trang bị kiến thức cho sinh viên biết và phân biệt được cơ bản các thuật ngữ về không gian điện ảnh. Những đặc điểm giống và khác nhau giữa Mỹ thuật điện ảnh và Mỹ thuật tạo hình.  Kết thúc học phần sinh viên có kĩ năng tạo dựng được bối cảnh động cho một phân cảnh phim truyện bằng kỹ thuật Đồ họa kỹ xảo.  - Ý thức được vai trò, nhiệm vụ của người họa sĩ thiết kế trong quá trình sáng tác, đòi hỏi phải tích lũy vốn sống, vốn kiến thức về văn hóa và xã hội để phục vụ cho tác phẩm của mình. | 2 | Kỳ học: học kỳ II  Thời gian học: 12 tuần  Phân bổ số tiết:30% LT 70% thực hành.  Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 LT  Bài 3: 5 LT  Bài 4: 5 LT  Bài kiểm tra: 40 TH | ĐCC: 20%  ĐKT: 80% |

Môn: **Tạo hình TKMT Điện ảnh**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tạo hình TKMT Điện ảnh 1.2 | - Giúp sinh viên hiểu được sự giống và khác nhau giữa bộ môn nghệ thuật tạo hình nói chung với nghệ thuật điện ảnh nói riêng, từ đó hiểu được vai trò, chức năng, nhiệm vụ của họa sỹ thiết kế mỹ thuật phim truyên. Hiểu được lịch sử hình thành và phát triển của thiết kế mỹ thuật điện ảnh.  - Kết thúc học phần sinh viên có thể hiểu và nắm chắc luật xa gần và vận dụng luật xa gần một cách chính xác vào việc diễn tả phối cảnh điện ảnh. Nắm được các nguyên lý (tiêu chuẩn) cơ bản trong việc diễn tả một phác thảo điện ảnh. Có khả năng diễn tả ánh sáng, chất liệu thâm diễn bằng chất liệu bút chì.  - Ý thức được vai trò, nhiệm vụ của người họa sĩ thiết kế trong quá trình sáng tác, đòi hỏi phải tích lũy vốn sống, vốn kiến thức về văn hóa và xã hội để phục vụ cho tác phẩm của mình. | 4 | Kỳ học: học kỳ II  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 30% LT, 70% TH  Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 LT  Bài 3: 5 TH  Bài 4: 5 TH  Bài 5: 5 LT  Bài 6: 5 TH  Bài 7: 5 TH  Bài kiểm tra: 5 TH  Bài 9: 5 LT  Bài 10: 5 LT  Bài 11: 5 TH  Bài 12: 5 LT  Bài 13: 5 TH  Bài 14: 5 TH  Bài thi: 20 TH | | ĐCC: 30%  ĐBT: 30%  ĐKT: 40% |
| 2 | Tạo hình TKMT Điện ảnh 2.1 | - Yêu cầu, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, công việc cụ thể của những bộ phận khác trong tổ mỹ thuật của đoàn làm phim, bao gồm họa sỹ phục trang, hóa trang, họa sỹ đạo cụ  - Kết thúc học phần sinh viên có được kỹ năng quan sát, thiết kế, phác thảo đạo cụ. Kỹ năng diễn tả chi tiết, chính xác các đồ vật (đạo cụ), trang phục... như: kiểu dáng, mầu sắc, dấu ấn văn hóa lịch sử. Kỹ năng làm giả chất liệu (đối với đạo cụ), hiệu quả đặc biệt (rách, cháy, làm cũ...) đối với trang phục...  - Ý thức được vai trò, nhiệm vụ của người họa sĩ thiết kế trong quá trình sáng tác, đòi hỏi phải tích lũy vốn sống, vốn kiến thức về văn hóa và xã hội để phục vụ cho tác phẩm của mình. | 4 | Kỳ học: học kỳ I  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 30% LT, 70% TH  Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 LT  Bài 3: 5 LT  Bài 4: 5 LT  Bài 5: 5 TH  Bài 6: 5 TH  Bài 7: 5 TH  Bài kiểm tra: 5 TH  Bài 9: 5 LT  Bài 10: 5 LT  Bài 11: 5 TH  Bài 12: 5 TH  Bài 13: 5 TH  Bài 14: 5 TH  Bài thi: 20 TH | | ĐCC: 20%  ĐBT: 40%  ĐKT: 40% |
| 3 | Tạo hình TKMT Điện ảnh 2.2 | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức nhằm nắm rõ đặc trưng, tính chất của các thể loại phim (lịch sử, đương đại, khoa học viễn tưởng...), các cách thức thiết kế đặc trưng của các thể loại phim để hiểu về những đặc thù thiết kế chung cũng như những nét riêng trong quá trình thiết kế  - Kết thúc học phần sinh viên có được các kỹ năng:  Tạo hình điện ảnh vững vàng.  Tạo được hiệu quả hình ảnh, hiệu quả của bối cảnh, tinh thần điện ảnh, thể loại...  Kỹ năng hội hoạ, hình hoạ, luật xa gần, ánh sáng, trong phác thảo bối cảnh phim | 4 | Kỳ học: học kỳ II  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 30% LT, 70% TH  Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 LT  Bài 3: 5 LT  Bài 4: 5 LT  Bài 5: 5 TH  Bài 6: 5 TH  Bài kiểm tra: 10 TH  Bài 9: 5 LT  Bài 10: 5 LT  Bài 11: 5 TH  Bài 12: 5 TH  Bài 13: 5 TH  Bài thi: 25 TH | | ĐCC: 20%  ĐBT: 40%  ĐKT: 40% |
| 4 | Tạo hình TKMT Điện ảnh 3.1 | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức nhằm giúp sinh viên hiểu thế nào là diễn giải phân cảnh storyboard. Biết cách chọn những bố cục, góc máy phù hợp để diễn tả hiệu quả nội dung câu chuyện phim. Giúp đạo diễn, quay phim hình dung phần nào nghệ thuật hình ảnh của bộ phim tương lai.  - Kết thúc học phần sinh viên có được kỹ năng vẽ storyboard thành thạo giúp sinh viên nắm bắt tốt các tình huống phim, phát huy trí tưởng tượng. | 4 | Kỳ học: học kỳ I  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 30% LT, 70% TH  Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 LT  Bài 3: 5 TH  Bài 4: 5 TH  Bài 5: 5 LT  Bài 6: 5 TH  Bài kiểm tra: 10 TH  Bài 9: 5 LT  Bài 10: 5 LT  Bài 11: 5 TH  Bài 12: 5 LT  Bài 13: 5 TH  Bài thi: 25 TH | | ĐCC: 20%  ĐBT: 40%  ĐKT: 40% |
| 5 | Tạo hình TKMT Điện ảnh 3.2 | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức nhằm giúp sinh viên hiểu về công việc của họa sỹ trong trường quay. Hiểu về thực tiễn thiết kế khi ra hiện trường của một bộ phim.Hiểu về mối quan hệ giữa các thành phần chuyên môn trong đoàn phim  - Kết thúc học phần sinh viên nắm bắt được các kỹ năng dàn dựng, làm giả bối cảnh. Có thêm kinh nghiệm khi đi chọn bối cảnh. Nâng cao kỹ năng làm việc nhóm. | 4 | Kỳ học: học kỳ II  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 40% LT, 60% TH  Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 LT  Bài 3: 5 LT  Bài 4: 5 TH  Bài 5: 5 LT  Bài 6: 5 TH  Bài kiểm tra: 10 TH  Bài 9: 5 LT  Bài 10: 5 LT  Bài 11: 5 TH  Bài 12: 5 LT  Bài 13: 5 LT  Bài thi: 25 TH | | ĐCC: 20%  ĐBT: 40%  ĐKT: 40% |
| 6 | Tạo hình TKMT Điện ảnh 4.1 | - Trang bị cho sinh viên những kiến thức giúp sinh viên phân tích giá trị nghệ thuật, nội dung tư tưởng, chủ đề chung của phim nhằm định hướng được cách thức (phong cách) thiết kế cho tổng thể tác phẩm. Nắm vững được quá trình làm phác thảo cho một bộ phim. Biết tìm những phân cảnh tiêu biểu để vẽ storyboard cho phim. Biết lựa chọn những bối cảnh chủ chốt để có thể làm trường quay hoặc cải tạo khi tiến hành trên thực tế. Kết thúc học phần sinh viên có kỹ năng thuần thục về hội họa, xử lý mầu sắc, bố cục trong diễn tả hình ảnh, phác thảo bản thiết kế mỹ thuật cho phim. Có kỹ năng nhuần nhuyễn về luật xa gần, xử lý góc máy phong phú, diễn đạt ánh sáng thấm đẫm tinh thần điện ảnh... giúp bộ phim có được sự lôi cuốn ngay từ những phác thảo (hình ảnh bản đầu của bộ phim). | 4 | Kỳ học: học kỳ I  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 40% LT, 60% TH | | ĐCC: 20%  ĐBT: 40%  ĐKT: 40% |
| Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 LT  Bài 3: 5 LT  Bài 4: 5 TH  Bài 5: 5 TH  Bài 6: 5 TH  Bài kiểm tra: 10 TH | Bài 9: 5 LT  Bài 10: 5 LT  Bài 11: 5 TH  Bài 12: 5 LT  Bài 13: 5 TH  Bài thi: 25 TH |
| 7 | Tạo hình TKMT Điện ảnh 4.2 | - Trang bị cho sinh viên khả năng thiết kế một bộ phim hoàn chỉnh theo một kịch bản có sẵn.  - Sinh viên có khả năng sử dụng các ngành nghệ thuật khác như hội hoạ, kiến trúc, lịch sử... trong thiết kế một bộ phim. | 4 | Kỳ học: học kỳ II  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết: 20% LT, 60% TH  Bài 5: 5 TH | | ĐCC: 20%  ĐKT: 80% |
| Bài 1: 5 LT  Bài 2: 5 LT  Bài 3: 5 TH  Bài 4: 5 TH  Bài 6: 5 TH  Bài 7: 5 TH | Bài 8; 5 TH  Bài 9: 5 LT  Bài 10: 5 LT  Bài 11: 5 TH  Bài thi: 35 TH |

**CHUYÊN NGÀNH: NGHỆ THUẬT HÓA TRANG**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Hóa trang cơ bản | - Giúp sinh viên hiểu được và thực hành các kỹ năng hóa trang cơ bản, sử dụng các loại dụng cụ mỹ phẩm.  - Đáp ứng sứ mạng: “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân Khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  - Sinh viên biết cách sử dụng các loại mỹ phẩm dụng cụ hóa trang  - Sinh viên phải thực hành được kỹ năng hóa trang đẹp các dạng mặt cơ bản.  - Sinh viên thực hành được các kỹ năng làm tóc cơ bản.  - Sinh viên sẽ yêu thích và có điều kiện học và nghiên cứu chuyên sâu về nghệ thuật Hóa trang.  - Sinh viên lên lớp thực hiện đúng mọi nội quy chế của nhà trường đề ra  - Đảm bảo đúng tiến độ thời lượng trả bài lên lớp  - Đảm bảo chất lượng bài thi hết học phần đạt kết quả tốt | 6 | Kỳ học: Kỳ 1  Thời gian: 16 tuần  Phân bổ số tiết:  - Học phần lý thuyết và kiến thức chung: 2 bài x 5 tiết= 10 tiết  - Hướng dẫn thực hành: 14 bài x 5 tiết= 70 tiết  - Hướng dẫn ôn tập: 1 bài x 5 tiết= 5 tiết  - Kiểm tra: 1 bài x 5 tiết= 5 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 2 | Hóa trang sân khấu | - Học phần này sẽ giúp sinh viên: hiểu dược nghệ thuật hóa trang truyền thống có những loại hình hóa trang nào, giữa các loại hình có sự khác biệt ra sao và phương pháp hóa trang của mỗi loại hình nghệ thuật truyền thống  - Có kỹ năng và phương pháp hóa trang các loại hình nghệ thuật sân khấu, sân khấu truyền thống  - Sinh viên được thực hành các kỹ năng vấn tóc các kỹ năng cơ bản của hóa trang truyền thống  - Phân biệt được hóa trang truyền thống khác với các loại hình hóa trang khác như thế nào  - Sinh viên sẽ yêu thích có điều kiện học và nghiên cứu chuyên sâu về nghệ thuật hóa trang  - Sinh viên lên lớp thực hiện đúng mọi nội quy chế của nhà trường đề ra  - Đảm bảo đúng tiến độ thời lượng trả bài lên lớp  - Đảm bảo chất lượng bài thi hết học phần đạt kết quả tốt | 7 | Kỳ học: Kỳ 2  Thời gian: 19 tuần  Phân bổ số tiết:  - Học phần lý thuyết và kiến thức chung: 1 bài x 5 tiết= 5tiết  - Hướng dẫn thực hành: 18 bài x 5 tiết= 95 tiết  - Hướng dẫn ôn tập: 1 bài x 5 tiết= 5 tiết  - Kiểm tra: 1 bài x 5 tiết= 5 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 3 | Hóa trang điện ảnh | - Học phần này sẽ giúp sinh viên: hiểu và có phương pháp hóa trang nghệ thuật điện ảnh, các nhân vật trong các thể loại phim “Phim với đề tài lịch sử, phim với đề tài chiến tranh, dân gian…”  - Hiểu được đặc trưng cơ bản các loại hình hóa trang điện ảnh, truyền hình.  - Có kỹ năng và phương pháp hóa trang Điện ảnh Truyền hình.  - Phân biệt được hóa trang điện ảnh có sự khác biệt với hóa trang sân khấu, sân khấu truyền trống.  - Sinh viên thực hành được các kỹ năng hóa trang các nhân vật điển hình trong phim điện ảnh, phim truyền hình, phim ngắn, phim quảng cáo, các show truyền hình thực tế….  - Sinh viên thực hành được các kỹ năng đan dâu, tóc, lông mày…  - Sinh viên lên lớp thực hiện đúng mọi nội quy chế của nhà trường đề ra  - Đảm bảo đúng tiến độ thời lượng trả bài lên lớp  - Đảm bảo chất lượng bài thi hết học phần đạt kết quả tốt | 7 | Kỳ học: Kỳ 3  Thời gian: 19 tuần  Phân bổ số tiết:  - Học phần lý thuyết và kiến thức chung: 1 bài x 5 tiết= 5tiết  - Hướng dẫn thực hành: 18 bài x 5 tiết= 95 tiết  - Hướng dẫn ôn tập: 1 bài x 5 tiết= 5 tiết  - Kiểm tra: 1 bài x 5 tiết= 5 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 4 | Hóa trang kỹ xảo | - Học phần này sẽ giúp sinh viên : nắm vững kỹ thuật phương pháp hóa trang kỹ xảo, các loại hóa chất mỹ cụ trong hóa trang kỹ xảo sân khấu và điện ảnh  - Kỹ thuật tạo hình, điêu khắc 3D tạo màng da giả  - Kỹ thuật đổ khuôn, bọc khuôn màng da giả da đầu trọc  - Kỹ thuật giáp, ghép màng da giả  - Kỹ thuật tạo hình các vết thương trực tiếp trên da  - Kỹ thuật sử dụng vật liệu cơ bản thay thế có tính ứng dụng cao trong thực tiễn  - Kỹ thuật pha chế máu giả, các loại keo gắn, keo latex, chất liệu gắn kết tạo hình nhân vật  - Sinh viên có tiền đề chuyên sâu về thiết kế tạo hình nhân vật, xây dựng chân dung nhân vật lịch sử  - Sinh viên lên lớp thực hiện đúng mọi nội quy chế của nhà trường đề ra  - Đảm bảo đúng tiến độ thời lượng trả bài lên lớp  - Đảm bảo chất lượng bài thi hết học phần đạt kết quả tốt | 7 | Kỳ học: Kỳ 4  Thời gian: 19 tuần  Phân bổ số tiết:  - Học phần lý thuyết và kiến thức chung: 1 bài x 5 tiết= 5tiết  - Hướng dẫn thực hành: 18 bài x 5 tiết= 95 tiết  - Hướng dẫn ôn tập: 1 bài x 5 tiết= 5 tiết  - Kiểm tra: 1 bài x 5 tiết= 5 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |

**Môn: Lịch sử nghệ thuật tạo hình Thế giới**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Lịch sử nghệ thuật tạo hình Thế giới | - Sinh viên nắm được những hiểu biết tư­ơng đối đầy đủ, toàn diện về các giai đoạn phát triển của lịch sử mĩ thuật Thế giới từ nguyên thủy đến hiện nay. Cùng những đặc điểm nổi bật của từng giai đoạn, trên cơ sở đó, góp phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết về lich sử mĩ thuật.  - Phân biệt được những nét đặc trưng cơ bản của mĩ thuật thế giới, qua các giai đoạn hình thành và phát triển của lich sử. | 2 | Kỳ học: Kỳ 1  Thời gian: 06 tuần  Phân bổ số tiết:  60% LT, 40% TH  Bài 1:  Bài 2:  Bài 3:  Bài 4:  Bài 5:  Bài 6: | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |

**Môn: Lịch sử trang phục Việt Nam**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Lịch sử trang phục Việt Nam | - Sinh viên nắm được những kiến thức về một số vấn đề cơ bản về lịch sử Trang phục Việt Nam theo tiến trình thời gian - giới thiệu hình ảnh tư liệu lịch sử. Giúp sinh viên nắm bắt được những đặc điểm cơ bản của lịch sử văn minh vật chất người Việt qua từng thời kỳ, từng triều đại, từng thời kỳ lịch sử của đất nước.  - Sinh viên có kĩ năng rèn luyện kỹ năng tư duy độc lập, sáng tạo trong việc tiếp thu môn học Lịch sử trang phục Việt Nam, qua đó vận dụng hữu ích vào các chuyên ngành nghệ thuật đang theo học. | 3 | Kỳ học: Kỳ 1  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  40% LT, 60% TH  Bài 1: 05  Bài 2: 05  Bài 3: 05  Bài 4: 05  Bài 5: 05  Bài 6: Chấm bài và tổng kết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |

**Môn: Nghiệp vụ đạo diễn sân khấu**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Nghiệp vụ đạo diễn sân khấu | - Sinh viên nắm được những kiến thức về nghiệp vụ đạo diễn sân khấu.  - Sinh viên có kĩ năng tạo hình một bộ thiết kế mang tính hình tượng Sân khấu.Biết sáng tạo một ý đồ thiết kế có tính nghệ thuật Sân khấu đặc thù của thể loại. Hiểu và có khả năng điều hành kỹ thuật cho một đêm diễn. | 2 | Kỳ học: Kỳ 7  Thời gian: 09 tuần  Phân bổ số tiết:  40% LT, 60% TH  Phần lý thuyết  Bài 1: 05LT  Bài 2: 05LT  Bài 3: 05LT  Phần thực hành | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |

**Môn: Lịch sử Nghệ thuật tạo hình Việt Nam**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Lịch sử Nghệ thuật tạo hình Việt Nam | - Sinh viên nhận thức được quá trình hình thành và phát triển của lịc sự mĩ thuật Viêt Nam, nhận biết và hiểu được những đặc điểm cơ bản của mỹ thuật Việt Nam, cũng những nguyên nhân dãn đến đặc điểm ấy.  - Nắm bắt được phương pháp khai thác và xử lý những tài liệu mĩ thuật, phục vụ cho chuyên ngành của mình.  - Trong quá trình học và làm bài kiểm tra bước đầu tạo dựng cho sinh viên hình thành kỹ năng hoạt động độc lập và hoạt động nhóm. | 2 | Kỳ học: Kỳ 1  Thời gian: 06 tuần  Phân bổ số tiết:  60% LT, 40% TH  Bài 1:  Bài 2:  Bài 3:  Bài 4: Đi thực tế  Bài 5:  Bài 6: Làm bài thi hết học phần. | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |

**Môn: Thiết kế trang phục Sân khấu – Điện ảnh**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Thiết kế trang phục Sân khấu – Điện ảnh 1 | - Sinh viên biết và hiểu những mô hình nhân vật trong Sân khấu truyền thống Việt Nam.Biết phân biệt đặc điểm Trang phục thuần Việt với các trang phục ngoại lai khác.  - Sinh viên hiểu và vẽ được những mô hình Trang phục chính cho các hệ thống nhân vật trong Sân khấu cổ truyền Việt Nam. Có khả năng cắt dựng được cơ bản các mẫu trang phục Sân khấu cổ truyền Việt Nam. | 4 | Kỳ học: Kỳ 3  Thời gian: 21 tuần  Phân bổ số tiết:  65% LT, 35% TH  Bài 1: 05LT  Bài 2: 05LT  Bài 3: 05LT  Bài 4: 05LT  Bài 5: 05LT  Bài 6: 05LT  Bài 7: 05LT  Bài 8: 05LT  Bài 9: 05LT  Bài 10: 05LT  Bài 11: 05LT  Bài 12: 05LT  Bài 13: 05LT  Bài 14: 05LT  Bài 15: 05TH  Bài 16: 05TH  Bài 17: 05TH  Bài 18: 05TH  Bài 19: 05TH | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 2 | Thiết kế trang phục Sân khấu – Điện ảnh 2 | - Sinh viên biết được đặc thù không gian Điện ảnh nói chung, không gian của thiết kế mỹ thuật Điện ảnh và thiết kế Trang phục Điện ảnh nói riêng.Hiểu được vai trò đặc trưng của Thiết kế Trang phục Điện ảnh.  - Sinh viên biết phân biệt Trang phục Điện ảnh khác với Trang phục Sân khấu cũng như các loại hình trang phục khác như thời trang, ứng dụng...  - Sinh viên có khả năng thiết kế và thể hiện được các bộ sưu tập trang phục nhân vật điện ảnh theo từng thời kỳ lịch sử Việt Nam. | 4 | Kỳ học: Kỳ 4  Thời gian: 06 tuần  Phân bổ số tiết:  20%LT, 80% TH  Bài 1: 05LT  Bài 2: 05LT  Bài 3: 05LT  Bài 4: 05LT  Bài 5: 05LT  Bài 6: 05LT  Bài 7: 10TH  Bài 8: Chấm bài  Bài 9: 05LT  Bài 10: 05LT  Bài 11: 05TH  Bài 12: 05TH  Bài 13: 05TH  Bài 14: Sinh viên tự thực hành  Bài 15: 05LT | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 3 | Thiết kế trang phục Sân khấu – Điện ảnh 3 | - Sinh viên hiểu và tạo hình được hình thức mẫu thiết kế trang phục cho nhân vật trong sân khấu Kịch nói  - Sinh viên Biết phân biệt đặc điểm thể loại Trang phục giữa Kịch nói với các thể loại sân khấu khác. | 4 | Kỳ học: Kỳ 5  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết:  50%LT, 50% TH  Bài 1: 05LT  Bài 2: 05LT  Bài 3: 05LT  Bài 4: 05TH  Bài 5: 05LT  Bài 6: 05LT  Bài 7: 05LT  Bài 8: 05LT  Bài 9: 15TH | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 4 | Thiết kế trang phục Sân khấu – Điện ảnh 4 | - Sinh viên Phân biệt được thể loại phim, phong cách sáng tạo của cá nhân. Biết cách nghiên cứu để tạo dựng bộ trang phục cho tác phẩm điện ảnh theo đề tài lịch sử (Cổ trang). Biết cách nghiên cứu để tạo dựng bộ trang phục cho tác phẩm điện ảnh theo đề tài chiến tranh, ứng dụng...  - Sinh viên Biết tổ chức và điều hành hiệu quả các bộ phận chế tác và kỹ xảo cho trang phục và phụ kiện của nhân vật Điện ảnh, Truyền hình. | 4 | Kỳ học: Kỳ 6  Thời gian: 06 tuần  Phân bổ số tiết:  50% LT, 50% TH  Bài 1:  Bài 2:  Bài 3:  Bài 4:  Bài 5:  Bài 6:  Bài 7:  Bài 8:  Bài 9:  Bài 10:  Bài 11:  Bài 12: Duyệt dự kiến  Bài 13: Duyệt phác thảo đen trắng.  Bài 14: Duyệt phác thảo màu.  Bài 15: Chấm bài. | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 5 | Thiết kế trang phục Sân khấu – Điện ảnh 5 | - Sinh viên nắm được phương pháp sáng tạo khi tiếp cận hình tượng Sân khấu và Điện ảnh trong kịch bản văn học.Tạo dựng và biết bảo vệ ý đồ thiết kế mỹ thuật của một đồ án thiết kế. Xây dựng được một hình thức thống nhất trong phong cách cá nhân.  - Sinh viên lập được hồ sơ kỹ thuật và kinh phí cho kế hoạch chỉ đạo thực hiện các bộ thiết kế trang phục. Biết thao tác, điều hành các khâu kỹ thuật trong một xưởng thực hiện chế tác Trang phục. | 4 | Kỳ học: Kỳ 7  Thời gian: 06 tuần  Phân bổ số tiết:  30% LT, 70% TH  Bài 1: 05LT  Bài 2: 05LT  Bài 3: 05LT  Bài 4: 15TH  Bài 1: 05LT  Bài 2: 05LT  Bài 3: 05LT  Bài 4: 15TH | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |

**Môn: Kỹ thuật quay phim**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Kỹ thuật quay phim | - Sinh viên có được những kiến thức vê nguyên lý hoạt động, cấu tạo của các loại máy quay phim video và những kiến thức về video số.  - Sinh viên biết vận hành và khai thác, sử dụng một số loại máy quay phim video chuyên dụng hiện nay. | 1 | Kỳ học: Kỳ 6  Thời gian: 06 tuần  Phân bổ số tiết:  30% LT, 70% TH  Phần lý thuyết: 25T  Phần thực hành: 15T | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |

**Môn: Nghiệp vụ đạo diễn điện ảnh**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Nghiệp vụ đạo diễn điện ảnh | - Sinh viên hiểu hơn công tác đạo diễn trong một bộ phim. Giúp các em, sau này trở thành họa sỹ, thực hiện công tác thiết kế một tác phẩm điện ảnh sẽ có được sự hợp tác nhuần nhuyễn với các thành phần sáng tạo khác trong đoàn phim. Do vậy, ngoài việc thực hiện (vẽ - thiết kế đẹp), môn học chú trọng nhiều hơn vào việc các em – họa sỹ biết thích ứng, giải quyết được ý đồ, các phương án thiết kế trong điều kiện, hoàn cảnh sản xuất phim cụ thể.  - Biết đưa ra ý đồ thiết kế mỹ thuật phim truyện có sự thống nhất với nội dung, ý đồ nghệ thuật cũng như đề tài, thể loại... mà bộ phim theo đuổi. Biết chọn lựa và phác thảo những bối cảnh chính (nội cảnh, ngoại cảnh) của phim. Thông qua đó, hiểu về những quy tắc, yêu cầu trong quá trình chọn bối cảnh.  - Hiểu và có khả năng điều hành dàn dựng bối cảnh cho một bộ phim.  - Hiểu được quy trình thiết kế mỹ thuật trong một bộ phim cụ thể để có những phương án dự trù kinh phí hợp lý cũng như khả năng phân công lao động phù hợp trong Tổ thiết kế mỹ thuật.  - Hiểu được quy trình sản xuất phim cũng như các thành phần sáng tạo trong đoàn làm phim, giúp họa sỹ có được tinh thần làm việc nhóm, tinh thần hợp tác, khả năng ứng phó tình huống, kỹ năng phản biện, bảo vệ ý đồ thiết kế... giúp họa sỹ giữ được sự thăng hoa trong sáng tạo nghệ thuật mà vẫn tôn trọng sự sáng tạo của các thành phần chuyên môn khác, vì giá trị nghệ thuật của bộ phim. | 2 | Kỳ học: Kỳ 7  Thời gian: 09 tuần  Phân bổ số tiết:  40% LT, 60% TH  A. Phần lý thuyết  Bài 1: 05LT  Bài 2: 05LT  Bài 3: 05LT  B. Phần thực hành | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |

**Môn: Nghệ thuật nhiếp ảnh**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Nghệ thuật nhiếp ảnh | - Sinh viên nắm được các kiến thức về các kỹ thuật nhiếp ảnh số.  - Kết thúc học phần sinh viên có kĩ năng: Sử dụng máy ảnh. | 2 | Kỳ học: Kỳ 1  Thời gian: 06 tuần  Phân bổ số tiết:  30% LT, 70% TH  Phần 1: 25LT  Phần 2: 20TH  Phần 3: Các bài tập của sinh viên | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |

**Môn: Nghệ thuật dựng phim**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Nghệ thuật dựng phim | - Sinh viên nắm được kiến thức về Nghệ thuật dựng phim.  -Biết sử dụng các công cụ cơ bản trong phần mềm *Adobe Premiere CS5*  - Nắm được những nguyên tắc cơ bản về dựng phim.  - Biết cắt ghép, chỉnh sửa và làm các hiệu ứng cho Video.  - Biết lồng tiếng, âm thanh cho video và làm các hiệu ứng âm thanh.  - Biết làm các hiệu ứng chữ cho Video  - Có thể làm công việc về dựng phim, quảng cáo, đài hiệu, Album Video clip… | 2 | Kỳ học: Kỳ 2  Thời gian: 09 tuần  Phân bổ số tiết:  40% LT, 60% TH  Bài 1: 05LT  Bài 2: 05TH  Bài 3: 05LT  Bài 4: 05TH  Bài 5: 05LT  Bài 6: 05TH  Bài 7: 05LT  Bài 8: 05TH  Bài 9: Nộp bài thi học kỳ | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |

**Môn: Thiết kế ánh sáng sân khấu**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Thiết kế ánh sáng sân khấu | - Sinh viên hiểu biết về nguyên lý ánh sáng cơ bản. Hiểu được nguyên lý phối hợp màu sắc ánh sáng trên san khấu. Nắm vững những đặc điểm cơ bản của thiết kế ánh sáng cho mỹ thuật sân khấu. Mối liên quan giữa các thành phần sáng tạo như diễn viên, mỹ thuật, ánh sáng…  - Chủ động sáng tạo trong thiết kế ánh sáng cho cảnh diễn.  - Biết phương pháp bố quang cho một nội dung cụ thể trên sân khấu. | 1 | Kỳ học: Kỳ 7  Thời gian: 06 tuần  Phân bổ số tiết:  30% LT, 70% TH  Bài 1:  Bài 2:  Bài 3:  Bài 4: | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |

**Môn: Mỹ thuật sân khấu đại cương**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Mỹ thuật sân khấu đại cương | - Sinh viên biết và phân biệt được cơ bản các thuật ngữ về không gian sân khấu. Những đặc điểm giống và khác nhau giữa Mỹ thuật Sân khấu và Mỹ thuật tạo hình. Biết phân biệt đặc điểm Văn hóa Việt với các nền văn hóa khác khi nhìn nhận một đồ án thiết kế MTSK. Hiểu biết rõ tiến trình hình thành và phát triển của không gian sàn diễn sân khấu Việt Nam.  - Có khả năng tạo dựng được không gian mỹ thuật động cho một cảnh Sân khấu bằng kỹ thuật Đồ họa kỹ xảo. | 2 | Kỳ học: Kỳ 2  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  50% LT, 50% TH  Chương I:  Bài 1: 05LT  Bài 2: 05LT  Bài 3: 05LT  Bài 4: 05LT  Bài 5: 05LT  Bài 6: 05LT  Chương II: 15TH | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |

**7. KHOA NGHỆ THUẬT ĐIỆN ẢNH**

Chuyên ngành: Biên kịch điện ảnh

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **A. Khối kiến thức giáo dục đại cương** | | | | |  |  |  |
| **I. Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc** | | | | |  |  |  |
| 1 |  | Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin (I) |  | **Về kiến thức:** + Trang bị cho sinh viên những quan điểm khoa học, cách mạng, nhân văn của Chủ nghĩa Mác - Lênin  + Xây dựng thế giới quan duy vật, phương pháp biện chứng, nhân sinh quan khoa học, niềm tin và lý tưởng cách mạng.  Đạt được mục tiêu kiến thức này, góp phần thực hiện sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:** Vận dụng sáng tạo thế giới quan duy vật và phương pháp luận khoa học, biện chứng trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn, trong rèn luyện và tu dưỡng đạo đức, đáp ứng yêu cầu của con người Việt Nam trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.  **Về thái độ:+** Sinh viên có thái độ chính trị tốt, có tư cách, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, tích cực tham gia vào việc giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn.  + Tổng kết, đúc rút kinh nghiệm góp phần phát triển tính khoa học và tính nhân văn vốn có của Chủ nghĩa Mác – Lênin.  + Đặt Chủ nghĩa Mác - Lênin trong dòng chảy phát triển tư tưởng nhân loại và trong những điều kiện lịch sử mới. | 4 | Kì học: học kì I  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 50 tiết  - Thực tập phòng TN, thực hành: 5 tiết  - Bài tập về nhà: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 2 |  | Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin (II) |  | **Về kiến thức**: Môn họcNhững Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin (phần II) đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  + Trang bị cho sinh viên những quan điểm khoa học, cách mạng, nhân văn của Chủ nghĩa Mác - Lênin  + Nghiên cứu những quy luật kinh tế của xã hội, đặc biệt là những quy luật kinh tế của quá trình ra đời, phát triển, suy tàn của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và sự ra đời, phát triển của phương thức sản xuất mới - phương thức sản xuất Cộng sản chủ nghĩa.  + Làm sáng tỏ những quy luật khách quan của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.  **Về kỹ năng:** Vận dụng sáng tạo thế giới quan duy vật và phương pháp luận khoa học biện chứng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.  **Về thái độ:**  Tổng kết, đúc rút kinh nghiệm để góp phần phát triển tính khoa học và tính nhân văn vốn có của Chủ nghĩa Mác – Lênin trong nghiên cứu các quy luật kinh tế của Việt Nam.  + Khẳng định chủ nghĩa xã hội nhất định là tương lai của xã hội loài người. | 4 | Kì học: học kì I Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 50 tiết  - Thực tập phòng TN, thực hành: 5 tiết  - Bài tập về nhà: 5 tiết | - 10% điểm chuyêncần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 3 | Tư tưởng Minh | Tư tưởng Hồ Chí Minh | Chí | **Về kiến thức:**  Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về tư tưởng, đạo đức và giá trị văn hóa Hồ Chí Minh. Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá, Hồ Chí Minh. Tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin.Cùng với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta. Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.  - Góp phần thực hiện sứ mạng (“Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế”) và tầm nhìn của Nhà trường (“Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”).  **Về kỹ năng:**  Trình bày được khái niệm về tư tưởng Hồ Chí Minh  - Nêu được những cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh..  - Kể tên được hệ thống quan điểm tư tưởng Hồ Chí Minh  - Trình bày được vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự thắng lợi của cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới.  - Trình bày được cơ sở lý luận của Chủ ngĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong đường lối của Đảng và Nhà nước.  - Có khả năng tự tìm kiếm tài liệu liên quan đến môn học và trình bày được nội dung của các tài liệu này.  - Có khả năng làm việc nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến nội dung môn học.  - Có tinh thần yêu nước, có ý thức trách nhiệm công dân, ý thức kỷ luật và thái độ nghề nghiệp đúng đắn, ham tìm hiểu và học tập suốt đời.  - Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề kih tế, chính trị, văn hóa xã hội theo quan điểm của Đảng và nhà nước  **Về thái độ:** Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới; chủ động tích cực trong việc giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội theo đường lối của Đảng và Nhà nước. | 3 | Kì học: học kì III  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết:  - 70% tiết lý thuyết  - 30% tiết thảo luận, thực hành, kiểm tra | - 10% điểm chuyêncần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 4 |  | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam |  | **Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đường lối của Đảng trong thời kỳ cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân và trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đặc biệt là đường lối của Đảng trong thời kỳ đổi mới trên tất cả các lĩnh vực, chính trị, văn hóa, xã hội, đối ngoại. Góp phần thực hiện sứ mạng (“Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế”) và tầm nhìn của Nhà trường (“Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”).  **Về kỹ năng:** Học phần giúp sinh viên có khả năng phân tích đánh giá và vận dụng đường lối cách mạng của Đảng vào thực tiễn lịch sử. Để làm được điều này cần phải sử dụng các phương pháp thống kê, so sánh, lịch đại… đặc biệt sử dụng triệt để phương pháp lịch sử kết hợp với phương pháp logic để làm sáng tỏ nội dung đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam.  **Về thái độ:** Bồi dưỡng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm của sinh viên trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước. Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách củaĐảng. | 4 | Kì học: học kì VII  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  - 70% lý thuyết  - 30% thực hành | - 10% điểm chuyêncần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 5 | Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam | **Về kiến thức:** Môn “Đường lối văn hóa - văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam” đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:** Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống về văn hoá, đường lối văn hoá – văn nghệ của Đảng. Trên cơ sở đó, giúp sinh viên có nhận thức đúng về đường lối văn hóa-văn nghệ và thực tiễn đời sống văn hóa xã hội, tích cực tham gia, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong thời kỳ công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.  **Về thái độ:** Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn sự lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực văn hóa – văn nghệ qua các thời kỳ cách mạng; kiên định lập trường của Đảng lấy chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam; xác định mục tiêu xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc gắn với xây dựng con người đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững đất nước. Sinh viên vừa tiếp thu kiến thức, vừa chủ động tự học, nghiên cứu để vận dụng một cách sáng tạo đường lối văn hoá - văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam trong hoạt động thực tiễn và trong lĩnh vực hoạt động nghệ thuật của mình. | 2 | Kì học: học kì VII  Thời gian: 6 tuần  Phân bổ số tiết:  - 20 lý thuyết  - 5 thảo luận thực hành  - 5 kiểm tra | - 10% điểm chuyêncần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 6 | Cơ sở văn hóa Việt Nam | **Về kiến thức:** Môn “Cơ sở văn hóa Việt Nam” cùng các môn kiến thức cơ bản khácnhằm đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  Cung cấp cho sinh viên những khái niệm về văn hóa học – khoa học về văn hóa nói chung, đồng trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cần thiết cho hiểu một nền văn hóa; nắm được những đặc trưng cơ bản cùng các quy luật hình thành và phát triển của văn hoá Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại…  **Về kỹ năng:** Vận dụng những kiến thức đã học để phân tích, đánh giá văn hóa Việt Nam (văn hóa vật thể, phi vật thể); áp dụng kiến thức đã học vào các lĩnh vực chuyên môn của mình.  **Về thái độ:** Trân trọng, tự hào về nền văn hóa dân tộc; có ý thức giữ gìn, phát huy những giá trị di sản văn hoá truyền thống; tham gia tích cực vào công cuộc xây dựng, phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. | 4 | Kì học: học kì IV  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 45 tiết  - Thực hành, thảo luận (xêmina): 10 tiết  - Ôn tập và kiểm tra: 5 tiết: | - 10% điểm chuyêncần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi. |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 7 | Tiếng Anh 1 | Kết thúc chư­ơng trình học, sinh viên các lớp Đại học phải nắm đ­ược những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm tiếng Anh và một số nghi thức lời nói ở trình độ sơ cấp. |  | Kỳ học: Kỳ 1 (Khối ĐA, Kỳ 2 (Khối SK)  Thời gian: 15 tuần  Phân bổ số tiết: 45 LT, 30 TH  + Module 1: 5LT, 5TH  + Module 2: 8LT, 5TH  + Module 3: 8LT, 5TH  + Module 4: 8LT, 5TH  + Module 5: 8LT, 5TH  + Module 6: 8LT, 5TH | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 8 | Tiếng Anh 2 | Kết thúc chư­ơng trình học, sinh viên các lớp Đại học phải nắm đ­ược những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm tiếng Anh và một số nghi thức lời nói ở trình độ sơ cấp. |  | Kỳ học: Kỳ 2 (Khối ĐA, Kỳ 3 (Khối SK)  Thời gian: 15 tuần  Phân bổ số tiết: 45 LT, 30 TH  + Module 7: 5LT, 5TH  + Module 8: 8LT, 5TH  + Module 9: 8LT, 5TH  + Module 10: 8LT, 5TH  + Module 11: 8LT, 5TH  + Module 12: 8LT, 5TH | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 9 | Tiếng Anh 3 | Kết thúc chương trình học,  sinh viên phải nắm được một  lượng từ vựng, thuật ngữ  tiếng Anh chuyên ngành nhất  định, cấu trúc ngữ pháp, ngữ  âm tiếng Anh và một số nghi  thức lời nói ở trình độ Pre-  intermediate. |  | Kỳ học: Kỳ 3 (Khối ĐA, Kỳ 4 (Khối SK)  Thời gian: 15 tuần  Phân bổ số tiết: 45 LT, 30 TH  + Module 1: 5LT, 5TH  + Module 2: 8LT, 5TH  + Module 3: 8LT, 5TH  + Module 4: 8LT, 5TH  + Module 5: 8LT, 5TH  + Module 6: 8LT, 5TH | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 10 | Tin học | Cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản nhất về máy tính, lịch sử hình thành cũng như quá trình phát triển và những kiến thức về hệ điều hành (Microsoft Windows) và bộ phần mềm về văn phòng (Microsoft Office) |  | Kỳ học: Kỳ 1 (Khối ĐA, Kỳ 2 (Khối SK)  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 30 LT, 30 TH | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 11 | Lịch sử văn học Việt Nam | **Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên những tri thức khái quát về quá trình phát triển của Văn học Việt Nam; Cung cấp cho sinh viên một cách có hệ thống các tác giả, tác phẩm tiêu biểu nhất trong từng giai đoạn lịch sử, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:** Vận dụng những kiến thức đã học để đánh giá một số tác giả, tác phẩm cụ thể, có khả năng khám phá bản chất thẩm mỹ của những hiện tượng văn học mới, phức tạp.  **Về thái độ:** Trân trọng, phát huy những giá trị văn chương tốt đẹp của dân tộc; Có quan điểm lịch sử- cụ thể, có thái độ khách quan, khoa học khi tiếp nhận những giá trị văn học. | 4 | Kì học: học kì IV  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 50 (tiết)  - Thực hành, xêmina: 10 (tiết)  - Khác: bài tập ở nhà | - 10% điểm chuyêncần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 12 | Lịch sử văn học thế giới | **Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản nhất về quá trình phát triển của Văn học trong lịch sử nhân loại qua những tác giả, tác phẩm tiêu biểu nhất ở từng thời kì cụ thể, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:** Rèn luyện kỹ năng khám phá bản chất thẩm mĩ của văn chương, cá tính sáng tạo và quan niệm nghệ thuật của nhà văn  **Về thái độ:** Trân trọng và phát huy những giá trị văn chương tốt đẹp của nhân loại. Từ đó, sinh viên có thể rút ra những bài học sáng tạo quý giá, góp phần xây dựng nền văn hóa nghệ thuật giàu bản sắc dân tộc mà hiện đại. | 6 | Kì học: học kì V  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 70 (tiết)  - Thực hành, xêmina: 15 (tiết)  - Khác: bài tập ở nhà | - 10% điểm chuyêncần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 13 | Pháp luật | **Về kiến thức:**  Môn Pháp luật đại cương, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  Trang bị cho người học có những kiến thức cơ bản về nhà nước (nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng, hình thức, kiểu nhà nước); nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam; pháp luật (nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, vai trò, hình thức, kiểu pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý); một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như dân sự, hình sự, hành chính đặc biệt liên quan đến lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, biểu diễn, nhiếp ảnh; pháp luật về phòng chống tham nhũng.  **Về kỹ năng:** - Người học có kỹ năng phân tích cơ cấu của quy phạm pháp luật; xác định hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật; phân tích cấu thành của quan hệ pháp luật; nhận biết hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý tương ứng. Người học vận dụng được kiến thức đã học để làm kiến thức cơ bản ứng dụng trong cuộc sống làm nghề.  Đồng thời, người học có kỹ năng thuyết trình về một vấn đề của pháp luật; có kỹ năng điều hành hoạt động nhóm, tham gia hoạt động nhóm; có kỹ năng ghi biên bản cuộc họp.  **Về thái độ:**  Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân; thấy được vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội, từ đó nâng cao ý thức thực hiện pháp luật, tuyên truyền ý thức thực hiện pháp luật với cộng đồng xung quanh.  - Đồng thời, người học biết cách tra cứu và tự cập nhật các văn bản pháp luật để phục vụ cho công việc và có ý thức tự điều chỉnh công việc của mình theo những quy định của pháp luật. | 3 | Kì học: học kì I  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết: 24 LT, 6 TL | - 10% điểm chuyêncần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 14 | Giáo dục thể chất | **Về kiến thức:** Sau khi kết thúc môn học, sinh viên biết được nguồn gốc ra đời, quá trình phát triển và vị trí của môn Bóng rổ trên thế giới, sự hình thành phát triển của môn Bóng rổ ở Việt Nam; Nắm và hiểu được một số điều luật cơ bản Bóng rổ; Nắm và hiểu được các nguyên lý kỹ thuật và chiến thuật cơ bản  của môn Bóng rổ, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:** -  Thực hiện được các kỹ thuật và chiến thuật cơ bản về môn học.  -  Hình thành kỹ năng động tác  để tự tập luyện hoặc tập theo nhóm.  - Sử dụng kiến thức Bóng rổ cơ bản để có thể tự phân tích, thảo luận và hướng dẫn người khác cùng tham gia tập luyện  **Về thái độ:**  Người học cần có thái độ tích cực, yêu thích môn học mà mình đã lựa chọn, luôn có tinh thần thái độ hăng say trong mỗi tiết học và tích cực tập luyện ngoại khóa, để có được các kỹ năng cần thiết và tâm lý tốt. Ngoài ra, người học biết vận dụng môn Bóng rổ làm phương tiện cho việc rèn luyện và nâng cao sức khỏe của con người.  - Giáo dục phẩm chất cần thiêt để đáp ứng với nhu cầu xã hội: Năng động, sáng tạo có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, ý chí và đoàn kết tập thể. | 5 | Kì học: học kì VI  Thời gian: 15 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 8 LT  - Thực hành: 46 TH  - Khác: 21 | - 10% điểm chuyêncần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 15 | Giáo dục Quốc phòng và An ninh | Liên kết với Trung tâm GDQP & AN Đại học Quốc gia Hà Nội. | 11 | Liên kết với Trung tâm GDQP & AN Đại học Quốc gia Hà Nội. | Liên kết với Trung tâm GDQP & AN Đại học Quốc gia Hà Nội. |
| **II. Các môn chung bắt buộc khối Điện ảnh – Truyền hình** | | |  |  |  |
| 16 | Lịch sử nghệ thuật tạo hình VN | **Về kiến thức*:* M**ôn học giúp sinh viên hận thức được quá trình hình thành và phát triển của lịc sự mĩ thuật Viêt Nam, nhận biết và hiểu được những đặc điểm cơ bản của mỹ thuật Việt Nam, cũng những nguyên nhân dãn đến đặc điểm ấy.  **Về kỹ năng *:***Nắm bắt được phương pháp khai thác và xử lý những tài liệu mĩ thuật, phục vụ cho chuyên ngành của mình .  Trong quá trình học và làm bài kiểm tra bước đầu tạo dựng cho sinh viên hình thành kỹ năng hoạt động độc lập và hoạt động nhóm  **Về thái độ:** Là môn học cơ sở phục vụ cho đa ngành của trường Sân Khâu & Điện ảnh.  Giảng viên cần phải kết hợp giữa giảng dạy lý thuyết và các tài liệu tham khảo về chuyên môn như sách, tài liệu đọc, hình ảnh các bộ sưu tập về mĩ thuật của các tác giả tác phẩm tiểu biểu.  Tổ chức cho sinh viên tham quan thưc tế tại các di tích lich sử như Đình, Chùa, các công trình kiến trúc và tác phẩm mĩ thuật. Trong qua trình tham quan sinh viên được giao lưu, trao đổi với giảng viên bộ môn, được nghe giảng viên phân tích trực tiếp những tác phẩm mĩ thuật cụ thể. | 2 | Năm thứ 3, kỳ VI  Phân bố thời gian:  - Lên lớp: Lý thuyết 60%  - Thực tập phòng TN, thực hành: 40% | - 10% điểm chuyêncần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 17 | Lịch sử nghệ thuật tạo hình TG | **Về kiến thức*:* T**rang bị cho sinh viên những hiểu biết tư­ơng đối đầy đủ, toàn diện về các giai đoạn phát triển của lịch sử mĩ thuật Thế giơí từ nguyên thủy đến hiện nay. Cùng những đặc điểm nổi bật của từng giai đoạn, trên cơ sở đó, góp phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết về lich sử mĩ thuật.  **Về kỹ năng *:*** Phân biệt được những nét đặc trưng cơ bản của mĩ thuật thế giới, qua các giai đoạn hình thành và phát triển của lich sử  **Về thái độ:** Giảng viên cần phải kết hợp giữa giảng dạy lý thuyết và các tài liệu tham khảo về chuyên môn như sách, tài liệu đọc, hình ảnh các bộ sưu tập về mĩ thuật của các tác giả tác phẩm tiểu biểu.  Tổ chức cho sinh viên tham quan thưc tế tại các di tích lich sử như Đình, Chùa, các công trình kiến trúc và tác phẩm mĩ thuật. Trong qua trình tham quan sinh viên được giao lưu, trao đổi với giảng viên bộ môn, được nghe giảng viên phân tích trực tiếp những tác phẩm mĩ thuật cụ thể. | 3 | Năm thứ 3, kỳ VI  4. Phân bố thời gian:  - Lên lớp: Lý thuyết 60%  - Thực tập phòng TN, thực hành: 40% | - 10% điểm chuyêncần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 18 | Tâm lý học | **Về kiến thức:** Môn học Tâm lý học đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:** Thông qua những kiến thức cơ bản của Tâm lý học, sinh viên có những hiểu biết nhất định về tâm lý con người để vận dụng trong công tác hoạt động nghệ thuật sau này.  **Về thái độ:** Xây dựng thái độ đúng đắn với hoạt động sáng tạo nghệ thuật | 3 | Kì học: học kì VII  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 35 tiết  - Thi vấn đáp hết môn: 5 tiết  - Khác: Bài tập ở nhà: 5 tiết | - 10% điểm chuyêncần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 19 | Mỹ học | **Về kiến thức:** Giúp sinh viên nắm được những nội dung cơ bản của lý luận mỹ học Mác – Lênin, biết cảm thụ, đánh giá truớc thế giới các hiện tuợng thẩm mỹ và sáng tạo các giá thị thẩm mĩ theo quy luật của cái đẹp, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:** sinh viên vận dụng vào học tập chuyên ngành và hoạt động sống, hoạt động nghề nghiệp trong tương lai của mình  **Về thái độ:** sinh viên tiếp thu một cách có phê phán, có chọn lọc các giá trị thẩm mỹ của dân tộc và thời đại, bồi dưỡng nâng cao ý thức và năng lực thẩm mỹ. | 3 | Kì học: học kì VI  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 39 (tiết)  - Thực hành, xêmina: 6 (tiết)  - Khác: bài tập ở nhà | - 10% điểm chuyêncần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 20 | Lịch sử triết học phương Đông | **Về kiến thức:** Trên cơ sở những đặc điểm về kinh tế, văn hóa, xã hội của các nước phương Đông, môn học làm sáng tỏ quá trình phát sinh, hình thành và phát triển của triết học phương Đông qua 2 cái nôi triết học lớn nhất là Trung Quốc và Ấn Độ. Đạt được mục tiêu kiến thức này sẽ góp phần thực hiện sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:** Trang bị cho sinh viên tư duy lý luận triết học sâu sắc, ứng dụng vào việc phân tích và sáng tác các tác phẩm sân khấu, điện ảnh.  **Về thái độ: +** Sinh viên có thái độ chính trị tốt, có tư cách, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, tích cực tham gia vào việc giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn.  + Trân trọng, tiếp thu những giá trị và nhận định được hạn chế trong tư tưởng của các trường phái, các triết gia phương Đông. Từ đó đưa ra được quan điểm, lập trường sáng tạo về triết lý nhân sinh để ứng dụng trong nghề nghiệp và cuộc sống. | 3 | Kì học: học kì VII  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 35 tiết  - Thực hành, thảo luận: 7 tiết  - Bài tập: 3 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 21 | Xã hội học | **Về kiến thức:**  Hình thành và phát triển của xã hội học; các lý  thuyết, khái niệm xã hội học; phương pháp  nghiên cứu xã hội học.  Sinh viên hiểu các khái niệm, các luận điểm  cơ bản của các cách tiếp cận xã hội học; nắm vững cơ sở lý luận và phương pháp luận để phân tích,  lý giải các hiện tượng của đời sống xã hội dưới góc độ xã hội học; biết triển khai đề tài nghiên cứu xã hội học.  Đạt được mục tiêu kiến thức này, góp phần thực hiện sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **6.2. Về kỹ năng:** Sinh viên có kỹ năng đọc các tài liệu xã hội học; phân tích, đánh giá các sự kiện xã hội; phân tích mối quan hệ giữa cá nhân, nhóm và xã hội, trên cơ sở đó đưa ra các nhận định, đánh giá về các mối quan hệ xã hội nhằm tìm cách giải quyết các vấn đề xã hội nảy sinh. Sinh viên có kỹ năng thu thập, xử lí thông tin; biết triển khai đề tài nghiên cứu xã hội học thực nghiệm, phục vụ cho chuyên ngành học của mình.  **6.3. Về thái độ:** Sinh viên có thái độ chính trị tốt, có tư cách, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, tích cực tham gia vào việc giải quyết các vấn đề xã hội dưới góc độ của nghệ thuật, sân khấu, điện ảnh. | 3 | Kì học: học kì VII  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 35 tiết  - Thực tập phòng TN, thực hành: 5 tiết  - Bài tập về nhà: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| **B. Kiến thức GD chuyên nghiệp**  **I. Kiến thức cơ sở ngành** | | |  |  |  |
| 22 | Nhiếp ảnh | **Về kiến thức:**  Hệ thống hóa những kiến thức cơ bản về nhiếp ảnh thông qua 4 loại ảnh cơ bản : tĩnh vật, chân dung, sinh hoạt, phong cảnh.  Giá trị của từng thể loại. Giá trị bổ sung thông tin, cảm xúc cho nhau khi tham gia mô tả một nhân vật hay một nhóm nhân vật.  Chuyển đổi Ngôn ngữ chữ viết sang hình ảnh ở dạng bài tập ảnh Liên hoàn.  **Về kỹ năng:**  Sinh viên sẽ rèn luyện kỹ năng nhiếp ảnh kết nối( liên hoàn).  **Về thái độ:**  Sinh viên có ý thức gìn giữ công cụ làm việc, đúng giờ, hướng tới cách làm việc chuyên nghiệp của một nhà làm phim | 4 | Năm thứ nhất, học kỳ I  Phân bổ thời gian:  - Lên lớp: 40 tiết  - Thực tập phòng TN, thực hành, xem phim: 10 tiết  - Thi/ Kiểm tra hết học phần: 10 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 23 | Âm nhạc cơ bản (ĐA) | Kết thúc chư­ơng trình học, Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về sơ lược sự phát triển của lịch sử âm nhạc thế giới, lý thuyết âm nhạc, các thể loại âm nhạc, các bộ nhạc cụ trong dàn nhạc giao hưởng phương tây |  | Kỳ học: Kỳ II – Năm thứ 2  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết: 20 tiết LT, 20 tiết TH, ôn tập và thi hết môn 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 24 | Nhạc phim | Sinh viên nắm được một cách tổng hợp nhất các kiến thức về vai trò, vị trí và hiệu quả sử dụng của âm nhạc trong nền điện ảnh Việt Nam và thế giới. Các phương pháp sử dụng nhạc phim, xây đựng kịch bản nhạc phim, làm việc với nhạc sĩ. Đặc điểm âm nhạc trong các thể loại phim. Sơ lược lịch sử nhạc phim và phong cách sáng tác của một số nhạc sĩ nổi tiếng thế giới. Sự khác biệt của âm nhạc trong từng thể loại phim. |  | Kỳ học: Kỳ II – Năm thứ 2  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết: 20 tiết LT, 20 tiết TH, ôn tập và thi hết môn 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 25 | Quy trình sản xuất phim | **Về kiến thức**  Sinh viên phải hiểu rõ và nắm vững các kiến thức cơ bản trong chương trình, nguồn tài liệu tham khảo để từ đó có thể phát triển năng lực nhận thức ở cấp cao hơn trong lĩnh vực sản xuất phim.  Sinh viên hiểu được hoạt động nguồn tài chính sản xuất phim trong, ngoài nước, thuộc hệ thống nhà nước, tư nhân và nguồn quỹ lợi nhuận, phi lợi nhuận. Sinh viên nắm vững quy định bản quyền, phát hành phim, các thỏa thuận trong sản xuất phim.  **Về kỹ năng:**  Sinh viên phát triển kỹ năng làm việc cá nhân; kỹ năng tương tác - giao tiếp - làm việc nhóm; kỹ năng kiến tạo sản phẩm - quy trình - hệ thống áp dụng thực hành sản xuất phim.  Sinh viên vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi liên quan đến hệ thống sản xuất phim trong, ngoài nước, các mô hình sản xuất phim; có kỹ năng tính toán, lập dự toán, kế hoạch sản xuất các phim ngắn, phim dài trong hệ thống phim thương mại, phim độc lập.  **Về thái độ học tập:**  Sinh viên lắng nghe giảng, chia sẻ quan điểm cá nhân trong lúc thảo luận, thực hành, làm bài tập.  Sinh viên chủ động đưa ra những đề xuất cá nhân về lý thuyết đã học hoặc phạm vi bài giảng, tạo ra môi trường tương tác cởi mở với giảng viên, các sinh viên khác. | 4 | Năm thứ nhất, học kỳ II.  Phân bổ thời gian:  - Lên lớp nghe giảng lý thuyết: 25 tiết  - Thực tập phòng TN, thực hành: 20 tiết  - Khác: Thảo luận 10 tiết; Thi 5 tiết. | 10% điểm chuyên cần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 26 | Quay phim ĐA | Mục tiêu kiến thức:  Thông qua lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm tạo cho sinh viên hiểu biết về các nguyên tắc bố cục một khuôn hình điện ảnh.  Mục tiêu kỹ năng:  Có kỹ năng lựa chọn ống kính phù hợp với cắt cúp khuôn hình, đặt vị trí máy phù hợp với cỡ cảnh & phối cảnh…  Mục tiêu ý thức:  Tạo cho sinh viên có được kiến thức, hiểu biết về bố cục khuôn hình điện ảnh trong nghệ thuật quay. | 4 | Năm thứ I, học kỳ II  Phân bổ thời gian:   * Lên lớp: 45 tiết * Thực hành các bài tập quay phim về kỹ năng bố cục khuôn hình. 15 tiết | 10% điểm chuyên cần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 27 | Mỹ thuật ĐA | **Về kiến thức:**Trang bị kiến thức cho sinh viênbiết và phân biệt được cơ bản các thuật ngữ về không gian điện ảnh. Những đặc điểm giống và khác nhau giữa Mỹ thuật điện ảnh và Mỹ thuật tạo hình. Biết phân biệt đặc điểm Văn hóa Việt với các nền văn hóa khác khi nhìn nhận một đồ án thiết kế Mỹ thuật điện ảnh. Hiểu biết rõ tiến trình hình thành và phát triển của không gian thiết kế Mỹ thuật phim truyện Việt Nam, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một  trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:**Kết thúc học phần sinh viên có kĩ năng:  - Có khả năng tạo dựng được bối cảnh động cho một phân cảnh phim truyện bằng kỹ thuật Đồ họa kỹ xảo.  **Về thái độ:**Ý thức được vai trò, nhiệm vụ của người họa sĩ thiết kế  trong quá trình sáng tác, đòi hỏi phải tích lũy vốn sống, vốn kiến thức về văn hóa và xã hội để phục vụ cho tác phẩm của mình. | 3 | Kỳ học: học kỳ V năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: Lý thuyết 50%  - Thực hành và bài tập: 50% | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 28 | Đạo diễn (ĐA) | Giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về công việc của một đạo diễn điện ảnh, nhận ra được những tính chất đặc thù trong sáng tạo nghề nghiệp đạo diễn điện ảnh. Sinh viên rút ra được những yêu cầu về tư chất, khả năng cần có của người đạo diễn điện ảnh, hiểu được vai trò và mối quan hệ của đạo diễn trong quá trình làm việc với các thành phần nghệ thuật khác, qua đó có ý thức cộng tác với người đạo diễn. | 3 | Học kỳ III  Phân bổ thời gian:  - Lên lớp: 30 tiết  - Thực hành và bài tập: 15 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 29 | Âm thanh ĐA | Phần 1: kỹ thuật thu thanh sinh viên hiểu và có những kiến thức cơ bản về âm thanh làm cở sở ứng dụng cho phần 2: Xử lý âm thanh.  Mục tiêu của phần 2 giúp sinh viên nắm bắt được các khả năng chuyển tải của âm thanh trong truyền hình, qua đó vận dụng để xử lý âm thanh hiệu qủa trong phim truyền hình từ cơ bản. Đó là nền tảng để sinh viên nghiên cứu chuyên sâu. Từ các phương pháp phân tích, tổng hợp, đánh giá giúp cho sinh viên tư duy vững vàng, mạch lạc để sáng tạo trong kể chuyện phim.  Biết ứng dụng, sử dụng linh hoạt các thiết bị và phần mềm âm thanh cơ bản. | 4 | Năm thứ 2, học kỳ 1  Phân bổ thời gian:  - Lên lớp: 60 tiết  - Lý thuyết: 25tiết  - Thực tập, thực hành: 30 tiết  - Kiểm tra hết môn: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 30 | Dựng phim | **Về kiến thức:** Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về vai trò và quy trình dựng phim, hiểu các nghiên tắc dựng, các phương pháp dựng phim để truyền đạt nội dung bằng ngôn ngữ điện ảnh.  **Về kỹ năng:** Sinh viên nắm vững kỹ thuật dựng phim số, lựa chọn cảnh, cắt cảnh, ghép nối các cảnh để kể câu chuyện bằng hình ảnh. Xử lý âm thanh cơ bản, biết sử dụng phần mềm dựng phim phi tuyến và hiểu các hệ thống dựng phim số hiện nay.  **Về thái độ:** Tạo cho sinh viên thói quen và kỹ năng cần thiết của người dựng phim như: tính cẩn thận, làm việc thời gian dài với hệ thống dựng, ý thức lưu trữ và bảo vệ dữ liệu trong các dự án lớn, ý thức làm việc với các vị trí khác trong đoàn làm phim. | 4 | Năm thứ 2, học kỳ III  Phân bổ thời gian:   * Lên lớp: 30 tiết * Thực hành: 25 tiết * Thi hết môn: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 31 | Lịch sử ĐAVN | **Về kiến thức:**  Trang bị cho sinh viên một khối kiến thức có tính cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của ngành nghệ thuật Điện ảnh ở Việt Nam, đặc điểm sự hình thành và quá trình phát triển của điện ảnh dân tộc qua từng giai đoạn. Giới thiệu một số tác giả và tác phẩm nổi tiếng.  **Về kỹ năng:**  Sinh viên rút ra bài học cho sự phát triển ngành trong giai đoạn hiện nay.  **Về thái độ:**  Sinh viên có cơ sở rèn luyện trong tư duy sức sáng tạo suốt thời gian theo học ở trường |  | Năm thứ nhất, học kỳ I  Phân bổ thời gian:  **-** Lên lớp: 30 tiết lý thuyết  **-** Thực hành: 30 tiết xem phim tư liệu | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi |
| 32 | Lịch sử ĐATG 1 | **Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên kiến thức có tính hệ thống cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của nghệ thuật Điện ảnh Thế giới; **những khuynh hướng trường phái trong điện ảnh.** Giới thiệu một số tác giả và tác phẩm nổi tiếng  **Về tiêu kĩ năng**: Sinh viên phân biệt và nêu được đặc điểm của các trào lưu, phong cách điện ảnh theo từng thời kỳ, từng nền điện ảnh.  **Về thái độ:** Sinh viên có ý thức tìm hiểu về lịch sử điện ảnh, xem phim kinh điển một cách nghiêm túc và có tính chuyên môn. | 3 | Năm thứ nhất, học kỳ 2  Phân bổ thời gian:  **-** Lên lớp: 20 tiết lý thuyết  **-** Thực hành: 20 tiết xem phim tư liệu  **-** Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 32 | Lịch sử ĐATG 2 | **Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên kiến thức có tính hệ thống cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của nghệ thuật Điện ảnh Thế giới; **những khuynh hướng trường phái trong điện ảnh.** Giới thiệu một số tác giả và tác phẩm nổi tiếng.  **Về tiêu kĩ năng**: Sinh viên phân biệt và nêu được đặc điểm của các trào lưu, phong cách điện ảnh theo từng thời kỳ, từng nền điện ảnh.  **Về thái độ:** Sinh viên có ý thức tìm hiểu về lịch sử điện ảnh, xem phim kinh điển một cách nghiêm túc và có tính chuyên môn. |  | Năm thứ hai, học kỳ 3  Phân bổ thời gian:  **-** Lên lớp: 20 tiết lý thuyết  Thực hành: 20 tiết xem phim tư liệu  **-** Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 33 | Phân tích phim 1 | **Về kiến thức:**Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản trong thực hành phân tích phim, phân biệt được các dạng bài phân tích phim, có khả năng cảm thụ tác phẩm.  **Về kỹ năng:** Sinh viên nắm được kĩ năng phân tích phim, phân tách, nhận định, được các vấn đề cơ bản để phân tích một bộ phim. Sinh viên viết được một bài phân tích phim hoàn chỉnh đúng yêu cầu.  **Về thái độ:** Sinh viên có ý thức tìm hiểu và xem phim kĩ lưỡng, tập trung ghi chép và thảo luận. | 4 | Năm thứ nhất, học kì 1  Phân bổ thời gian:   * Học lý thuyết trên lớp : 30 Tiết * Xem phim : 20 Tiết * Thực hành : 10 Tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 34 | Phân tích phim 2 | **Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên sâu, những cách tiếp cận để viết bài phân tích phim.  **Về kỹ năng:** Sinh viên luyện tập kĩ năng phân tích phim và bổ sung thêm các phương pháp tiếp cận chuyên sâu. Sinh viên vận dụng được các kĩ năng, phương pháp đó và thực hành, viết được một bài phân tích phim mang tính nghiên cứu nâng cao hoàn chỉnh đúng yêu cầu.  **Về thái độ:** Sinh viên xem phim kỹ lưỡng, có ý thức tìm hiểu, tổng hợp, nghiên cứu sâu một bộ phim hoặc một vấn đề khái quát về phim. |  | Năm thứ nhất,  học kì 2  Phân bổ thời gian:   * Học lý thuyết trên lớp : 30 Tiết * Xem phim : 20 Tiết * Thực hành : 10 Tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 35 | Biên tập KB và phim | **Về kiến thức:** Giúp sinh viên biết được vai trò, vị trí, nhiệm vụ của người Biên tập trong dây chuyền sản xuất phim truyện; Hiểu được đầy đủ quy trình Biên tập kịch bản và phim.  **Về kỹ năng:** Hình thành cho sinh viên kỹ năng Biên tập kịch bản và phim. Vận dụng được kỹ năng Biên tập kịch bản và phim sau khi học môn học này.  **Về thái độ:** Sau môn học, sinh viên có ý thức tự biên tập, sửa chữa hoàn thiện kịch bản của chính mình ngay từ khi bắt đầu đặt bút viết. | 4 | Kỳ học: Học kỳ V – Năm thứ 3  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết: 40 tiết LT, 20 tiết TH | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 36 | Báo chí | **Về kiến thức:** Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ báo chí nói chung và báo chí truyền hình nói riêng. Nắm bắt được cách thức hoạt động và cập nhật thông tin của các loại báo chí.  **Về kỹ năng:** Có đủ cơ sở về kiến thức và thực hành để bước đầu tham gia xây dựng một chương trình tin tức Truyền hình.  **Về thái độ:** Sinh viên tuân thủ yêu cầu của giảng viên về kỷ luật và bài tập thực hành. | 4 | Học kỳ I, năm thứ 3  Phân bổ thời gian:  - Lên lớp: 40 tiết  - Thực hành và bài tập: 20 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 37 | Kịch bản phim TL | **Về kiến thức:** Sinh viên nhận thức kịch bản phim tài liệu là loại hình kể chuyện khám phá những câu chuyện từ thực tế, đồng thời nhận ra sự khác nhau giữa thực tế, và ý kiến cá nhân trong cách kể chuyện.  Sinh viên mở rộng phạm vi quan sát thực tế, từ đó hình thành cái nhìn sâu sắc, và sự hiểu biết về các sự kiện xã hội, môi trường sống xung quanh.  Dựa trên phương pháp học giảng dạy chủ động của giảng viên, sinh viên tự đánh giá được mức độ hiểu biết kiến thức chuyên ngành trong lĩnh vực kịch bản phim, từ đó phát triển kỹ năng thực hành.  **Về kỹ năng:** Sinh viên vận dụng kiến thức đã học phát triển kỹ năng lắng nghe, viết đề xuất ý tưởng, phỏng vấn thu thập thông tin, từ đó nâng cao kỹ năng đánh giá “sự thật” một cách chính xác khi đưa vào kịch bản phim tài liệu.  Sinh viên tích cực thực hành kỹ năng phân tích dữ liệu, thông tin từ phương tiện truyền thông.  Sinh viên chuyên ngành biên kịch có khả năng xây dựng kịch bản điện ảnh tài liệu đáp ứng yêu cầu của các nhà sản xuất.  **Về thái độ học tập:** Sinh viên lắng nghe giảng, chia sẻ quan điểm cá nhân trong lúc thảo luận, thực hành, làm bài tập.  Sinh viên chủ động đưa ra những đề xuất cá nhân về lý thuyết đã học hoặc phạm vi bài giảng, tạo ra môi trường tương tác cởi mở với giảng viên, các sinh viên khác. | 4 | Kỳ học: Học kỳ III – Năm thứ 2  Thời gian: 9 tuần  - Lên lớp nghe giảng lý thuyết: 25 tiết  - Thực tập phòng TN, thực hành: 20 tiết  - Khác: Thảo luận 10 tiết; Thi 5 tiết. | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| **II. Kiến thức ngành** | | |  |  |  |
| 38 | Biên kịch ĐA 1 | Giúp sinh viên hiểu được những kiến thức ban đầu về cách thức, quy trình viết kịch bản phim ngắn, nắm được những khái niệm chuyên ngành và đặc trưng của ngôn ngữ điện ảnh (viết cho ống kính).  Sinh viên hình thành khả năng quan sát và biến những sự việc, hiện tượng quan sát được trong đời sống thành ý tưởng để xây dựng kịch bản, khả năng viết nhật ký sáng tác, có kĩ năng xây dựng tình huống, cốt truyện phim ngắn. | 6 | Học kỳ I  Phân bổ thời gian:  - Lên lớp: 60 tiết  - Thực hành và bài tập: 30 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 39 | Biên kịch ĐA 2 | Giúp sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về quy trình sáng tác từ hình thành ý tưởng đến hoàn thiện một đề cương kịch bản điện ảnh.  Hình thành kỹ năng quan sát và tưởng tượng, giúp sinh viên biết cách khai thác chất liệu cuộc sống đểxây dựng đề cương kịch bản phim điện ảnh. Xác định cho sinh viên biên kịch tâm thế và trách nhiệm xã hội, đạo đức nghề nghiệp của người sáng tác. | 8 | Học kỳ II  Phân bổ thời gian:  - Lên lớp: 70 tiết  - Thực hành và bài tập: 50 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 40 | Biên kịch ĐA 3 | Giúp sinh viên nắm được khái niệm về cảnh, dựng cảnh để xây dựng đề cương list. Hình thành kĩ năng dựng cảnh, xây dựng được một đề cương phân đoạn chi tiết 20 trang cho kịch bản phim truyện, hiểu được vai trò của khâu dựng cảnh trong quy trình sáng tác. | 7 | Học kỳ III  Phân bổ thời gian:  - Lên lớp: 60 tiết  - Thực hành và bài tập: 45 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 41 | Biên kịch ĐA 4 | Giúp sinh viên nắm được khái niệm, chức năng và vai trò của lời thoại, chi tiết và khâu viết chi tiết trong quy trình sáng tác kịch bản phim truyện. Hình thành cho sinh viên kĩ năng viết tình huống, kỹ năng viết lời thoại, xử lý chi tiết- hoàn thiện quy trình sáng tác một kịch bản phim truyện điện ảnh, hiểu được giá trị và vai trò của một kịch bản hoàn chỉnh đối với dây chuyền sản xuất. | 8 | Học kỳ IV  Phân bổ thời gian:  - Lên lớp: 60 tiết  - Thực hành và bài tập: 60 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 42 | Biên kịch ĐA 5 | Giúp sinh viên nắm được nắm được mối quan hệ giữa văn học và điện ảnh, quy trình và các phương pháp chuyển thể kịch bản. Sinh viên biết vận dụng lý thuyết để chuyển thể tác phẩm văn học thành kịch bản điện ảnh. Từ kĩ năng khai thác ý tưởng sẵn có trong công tác chuyển thể, chuẩn bị cho sinh viên kĩ năng hình thành và phát biểu ý tưởng trong kịch bản tốt nghiệp. Sinh viên nhận thức được vai trò của người biên kịch trong công tác chuyển thế, ý thức được vấn đề bản quyền, đạo đức của người cầm bút và trách nhiệm của người sáng tác. |  | Học kỳ V  Phân bổ thời gian:  - Lên lớp: 50 tiết  - Thực hành và bài tập: 70 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 43 | Biên kịch ĐA 6 | Cung cấp cho sinh viên nghiệp vụ viết kịch bản phim truyền hình nhiều tập. Giúp sinh viên hiểu công nghệ viết nhóm, sáng tác tập thể theo đúng quy trình sáng tác kịch bản phim truyền hình. Hình thành kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng sáng tác kịch bản phim truyền hình nhiều tập để tham gia ngay vào thị trường sản xuất kịch bản phim truyện truyền hình. Ý thức được nhiệm vụ, vị trí của mình trong dây chuyền sản xuất kịch bản truyền hình nhiều tập, tạo thuận lợi khi tham gia nhóm viết. | 10 | Học kỳ VI  Phân bổ thời gian:  - Lên lớp: 70 tiết  - Thực hành và bài tập: 80 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 44 | Biên kịch ĐA 7 | Củng cố lại toàn bộ kiến thức nền tảng đã học trước đó để tìm kiếm và phát biểu tưởng kịch bản tốt nghiệp. Giúp sinh viên **thuần thục kĩ năng hình thành, phát triển ý tưởng thành đề cương kịch bản, Phát huy hết năng lực để xây dựng đề cương và kịch bản tốt nghiệp, có ý thức sáng tác đáp ứng nhu cầu thị trường.** | 10 | Học kỳ VII  Phân bổ thời gian:  - Lên lớp: 60 tiết  - Thực hành và bài tập: 90 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 45 | Kịch học ĐA 1 | Giúp sinh viên nắm được toàn bộ những khái niệm căn bản về nhân vật và cấu trúc phim điện ảnh. Giúp sinh viên hiểu rõ được vai trò của mỗi loại nhân vật cũng như các yếu tố trong bộ phim dưới góc nhìn của người biên kịch.  Sinh viên có kỹ năng sáng tác chuyên nghiệp nhờ hiểu rõ bản chất nghiệp vụ sáng tác. Sinh viên biết cách xem phim, hiểu được ngôn ngữ điện ảnh với những tín hiệu âm thanh và thị giác. | 3 | Học kỳ II năm thứ I  Phân bổ thời gian:  - Lên lớp: 30 tiết  - Thực hành và bài tập: 15 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 46 | Kịch học ĐA 2 | Giúp sinh viên nắm được toàn bộ những khái niệm căn bản về cốt truyện, các thủ pháp trong nghệ thuật kể chuyện, đặc điểm của các thể loại phim.  Giúp sinh viên hiểu rõ những vấn đề về thể loại phim, và biết vận dụng những thủ pháp nghệ thuật hỗ trợ quá trình sáng tác kịch bản. | 3 | Học Kỳ III – năm thứ 2  Phân bổ thời gian:  - Lên lớp: 30 tiết  - Thực hành và bài tập: 15 tiết | ĐCC: 10%  ĐĐK: 30%  ĐTK: 60% |
| 47 | Chuyên đề | Giúp cho sinh viên có cơ hội được tiếp xúc, nâng cao kiến thức làm phim cùng với các chuyên gia, những nhà làm phim đang được đánh giá cao thông qua từng chuyên đề cụ thể. | Tối đa 3 buổi | Tùy thời điểm thích hợp | Viết thu hoạch |
| 48 | Ngoại khóa | Đây là đợt trải nghiệm cho sinh viên đi thực tế nhằm nâng cao kiến thức nhiếp ảnh và nghệ thuật quay phim cho sinh viên. Mang lại cho sinh viên phương thức thực hành sáng tác nhiếp ảnh, quay phim tại hiện trường khác nhau, bên cạnh đó các cách tiếp cận đề tài trong thực tiễn. | 10 ngày | Kỳ học: học kỳ III năm 2 (5 ngày)  Kỳ học: học kỳ V năm 3 (5 ngày) |  |
| 49 | Thực tập trước tốt nghiệp | Tạo điều kiện để sinh viên tiếp xúc trực tiếp với thực tiễn sản xuất các sản phẩm Điện ảnh - Truyền hình. Sinh viên được tiếp cận với các phương tiện kỹ thuật, các giai đoạn sản xuất chương trình hoặc phim, các thành phần đoàn, tìm hiểu về công tác hậu kỳ. | 10 | Kỳ học: học kỳ VIII năm 4 |  |
| 50 | Tốt nghiệp | Nhà trường tổ chức cho sinh viên làm *Bài thi tốt nghiệp* và *Bảo vệ tốt nghiệp* là để sinh viên trình bày kết quả học tập chuyên môn của mình trong thời gian toàn khoá học thông qua Bài thi tốt nghiệp. | 3 | Kỳ học: học kỳ VIII năm 4 | Thang điểm từ 0 đến 10 |

**Chuyên ngành: Quay phim điện ảnh**

1. Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc (15 môn như các lớp khác)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. **Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp** 2. **Kiến thức cơ sở ngành** | | | | | |
| 1 | Lịch sử Điện ảnh Việt Nam | **Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên một khối kiến thức có tính cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của ngành nghệ thuật Điện ảnh ở Việt Nam, đặc điểm sự hình thành và quá trình phát triển của điện ảnh dân tộc qua từng giai đoạn. Giới thiệu một số tác giả và tác phẩm nổi tiếng, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:** Sinh viên rút ra bài học cho sự phát triển ngành trong giai đoạn hiện nay.  **Về thái độ:** Sinh viên có cơ sở rèn luyện trong tư duy sức sáng tạo suốt thời gian theo học ở trường. | 4 | Kỳ học: học kỳ I năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 30 tiết  - Thực hành: 30 tiết xem phim tư liệu | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 2 | Lịch sử Điện ảnh Thế giới 1 | **Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên kiến thức có tính hệ thống cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của nghệ thuật Điện ảnh Thế giới; **những khuynh hướng trường phái trong điện ảnh.** Giới thiệu một số tác giả và tác phẩm nổi tiếng; đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về tiêu kĩ năng**: Sinh viên phân biệt và nêu được đặc điểm của các trào lưu, phong cách điện ảnh theo từng thời kỳ, từng nền điện ảnh.  **3. Về thái độ:** Sinh viên có ý thức tìm hiểu về lịch sử điện ảnh, xem phim kinh điển một cách nghiêm túc và có tính chuyên môn. | 3 | Kỳ học: học kỳ II năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 20 tiết  - Thực hành: 20 tiết xem phim tư liệu  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 3 | Lịch sử Điện ảnh Thế giới 2 | **1. Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên kiến thức có tính hệ thống cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của nghệ thuật Điện ảnh Thế giới; **những khuynh hướng trường phái trong điện ảnh.** Giới thiệu một số tác giả và tác phẩm nổi tiếng; đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về tiêu kĩ năng**: Sinh viên phân biệt và nêu được đặc điểm của các trào lưu, phong cách điện ảnh theo từng thời kỳ, từng nền điện ảnh.  **3. Về thái độ:** Sinh viên có ý thức tìm hiểu về lịch sử điện ảnh, xem phim kinh điển một cách nghiêm túc và có tính chuyên môn. | 3 | Kỳ học: học kỳ III năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 20 tiết  - Thực hành: 20 tiết xem phim tư liệu  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 4 | Phân tích phim 1 | **1. Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản trong thực hành phân tích phim, phân biệt được các dạng bài phân tích phim, có khả năng cảm thụ tác phẩm, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kỹ năng:** Sinh viên nắm được kĩ năng phân tích phim, phân tách, nhận định, được các vấn đề cơ bản để phân tích một bộ phim. Sinh viên viết được một bài phân tích phim hoàn chỉnh đúng yêu cầu.  **3. Về thái độ:** Sinh viên có ý thức tìm hiểu và xem phim kĩ lưỡng, tập trung ghi chép và thảo luận. | 4 | Kỳ học: học kỳ I năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 30 tiết  - Xem phim: 20 tiết  - Thực hành: 10 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 5 | Phân tích phim 2 | **1. Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên sâu, những cách tiếp cận để viết bài phân tích phim, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kỹ năng:** Sinh viên luyện tập kĩ năng phân tích phim và bổ sung thêm các phương pháp tiếp cận chuyên sâu. Sinh viên vận dụng được các kĩ năng, phương pháp đó và thực hành, viết được một bài phân tích phim mang tính nghiên cứu nâng cao hoàn chỉnh đúng yêu cầu.  **3. Về thái độ:** Sinh viên xem phim kỹ lưỡng, có ý thức tìm hiểu, tổng hợp, nghiên cứu sâu một bộ phim hoặc một vấn đề khái quát về phim. | 4 | Kỳ học: học kỳ II năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 30 tiết  - Xem phim: 20 tiết  - Thực hành: 10 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 6 | Quy trình sản xuất phim | **1. Về kiến thức:** Sinh viên phải hiểu rõ và nắm vững các kiến thức cơ bản trong chương trình, nguồn tài liệu tham khảo để từ đó có thể phát triển năng lực nhận thức ở cấp cao hơn trong lĩnh vực sản xuất phim.  Sinh viên hiểu được hoạt động nguồn tài chính sản xuất phim trong, ngoài nước, thuộc hệ thống nhà nước, tư nhân và nguồn quỹ lợi nhuận, phi lợi nhuận. Sinh viên nắm vững quy định bản quyền, phát hành phim, các thỏa thuận trong sản xuất phim.  Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế”.  Đáp ứng tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”  **2. Về kỹ năng:** Sinh viên phát triển kỹ năng làm việc cá nhân; kỹ năng tương tác - giao tiếp - làm việc nhóm; kỹ năng kiến tạo sản phẩm - quy trình - hệ thống áp dụng thực hành sản xuất phim.  Sinh viên vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi liên quan đến hệ thống sản xuất phim trong, ngoài nước, các mô hình sản xuất phim; có kỹ năng tính toán, lập dự toán, kế hoạch sản xuất các phim ngắn, phim dài trong hệ thống phim thương mại, phim độc lập.  **3. Về thái độ học tập:** Sinh viên lắng nghe giảng, chia sẻ quan điểm cá nhân trong lúc thảo luận, thực hành, làm bài tập.  Sinh viên chủ động đưa ra những đề xuất cá nhân về lý thuyết đã học hoặc phạm vi bài giảng, tạo ra môi trường tương tác cởi mở với giảng viên, các sinh viên khác. | 4 | Kỳ học: học kỳ II năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 25 tiết  - Thực hành: 20 tiết  - Thảo luận: 10 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 7 | Âm nhạc cơ bản (ĐA) | **1. Về kiến thức:** Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về sơ lược sự phát triển của lịch sử âm nhạc thế giới, lý thuyết âm nhạc, các thể loại âm nhạc, các bộ nhạc cụ trong dàn nhạc giao hưởng phương tây. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kĩ năng:** Kết thúc môn học, sinh viên có thể nghe, đọc và nhận biết các ký hiệu cơ bản của một bản nhạc như : cao độ, tiết tấu, điệu thức, giọng, quãng…nâng cao khả năng cảm nhận âm nhạc, phân biệt được một số thể loại âm nhạc chính, nhận biết hình dáng và âm sắc các nhạc cụ trong dàn nhạc giao hưởng phương tây.  **3. Về thái độ:** Qua học phần Âm nhạc đại cương, sinh viên ý thức đựơc vai trò và những đóng góp của âm nhạc trong cuộc sống cũng như trong các lĩnh vực hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp. | 3 | Kỳ học: học kỳ IV năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 20 tiết  - Thực hành: 20 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 8 | Âm thanh Điện ảnh | **1. Về kiến thức:** Sinh viên hiểu và có những kiến thức cơ bản về âm thanh làm cơ sở ứng dụng xử lý âm thanh. Sinh viên nắm bắt được các khả năng chuyển tải của âm thanh trong truyền hình, qua đó vận dụng để xử lý âm thanh hiệu qủa trong phim truyền hình từ cơ bản. Đó là nền tảng để sinh viên nghiên cứu chuyên sâu. Từ các phương pháp phân tích, tổng hợp, đánh giá giúp cho sinh viên tư duy vững vàng, mạch lạc để sáng tạo trong kể chuyện phim.  Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế”.  Đáp ứng tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kỹ năng:** Biết ứng dụng, sử dụng linh hoạt các thiết bị và phần mềm âm thanh cơ bản.  **3. Về thái độ:** Sinh viên lắng nghe giảng, chia sẻ quan điểm cá nhân trong lúc thảo luận, thực hành, làm bài tập.  Sinh viên chủ động đưa ra những đề xuất cá nhân về lý thuyết đã học hoặc phạm vi bài giảng, tạo ra môi trường tương tác cởi mở với giảng viên, các sinh viên khác. | 4 | Kỳ học: học kỳ IV năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 25 tiết  - Thực hành: 30 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 9 | Nhạc phim | **1. Về kến thức:** Nắm được một cách tổng hợp nhất các kiến thức về vai trò, vị trí và hiệu quả sử dụng của âm nhạc trong nền điện ảnh Việt Nam và thế giới. Các phương pháp sử dụng nhạc phim, xây đựng kịch bản nhạc phim, làm việc với nhạc sĩ. Đặc điểm âm nhạc trong các thể loại phim. Sơ lược lịch sử nhạc phim và phong cách sáng tác của một số nhạc sĩ nổi tiếng thế giới. Sự khác biệt của âm nhạc trong từng thể loại phim. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kĩ năng:** Sinh viên có thể cảm thụ được những sắc thái biểu cảm của âm nhạc khi sử dụng trong phim đem lại những hiệu quả khác biệt như thế nào.  Phân biệt được những đặc trưng tiêu biểu của âm nhạc trong một số thể loại phim.  Có kỹ năng xây đựng một “kịch bản âm nhạc” cho phim bài tập.  Phân biệt được các phương pháp sử dụng nhạc trong phim sao cho hiệu quả.  Có khả năng nhận xét, lựa chọn âm nhạc phù hợp cho những trích đoạn phim tiêu biểu, phim ngắn bài tập.  **3. Về thái độ:** Đánh giá đúng vai trò quan trọng của âm nhạc trong phim.  Yêu thích môn học và có nhu cầu tìm hiểu nhiều hơn để vận dụng vào chính tác phẩm của mình. | 3 | Kỳ học: học kỳ IV năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 20 tiết  - Thực hành: 20 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 10 | Mỹ thuật Điện ảnh | **1. Về kiến thức:** Trang bị kiến thức cho sinh viên biết và phân biệt được cơ bản các thuật ngữ về không gian điện ảnh. Những đặc điểm giống và khác nhau giữa Mỹ thuật điện ảnh và Mỹ thuật tạo hình. Biết phân biệt đặc điểm Văn hóa Việt với các nền văn hóa khác khi nhìn nhận một đồ án thiết kế Mỹ thuật điện ảnh. Hiểu biết rõ tiến trình hình thành và phát triển của không gian thiết kế Mỹ thuật phim truyện Việt Nam, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kỹ năng:** Kết thúc học phần sinh viên có kĩ năng:  - Có khả năng tạo dựng được bối cảnh động cho một phân cảnh phim truyện bằng kỹ thuật Đồ họa kỹ xảo.  **3. Về thái độ:** Ý thức được vai trò, nhiệm vụ của người họa sĩ thiết kế trong quá trình sáng tác, đòi hỏi phải tích lũy vốn sống, vốn kiến thức về văn hóa và xã hội để phục vụ cho tác phẩm của mình. | 3 | Kỳ học: học kỳ V năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: Lý thuyết 50%  - Thực hành và bài tập: 50% | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 11 | Đạo diễn (ĐA) | Giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về công việc của một đạo diễn điện ảnh, nhận ra được những tính chất đặc thù trong sáng tạo nghề nghiệp đạo diễn điện ảnh. Sinh viên rút ra được những yêu cầu về tư chất, khả năng cần có của người đạo diễn điện ảnh, hiểu được vai trò và mối quan hệ của đạo diễn trong quá trình làm việc với các thành phần nghệ thuật khác, qua đó có ý thức cộng tác với người đạo diễn. | 3 | Kỳ học: học kỳ IV năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 30 tiết  - Thực hành và bài tập: 15 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 12 | Kịch học Điện ảnh | **1. Về kiến thức:** Cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về những vấn đề trong kịch bản và phim truyện; Giúp sinh viên nắm bắt được những vấn đề về ngôn ngữ điện ảnh, nhân vật, cấu trúc và cốt truyện. Giúp sinh viên nắm được những vấn đề cơ bản về đề tài, chủ đề và các thủ pháp nghệ thuật kể chuyện của điện ảnh, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kỹ năng:** Sinh viên có kỹ năng sáng tác chuyên nghiệp nhờ hiểu rõ bản chất nghiệp vụ sáng tác. Sinh viên biết cách xem phim, hiểu được ngôn ngữ điện ảnh với những tín hiệu âm thanh và thị giác. Giúp sinh viên có đủ cơ sở kiến thức lý luận và thực hành để hoàn thiện một kịch bản phim truyện hoặc một bộ phim.  **3. Về thái độ:** Sinh viên đi học và làm bài tập đầy đủ. Xem phim và đọc tài liệu theo yêu cầu của giảng viên.  Sinh viên biết chú trọng và có ý thức vận dụng các nguyên tắc kịch học chuẩn mực vào công việc sáng tác kịch bản và nghiên cứu phim. | 4 | Kỳ học: học kỳ V năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 40 tiết  - Xem phim: 15 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 13 | Dựng phim | **1. Về kiến thức:** Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về vai trò và quy trình dựng phim, hiểu các nghiên tắc dựng, các phương pháp dựng phim để truyền đạt nội dung bằng ngôn ngữ điện ảnh, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kỹ năng:** Sinh viên nắm vững kỹ thuật dựng phim số, lựa chọn cảnh, cắt cảnh, ghép nối các cảnh để kể câu chuyện bằng hình ảnh. Xử lý âm thanh cơ bản, biết sử dụng phần mềm dựng phim phi tuyến và hiểu các hệ thống dựng phim số hiện nay.  **3. Về thái độ:** Tạo cho sinh viên thói quen và kỹ năng cần thiết của người dựng phim như: tính cẩn thận, làm việc thời gian dài với hệ thống dựng, ý thức lưu trữ và bảo vệ dữ liệu trong các dự án lớn, ý thức làm việc với các vị trí khác trong đoàn làm phim. | 4 | Kỳ học: học kỳ III năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 30 tiết  - Thực hành: 25 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 1. **Kiến thức ngành** | | | | | |
| 1 | Thiết bị máy quay điện ảnh truyền hình 1 | **1. Về kiến thức:** Cung cấp những kiến thức cơ bản về cấu tạo, nguyên lý hoạt động của máy quay phim nhựa, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kỹ năng:** Hiểu về cấu tạo, nguyên lý hoạt động của máy quay phim nhựa và cách vân hành giúp sinh viên có kỹ năng tốt khi làm việc với các máy quay kỹ thuật số.  **3. Về thái độ:** Tạo cho sinh viên thói quen và kỹ năng cần thiết của người quay phim: tính cẩn thận, nghiêm túc, hiểu rõ kỹ thuật và ý thức được chất lượng hình ảnh khi sử dụng máy quay phim nhựa | 3 | Kỳ học: học kỳ I năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 25 tiết  - Thực hành: 15 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 2 | Thiết bị máy quay điện ảnh truyền hình 2 | **1. Về kiến thức:** Sau khi kết thúc học phần này, sinh viên phải có được những kiến thức về nguyên lý hoạt động, cấu tạo của các loại máy quay phim video đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kỹ năng:** Sinh viên biết vận hành, khai thác và sử dụng một số loại máy quay phim video huyên dụng hiện nay.  **3. Về thái độ:** Tạo cho sinh viên thói quen và kỹ năng cần thiết của người quay phim: tính cẩn thận, nghiêm túc, hiểu rõ kỹ thuật và ý thức được chất lượng hình ảnh khi sử dụng máy quay phim video**.** | 3 | Kỳ học: học kỳ II năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 25 tiết  - Thực hành: 15 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 3 | Cảm quang | **1. Về kiến thức:** Hệ thống hóa những kiến thức cơ bản về sử dụng phim 35mm trong điện ảnh. Giúp sinh viên hiểu và phát triển những kiến thức và kĩ năng cần thiết của người quay phim về lĩnh vực cảm quang analog, cả âm và dương bản. Làm kiến thức nền tảng để tiếp nhận, phát triển kiến thức trong công nghệ kỹ thuật số. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kỹ năng:** Sinh viên sẽ sử dụng thành thạo các máy quay với các loại cảm biến khác nhau. Thiết lập sự hiểu biết cơ bản về các cảm biến và sự khác nhau với phim 35mm giúp sinh viên khi làm bài tập có sự lựa chọn thích hợp về máy quay cho các sản phẩm hình ảnh sau này. Sinh viên có khả năng hiểu và nhận biết các lỗi cơ bản của máy quay do cảm biến gây nên và tự khắc phục được nhược điểm khi ghi hình.  **3. Về thái độ:** Sinh viên có ý thức gìn giữ công cụ làm việc, đúng giờ, hướng tới cách làm việc chuyên nghiệp của một nhà quay phim | 4 | Kỳ học: học kỳ VI năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 45 tiết  - Thực hành: 10 tiết  - Nhận xét, đánh giá: 5 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 4 | Kỹ thuật ánh sáng màu sắc | **1. Về kiến thức:** Hệ thống hóa những kiến thức cơ bản về ánh sáng và màu sắc. Giúp sinh viên bộc lộ và phát triển năng khiếu, sở trường và vận dụng các kiến thức đã học trong quá trình học tập của người sinh viên cũng như hành nghề quay phim chuyên nghiệp sau này. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kỹ năng:** Sinh viên sẽ sử dụng thành thạo các công cụ chiếu sáng chuyên nghiệp trong điện ảnh, biết ứng dụng các công cụ chiếu sáng trong từng trường hợp cụ thể. Sinh viên có khả năng quyết định các giải pháp về màu sắc để tạo ra các sản phẩm hình ảnh chất lượng cao trong Truyền hình cũng như Điện ảnh.  **3. Về thái độ:** Sinh viên có ý thức gìn giữ công cụ làm việc, đúng giờ, hướng tới cách làm việc chuyên nghiệp của một nhà quay phim. | 4 | Kỳ học: học kỳ III năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 45 tiết  - Thực hành: 10 tiết  - Nhận xét, đánh giá: 5 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 5 | Nhiếp ảnh 1 | **1. Về kiến thức:** Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kĩ thuật nhiếp ảnh, từ đen trắng đến đầy đủ màu sắc như năng lực của mắt người và của các vật liệu ghi hình (phim nhựa âm và dương bản, cảm biến kỹ thuật số).  Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tạo hình của nghệ thuật nhiếp ảnh. Làm cơ sở giúp sinh viên có được kỹ năng quan sát cuộc sống thông qua con mắt của Người làm nghề tạo hình Nhiếp ảnh và Điện ảnh chuyên nghiệp.  Quy chuẩn nền tảng kiến thức nhiếp ảnh cho sinh viên để tiếp thu những phần bài học về nghiệp vụ trong những học kì kế tiếp, ở cả nghệ thuật tạo hình Nhiếp ảnh và Điện ảnh ở học kỳ sau. ( Gọi là điều kiện tiên quyết cho học phần sau ). Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  Về **kỹ năng:** Sinh viên sẽ rèn luyện kỹ năng nhiếp ảnh. Kết thúc học phần, sinh viên sẽ đạt được kỹ năng chụp ảnh đúng sáng và bố cục tốt.  **Về thái độ:** Sinh viên có ý thức gìn giữ công cụ làm việc, đúng giờ, hướng tới cách làm việc chuyên nghiệp của một nhà quay phim. | 5 | Kỳ học: học kỳ I năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 30 tiết  - Thực hành: 30 tiết  - Thi: 15 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 6 | Nhiếp ảnh 2 | **1. Về kiến thức:** Bổ sung, nâng cao những kiến thức về kỹ thuật và khả năng làm nên ngôn ngữ hình ảnh của Nhiếp ảnh. Chuẩn bị cơ sở kiến thức để tiếp thu những phần bài học về nghiệp vụ trong những học kì kế tiếp. Ở học kỳ 3 chính là ảnh Liên hoàn, kể chuyện, vì vậy khi kết thúc học kỳ này, sinh viên phải đạt được kỹ năng vững vàng về ảnh đơn chiếc ở 4 thể loại cơ bản). Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kỹ năng:** Sinh viên sẽ rèn luyện kỹ năng nhiếp ảnh nâng cao. Kết thúc học phần, sinh viên sẽ đạt được kỹ năng chụp ảnh đúng sáng và bố cục tốt.  **3. Về thái độ:** Sinh viên có ý thức gìn giữ công cụ làm việc, đúng giờ, hướng tới cách làm việc chuyên nghiệp của một nhà quay phim. | 5 | Kỳ học: học kỳ II năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 30 tiết  - Thực hành: 30 tiết  - Thi: 15 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 7 | Nhiếp ảnh 3 | **1. Về kiến thức:** Giá trị kết nối của 5 thế loại ảnh đơn - đặc tả, cận, trung, toàn, viễn - với nhau để chuyển tải 1 nội dung mà ở 1 thể loại ảnh không thể chuyển tải. Gọi tắt là ảnh liên hoàn. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kỹ năng:** Sinh viên sẽ được tiếp cận và thực hành với những kỹ năng xây dựng câu hình, trục, Rắc co hành động, rắc co ánh sáng. Cung cấp cho sinh viên năng lực hình dung các góc máy theo thứ tự sẽ được thực hiện trong kịch bản phân cảnh, có thể chuyển tải kịch bản văn học sang kịch bản phân cảnh ở góc độ chuyên môn riêng của người quay phim. Từ đó sinh viên quay phim vẽ, đọc được kịch bản hình – Story board và sơ đồ kỹ thuật cho bộ phận sản xuất. Tạo dựng cho sinh viên kỹ năng hình dung các cỡ cảnh riêng biệt sẽ được kết nối với nhau để truyền đạt một nội dung đơn giản, gọi là câu hình.  **3. Về thái độ:** Sinh viên có ý thức gìn giữ công cụ làm việc, đúng giờ, hướng tới cách làm việc chuyên nghiệp của một nhà quay phim. | 5 | Kỳ học: học kỳ III năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 40 tiết  - Thực hành: 20 tiết  - Thi: 15 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 8 | Nhiếp ảnh 4 | **1. Về kiến thức:** Sinh viên nắm bắt được tầm quan trọng của kịch bản hình, và các sơ đồ kỹ thuật. Sinh viên am hiểu về quá trình sản xuất một bộ phim và ứng dụng kiến thức vào ảnh liên hoàn. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kỹ năng:** Sinh viên nắm bắt kĩ năng chuyển kịch bản phân cảnh sang kịch bản hình, sở hữu kĩ năng vẽ sơ đồ kỹ thuật, đặt thứ tự goc máy theo logic của sản xuất. Sinh viên có khả năng kiểm soát tiết tấu câu chuyện căn cứ theo số lượng của cảnh và cung cấp thông tin số lượng thiết bị cho bộ phận sản xuất.  **3. Về thái độ:** Sinh viên có ý thức gìn giữ công cụ làm việc, đúng giờ, hướng tới cách làm việc chuyên nghiệp của một nhà quay phim. | 5 | Kỳ học: học kỳ IV năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 40 tiết  - Thực hành: 20 tiết  - Thi: 15 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 9 | Quay phim điện ảnh 1 | **1. Về kiến thức:** Thông qua lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm tạo cho sinh viên hiểu biết về các nguyên tắc bố cục một khuôn hình điện ảnh. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kỹ năng:** Sinh viên sẽ thao tác thành thạo chiếc máy quay, ứng dụng được các động tác máy cơ bản. Có kỹ năng lựa chọn ống kính phù hợp với cắt cúp khuôn hình, đặt vị trí máy phù hợp với cỡ cảnh & phối cảnh.  **3. Về thái độ:** Sinh viên có ý thức gìn giữ công cụ làm việc, đúng giờ, hướng tới cách làm việc chuyên nghiệp của một nhà quay phim. | 6 | Kỳ học: học kỳ II năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 55 tiết  - Thực hành: 20 tiết  - Nhận xét, đánh giá: 5 tiết  - Thi: 10 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 10 | Quay phim điện ảnh 2 | **1. Về kiến thức:** Sinh viên thực hành quay phim để có kỹ năng làm chủ các động tác máy cùng với các thiết bị hổ trợ khác nhau. Cắt cúp khuôn hình, đặt vị trí máy phù hợp với cỡ cảnh & phối cảnh. Rèn luyện khả năng quan sát, phát hiện sự kiện, sự việc, lập ý bằng hình ảnh để ghi hình làm phim phóng sự. Thông qua lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm tạo cho sinh viên hiểu biết về các nguyên tắc cơ bản chuyển động trong bố cục một khuôn hình điện ảnh. Cung cấp cho sinh viên kiến thức về các thể loại phim phóng sự. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kỹ năng:** Sinh viên sẽ có khả năng độc lập sáng tạo và hoàn thành các sản phẩm hình ảnh thuộc dạng tin và phóng sự. Làm chủ các động tác máy và vận dụng các động tác máy phù hợp với nội dung cần thiết. Khả năng quan sát nhạy bén và nắm bắt thời điểm ghi hình.  **3. Về thái độ:** Sinh viên có ý thức gìn giữ công cụ làm việc, đúng giờ, hướng tới cách làm việc chuyên nghiệp của một nhà quay phim. | 6 | Kỳ học: học kỳ III năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 45 tiết  - Thực hành: 30 tiết  - Nhận xét, đánh giá: 5 tiết  - Thi: 10 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 11 | Quay phim điện ảnh 3 | **1. Về kiến thức:** Thông qua lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm tạo cho sinh viên hiểu biết kiến thức về cách làm phim tài liệu, phương pháp tư duy, và phương pháp quay phim tài liệu.Thông qua quay một phim tài liệu để cũng cố kiến thức về bố cục hình ảnh, chiếu sáng cảnh quay, và tư duy từ nội dung đến hình thức thể hiện một tác phẩm điện ảnh tài liệu. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kỹ năng:** Sinh viên sẽ có khả năng độc lập sáng tạo và hoàn thành sản phẩm hình ảnh thuộc dạng phim tài liệu. Làm chủ các động tác máy và vận dụng các động tác máy phù hợp với nội dung cần thiết. Khả năng quan sát nhạy bén và nắm bắt thời điểm ghi hình. Vận dụng được kỹ năng tổng hòa của người quay phim đúng với nội dung đã có.  **3. Về thái độ:** Sinh viên có ý thức gìn giữ công cụ làm việc, đúng giờ, hướng tới cách làm việc chuyên nghiệp của một nhà quay phim. | 6 | Kỳ học: học kỳ IV năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 50 tiết  - Thực hành: 25 tiết  - Nhận xét, đánh giá: 10 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 12 | Quay phim điện ảnh 4 | **1. Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ánh sáng và chiếu sáng nội cảnh. Hiểu biết về các phương tiện chiếu sáng. Những phương pháp chiếu sáng cơ bản, chìa khóa ánh sáng. Chiếu sáng nội kết hợp ngoại. Có kỹ năng chiếu sáng phù hợp với nội dung kịch bản. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kỹ năng:** Sinh viên sẽ có khả năng sử dụng các phương tiện chiếu sáng khác nhau phục vụ cho mục đích chiếu sáng nội cảnh. Kết hợp được việc chiếu sáng với nội dung đã có. Sử dụng các công cụ chiếu sáng để khắc phục các nhược điểm của thiên nhiên trong việc ghi hình, kết hợp các không gian và liên kết được các không gian nội và ngoại trong việc chiếu sáng.  **3. Về thái độ:** Sinh viên có ý thức gìn giữ công cụ làm việc, đúng giờ, hướng tới cách làm việc chuyên nghiệp của một nhà quay phim | 6 | Kỳ học: học kỳ V năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 50 tiết  - Thực hành: 20 tiết  - Nhận xét, đánh giá: 10 tiết  - Thi: 10 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 13 | Quay phim điện ảnh 5 | **1. Về kiến thức:** Thông qua lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm tạo cho sinh viên hiểu biết các nguyên tắc dàn dựng một cảnh diễn của đạo diễn và phối hợp với họ để dàn các cảnh quay trong bố cục dựng hình của điện ảnh. Sinh viên thực hành để có kỹ năng lựa chọn đúng các vị trí đặt máy khi quay cảnh diễn và kết nối (mongtazơ) các cảnh quay với nhau.Thông qua đó cũng cố kiến thức về bố cục hình ảnh, chiếu sáng cảnh quay, và tư duy từ nội dung đến hình thức thể hiện một tác phẩm điện ảnh. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kỹ năng:** Sinh viên sẽ rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm. Thống nhất với đạo diễn và các thành phần của đoàn về mặt tạo hình. Sử dụng hình ảnh như một công cụ truyền tải ý đồ, cảm xúc của kịch bản đến với người xem.  **3. Về thái độ:** Sinh viên có ý thức gìn giữ công cụ làm việc, đúng giờ, hướng tới cách làm việc chuyên nghiệp của một nhà quay phim. | 6 | Kỳ học: học kỳ VI năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 40 tiết  - Thực hành: 35 tiết  - Nhận xét, đánh giá: 10 tiết  - Thi: 10 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 14 | Quay phim điện ảnh 6 | **1. Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công việc sản xuất một bộ phim ngắn với tiêu chuẩn tốt nhất và hiện đại nhất. Sinh viên sẽ trải nghiệm các thiết bị dành cho điện ảnh chuyên nghiệp. Sinh viên có khả kỹ năng thực hiện các cảnh quay lớn, có khả năng tư duy các hiệu quả ánh sáng khác nhau. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kỹ năng:** Sinh viên sẽ rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm. Phối hợp cùng các thành phần đoàn chuyên nghiệp để tạo nên một sản phẩm phim ngắn tốt nhất. Sinh viên sẽ hoàn thiện kĩ năng tư duy tổng thể cho một sản phẩm và quy trình làm phim điện ảnh chuyên nghiệp.  **3. Về thái độ:** Sinh viên có ý thức gìn giữ công cụ làm việc, đúng giờ, hướng tới cách làm việc chuyên nghiệp của một nhà quay phim. | 6 | Kỳ học: học kỳ VII năm 4  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 50 tiết  - Thực hành: 20 tiết  - Nhận xét, đánh giá: 10 tiết  - Thi: 10 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 15 | Quay kỹ xảo đặc biệt | **1. Về kiến thức:** Sinh viên được trang bị đầy đủ kiến thức về quay đặc biệt, kỹ xảo. Họ có thể phân biệt được các hình thức quay đặc biệt và hiệu ứng đặc biệt nhờ các phương pháp quay kỹ xảo trong công nghệ sản xuất phim hiện đại.  **2. Về kỹ năng:** Vận dụng kiến thức và phương pháp về quay kỹ xảo & đặc biệt vào trong các bài tập quay phim của mình. Đặc biệt là bài phim tốt nghiệp.  **3. Về thái độ:** Sinh viên luôn nhận thức được vai trò và ý nghĩa của các phương pháp quay kỹ xảo & đặc biệt trong quá trình sản xuất một bộ phim. | 3 | Kỳ học: học kỳ VII năm 4  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 30 tiết  - Thực hành và bài tập: 15 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 16 | Chuyên đề | Giúp cho sinh viên có cơ hội được tiếp xúc, nâng cao kiến thức làm phim cùng với các chuyên gia, những nhà làm phim đang được đánh giá cao thông qua từng chuyên đề cụ thể. | Tối đa 3 buổi | Tùy thời điểm thích hợp | Viết thu hoạch |
| 17 | Ngoại khóa | Đây là đợt trải nghiệm cho sinh viên đi thực tế nhằm nâng cao kiến thức nhiếp ảnh và nghệ thuật quay phim cho sinh viên. Mang lại cho sinh viên phương thức thực hành sáng tác nhiếp ảnh, quay phim tại hiện trường khác nhau, bên cạnh đó các cách tiếp cận đề tài trong thực tiễn. | 10 ngày | Kỳ học: học kỳ III năm 2 (5 ngày)  Kỳ học: học kỳ V năm 3 (5 ngày) |  |
| 18 | Thực tập trước tốt nghiệp | Tạo điều kiện để sinh viên tiếp xúc trực tiếp với thực tiễn sản xuất các sản phẩm Điện ảnh - Truyền hình. Sinh viên được tiếp cận với các phương tiện kỹ thuật, các giai đoạn sản xuất chương trình hoặc phim, các thành phần đoàn, tìm hiểu về công tác hậu kỳ. | 10 | Kỳ học: học kỳ VIII năm 4 |  |
| 19 | Tốt nghiệp | Nhà trường tổ chức cho sinh viên làm *Bài thi tốt nghiệp* và *Bảo vệ tốt nghiệp* là để sinh viên trình bày kết quả học tập chuyên môn của mình trong thời gian toàn khoá học thông qua Bài thi tốt nghiệp. | 10 | Kỳ học: học kỳ VIII năm 4 | thang điểm từ 0 đến 10 |

**Chuyên ngành: Đạo diễn điện ảnh**

**A . Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc (15 môn như các chuyên ngành khác)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**   1. **Kiến thức cơ sở ngành** | | | | | |
| 1 | Lịch sử Điện ảnh Thế giới 2 | **Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên kiến thức có tính hệ thống cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của nghệ thuật Điện ảnh Thế giới; **những khuynh hướng trường phái trong điện ảnh.** Giới thiệu một số tác giả và tác phẩm nổi tiếng; đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về tiêu kĩ năng**: Sinh viên phân biệt và nêu được đặc điểm của các trào lưu, phong cách điện ảnh theo từng thời kỳ, từng nền điện ảnh.  **Về thái độ:** Sinh viên có ý thức tìm hiểu về lịch sử điện ảnh, xem phim kinh điển một cách nghiêm túc và có tính chuyên môn. | 3 | Kỳ học: học kỳ III năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 20 tiết  - Thực hành: 20 tiết xem phim tư liệu  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. | |
| 2 | Phân tích phim 1 | **Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản trong thực hành phân tích phim, phân biệt được các dạng bài phân tích phim, có khả năng cảm thụ tác phẩm, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:** Sinh viên nắm được kĩ năng phân tích phim, phân tách, nhận định, được các vấn đề cơ bản để phân tích một bộ phim. Sinh viên viết được một bài phân tích phim hoàn chỉnh đúng yêu cầu.  **Về thái độ:** Sinh viên có ý thức tìm hiểu và xem phim kĩ lưỡng, tập trung ghi chép và thảo luận. | 4 | Kỳ học: học kỳ I năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 30 tiết  - Xem phim: 20 tiết  - Thực hành: 10 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. | |
| 3 | Phân tích phim 2 | **Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên sâu, những cách tiếp cận để viết bài phân tích phim, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:** Sinh viên luyện tập kĩ năng phân tích phim và bổ sung thêm các phương pháp tiếp cận chuyên sâu. Sinh viên vận dụng được các kĩ năng, phương pháp đó và thực hành, viết được một bài phân tích phim mang tính nghiên cứu nâng cao hoàn chỉnh đúng yêu cầu.  **Về thái độ:** Sinh viên xem phim kỹ lưỡng, có ý thức tìm hiểu, tổng hợp, nghiên cứu sâu một bộ phim hoặc một vấn đề khái quát về phim. | 4 | Kỳ học: học kỳ II năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 30 tiết  - Xem phim: 20 tiết  - Thực hành: 10 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. | |
| 4 | Quy trình sản xuất phim | **Về kiến thức:** Sinh viên phải hiểu rõ và nắm vững các kiến thức cơ bản trong chương trình, nguồn tài liệu tham khảo để từ đó có thể phát triển năng lực nhận thức ở cấp cao hơn trong lĩnh vực sản xuất phim.  Sinh viên hiểu được hoạt động nguồn tài chính sản xuất phim trong, ngoài nước, thuộc hệ thống nhà nước, tư nhân và nguồn quỹ lợi nhuận, phi lợi nhuận. Sinh viên nắm vững quy định bản quyền, phát hành phim, các thỏa thuận trong sản xuất phim.  Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế”.  Đáp ứng tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”  **Về kỹ năng:** Sinh viên phát triển kỹ năng làm việc cá nhân; kỹ năng tương tác - giao tiếp - làm việc nhóm; kỹ năng kiến tạo sản phẩm - quy trình - hệ thống áp dụng thực hành sản xuất phim.  Sinh viên vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi liên quan đến hệ thống sản xuất phim trong, ngoài nước, các mô hình sản xuất phim; có kỹ năng tính toán, lập dự toán, kế hoạch sản xuất các phim ngắn, phim dài trong hệ thống phim thương mại, phim độc lập.  **Về thái độ học tập:** Sinh viên lắng nghe giảng, chia sẻ quan điểm cá nhân trong lúc thảo luận, thực hành, làm bài tập.  Sinh viên chủ động đưa ra những đề xuất cá nhân về lý thuyết đã học hoặc phạm vi bài giảng, tạo ra môi trường tương tác cởi mở với giảng viên, các sinh viên khác. | 4 | Kỳ học: học kỳ II năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 25 tiết  - Thực hành: 20 tiết  - Thảo luận: 10 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. | |
| 5 | Âm nhạc cơ bản (ĐA) | **Về kiến thức:** Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về sơ lược sự phát triển của lịch sử âm nhạc thế giới, lý thuyết âm nhạc, các thể loại âm nhạc, các bộ nhạc cụ trong dàn nhạc giao hưởng phương tây. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kĩ năng:** Kết thúc môn học, sinh viên có thể nghe, đọc và nhận biết các ký hiệu cơ bản của một bản nhạc như : cao độ, tiết tấu, điệu thức, giọng, quãng…nâng cao khả năng cảm nhận âm nhạc, phân biệt được một số thể loại âm nhạc chính, nhận biết hình dáng và âm sắc các nhạc cụ trong dàn nhạc giao hưởng phương tây.  **Về thái độ:** Qua học phần Âm nhạc đại cương, sinh viên ý thức đựơc vai trò và những đóng góp của âm nhạc trong cuộc sống cũng như trong các lĩnh vực hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp. | 3 | Kỳ học: học kỳ IV năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 20 tiết  - Thực hành: 20 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. | |
| 6 | Âm thanh Điện ảnh | **Về kiến thức:** Sinh viên hiểu và có những kiến thức cơ bản về âm thanh làm cơ sở ứng dụng xử lý âm thanh. Sinh viên nắm bắt được các khả năng chuyển tải của âm thanh trong truyền hình, qua đó vận dụng để xử lý âm thanh hiệu qủa trong phim truyền hình từ cơ bản. Đó là nền tảng để sinh viên nghiên cứu chuyên sâu. Từ các phương pháp phân tích, tổng hợp, đánh giá giúp cho sinh viên tư duy vững vàng, mạch lạc để sáng tạo trong kể chuyện phim.  Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế”.  Đáp ứng tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:** Biết ứng dụng, sử dụng linh hoạt các thiết bị và phần mềm âm thanh cơ bản.  **Về thái độ:** Sinh viên lắng nghe giảng, chia sẻ quan điểm cá nhân trong lúc thảo luận, thực hành, làm bài tập.  Sinh viên chủ động đưa ra những đề xuất cá nhân về lý thuyết đã học hoặc phạm vi bài giảng, tạo ra môi trường tương tác cởi mở với giảng viên, các sinh viên khác. | 4 | Kỳ học: học kỳ IV năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 25 tiết  - Thực hành: 30 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. | |
| 7 | Nhạc phim | **Về kến thức:** Nắm được một cách tổng hợp nhất các kiến thức về vai trò, vị trí và hiệu quả sử dụng của âm nhạc trong nền điện ảnh Việt Nam và thế giới. Các phương pháp sử dụng nhạc phim, xây đựng kịch bản nhạc phim, làm việc với nhạc sĩ. Đặc điểm âm nhạc trong các thể loại phim. Sơ lược lịch sử nhạc phim và phong cách sáng tác của một số nhạc sĩ nổi tiếng thế giới. Sự khác biệt của âm nhạc trong từng thể loại phim. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kĩ năng:** Sinh viên có thể cảm thụ được những sắc thái biểu cảm của âm nhạc khi sử dụng trong phim đem lại những hiệu quả khác biệt như thế nào.  Phân biệt được những đặc trưng tiêu biểu của âm nhạc trong một số thể loại phim.  Có kỹ năng xây đựng một “kịch bản âm nhạc” cho phim bài tập.  Phân biệt được các phương pháp sử dụng nhạc trong phim sao cho hiệu quả.  Có khả năng nhận xét, lựa chọn âm nhạc phù hợp cho những trích đoạn phim tiêu biểu, phim ngắn bài tập.  **Về thái độ:** Đánh giá đúng vai trò quan trọng của âm nhạc trong phim. Yêu thích môn học và có nhu cầu tìm hiểu nhiều hơn để vận dụng vào chính tác phẩm của mình. | 3 | Kỳ học: học kỳ IV năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 20 tiết  - Thực hành: 20 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. | |
| 8 | Mỹ thuật Điện ảnh | **Về kiến thức**: Trang bị kiến thức cho sinh viên biết và phân biệt được cơ bản các thuật ngữ về không gian điện ảnh. Những đặc điểm giống và khác nhau giữa Mỹ thuật điện ảnh và Mỹ thuật tạo hình. Biết phân biệt đặc điểm Văn hóa Việt với các nền văn hóa khác khi nhìn nhận một đồ án thiết kế Mỹ thuật điện ảnh. Hiểu biết rõ tiến trình hình thành và phát triển của không gian thiết kế Mỹ thuật phim truyện Việt Nam, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng**: Kết thúc học phần sinh viên có kĩ năng:  - Có khả năng tạo dựng được bối cảnh động cho một phân cảnh phim truyện bằng kỹ thuật Đồ họa kỹ xảo.  **Về thái độ**: Ý thức được vai trò, nhiệm vụ của người họa sĩ thiết kế trong quá trình sáng tác, đòi hỏi phải tích lũy vốn sống, vốn kiến thức về văn hóa và xã hội để phục vụ cho tác phẩm của mình. | 3 | Kỳ học: học kỳ V năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: Lý thuyết 50%  - Thực hành và bài tập: 50% | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. | |
| 9 | Quay phim ĐA 1 | - Mục tiêu kiến thức: Thông qua lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm tạo cho sinh viên hiểu biết về các nguyên tắc bố cục một khuôn hình điện ảnh.  - Mục tiêu kỹ năng: Có kỹ năng lựa chọn ống kính phù hợp với cắt cúp khuôn hình, đặt vị trí máy phù hợp với cỡ cảnh & phối cảnh…  - Mục tiêu ý thức: Tạo cho sinh viên có được kiến thức, hiểu biết về bố cục khuôn hình điện ảnh trong nghệ thuật quay. | 4 | Kỳ học: học kỳ II năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 45 tiết  - Thực hành và bài tập: 15 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. | |
| 10 | Quay phim ĐA 2 | - Mục tiêu kiến thức:  Thông qua lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm tạo cho sinh viên hiểu biết các nguyên tắc dàn dựng một cảnh diễn của đạo diễn và phối hợp dàn các cảnh quay trong bố cục dựng hình của điện ảnh.  - Mục tiêu kỹ năng:  Sinh viên thực hành để có kỹ năng lựa chọn đúng các vị trí đặt máy khi quay cảnh diễn và kết nối (mongtazơ) các cảnh quay với nhau.  Thông qua quay một phim tiểu phẩm ngắn để cũng cố kiến thức về bố cục hình ảnh, và tư duy từ nội dung đến hình thức thể hiện một tác phẩm điện ảnh.  - Mục tiêu ý thức:  Tạo cho sinh viên có được ý thức về kỹ năng dàn dựng cảnh diễn, và phương pháp quay các cảnh diễn trong một tác phẩm phim điện ảnh. | 3 | Kỳ học: học kỳ I năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 30 tiết  - Thực hành và bài tập: 15 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. | |
| 11 | Kịch học Điện ảnh | **Về kiến thức:** Cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về những vấn đề trong kịch bản và phim truyện; Giúp sinh viên nắm bắt được những vấn đề về ngôn ngữ điện ảnh, nhân vật, cấu trúc và cốt truyện. Giúp sinh viên nắm được những vấn đề cơ bản về đề tài, chủ đề và các thủ pháp nghệ thuật kể chuyện của điện ảnh, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:** Sinh viên có kỹ năng sáng tác chuyên nghiệp nhờ hiểu rõ bản chất nghiệp vụ sáng tác. Sinh viên biết cách xem phim, hiểu được ngôn ngữ điện ảnh với những tín hiệu âm thanh và thị giác. Giúp sinh viên có đủ cơ sở kiến thức lý luận và thực hành để hoàn thiện một kịch bản phim truyện hoặc một bộ phim.  **Về thái độ:** Sinh viên đi học và làm bài tập đầy đủ. Xem phim và đọc tài liệu theo yêu cầu của giảng viên.  Sinh viên biết chú trọng và có ý thức vận dụng các nguyên tắc kịch học chuẩn mực vào công việc sáng tác kịch bản và nghiên cứu phim. | 4 | Kỳ học: học kỳ V năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 40 tiết  - Xem phim: 15 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. | |
| 12 | Biên kịch | **Về kiến thức**: Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế”. Đáp ứng tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”. Sinh viên nắm được lý thuyết các kiến thức cơ bản trước khi bắt đầu viết kịch bản hoặc nghiên cứu kịch bản.  **Về kỹ năng:** Sinh viên vận dụng kiến thức Biên kịch để phân tích thấu đáo kỹ thuật kể chuyện của kịch bản phim, phân tích từng vấn đề về trường đoạn, phân đoạn trong kịch bản. Ngoài ra, sinh viên mở rộng năng lực sáng tạo viết kịch bản phim ngắn.  **Về thái độ học tập**: Sinh viên lắng nghe giảng, chia sẻ quan điểm cá nhân trong lúc thảo luận, thực hành, làm bài tập. Sinh viên chủ động đưa ra những đề xuất cá nhân về lý thuyết đã học hoặc phạm vi bài giảng, tạo ra môi trường tương tác cởi mở với giảng viên, các sinh viên khác. | 3 | Kỳ học: học kỳ II năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp lý thuyết: 25 tiết  - Thực tập phòng TN, thực hành: 10 tiết  - Khác: Thảo luận 5 tiết;  - Thi 5 tiết. | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. | |
| 13 | Nhiếp ảnh | **Về kiến thức**: Hệ thống hóa những kiến thức cơ bản về nhiếp ảnh thông qua 4 loại ảnh cơ bản : tĩnh vật, chân dung, sinh hoạt, phong cảnh.  Giá trị của từng thể loại. Giá trị bổ sung thông tin, cảm xúc cho nhau khi tham gia mô tả một nhân vật hay một nhóm nhân vật. Chuyển đổi Ngôn ngữ chữ viết sang hình ảnh ở dạng bài tập ảnh Liên hoàn. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng**: Sinh viên sẽ rèn luyện kỹ năng nhiếp ảnh kết nối( liên hoàn).  **Về thái độ**: Sinh viên có ý thức gìn giữ công cụ làm việc, đúng giờ, hướng tới cách làm việc chuyên nghiệp của một nhà làm phim | 4 | Kỳ học: học kỳ I năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 40 tiết  - Thực tập phòng TN, thực hành, xem phim: 10 tiết  - Thi/ Kiểm tra hết học phần: 10 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. | |
| 1. **Kiến thức ngành** | | | | | |
| 1 | Dựng phim | **Về kiến thức:** Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về vai trò và quy trình dựng phim, hiểu các nghiên tắc dựng, các phương pháp dựng phim để truyền đạt nội dung bằng ngôn ngữ điện ảnh, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng**: Sinh viên nắm vững kỹ thuật dựng phim số, lựa chọn cảnh, cắt cảnh, ghép nối các cảnh để kể câu chuyện bằng hình ảnh. Xử lý âm thanh cơ bản, biết sử dụng phần mềm dựng phim phi tuyến và hiểu các hệ thống dựng phim số hiện nay.  **Về thái độ**: Tạo cho sinh viên thói quen và kỹ năng cần thiết của người dựng phim như: tính cẩn thận, làm việc thời gian dài với hệ thống dựng, ý thức lưu trữ và bảo vệ dữ liệu trong các dự án lớn, ý thức làm việc với các vị trí khác trong đoàn làm phim. | 6 | Kỳ học: học kỳ I năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 60 tiết  - Thực hành: 25 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. | |
| 2 | Đồ hoạ vi tính | **Kiến thức:**  - Hiểu về đồ họa bitmap, phân biệt với vector  - Nắm vững thông số kỹ thuật về hình ảnh bitmap  - Phương pháp thiết kế poster, bìa tạp chí, tờ dơi...  - Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”  **Mục tiêu kỹ năng:**  - Biết cách sử dụng phần mềm đồ họa PhotoShop.  - Phối hợp photoShop với các công cụ khác để tạo ra một bản thiết kế.  - Tạo ra các định dạng file phù hợp để sử dụng vào các mục đích khác nhau: In ấn, cho web, các phần mềm đồ họa nâng cao, kỹ xảo phim… | 3 | Kỳ học: học kỳ VI năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 25 tiết  - Thực hành: 15 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. | |
| 3 | Diễn viên 1 | - Mục tiêu kiến thức: Môn học trang bị cho người học kiến thức cơ bản về ngôn ngữ nghệ thuật biểu diễn,  - Mục tiêu kỹ năng: Phương pháp tiếp cận, phân tích, đánh giá và thể hiện hành động kịch.  - Mục tiêu ý thức: Tự giác hoàn thành các bài tập của quá trình rèn luyện kĩ thuật thể hiện hành động. | 4 | Kỳ học: học kỳ III năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 45 tiết  - Thực hành: 10 tiết  - Nhận xét, đánh giá: 5 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. | |
| 4 | Diễn viên 2 | - Mục tiêu kiến thức: Nắm bắt được những nguyên lý cơ bản về kịch bản văn học và nhân vật kịch  - Mục tiêu kỹ năng: Phương pháp tiếp cận kịch bản, phân tích nhân vật và thể hiện vai diễn.  - Mục tiêu ý thức: Có khả năng độc lập trong suy nghĩ sáng tạo. | 4 | Kỳ học: học kỳ VI năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 45 tiết  - Thực hành: 10 tiết  - Nhận xét, đánh giá: 5 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. | |
| 5 | Đạo diễn 1 | **Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên những kiến thức nhập môn cơ bản về những khái niệm đặc trưng của điện ảnh và tư duy, ngôn ngữ điện ảnh khác biệt với các loại hình nghệ thuật đã ra đời trước nó đặc biệt là văn học., đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng**: Tập cho sinh viên có thói quen quan sát sự vật bằng con mắt của người làm điện ảnh thông qua khuôn hình của máy quay. Tập thói quen quan sát cuộc sống. Biết tổ chức chất liệu để xây dựng thành cấu tứ đạo diễn bằng nghệ thuật dựng phim.  **Về thái độ**: Để sinh viên biết chọn lọc chất liệu, cái gì đáng lấy, cái gì không, cả về nội dung, cả về góc độ thu hình. Phát hiện ra vấn đề cần nói, chi tiết cần lấy để thực hiện được ý tưởng của người sáng tác. | 6 | Kỳ học: học kỳ I năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 45 tiết  - Thực hành: 30 tiết  - Thi: 15 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. | |
| 6 | Đạo diễn 2 | **Về kiến thức**: Giúp sinh viên nắm được những yêu cầu cơ bản của nghệ thuật dàn cảnh - công cụ chủ yếu của đạo diễn, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng**: Giúp sinh viên nắm được những yêu cầu cơ bản của nghệ thuật dàn cảnh - công cụ chủ yếu của đạo diễn.  **Về thái độ:** Qua dàn cảnh, sinh viên có ý thức sử dụng hệ thống montage dựng của phim, của cảnh quay và trong từng khuôn hình sao cho những yếu tố này hài hoà trong một thể thống nhất. | 8 | Kỳ học: học kỳ II năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 75 tiết  - Thực hành: 30 tiết  - Thi: 15 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. | |
| 7 | Đạo diễn 3 | **Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên những kiến thức nhập môn cơ bản về những khái niệm đặc trưng của điện ảnh và tư duy, ngôn ngữ điện ảnh khác biệt với các loại hình nghệ thuật đã ra đời trước nó đặc biệt là văn học., đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:** Tập cho sinh viên có thói quen quan sát sự vật bằng con mắt của người làm điện ảnh thông qua khuôn hình của máy quay. Tập thói quen quan sát cuộc sống. Biết tổ chức chất liệu để xây dựng thành cấu tứ đạo diễn bằng nghệ thuật dựng phim.  **Về thái độ**: Để sinh viên biết chọn lọc chất liệu, cái gì đáng lấy, cái gì không, cả về nội dung, cả về góc độ thu hình. Phát hiện ra vấn đề cần nói, chi tiết cần lấy để thực hiện được ý tưởng của người sáng tác. | 6 | Kỳ học: học kỳ III năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 45 tiết  - Thực hành: 30 tiết  - Thi: 15 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. | |
| 8 | Đạo diễn 4 | **Về kiến thức:** Giúp cho sinh viên hiểu được vai trò và mối quan hệ của đạo diễn trong quá trình làm việc với các thành phần nghệ thuật khác như quay phim, hoạ sĩ, diễn viên. Ngoài ra còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về loại hình phim tài liệu, khởi nguồn của điện ảnh trong những năm đầu, để sinh viên có được một hệ thống kiến thức toàn diện giúp cho việc phát huy khả năng sáng tạo đa dạng về sau, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:** Trang bị cho sinh viên những kỹ năng ban đầu về cách xử lý kịch bản, xử lý tạo hình trong phim, xử lý diễn xuất của diễn viên kết hợp với dàn cảnh trong mối quan hệ hài hoà với bố cục dựng (Montage).  **Về thái độ:** Giúp sinh viên bộc lộ khả năng sáng tạo và tổ chức công việc để làm nền tảng cho quá trình phát triển sau này. | 8 | Kỳ học: học kỳ IV năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 75 tiết  - Thực hành: 30 tiết  - Thi: 15 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. | |
| 9 | Đạo diễn 5 | **Về kiến thức**: Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức ở cấp độ cao hơn, phức tạp hơn mang tính hoàn chỉnh trong việc sản xuất một sản phẩm nghe nhìn., để sinh viên có được một hệ thống kiến thức toàn diện giúp cho việc phát huy khả năng sáng tạo đa dạng về sau, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:** Nắm bắt được cách xử lý âm thanh trong phim, từ các loại tiếng động đến lời thoại, âm nhạc, từ việc thu thanh, lồng tiếng đến hoà âm và các hiệu quả tạo không khí và cảm xúc của âm thanh trong điện ảnh.  **Về thái độ:** Sinh viên phải nắm được một cách toàn diện các kiến thức nghề nghiệp đạo diễn trên mọi bình diện nghệ thuật và kỹ thuật trong quy trình sáng tạo một bộ phim hoàn chỉnh. | 8 | Kỳ học: học kỳ V năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 75 tiết  - Thực hành: 30 tiết  - Nhận xét, đánh giá: 5 tiết  - Thi: 10 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. | |
| 10 | Đạo diễn 6 | **Về kiến thức**: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nghiệp vụ về các loại hình phim truyện, cung cấp cho sinh viên những kiến thức mở rộng về nghệ thuật làm phim, để sinh viên có được một hệ thống kiến thức toàn diện giúp cho việc phát huy khả năng sáng tạo đa dạng về sau, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:** Sinh viên nắm được đặc thù của từng thể loại phim truyện qua nội dung và hình thức thể hiện. Thực hiện bài tập tiền tốt nghiệp dưới hình thức phim ngắn hoàn chỉnh.  **Về thái độ:** Sinh viên củng cố vững chắc những hiểu biết chuyên sâu về điện ảnh và các loại sản phẩm của điện ảnh phim truyện, qua đó tìm ra phong cách cho riêng mình. | 8 | Kỳ học: học kỳ VI năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 75 tiết  - Thực hành: 30 tiết  - Nhận xét, đánh giá: 5 tiết  - Thi: 10 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. | |
| 11 | Đạo diễn 7 | **Về kiến thức:** Tiếp tục cung cấp những kiến thức, kinh nghiệm chuyên môn nhằm giúp cho sinh viên nắm vững hơn và cũng chủ động hơn trong hoạt động nghề nghiệp, để sinh viên có được một hệ thống kiến thức toàn diện giúp cho việc phát huy khả năng sáng tạo đa dạng về sau, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:** Sinh viên có thể chuẩn bị ý tưởng cho phim tốt nghiệp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.  **Về thái độ**: Sinh viên tập trung vào việc chuẩn bị làm phim tốt nghiệp, có sự cộng tác trong lớp để tạo môi trường của một đoàn làm phim (mỗi sinh viên thực hiện bài tốt nghiệp của mình đồng thời hỗ trợ các bạn khác trong lớp.) | 8 | Kỳ học: học kỳ VII năm 4  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 75 tiết  - Thực hành: 30 tiết  - Nhận xét, đánh giá: 10 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. | |
| 12 | Chuyên đề | Giúp cho sinh viên có cơ hội được tiếp xúc, nâng cao kiến thức làm phim cùng với các chuyên gia, những nhà làm phim đang được đánh giá cao thông qua từng chuyên đề cụ thể. |  | Tùy thời điểm thích hợp | Viết thu hoạch | |
| 13 | Ngoại khóa | Đây là đợt trải nghiệm cho sinh viên đi thực tế nhằm nâng cao kiến thức nhiếp ảnh và nghệ thuật làm phim cho sinh viên. Mang lại cho sinh viên phương thức thực hành sáng tác nhiếp ảnh, quay phim tại hiện trường khác nhau, bên cạnh đó các cách tiếp cận đề tài trong thực tiễn. | 10  ngày | Kỳ học: học kỳ III năm 2 (5 ngày)  Kỳ học: học kỳ V năm 3 (5 ngày) |  | |
| 14 | Thực tập trước tốt nghiệp | Tạo điều kiện để sinh viên tiếp xúc trực tiếp với thực tiễn sản xuất các sản phẩm Điện ảnh - Truyền hình. Sinh viên được tiếp cận với các phương tiện kỹ thuật, các giai đoạn sản xuất chương trình hoặc phim, các thành phần đoàn, tìm hiểu về công tác hậu kỳ. | 10 | Kỳ học: học kỳ VIII năm 4 |  | |
| 15 | Tốt nghiệp | Nhà trường tổ chức cho sinh viên làm *Bài thi tốt nghiệp* và *Bảo vệ tốt nghiệp* là để sinh viên trình bày kết quả học tập chuyên môn của mình trong thời gian toàn khoá học thông qua Bài thi tốt nghiệp. | 10 | Kỳ học: học kỳ VIII năm 4 | thang điểm từ 0 đến 10 | |

**Chuyên ngành: Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh – truyền hình**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. **Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp** 2. **Kiến thức cơ sở ngành** | | | | | |
| 1 | Nhiếp ảnh | **Về kiến thức:** Hệ thống hóa những kiến thức cơ bản về nhiếp ảnh thông qua 4 loại ảnh cơ bản: tĩnh vật, chân dung, sinh hoạt, phong cảnh.  Giá trị của từng thể loại. Giá trị bổ sung thông tin, cảm xúc cho nhau khi tham gia mô tả một nhân vật hay một nhóm nhân vật.  Chuyển đổi Ngôn ngữ chữ viết sang hình ảnh ở dạng bài tập ảnh Liên hoàn.  **Về kỹ năng:** Sinh viên sẽ rèn luyện kỹ năng nhiếp ảnh kết nối (liên hoàn).  **Về thái độ:** Sinh viên có ý thức gìn giữ công cụ làm việc, đúng giờ, hướng tới cách làm việc chuyên nghiệp của một nhà làm phim | 4 | Kì học : Kỳ I – Năm 1  Phân bổ thời gian:  - Lên lớp: 40 tiết  - Thực tập phòng TN, thực hành, xem phim: 10 tiết  - Thi/ Kiểm tra hết học phần: 10 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 2 | Âm nhạc cơ bản (ĐA) | **Về kiến thức:** Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về sơ lược sự phát triển của lịch sử âm nhạc thế giới, lý thuyết âm nhạc, các thể loại âm nhạc, các bộ nhạc cụ trong dàn nhạc giao hưởng phương tây.  **Về kĩ năng:** Kết thúc môn học, sinh viên có thể nghe, đọc và nhận biết các ký hiệu cơ bản của một bản nhạc như: cao độ, tiết tấu, điệu thức, giọng, quãng…nâng cao khả năng cảm nhận âm nhạc, phân biệt được một số thể loại âm nhạc chính, nhận biết hình dáng và âm sắc các nhạc cụ trong dàn nhạc giao hưởng phương tây.  **Về thái độ:** Qua học phần Âm nhạc cơ bản, sinh viên ý thức đựơc vai trò và những đóng góp của âm nhạc trong cuộc sống cũng như trong các lĩnh vực hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp. | 3 | Kỳ học: Kỳ học IV – Năm thứ 2  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết: 20 tiết LT, 20 tiết TH, ôn tập và thi hết môn 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 3 | Nhạc phim | **Về kiến thức:** Nắm được một cách tổng hợp nhất các kiến thức về vai trò, vị trí và hiệu quả sử dụng của âm nhạc trong nền điện ảnh Việt Nam và thế giới. Các phương pháp sử dụng nhạc phim, xây đựng kịch bản nhạc phim, làm việc với nhạc sĩ. Đặc điểm âm nhạc trong các thể loại phim. Sơ lược lịch sử nhạc phim và phong cách sáng tác của một số nhạc sĩ nổi tiếng thế giới. Sự khác biệt của âm nhạc trong từng thể loại phim.  **Về kĩ năng:** Sinh viên có thể cảm thụ được những sắc thái biểu cảm của âm nhạc khi sử dụng trong phim đem lại những hiệu quả khác biệt như thế nào.  Phân biệt được những đặc trưng tiêu biểu của âm nhạc trong một số thể loại phim. Có kỹ năng xây đựng một “kịch bản âm nhạc” cho phim bài tập.  Phân biệt được các phương pháp sử dụng nhạc trong phim sao cho hiệu quả.  Có khả năng nhận xét, lựa chọn âm nhạc phù hợp cho những trích đoạn phim tiêu biểu, phim ngắn bài tập.  **Về thái độ:** Đánh giá đúng vai trò quan trọng của âm nhạc trong phim.  Yêu thích môn học và có nhu cầu tìm hiểu nhiều hơn để vận dụng vào chính tác phẩm của mình. | 3 | Kỳ học: học kỳ IV năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 20 tiết  - Thực hành: 20 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi |
| 4 | Quy trình sản xuất phim | **Về kiến thức:** Sinh viên phải hiểu rõ và nắm vững các kiến thức cơ bản trong chương trình, nguồn tài liệu tham khảo để từ đó có thể phát triển năng lực nhận thức ở cấp cao hơn trong lĩnh vực sản xuất phim.  Sinh viên hiểu được hoạt động nguồn tài chính sản xuất phim trong, ngoài nước, thuộc hệ thống nhà nước, tư nhân và nguồn quỹ lợi nhuận, phi lợi nhuận. Sinh viên nắm vững quy định bản quyền, phát hành phim, các thỏa thuận trong sản xuất phim.  **Về kỹ năng:** Sinh viên phát triển kỹ năng làm việc cá nhân; kỹ năng tương tác - giao tiếp - làm việc nhóm; kỹ năng kiến tạo sản phẩm - quy trình - hệ thống áp dụng thực hành sản xuất phim.  Sinh viên vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi liên quan đến hệ thống sản xuất phim trong, ngoài nước, các mô hình sản xuất phim; có kỹ năng tính toán, lập dự toán, kế hoạch sản xuất các phim ngắn, phim dài trong hệ thống phim thương mại, phim độc lập.  **Về thái độ học tập:** Sinh viên lắng nghe giảng, chia sẻ quan điểm cá nhân trong lúc thảo luận, thực hành, làm bài tập.  Sinh viên chủ động đưa ra những đề xuất cá nhân về lý thuyết đã học hoặc phạm vi bài giảng, tạo ra môi trường tương tác cởi mở với giảng viên, các sinh viên khác. | 4 | -Kỳ học: học kỳ II năm 1  - Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 25 tiết  - Thực hành: 20 tiết  - Thảo luận: 10 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 5 | Quay phim điện ảnh | **Về kiến thức :** Thông qua lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm tạo cho sinh viên hiểu biết về các nguyên tắc bố cục một khuôn hình điện ảnh.  **Về kỹ năng :** Có kỹ năng lựa chọn ống kính phù hợp với cắt cúp khuôn hình, đặt vị trí máy phù hợp với cỡ cảnh & phối cảnh…  **Về ý thức :** Tạo cho sinh viên có được kiến thức, hiểu biết về bố cục khuôn hình điện ảnh trong nghệ thuật quay. | 4 | Kỳ học: học kỳ II năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 45 tiết  - Thực hành các bài tập quay phim về kỹ năng bố cục khuôn hình. 15 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 6 | Mỹ thuật Điện ảnh | **Về kiến thức :** Trang bị kiến thức cho sinh viên biết và phân biệt được cơ bản các thuật ngữ về không gian điện ảnh. Những đặc điểm giống và khác nhau giữa Mỹ thuật điện ảnh và Mỹ thuật tạo hình. Biết phân biệt đặc điểm Văn hóa Việt với các nền văn hóa khác khi nhìn nhận một đồ án thiết kế Mỹ thuật điện ảnh. Hiểu biết rõ tiến trình hình thành và phát triển của không gian thiết kế Mỹ thuật phim truyện Việt Nam.  **Về kỹ năng :** Kết thúc học phần sinh viên có kĩ năng:  - Có khả năng tạo dựng được bối cảnh động cho một phân cảnh phim truyện bằng kỹ thuật Đồ họa kỹ xảo.  **Về thái độ :**Ý thức được vai trò, nhiệm vụ của người họa sĩ thiết kế trong quá trình sáng tác, đòi hỏi phải tích lũy vốn sống, vốn kiến thức về văn hóa và xã hội để phục vụ cho tác phẩm của mình. | 3 | Kỳ học: học kỳ V năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: Lý thuyết 50%  - Thực hành và bài tập: 50% | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 7 | Đạo diễn (ĐA) | Giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về công việc của một đạo diễn điện ảnh, nhận ra được những tính chất đặc thù trong sáng tạo nghề nghiệp đạo diễn điện ảnh. Sinh viên rút ra được những yêu cầu về tư chất, khả năng cần có của người đạo diễn điện ảnh, hiểu được vai trò và mối quan hệ của đạo diễn trong quá trình làm việc với các thành phần nghệ thuật khác, qua đó có ý thức cộng tác với người đạo diễn. | 3 | Kỳ học: học kỳ V năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 30 tiết  - Thực hành và bài tập: 15 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 8 | Âm thanh Điện ảnh | **Về kiến thức:** Sinh viên hiểu và có những kiến thức cơ bản về âm thanh làm cơ sở ứng dụng xử lý âm thanh. Sinh viên nắm bắt được các khả năng chuyển tải của âm thanh trong truyền hình, qua đó vận dụng để xử lý âm thanh hiệu qủa trong phim truyền hình từ cơ bản. Đó là nền tảng để sinh viên nghiên cứu chuyên sâu. Từ các phương pháp phân tích, tổng hợp, đánh giá giúp cho sinh viên tư duy vững vàng, mạch lạc để sáng tạo trong kể chuyện phim.  **Về kỹ năng:** Biết ứng dụng, sử dụng linh hoạt các thiết bị và phần mềm âm thanh cơ bản.  **Về thái độ:** Sinh viên lắng nghe giảng, chia sẻ quan điểm cá nhân trong lúc thảo luận, thực hành, làm bài tập.  Sinh viên chủ động đưa ra những đề xuất cá nhân về lý thuyết đã học hoặc phạm vi bài giảng, tạo ra môi trường tương tác cởi mở với giảng viên, các sinh viên khác. | 4 | Kỳ học: học kỳ IV năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 25 tiết  - Thực hành: 30 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi |
| 9 | Dựng phim | **Về kiến thức:** Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về vai trò và quy trình dựng phim, hiểu các nghiên tắc dựng, các phương pháp dựng phim để truyền đạt nội dung bằng ngôn ngữ điện ảnh  **Về kỹ năng:** Sinh viên nắm vững kỹ thuật dựng phim số, lựa chọn cảnh, cắt cảnh, ghép nối các cảnh để kể câu chuyện bằng hình ảnh. Xử lý âm thanh cơ bản, biết sử dụng phần mềm dựng phim phi tuyến và hiểu các hệ thống dựng phim số hiện nay.  **Về thái độ:** Tạo cho sinh viên thói quen và kỹ năng cần thiết của người dựng phim như: tính cẩn thận, làm việc thời gian dài với hệ thống dựng, ý thức lưu trữ và bảo vệ dữ liệu trong các dự án lớn, ý thức làm việc với các vị trí khác trong đoàn làm phim. | 4 | Kỳ học: học kỳ III năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 30 tiết  - Thực hành: 25 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 10 | Báo chi | **Về kiến thức:** Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ báo chí nói chung và báo chí truyền hình nói riêng. Nắm bắt được cách thức hoạt động và cập nhật thông tin của các loại báo chí.  **Về kỹ năng:**  Có đủ cơ sở về kiến thức và thực hành để bước đầu tham gia xây dựng một chương trình tin tức Truyền hình.  **Về thái độ:** Sinh viên tuân thủ yêu cầu của giảng viên về kỷ luật và bài tập thực hành. |  | Kỳ học: học kỳ VI năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 40 tiết  - Thực hành & bài tập : 20 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 11 | Kịch học Điện ảnh | Giúp sinh viên nắm được toàn bộ những khái niệm căn bản về nhân vật và cấu trúc phim điện ảnh. Giúp sinh viên hiểu rõ được vai trò của mỗi loại nhân vật cũng như các yếu tố trong bộ phim dưới góc nhìn của người biên kịch.  Sinh viên có kỹ năng sáng tác chuyên nghiệp nhờ hiểu rõ bản chất nghiệp vụ sáng tác. Sinh viên biết cách xem phim, hiểu được ngôn ngữ điện ảnh với những tín hiệu âm thanh và thị giác. | 4 | Kỳ học: Học kỳ V năm 3  Phân bổ thời gian:  - Lên lớp: 45 tiết  - Thực hành và bài tập: 15 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 12 | Biên tập kịch bản và phim | **Về kiến thức:** Giúp sinh viên biết được vai trò, vị trí, nhiệm vụ của người Biên tập trong dây chuyền sản xuất phim truyện; Hiểu được đầy đủ quy trình Biên tập kịch bản và phim.  **Về kỹ năng:** Hình thành cho sinh viên kỹ năng Biên tập kịch bản và phim. Vận dụng được kỹ năng Biên tập kịch bản và phim sau khi học môn học này.  **Về thái độ:** Sau môn học, sinh viên có ý thức tự biên tập, sửa chữa hoàn thiện kịch bản của chính mình ngay từ khi bắt đầu đặt bút viết. | 4 | Kỳ học: Học kỳ V – Năm thứ 3  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết: 40 tiết LT, 20 tiết TH | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 13 | Lịch sử Truyền hình TG&VN | **Về kiến thức:** Sinh viênnắm được những kiến thức cơ bản về lịch sử điện ảnh, truyền hình thế giới và Việt Nam, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình.  **Về kỹ năng:** Biết vận dụng kiến thức vào thực tế hàng ngày khi xem phim, các chương trình truyền hình, tự quay những clip ngắn, biết sơ bộ về cỡ hình, động tác máy, về cái đẹp.  **Về thái độ:** Học tập nghiêm túc, chú ý nghe giảng**.** Không ngừng tích lũy kiến thức bản thân để đáp ứng nhu cầu nghề nghiệp sau này. | 4 | Kỳ học : Học kì II năm 1  Thời gian : 60 tiết  Lý thuyết : 40 tiết  Xem phim : 15 tiết  Thi : 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi |
| 14 | Phê bình Điện ảnh 1 | **Về kiến thức**: Sau khi học xong học phần này, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về điện ảnh học, cách đánh giá chủ đề phim.  **Về kỹ năng**: Sinh viên phân biệt được ba lĩnh vực Lịch sử điện ảnh, Phê bình điện ảnh và Lý luận điện ảnh; hiểu được nội dung phim và chủ đề phim; biết viết bài ttóm tắt nội dung và đánh giá nội dung phim.  **Về thái độ**: Sinh viên có cơ sở rèn luyện tư duy, ý thức nghề nghiệp trong thời gian học ở trường. | 8 | Kỳ học : Học kì I năm 1  Thời gian : 120 tiết  Lý thuyết : 60 tiết  Thực hành : 60 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi |
| 15 | Phê bình Điện ảnh 2 | **Về kiến thức**: Sau khi học xong học phần này, sinh viên có kiến thức để xem phim, xác định chủ đề phim, về các loại bài viết khác  **Về kỹ năng**: Sinh viên biết cách xem phim, tìm chủ đề phim và thực hiện thành thục các loại bài viết.  **Về thái độ**: Sinh viên có cơ sở rèn luyện tư duy nghề nghiệp trong thời gian học ở trường. | 7 | Kỳ học : Học kì II năm 1  Thời gian : 105 tiết  Lý thuyết : 55 tiết  Thực hành : 50 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi |
| 16 | Phê bình Điện ảnh 3 | **Về kiến thức**: Cho sinh viên nắm được vai trò của kịch bản, đạo diễn, quay phim đối với chất lượng tư tưởng và nghệ thuật của bộ phim  **Về kỹ năng**: Có kỹ năng phân tích về vài trò của kịch bản, đạo diễn, quay phim đối chủ đề phim.  **Về thái độ**: Sinh viên có cơ sở rèn luyện tư duy, ý thức nghề nghiệp trong thời gian học. | 8 | Kỳ học : Học kì III năm 2  Thời gian : 120 tiết  Lý thuyết : 60 tiết  Thực hành: 60 tiết  Lý thuyết : 60 tiết  Thực hành: 60 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi |
| 17 | Phê bình Điện ảnh 4 | **Về kiến thức:** Cho sinh viên nắm được vai trò của diễn xuất, thiết kế mỹ thuật, âm thanh, âm nhạc đối với chất lượng tư tưởng, nghệ thuật của bộ phim  **Về kỹ năng**: Có kỹ năng viết các loại bài tổng hợp.  **Về thái độ**: Có tư duy phân tích để ứng dụng viết bài tổng hợp. | 8 | Kỳ học : Học kì IV năm 2  Thời gian : 120 tiết  Lý thuyết : 60 tiết  Thực hành: 60 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi |
| 18 | Phê bình Điện ảnh 5 | **Về kiến thức**: Cho sinh viên nắm được đầy đủ, sâu sắc, toàn diện các bộ môn của nghệ thuật điện ảnh; mối quan hệ hữu cơ của chúng  **Về kỹ năng**: Luyện kỹ năng viết các loại bài tổng hợp.  **Về thái độ**: Có tư duy phân tích về các bộ môn của nghệ thuật điện ảnh và ý thức nghề nghiệp trong thời gian học. | 8 | Kỳ học : Học kì V năm 3  Thời gian : 120 tiết  Lý thuyết : 60 tiết  Thực hành: 60 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi |
| 19 | Phê bình Điện ảnh 6 | **Về kiến thức**: Giúp sinh viên vận dụng những kiến thức đã học vào việc thực hiện các bài viết mang tính lý luận  **Về kỹ năng**: Viết thành thục các bài viết mang tính lý luận.  **Về thái độ**: Có tư duy lý luận, ý thức nghề nghiệp trong thời gian học. | 8 | Kỳ học : Học kì VI năm 3  Thời gian : 120 tiết  Lý thuyết : 60 tiết  Thực hành: 60 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi |
| 20 | Phê bình Điện ảnh 7 | **Về kiến thức**: Bồi dưỡng cho học sinh kiến thức để nghiên cứu khoa học  **Về kỹ năng**: Có kỹ năng nghiên cứu khoa học, thực hiện khoá luận và chuẩn bị đề tài luận văn tốt nghiệp.  **Về thái độ**: Có ý thức tự nghiên cứu phim, tự sưu tầm tài liệu phục vụ cho khoá luận. | 8 | Kỳ học : Học kì VII năm 4  Thời gian : 120 tiết  Lý thuyết : 60 tiết  Thực hành: 60 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi |
| 21 | Lịch sử Điện ảnh Việt Nam 1 | **Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên một khối kiến thức có tính cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của ngành nghệ thuật Điện ảnh ở Việt Nam, đặc điểm sự hình thành và quá trình phát triển của điện ảnh dân tộc qua từng giai đoạn. Giới thiệu một số tác giả và tác phẩm nổi tiếng.  **Về kỹ năng:**  Sinh viên rút ra bài học cho sự phát triển ngành trong giai đoạn hiện nay.  **Về thái độ:** Sinh viên có cơ sở rèn luyện trong tư duy sức sáng tạo suốt thời gian theo học ở trường. | 4 | Kỳ học : Học kì II năm 1  Thời gian : 60 tiết  Lý thuyết : 30 tiết  Thực hành : 30 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi |
| 22 | Lịch sử Điện ảnh Việt Nam 2 | **Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên một khối kiến thức chuyên sâu về ngành nghệ thuật Điện ảnh ở Việt Nam, đi vào quá trình phát triển của điện ảnh dân tộc. Giới thiệu một số tác giả và tác phẩm nổi tiếng.  **Về kỹ năng:**  Sinh viên rút ra bài học cho sự phát triển ngành trong giai đoạn hiện nay.    **Về thái độ:** Sinh viên có cơ sở rèn luyện trong tư duy sức sáng tạo suốt thời gian theo học ở trường | 4 | Kỳ học : Học kì III năm 2  Thời gian : 60 tiết  Lý thuyết : 30 tiết  Thực hành : 30 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi |
| 23 | Lịch sử Điện ảnh Thế giới 1 | **Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên kiến thức có tính hệ thống cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của nghệ thuật Điện ảnh Thế giới; **những khuynh hướng trường phái trong điện ảnh.** Giới thiệu một số tác giả và tác phẩm nổi tiếng  **Về tiêu kĩ năng**: Sinh viên phân biệt và nêu được đặc điểm của các trào lưu, phong cách điện ảnh theo từng thời kỳ, từng nền điện ảnh.  **Về thái độ:** Sinh viên có ý thức tìm hiểu về lịch sử điện ảnh, xem phim kinh điển một cách nghiêm túc và có tính chuyên môn. | 4 | Kỳ học : Học kì I năm 1  Thời gian : 60 tiết  Lý thuyết : 30 tiết  Thực hành và thi: 30 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi |
| 24 | Lịch sử Điện ảnh Thế giới 2 | **Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên kiến thức có tính chuyên sâu về **những khuynh hướng trường phái trong điện ảnh.** Giới thiệu một số tác giả và tác phẩm nổi tiếng.  **Về tiêu kĩ năng**: Sinh viên phân biệt và nêu được đặc điểm của các trào lưu, phong cách điện ảnh theo từng thời kỳ, từng nền điện ảnh.  **Về thái độ:** Sinh viên có ý thức tìm hiểu về lịch sử điện ảnh, xem phim kinh điển một cách nghiêm túc và có tính chuyên môn. | 4 | Kỳ học : Học kì II năm 1  Thời gian : 60 tiết  Lý thuyết : 30 tiết  Xem phim và thi : 30 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi |
| 25 | Lịch sử Điện ảnh Thế giới 3 | **Về kiến thức:**  Sau khi học xong học phần này, sinh viên nắm được tiến trình phát triển và những đặc điểm của điện ảnh thế giới cận - hiện đại. Các bạn sẽ nhận thức được tiến trình lịch sử riêng của các nền điện ảnh dân tộc có tác động thế nào đối với các xu hướng trong lĩnh vực sản xuất, phát hành phim quốc tế.  **Về tiêu kĩ năng**: Sinh viên phân biệt và nêu được đặc điểm của các trào lưu, phong cách điện ảnh theo từng thời kỳ, từng nền điện ảnh.  **Về thái độ:** Sinh viên có ý thức tìm hiểu về lịch sử điện ảnh, xem phim kinh điển một cách nghiêm túc và có tính chuyên môn. | 4 | Kỳ học : Học kì III năm 2  Thời gian : 60 tiết  Lý thuyết : 30 tiết  Thực hành và thi : 30 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi |
| 26 | Lý luận Điện ảnh | **Về kiến thức:** Sinh viên có kiến thức khái quát về những vấn đề lý luận cơ bản của nghệ thuật điện ảnh  **Về kĩ năng: S**inh viên rút ra kỹ năng nghề nghiệp cần có từ bộ môn lý luận điện ảnh.  **Về ý thức:** Sinh viên có ý thức học, tư duy lý luận. | 5 | Kỳ học : Học kì VII năm 4  Thời gian : 75 tiết  Lý thuyết : 60 tiết  Xem phim : 15 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểmgiữa kỳ  - 60 % điểm thi |
| 27 | Chuyên đề | Giúp cho sinh viên có cơ hội được tiếp xúc, nâng cao kiến thức và thực hành về nghiên cứu, phê bình điện ảnh thông qua các sự kiện điện ảnh với các chuyên gia, những nhà làm phim trong từng chuyên đề cụ thể | Tối đa 3 buổi | Tùy thời điểm thích hợp | Viết thu hoạch |
| 28 | Thực tập trước tốt nghiệp | Tạo điều kiện để sinh viên tiếp xúc, làm việc thực hành các kĩ năng, kiến thức liên quan tới nghiên cứu, phê bình phim trong các sự kiện điện ảnh hay các cơ quan văn hóa, báo chí, truyền thông liên quan tới điện ảnh. | 10 | Kỳ học: học kỳ VIII năm 4 |  |
| 29 | Tốt nghiệp | Nhà trường tổ chức cho sinh viên làm *Bài thi tốt nghiệp* và *Bảo vệ tốt nghiệp* là để sinh viên trình bày kết quả học tập chuyên môn của mình trong thời gian toàn khoá học thông qua Bài thi tốt nghiệp. | 10 | Kỳ học: học kỳ VIII năm 4 | thang điểm từ 0 đến 10 |

**8. KHOA CÔNG NGHỆ ĐIỆN ẢNH – TRUYỀN HÌNH**

**Chuyên ngành: Công nghệ dựng phim**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP** | | | | | |
| I. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH | | | | | |
| 1 | Đại số | Cung cấp kiến thức về Đại số tuyến tính làm công cụ nghiên cứu học tập các môn học cơ bản và một số môn học chuyên ngành. Góp phần phát triển tư duy logic cho sinh viên. | 2 | Học kỳ I (Năm thứ 1)  Thực hiện trong 9 Tuần | *Viết* |
| 2 | Giải tích | Cung cấp các kiến thức về phép tính vi, tích phân hàm một biến và hàm nhiều biến làm công cụ nghiên cứu học tập các môn học cơ bản và một số môn học chuyên ngành đồng thời thông qua đó rèn luyện tư duy logic cho người học. | 2 | Học kỳ II (Năm thứ 1)  Thực hiện trong 9 Tuần | *Viết* |
| 3 | Vật lý | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ học, điện, từ, dao động, sóng, sóng âm, quang học để sinh viên học tốt các vấn đề kỹ thuật liên quan đến âm thanh và hình ảnh. | 3 | Học kỳ II (Năm thứ nhất)  Thực hiện trong 12 Tuần | *Viết* |
| 4 | Âm nhạc cơ bản (Điện ảnh) | Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về sự phát triển của lịch sử âm nhạc thế giới, lý thuyết âm nhạc, các thể loại âm nhạc, các bộ nhạc cụ trong dàn nhạc giao hưởng phương Tây. | 2 | Học kỳ II (Năm thứ 2) | *Viết/Vấn đáp* |
| 5 | Nhạc phim | Sinh viên nắm được một cách tổng hợp nhất các kiến thức về vai trò, vị trí và hiệu quả sử dụng của âm nhạc trong nền điện ảnh Việt Nam và thế giới. Các phương pháp sử dụng nhạc phim, xây đựng kịch bản nhạc phim, làm việc với nhạc sĩ. Đặc điểm âm nhạc trong các thể loại phim. Sơ lược lịch sử nhạc phim và phong cách sáng tác của một số nhạc sĩ nổi tiếng thế giới. Sự khác biệt của âm nhạc trong từng thể loại phim. | 2 | Học kỳ II (Năm thứ 2) | *Viết/Vấn đáp* |
| 6 | Cấu trúc máy tính | - Trang bị cho sinh viên các kiến thức căn bản về hế thống số, về kiến trúc máy tính, các thành phần, hệ thống cấu thành máy tính, các nguyên lý làm việc của các hệ thống máy trạm để sinh viên ứng dụng trong quá trình vận hành máy tính cho công việc sáng tạo hậu kỳ.  - Tạo kiến thức nền tảng cho sinh viên tự nghiên cứu nâng cao các hệ thống máy tính nâng cao. | 2 | Học kỳ I (Năm thứ 3)  Thực hiện trong 9 Tuần  Phần 1: Giới thiệu hệ thống số (5 tiết LT)  Phần 2: Giới thiệu các hệ máy tính (5 tiết LT )  Phần 3: Cấu trúc tổng quát (5 tiết LT)  Phần 4: Cấu trúc bên trong máy tính (10 tiết LT)  Phần 5: Hệ thống xuất nhập (I/O devices) (5 tiết LT)  Phần 6: Thiết lập hệ thống phần cứng và phần mềm máy tính Dựng phim (15 Tiết) | *Viết/Vấn đáp* |
| 7 | Kỹ thuật Điện | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ sở về An toàn điện, nền tảng lý thuyết kỹ thuật điện cơ bản, những kiến thức về nguồn điện dân dụng nói chung và chuyên dụng trong các thiết bị điện tử, hệ thống điện dùng cho studio điện ảnh, truyền hình. Với những kiến thức lý thuyết và thực tế sẽ giúp sinh viên sử dụng thiết bị âm thanh ánh sáng, vận hành thiết bị ánh sáng âm thanh ở studio trong quá trình làm phim. | 2 | Học kỳ I (Năm thứ 3)  Thực hiện trong 9 Tuần  Phần 1: An toàn điện (5 Tiết)  Phần 2: Lý thuyết điện (25 tiết)  Phần 3: Nguồn điện Âm thanh ánh sáng trong điện ảnh truyền hình (15 tiết) | *Viết/ Vấn đáp* |
| 8 | Kỹ thuật Audio - Video | Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, hệ thống về cách tạo ra và xử lí tín hiệu audio, video . Các kiến thức trên sẽ là cơ sở để sinh viên học tập tốt các môn học chuyên ngành . Những hiểu biết sâu về tín hiệu sẽ giúp cho người học có thể xử lí linh hoạt tùy theo hoàn cảnh công việc và tạo nền tảng kiến thức ban đầu để sinh viên có thể tự đọc tài liệu nâng cao trình độ chuyên môn khi ra công tác. | 3 | Học kỳ I (Năm thứ 2)  Thực hiện trong 12 Tuần  Chương 1: Tín hiệu âm thanh tương tự (10 Tiết)  Chương 2: ADC (8 Tiết)  Chương 3: Nguyên lý tạo tín hiệu hình ảnh (8 Tiết)  Chương 4: Tín hiệu Video màu (10 Tiết)  Chương 5: Số hoá tín hiệu video màu (8 Tiết)  Chương 6: nén tín hiệu Video, Audio (10 Tiết)  Chương 7: Ghi tín hiệu Audio, Video số (6 Tiết) | *Viết/ Vấn đáp* |
| 9 | Kịch học Điện ảnh | Cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về những vấn đề trong kịch bản và phim truyện; Những vấn đề về ngôn ngữ điện ảnh, nhân vật, cấu trúc và cốt truyện. Những vấn đề cơ bản về đề tài, chủ đề và các thủ pháp nghệ thuật kể chuyện của điện ảnh. | 3 | Học kỳ I (năm thứ 3) | *Viết* |
| 10 | Quy trình CNSX ĐATH | Giúp sinh viên có kiến thức về quy trình sản xuất một bộ phim theo tiêu chuẩn quốc tế. Các bước, công việc được thực hiện trong mỗi tiến trình. Từ tiền sản xuất, sản xuất, tới hậu kỳ. Từ đó hiểu rõ các công việc và yêu cầu công việc trong lĩnh vực mình sẽ làm sau khi tốt nghiệp. | 2 | Học kỳ I (năm thứ 2)  Thực hiện trong 9 Tuần  **Chương 1: Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu của ngành Điện ảnh (15 tiết)**  Chương II: Các công đoạn sản xuất phim hậu kỳ. (10 tiết)  Chương III: Các loại chuẩn hình, chuẩn tiếng và kỹ thuật chiếu phim (15 tiết)  Chương IV: Công nghệ sản xuất phim truyền hình (20 tiết) | *Viết/Vấn đáp* |
| 11 | Nhiếp ảnh | Hệ thống hóa những kiến thức cơ bản về nhiếp ảnh thông qua 4 loại ảnh cơ bản : tĩnh vật, chân dung, sinh hoạt, phong cảnh.  Giá trị của từng thể loại. Giá trị bổ sung thông tin, cảm xúc cho nhau khi tham gia mô tả một nhân vật hay một nhóm nhân vật.  Chuyển đổi Ngôn ngữ chữ viết sang hình ảnh ở dạng bài tập ảnh Liên hoàn. | 2 | Học kỳ I (Năm thứ nhất)  Chương 1: Các cỡ cảnh và số lượng, thứ tự cảnh được sắp sếp. Giá trị biểu đạt thông tin của từng cỡ cảnh. Nguyên tắc, quy chuẩn của từng cỡ cảnh.  Chương 2: Thể loại ảnh Tĩnh vật và Chân dung Đặc tả và cận cảnh. Mối liên hệ giữa 2 cỡ.  Yếu tố : Ai, cái gì và những cảm xúc mang lại.  Chương 3: Phong cảnh và toàn cảnh. Yếu tố Không gian và thời gian.  Chương 4: Các thông số kĩ thuật trong nhiếp ảnh và giá trị nghệ thuật. | *Thực hành /Vấn đáp* |
| 12 | Lịch sử ĐA - TH VN &TG | Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, tổng quan về sự ra đời, phát triển của điện ảnh, truyền hình việt nam và thế giới. | 2 | Học kỳ II (Năm thứ 1)  Thực hiện trong 9 Tuần  Chương 1: Lịch sử điện ảnh thế giới  Chương 2: Truyền hình thế giới  Chương 3: Điện ảnh Việt Nam  Chương 4: Truyền hình Việt Nam | *Viết/Vấn đáp* |
| 13 | Quay phim điện ảnh | **-** Khái niệm về bố cục điện ảnh. Các cỡ cảnh & chức năng của chúng. Các thể loại ống kính máy quay. Các yêu cầu & quy tắc bố cục một khuôn hình điện ảnh. Giác độ quay trong điện ảnh. Phối cảnh điện ảnh.  **-** Khái niệm về dàn cảnh diễn, dàn cảnh quay. Dàn cảnh vị trí diễn viên diễn xuất và di chuyển trong trong cảnh diễn. Các quy tắc quay đối thoại. Trục diễn xuất, trục định hướng. Các thủ pháp quay vượt trục. Phương pháp kết nối không gian và thời gian trong điện ảnh.  **-** Khái niệm về chuyển động máy quay trong bố cục khuôn hình điện ảnh. Các chức năng của động tác máy tĩnh và động. Các thể loại ống kính máy quay. Các yêu cầu & quy tắc bố cục một khuôn hình điện ảnh. Giác độ quay trong điện ảnh. Phối cảnh động trong điện ảnh. | 2 | Học kỳ II (Năm thứ 2) | *Viết/Vấn đáp* |
| 14 | Phân tích phim 1 | Trang bị cho sinh viên những kiến thức về các dạng bài phân tích phim, lý thuyết cơ bản về các yếu tố trong tác phẩm điện ảnh và những kĩ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá về một bộ phim.  Bao gồm các kiến thức: Thể loại/nhóm phim, chủ đề, cấu trúc phim, nhân vật, yếu tố dàn cảnh,quay phim, dựng phim. Âm thanh… | 3 | Học kỳ I (Năm thứ 1) | *Viết/Vấn đáp* |
| 15 | Phân tích phim 2 | Trang bị cho sinh viên những kiến thức về các cách tiếp cận mang tính chuyên sâu về phân tích phim và những lưu ý về các vấn đề thường gặp khi viết bài. Bao gồm các kiến thức: phân tích phim trên góc độ của lịch sử điện ảnh, nền điện ảnh của các dân tộc, qua tác giả, thông qua hình thức, qua chủ đề tư tưởng… | 3 | Học kỳ II (Năm thứ 1) |  |
| **II. KIẾN THỨC NGÀNH** | | | | | |
| 16 | Đạo diễn điện ảnh | Học phần giới thiệu lý thuyết để cho sinh viên hiểu được vị trí, chức năng, tính chất sáng tạo, công việc và vai trò của đạo diễn trong nghệ thuật điện ảnh. Giới thiệu toàn bộ quy trình sản xuất phim, bắt đầu từ kịch bản đến giai đoạn cuối kết thúc hậu kỳ ra phim, qua đó để sinh viên hiểu được mối quan hệ liên kết phối hợp giữa các bộ môn nghệ thuật trong một tổng thể thống nhất dưới sự chỉ đạo quán xuyến của đạo diễn từ nghệ thuật đến kỹ thuật, từ công việc sáng tạo tổ chức chất liệu nghệ thuật đến tổ chức công việc và con người.  Trình chiếu những bộ phim tương ứng với phần lý thuyết, phân tích. Thực hành các bài tập, câu hỏi để sinh viên luyện tập. | 2 | Học kỳ I (Năm thứ 3) | *Viết/Vấn đáp* |
| 17 | Dựng âm thanh điện ảnh – truyền hình | Nội dung học phần gồm:  - Kỹ thuật khớp đồng bộ âm thanh thu ở hiện trường với hình ảnh trước khi bắt tay vào dựng phim. Các kỹ thuật xử lý dữ liệu âm thanh số xuyên suốt trong quy trình từ tiền kỳ đến hậu kỳ. Những sai lệch về kỹ thuật ảnh hưởng lớn đến chất lượng và phương thức xử lý trong quy trình.  - Các phương pháp dựng lời thoại (thu đồng bộ và lồng tiếng), âm nhạc và tiếng động, các phương pháp chỉnh sửa khớp, âm sắc, âm diện, cao độ cho lời thoại, âm nhạc và tiếng động, các phương pháp làm mềm mối dựng âm thanh, các phương pháp bù âm thanh dùng thư viện âm thanh.  - Mối liên hệ về nội dung và hình thức của các thành tố âm thanh với hình ảnh.  - Không gian và thời gian được thể hiện bằng âm thanh. | 2 | Học kỳ II (Năm thứ 3) | *Thực hành/ Vấn đáp* |
| 18 | Kỹ thuật và Thiết bị ĐATH 1 | Cung cấp cho sinh viên kĩ năng kết nối và sử dụng hệ thống các thiết bị trong điện ảnh truyền hình.  Cung cấp các kiến thức tổng quan về thiết bị trong điện ảnh, truyền hình cơ bản. Trình bày chi tiết về hệ thống thiết bị trong truyền hình.  Các phương pháp kỹ thuật công nghệ áp dụng trong trường quay thực tế ảo.  Cung cấp kỹ năng về giải pháp cầu truyền hình qua mạng Internet . | 3 | Học kỳ I (Năm thứ 2) | *Viết/Vấn đáp* |
| 19 | Kỹ thuật và Thiết bị ĐATH 2 | Cung cấp các kiến thức tổng quan về điện ảnh. Trình bày chi tiết về hệ thống thiết bị máy quay, thiết bị dựng phim.  Cung cấp các kiến thức về một số thiết bị âm thanh sử dụng trong điện ảnh.  Cung cấp kiến thức về máy chiếu phim nhựa và máy chiếu phim điện tử. | 3 | Học kỳ II (Năm thứ 2) | *Viết/ Vấn đáp* |
| 20 | Dựng phim 1 | Cung cấp cho sinh viên kiến thức về các định dạng phim số cơ bản, lịch sử dựng phim, các phương pháp dựng phim để truyền đạt nội dung bằng ngôn ngữ điện ảnh.  Sinh viên nắm vững kỹ thuật dựng phim số, cách xử lý file, cắt cảnh, ghép nối các cảnh. Xử lý âm thanh cơ bản, Biết sử dụng phần mềm dựng phim cũng như nắm rõ phần cứng của các phần mềm dựng phim. Học phần trình bày những nguyên tắc dựng phim chính; các bài thực hành: Xử lý và quản lý file video, audio; Cắt cảnh và ghép nối cảnh; Cắt thoại; Tạo tiêu đề phim; Xuất video ra file, đóng gói sản phẩm. | 3 | Học kỳ I (Năm thứ 1) | *Viết/ Vấn đáp* |
| 21 | Dựng phim 2 | Cung cấp cho sinh viên kiến thức về bố cục khuôn hình, các đường nét thể hiện trên hình ảnh. Kiến thức về phương pháp dựng nối tiếp (liên tục) trong đó có các nguyên tắc chuyển cảnh, phương pháp phân giải động tác và câu dựng cơ bản. Bên cạnh đó, sinh viên cần nắm vững kỹ thuật dựng phim số, tổ chức một dự án dựng, cách xử lý file, cắt cảnh, ghép nối các cảnh, thời gian và tiết tấu trong phim… | 3 | Học kỳ II (Năm thứ 1) | *Viết/ Vấn đáp* |
| 22 | Dựng phim 3 | Học phần có 2 phần: Dựng phim và kỹ thuật chỉnh màu phim.  - Đối với kiến thức phần dựng phim: Phương pháp dựng phim Phi liên tục: về sự giãn cách hay lược giản thời gian, không gian, cách miêu tả bên trong và bên ngoài của sự vật, hiện tượng, các tính chất ý niệm, ẩn ý… được thể hiện bằng phương pháp này. Thực hành cắt cảnh và ghép nối cảnh theo phương pháp dựng liên tục và phi liên tục.  Cung cấp các kiến thức về phương pháp dựng phim phi nối tiếp - montage để thể hiện được các góc độ về thời gian và không gian. Các mối quan hệ của các cặp phạm trù để làm bật lên những đóng góp về nghệ thuật Montage cho ngôn ngữ điện ảnh.  Đối với phần kỹ thuật chỉnh màu phim số: Cung cấp các kiến thức cơ bản về kỹ thuật chỉnh màu video số.  Sinh viên nắm vững kỹ thuật dựng phim số, cách xử lý file, cắt cảnh, ghép nối các cảnh theo tính chất biểu hiện của ngôn ngữ dựng phim, áp dụng kiến thức tiền đề để làm nền tảng cho phần kế theo. Hình thành tư duy kể chuyện qua hình thức dựng phim.  Nắm vững kỹ thuật chỉnh màu phim. Hiểu biết, xử lý dữ liệu video, audio số. | 3 | Học kỳ I (Năm thứ 2) | *Viết/ Vấn đáp* |
| 23 | Dựng phim 4 | Cung cấp các lý thuyết về Kịch, các đặc trưng thẩm mỹ của kịch, xác định các thành tố trong một kịch bản phim, xác định thể loại phim. Qua đó, hiểu được cấu trúc một kịch bản phim, tái xây dựng cấu trúc phim trên chất liệu hình ảnh. | 3 | Học kỳ II (Năm thứ 2) | *Thực hành/ Vấn đáp* |
| 24 | Dựng phim 5 | Cung cấp các kiến thức về xác định nhân vật trong phim. Cụ thể là khái niệm, phân loại các kiểu nhân vật, các thành tố tạo nên một nhân vật.  Cung cấp kiến thức về câu chuyện và cốt truyện.  Các kỹ thuật kể chuyện và các yếu tố khác trong một kịch bản phim. | 3 | Học kỳ I (Năm thứ 3) | *Thực hành/ Vấn đáp* |
| 25 | Dựng phim 6 | Cung cấp các phương pháp thực hành dựng phim trên thẻ, ảnh.  Góc nhìn, tiết tấu, nhịp điệu, các yếu tố chuyển đổi đối lập để tạo ra nhịp điệu.  Dựng âm thanh song song với dựng phim. Ảnh hưởng của âm thanh trong dựng phim.  Cung cấp các phương pháp phân tích để tìm chìa khoá kể chuyện đối với hình ảnh và âm thanh…  Phương pháp phân tích tổng hợp để thể hiện khoảnh khắc đánh nhớ (đánh dấu sự chú ý của người xem trong từng câu chuyện phim cụ thể).  Học phần này trang bị cho sinh viên về Nghệ thuật chỉnh màu phim số. | 3 | Học kỳ II (Năm thứ 3) | *Thực hành/ Vấn đáp* |
| 26 | Dựng phim 7 | Vận dụng, tổng hợp các kiến thức từ học phần 1 đến học phần 6 để xử lý bộ phim có thời lượng dài. | 3 | Học kỳ I (Năm thứ 4) | *Thực hành/ Vấn đáp* |
| 27 | Đồ hoạ và Kỹ xảo 1 | Học phần gồm phần lý thuyết cơ bản về màu sắc, mối lên hệ giữa màu sắc và ánh sáng, các hệ cộng màu, trừ màu, các bài tập thực hành: Sử dụng các công cụ đồ họa; hiệu ứng và màu sắc; Thiết kế tiêu đề phim điện ảnh truyền hình, chuẩn bị dữ liệu cho hoạt cảnh animation trong after effects, xử lý chuỗi ảnh cho các kỹ xảo xóa dây, phông xanh, roto, sử dụng hiệu quả phần mềm xử lý ảnh bitmap, vector phục vụ nghề nhiệp. | 3 | Học kỳ II (Năm thứ 1) | *Thực hành/ Vấn đáp* |
| 28 | Đồ hoạ và Kỹ xảo 2 | Môn học Đồ họa và Kỹ xảo 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý thuyết và thực hành phần mềm compositing, sử dụng thành thạo phần mềm, thực hiện các kỹ năng đồ họa động 2D thành thạo.  Khả năng xây dựng một số dự án kỹ xảo điện ảnh truyền hình cơ bản. Sử dụng thành thạo phần mềm Adobe After effects để thực hiện các sản phẩm đồ họa động 2D. | 3 | Học kỳ I (Năm thứ 2) | *Thực hành/ Vấn đáp* |
| 29 | Đồ hoạ và Kỹ xảo 3 | Môn học Đồ họa và Kỹ xảo 3 cung cấp những kiến thức lý thuyết về xây dựng kỹ xảo hình ảnh 2D ứng dụng trong điện ảnh truyền hình. Trang bị cho người học hệ thống phần cứng, studio, hệ thống phông xanh, chiếu sáng, quay phông xanh, xóa phông và ghép thêm các hình ảnh, video để tạo thành cảnh quay kỹ xảo phổ biến hiện nay.  Người học có kỹ năng thành thạo sử dụng phần mềm Adobe After effects, xóa phông xanh, Mocha Tracking xử lý kỹ xảo hình ảnh, xử lý cơ bản hiệu ứng hạt và khói lửa. Sinh viên thực hành xây dựng kỹ xảo hình ảnh từ ý tưởng và triển khai tiền kỳ đến quá trình hậu kỳ hoàn thiện sản phẩm kỹ xảo hình ảnh hoàn chỉnh. | 3 | Học kỳ II (Năm thứ 2) | *Thực hành/ Vấn đáp* |
| 30 | Đồ hoạ và Kỹ xảo 4 | Học phần này cung cấp các kiến thức về tạo hình 3D. Hướng dẫn sửa dụng các công cụ cơ bản, các phím tắt, ép chất liệu, màu sắc, ánh sáng… trong phần mềm đồ họa Autodesk Maya.  Những nguyên tắc cơ bản về thiết kế mô hình 3D (Modeling) để thiết kế được những mô hình 3D phức tạp.  Màu sắc, chất liệu vào Modeling 3D  Thiết kế, tạo hình không gian, ánh sáng trong phần mềm. | 3 | Học kỳ I (Năm thứ 3) | *Thực hành/ Vấn đáp* |
| 31 | Đồ hoạ và Kỹ xảo 5 | Học phần sẽ giới thiệu cho sinh viên những modul kỹ xảo điện ảnh truyền hình có độ khó, phức tạp và chi tiết cao hơn các hoạc phần Đồ họa kỹ xảo 1,2,3,4. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý thuyết về quá trình thực hiện những kỹ xảo điện ảnh truyền hình thực tế. Cụ thể là kỹ năng xây dựng và thực hiện kỹ xảo với phần mềm compositor – Adobe After Effect cùng plugin hỗ trợ để thực hiện kỹ xảo hình ảnh Tracking. Xây dựng và thực hiện kỹ xảo với phần mềm compositor – Adobe After Effect cùng plugin hỗ trợ để thực hiện kỹ xảo hình ảnh Tracking. | 3 | Học kỳ II (Năm thứ 3) | *Thực hành/ Vấn đáp* |
|  | Đồ hoạ và Kỹ xảo 6 | Môn học Đồ họa và Kỹ xảo 6 cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý thuyết và quá trình xây dựng kỹ xảo hình ảnh ứng dụng trong điện ảnh, truyền hình, đa phương tiện video-audio. Ứng dụng những kiến thức đã học từ các học phần trước để hoàn thiện một sản phẩm kỷ xảo trong phim. | 3 | Học kỳ I (Năm thứ 4) | *Thực hành/ Vấn đáp* |
| 32 | Chuyên đề |  | 3 buổi | Học kỳ I (Năm thứ 4) | Viết thu hoạch |
| 33 | Ngoại khóa |  | 10 ngày/ 2 đợt | Học kỳ II (năm thứ 2) và Học kỳ II (năm thứ 3) |  |
| 34 | Thực tập trước tốt nghiệp |  | 7 | Học kỳ II (Năm thứ 4) | Bảo vệ thực tập tốt nghiệp |
| 35 | Tốt nghiệp |  | 7 | Học kỳ II (Năm thứ 4) | Bảo về đồ án tốt nghiệp. |

**Chuyên ngành; Âm thanh điện ảnh truyền hình**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp** | | | | | | |
| I. Kiến thức cơ sở ngành | | | | | | |
| 1 | Đại số | Cung cấp kiến thức về Đại số tuyến tính làm công cụ nghiên cứu học tập các môn học cơ bản và một số môn học chuyên ngành. Góp phần phát triển tư duy logic cho sinh viên. | 2 | Học kỳ I (Năm thứ 1)  Thực hiện trong 9 Tuần | | *Viết* |
| 2 | Giải tích | Cung cấp các kiến thức về phép tính vi, tích phân hàm một biến và hàm nhiều biến làm công cụ nghiên cứu học tập các môn học cơ bản và một số môn học chuyên ngành đồng thời thông qua đó rèn luyện tư duy logic cho người học. | 2 | Học kỳ II (Năm thứ 1)  Thực hiện trong 9 Tuần | | *Viết* |
| 3 | Vật lý | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ học, điện, từ, dao động, sóng, sóng âm, quang học để sinh viên học tốt các vấn đề kỹ thuật liên quan đến âm thanh và hình ảnh. | 3 | Học kỳ II (Năm thứ nhất)  Thực hiện trong 12 Tuần | | *Viết* |
| 4 | Âm nhạc cơ bản (Điện ảnh) | Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về sự phát triển của lịch sử âm nhạc thế giới, lý thuyết âm nhạc, các thể loại âm nhạc, các bộ nhạc cụ trong dàn nhạc giao hưởng phương tây. | 2 | Học kỳ II (Năm thứ 2) | | *Viết/ Vấn đáp* |
| 5 | Nhạc phim | Sinh viên nắm được một cách tổng hợp nhất các kiến thức về vai trò, vị trí và hiệu quả sử dụng của âm nhạc trong nền điện ảnh Việt Nam và thế giới. Các phương pháp sử dụng nhạc phim, xây đựng kịch bản nhạc phim, làm việc với nhạc sĩ. Đặc điểm âm nhạc trong các thể loại phim. Sơ lược lịch sử nhạc phim và phong cách sáng tác của một số nhạc sĩ nổi tiếng thế giới. Sự khác biệt của âm nhạc trong từng thể loại phim. | 2 | Học kỳ II (Năm thứ 2) | | *Viết/Vấn đáp* |
| 6 | Cấu trúc máy tính | - Trang bị cho sinh viên các kiến thức căn bản về hế thống số, về kiến trúc máy tính, các thành phần, hệ thống cấu thành máy tính, các nguyên lý làm việc của các hệ thống máy trạm để sinh viên ứng dụng trong quá trình vận hành máy tính cho công việc sáng tạo hậu kỳ.  - Tạo kiến thức nền tảng cho sinh viên tự nghiên cứu nâng cao các hệ thống máy tính nâng cao. | 2 | Học kỳ I (Năm thứ 3)  Thực hiện trong 9 Tuần  Phần 1: Giới thiệu hệ thống số (5 tiết LT)  Phần 2: Giới thiệu các hệ máy tính (5 tiết LT  Phần 3: Cấu trúc tổng quát (5 tiết LT)  Phần 4: Cấu trúc bên trong máy tính (10 tiết LT)  Phần 5: Hệ thống xuất nhập (I/O devices) (5 tiết LT)  Phần 6: Thiết lập hệ thống phần cứng và phần mềm máy tính Dựng phim (15 Tiết) | | *Viết/Vấn đáp* |
| 7 | Kỹ thuật Điện | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ sở về An toàn điện, nền tảng lý thuyết kỹ thuật điện cơ bản, những kiến thức về nguồn điện dân dụng nói chung và chuyên dụng trong các thiết bị điện tử, hệ thống điện dùng cho studio điện ảnh, truyền hình. Với những kiến thức lý thuyết và thực tế sẽ giúp sinh viên sử dụng thiết bị âm thanh ánh sáng, vận hành thiết bị ánh sáng âm thanh ở studio trong quá trình làm phim. | 2 | Học kỳ I (Năm thứ 3)  Thực hiện trong 9 Tuần  Phần 1: An toàn điện (5 Tiết)  Phần 2: Lý thuyết điện (25 tiết)  Phần 3: Nguồn điện Âm thanh ánh sáng trong điện ảnh truyền hình (15 tiết) | | *Viết/Vấn đáp* |
| 8 | Kỹ thuật Điện tử | * Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ sở về các loại linh kiện điện tử-bán dẫn, vi mạch, quang điện tử cũng như các mạch cơ bản của điện tử tương tự và điện tử số; từ đó giúp sinh viên có khả năng học tốt các học phần kỹ thuật và thiết bị âm thanh tiền kỳ, hậu kỳ; kỹ thuật và thiết bị dựng phim; kỹ thuật và thiết bị điện ảnh truyền hình. Giúp sinh viên hiểu và phân tích được bản chất các mạch điện tử cơ bản trong thiết bị chuyên ngành, tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận với phần cứng thiết bị chuyên ngành. * Tạo kiến thức nền tảng cho sinh viên tự nghiên cứu các thiết bị điện tử chuyên ngành cơ bản cũng như hiện đại. | 3 | Học kỳ I (Năm thứ 2)  Thực hiện trong 12 Tuần  Phần I: Kỹ thuật điện tử tương tự (33 Tiết)  Phần II: Kỹ thuật điện tử số (27 Tiết) | | *Viết/Vấn đáp* |
| 9 | Kỹ thuật Audio - Video | Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, hệ thống về cách tạo ra và xử lí tín hiệu audio, video . Các kiến thức trên sẽ là cơ sở để sinh viên học tập tốt các môn học chuyên ngành . Những hiểu biết sâu về tín hiệu sẽ giúp cho người học có thể xử lí linh hoạt tùy theo hoàn cảnh công việc và tạo nền tảng kiến thức ban đầu để sinh viên có thể tự đọc tài liệu nâng cao trình độ chuyên môn khi ra công tác. | 3 | Học kỳ I (Năm thứ 2)  Thực hiện trong 12 Tuần  Chương 1: Tín hiệu âm thanh tương tự (10 Tiết)  Chương 2: ADC (8 Tiết)  Chương 3: Nguyên lý tạo tín hiệu hình ảnh (8 Tiết)  Chương 4: Tín hiệu Video màu (10 Tiết)  Chương 5: Số hoá tín hiệu video màu (8 T)  Chương 6: nén tín hiệu Video, Audio (10 t)  Chương 7: Ghi tín hiệu Audio, Video số (6 t) | | *Viết/Vấn đáp* |
| 10 | Vẽ kỹ thuật | - Tăng cường khả năng tư duy không gian.  - Hiểu và sử dụng đúng các tiêu chuẩn thiết lập bản vẽ, biết phương pháp xây dựng các hình chiếu thẳng góc của vật thể theo các hệ thống chiếu.  - Phân tích được vật thể, xây dựng chính xác được các hình chiếu thẳng góc, hình chiếu phụ, hình chiếu riêng phần của vật thể cho sẵn.  - Đọc hiểu được bản vẽ các hình chiếu thẳng góc của vật thể thông qua việc vẽ hình chiếu thứ ba và xây dựng được hình chiếu trục đo của vật thể.  - Thiết lập được bản vẽ các hình chiếu thẳng góc của vật thể và vẽ được hình chiếu trục đo của vật thể thể hiện được đúng ý tưởng của người thiết kế trên máy tính. | 1 | Học kỳ II (năm thứ 1)  Thực hiện trong 6 Tuần  Chương 1: Giới thiệu môn học, vật liệu và dụng cụ vẽ  Chương 2: Những tiêu chuẩn cơ bản để thành lập bản vẽ kỹ thuật  Chương 3: Biểu diễn vật thể  Chương 4: Thành lập bản vẽ trên máy tính | | *Viết* |
| 11 | Quy trình CNSX ĐATH | Giúp sinh viên có kiến thức về quy trình sản xuất một bộ phim theo tiêu chuẩn quốc tế. Các bước, công việc được thực hiện trong mỗi tiến trình. Từ tiền sản xuất, sản xuất, tới hậu kỳ. Từ đó hiểu rõ các công việc và yêu cầu công việc trong lĩnh vực mình sẽ làm sau khi tốt nghiệp. | 2 | Học kỳ I (năm thứ 2)  Thực hiện trong 9 Tuần  **Chương 1: Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu của ngành Điện ảnh (15 tiết)**  Chương II: Các công đoạn sản xuất phim hậu kỳ. (10 tiết)  Chương III: Các loại chuẩn hình, chuẩn tiếng và kỹ thuật chiếu phim (15 tiết)  Chương IV: Công nghệ sản xuất phim truyền hình (20 tiết) | | *Viết/Vấn đáp* |
| 12 | Lịch sử ĐA - TH VN &TG | Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, tổng quan về sự ra đời, phát triển của điện ảnh, truyền hình việt nam và thế giới. | 2 | Học kỳ II (Năm thứ 1)  Thực hiện trong 9 Tuần  Chương 1: Lịch sử điện ảnh thế giới  Chương 2: Truyền hình thế giới  Chương 3: Điện ảnh Việt Nam  Chương 4: Truyền hình Việt Nam | | *Viết/Vấn đáp* |
| 13 | Dựng phim | Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về vai trò và quy trình dựng phim, hiểu các nghiên tắc dựng, các phương pháp dựng phim để truyền đạt nội dung bằng ngôn ngữ điện ảnh. | 3 | Học kỳ I (Năm thứ 2)  Thực hiện trong 12 Tuần  - Lên lớp: 30 tiết  - Thực hành: 25 tiết  - Thi hết môn: 5 tiết | | *Viết/Vấn đáp* |
| 14 | Quay phim điện ảnh | **-** Khái niệm về bố cục điện ảnh. Các cỡ cảnh & chức năng của chúng. Các thể loại ống kính máy quay. Các yêu cầu & quy tắc bố cục một khuôn hình điện ảnh. Giác độ quay trong điện ảnh. Phối cảnh điện ảnh.  **-** Khái niệm về dàn cảnh diễn, dàn cảnh quay. Dàn cảnh vị trí diễn viên diễn xuất và di chuyển trong trong cảnh diễn. Các quy tắc quay đối thoại. Trục diễn xuất, trục định hướng. Các thủ pháp quay vượt trục. Phương pháp kết nối không gian và thời gian trong điện ảnh.  **-** Khái niệm về chuyển động máy quay trong bố cục khuôn hình điện ảnh. Các chức năng của động tác máy tĩnh và động. Các thể loại ống kính máy quay. Các yêu cầu & quy tắc bố cục một khuôn hình điện ảnh. Giác độ quay trong điện ảnh. Phối cảnh động trong điện ảnh. | 2 | Học kỳ II (Năm thứ 2) | | *Viết/Vấn đáp* |
| 15 | Phân tích phim 1 | Trang bị cho sinh viên những kiến thức về các dạng bài phân tích phim, lý thuyết cơ bản về các yếu tố trong tác phẩm điện ảnh và những kĩ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá về một bộ phim.  Bao gồm các kiến thức: Thể loại/nhóm phim, chủ đề, cấu trúc phim, nhân vật, yếu tố dàn cảnh,quay phim, dựng phim. Âm thanh… | 3 | Học kỳ I (Năm thứ 1) | | *Viết/Vấn đáp* |
| 16 | Phân tích phim 2 | Trang bị cho sinh viên những kiến thức về các cách tiếp cận mang tính chuyên sâu về phân tích phim và những lưu ý về các vấn đề thường gặp khi viết bài. Bao gồm các kiến thức: phân tích phim trên góc độ của lịch sử điện ảnh, nền điện ảnh của các dân tộc, qua tác giả, thông qua hình thức, qua chủ đề tư tưởng… | 3 | Học kỳ II (Năm thứ 1) | |  |
| **II. KIẾN THỨC NGÀNH** | | | | | | |
| 17 | Đạo diễn điện ảnh | Học phần giới thiệu lý thuyết để cho sinh viên hiểu được vị trí, chức năng, tính chất sáng tạo, công việc và vai trò của đạo diễn trong nghệ thuật điện ảnh. Giới thiệu toàn bộ quy trình sản xuất phim, bắt đầu từ kịch bản đến giai đoạn cuối kết thúc hậu kỳ ra phim, qua đó để sinh viên hiểu được mối quan hệ liên kết phối hợp giữa các bộ môn nghệ thuật trong một tổng thể thống nhất dưới sự chỉ đạo quán xuyến của đạo diễn từ nghệ thuật đến kỹ thuật, từ công việc sáng tạo tổ chức chất liệu nghệ thuật đến tổ chức công việc và con người.  Trình chiếu những bộ phim tương ứng với phần lý thuyết, phân tích. Thực hành các bài tập, câu hỏi để sinh viên luyện tập. | 2 | Học kỳ I (Năm thứ 3) | | *Viết/Vấn đáp* |
| 18 | Công nghệ âm thanh số | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các bộ chỉ thị tín hiệu âm thanh tương tự và số, phân loại các quá trình xử lý âm thanh số (EQ, Dải động, Xử lý thời gian...). Các bộ phần mềm và Plugins xử lý âm thanh thông dụng trong sản xuất phim. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể xử lý các tình huống trong quá trình làm âm thanh. Môn học là cơ sở kiến thức cho các học phần: Dựng và thiết kế âm thanh, Hoà âm. | 3 | Học kỳ II (Năm thứ 2)  Thực hiện trong 12 Tuần  Chương 1: Mở đầu (10 Tiết)  Chương 2: Xử lý phổ tần tín hiệu âm thanh (10 Tiết)  Chương 3: Xử lý dải động tín hiệu âm thanh (10 Tiết)  Chương 4: Xử lý về thời gian tín hiệu âm thanh (10 Tiết)  Chương 5: Một số hiệu ứng khác trong xử lý âm thanh (10 Tiết)  Chương 6: Tương lai của xử lý tín hiệu âm thanh (5 Tiết)  Thi đánh giá hết học phần (5 Tiết) | | *Viết/Vấn đáp* |
| 19 | Âm học kiến trúc | + Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về âm thanh, sự hình thành trường âm trong Studio và phòng khán giả, tính chất hút âm và phản xạ âm của các bề mặt vật liệu & kết cấu, những quy luật lan truyền của âm thanh trong điều kiện tự nhiên.  + Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản để thiết kế nội thất âm học trong Studio, Phòng khán giả để đảm bảo chất lượng âm thanh trong phòng.  + Trang bị cho sinh viên kiến thức xử lí âm học trên các bối cảnh quay.  + Trang bị cho sinh viên những hiểu biết về tiếng ồn, quan hệ giữa tiếng ồn và sức khỏe con người để giải quyết các bài toán về cách âm, chống rung và chống ồn trong thực tế. | 4 | Học kỳ I (Năm thứ 2) | | *Viết/Vấn đáp* |
| 20 | Công nghệ thu thanh 1 | Sinh viên nắm vững quy trình sản xuất âm thanh, đặc điểm trường âm, hệ thống và kỹ thuật cơ bản về thiết bị sản xuất tiền kỳ.  Sinh viên có khả năng phân tích và xử lý tài liệu về thiết bị sản xuất âm thanh tiền kỳ. Từ đó có khả năng tự thiết lập hệ thống dựng âm thanh. | 3 | Học kỳ I (Năm thứ 3)  Thực hiện trong 12 Tuần  Lý thuyết: 30 Tiết  Lý thuyết: 5 chương (30 Tiết)  Thực hành: 30 Tiết  Thực hành: 5 bài (25 Tiết)  Đánh giá hết học phần: (5 Tiết) | | *Thực hành/Vấn đáp* |
| 21 | Công nghệ thu thanh 2 | Hệ thống thiết bị (phần cứng và các phần mềm) thu thanh hậu kỳ, trang âm phòng thu, các phương pháp tiếp cận câu chuyện, cách chuyển hoá ý nghĩ, mong muốn trên văn bản, hình ảnh thành cách thể hiện bằng âm thanh. Các phương thức làm việc với thành phần đoàn làm phim, các nguyên tắc thu và khớp thoại, tiếng động. | 3 | Chương 1: Hệ thống phòng thu thanh: Phần cứng, phần mềm.  Chương 2:Các phương thức làm việc với thành phần sáng tác.  Chương 3: Phương pháp thu lời thoại và tiếng động lồng.  Chương 3: Khớp âm thanh với hình ảnh. | | *Thực hành/Vấn đáp* |
| 22 | Kỹ thuật và Thiết bị ĐATH 1 | Cung cấp cho sinh viên kĩ năng kết nối và sử dụng hệ thống các thiết bị trong điện ảnh truyền hình.  Cung cấp các kiến thức tổng quan về thiết bị trong điện ảnh, truyền hình cơ bản. Trình bày chi tiết về hệ thống thiết bị trong truyền hình.  Các phương pháp kỹ thuật công nghệ áp dụng trong trường quay thực tế ảo.  Cung cấp kỹ năng về giải pháp cầu truyền hình qua mạng Internet . | 3 | Học kỳ I (Năm thứ 2)  Thực hiện trong 12 Tuần  - Lên lớp: 40 tiết Lý thuyết  - Thực tập phòng TN, thực hành: 15 tiết  - Đánh giá kết thúc học phần: 5 tiết | | *Viết/Vấn đáp* |
| 23 | Kỹ thuật và Thiết bị ĐATH 2 | Cung cấp các kiến thức tổng quan về điện ảnh. Trình bày chi tiết về hệ thống thiết bị máy quay, thiết bị dựng phim.  Cung cấp các kiến thức về một số thiết bị âm thanh sử dụng trong điện ảnh.  Cung cấp kiến thức về máy chiếu phim nhựa và máy chiếu phim điện tử. | 3 | Học kỳ II (Năm thứ 2) | |  |
| 24 | Thiết bị âm thanh 1 |  | 3 | Học kỳ II (Năm thứ 1) | | *Viết/ Vấn đáp* |
| 25 | Thiết bị âm thanh 2 | Sinh viên phải nắm vững được nguyên lý hoạt động, đặc tính, cấu tạo, phương pháp đấu nối của các thiết bị âm thanh sử dụng trong giai đoạn sản xuất phim điện ảnh - truyền hình.  Sinh viên tích lũy đủ kỹ năng để vận dụng thành thạo các thiết bị cũng như hệ thống thiết bị trong giai đoạn sản xuất phim điện ảnh - truyền hình, có khả năng thiết lập, vận hành hệ thống thiết bị cũng như phân tích, phán đoán lỗi, khắc phụ sự cố xảy ra trong quá trình làm việc. | 3 | Học kỳ I (Năm thứ 3)  Thực hiện trong 12 Tuần  - Lên lớp nghe giảng lý thuyết: 35 tiết  - Thực tập phòng TN, thực hành: 40 tiết  - Khác: Thảo luận 10 tiết; Thi 5 tiết | |  |
| 26 | Thiết bị âm thanh 3 | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về âm thanh, các thiết bị âm thanh Analog và Digital trong sản xuất âm thanh. Các định dạng file âm thanh thông dụng trong sản xuất âm thanh chuyên nghiệp, các chuẩn kết nối tín hiệu Analog và Digital, các chuẩn timecode, chuyển đổi giữa các chuẩn để đồng bộ hình ảnh và âm thanh từ tiền kỳ và hậu kỳ. Kiến thức từ các học phần là cơ sở để tiếp thu các học phần: Công nghệ thu thanh, Dựng và thiết kế âm thanh, hoà âm tổng hợp. | 3 | Học kỳ II (Năm thứ 3)  Thực hiện trong 15 Tuần  - Lý thuyết: 40 Tiết  - Thực hành: 30 tiết  - Thi hết học phần: 5 Tiết | |  |
| 27 | Dựng và Thiết kế âm thanh cho phim 1 | Trang bị cho sinh viên những kiến thức về thiết kế âm thanh, quá trình hình thành và những yếu tố cơ bản nhất về thẩm mỹ về âm thanh. Quy trình tổng quát của thiết kế âm thanh. Các công cụ kỹ thuật dùng để dựng âm thanh, giúp sinh viên thực hiện các ý tưởng thiết kế âm thanh trực tiếp qua giao diện dựng chuyên nghiệp. Từ đó sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của âm thanh trong phim. Kiến thức và kỹ năng thu được từ học phần là nền tảng để sinh viên học tập các học phần sau này như: Công nghệ thu thanh 1, Thiết bị âm thanh 2 và Dựng và thiết kế âm thanh | 3 | Học kỳ II (Năm thứ 2)  Thực hiện trong 15 Tuần  Lý thuyết (40Tiết-8 Tuần). Gồm 5 chương:  Chương 1: Mở đầu  Chương 2: Các yếu tố của âm thanh và hiệu quả của chúng trên nhận thức  Ch 3: Chiến lược trong thiết kế âm thanh phim  Ch4: Công cụ kỹ thuật hỗ trợ thiết kế âm thanh  Chương 5: Phương pháp kiểm thính âm thanh  Phần thực hành 30 Tiết  Bài 1: Thực hành thao tác các chế độ, công cụ dựng trên hệ thống dựng âm thanh (10 tiết)  Bài 2: Thực hành thiết kế âm thanh cho phim ngắn (20 tiết)  Đánh giá hết học phần: (5 Tiết) | | *Thực hành/ Vấn đáp* |
| 28 | Dựng và Thiết kế âm thanh cho phim 2 | Dựa trên kiến thức và kỹ năng đã học ở học phần 1, học phần 2 trang bị cho sinh viên kiến thức về mối quan hệ giữa hình ảnh và âm thanh trong phim, phương pháp làm việc với các ekip sản xuất, biết vận dụng phương tiện kỹ thuật vào thực tế dựng âm thanh. Học phần là cơ sở để nghiên cứu sâu hơn các học phần dựng và thiết kế âm thanh 3 và hoà âm 1,2. | 3 | Học kỳ I (Năm thứ 3)  Thực hiện trong 15 Tuần  Lý thuyết (35Tiết-8 Tuần). Gồm 4 chương: | |  |
| Chương 1: Các chức năng của âm thanh trong quan hệ với hình ảnh  Chương 2: Thành công của thiết kế âm thanh trong phim  Chương 3: Thiết kế âm thanh giai đoạn hậu kỳ  Chương 4: Làm việc với các th/phần sáng tác | Thực hành 35 Tiết  Bài 1: Thực hành thiết kế âm thanh phim tài liệu (15 Tiết)  Bài 2: Thực hành dựng thiết kế âm thanh phim hoạt hình (20 Tiết)  Đánh giá hết học phần: (5 Tiết) |
| 29 | Dựng và Thiết kế âm thanh cho phim 3 | Cung cấp lý thuyết về kỹ thuật dựng và thiết kế âm thanh ở mức độ cao hơn phần 1 và 2.  Cung cấp các lý thuyết về thiết kế âm thanh dựa trên tâm sinh lý của con người, trên cơ sở hệ thống lý thuyết điện ảnh, hệ thống lý thuyết âm thanh vật lý.  Áp dụng những kiến thức lý thuyết cơ bản thiết kế âm thanh trong phim để ứng dụng kiến tạo, thiết kế, xử lý các nhóm âm thanh thoại, tiếng động theo câu chuyện. Làm giàu hiệu ứng âm thanh để cách kể hấp dẫn. Phân tích sự phối hợp của thính giác và thị giác. | 3 | Học kỳ II (Năm thứ 3) | |  |
| 30 | Dựng và Thiết kế âm thanh cho phim 4 | Cung cấp lý thuyết về kỹ thuật dựng và thiết kế âm thanh ở mức độ cao hơn phần 1,2 và 3, khai thác khía cạnh dựng và thiết kế âm nhạc trong phim và phân tích, tổng hợp các nhóm chất liệu. Chú trọng ứng dụng các kỹ thuật chuyên ngành.  Cung cấp các lý thuyết về thiết kế âm thanh dựa trên cảm nhận của con người, áp dụng hệ thống lý thuyết điện ảnh, hệ thống lý thuyết âm thanh vật lý, tâm sinh lý để làm ra bộ phim có kiểm soát về kỹ thuật và nghệ thuật.  Sử dụng linh hoạt các thiết bị và phần mềm âm thanh chuyên nghiệp. | 3 | Học kỳ I (Năm thứ 4) | |  |
| 31 | Hòa âm cho phim 1 | Trang bị cho sinh viên kiến thức về qui trình và những công việc phải làm trong quá trình hòa âm; cân đối âm sắc và âm lượng của các kênh âm thanh; phân kênh (pan-pot) các tín hiệu âm thanh theo tọa độ của chúng; kỹ năng đánh giá chất lượng âm thanh, các mức chuẩn hòa âm theo các định dạng âm thanh; phân tích tính hợp lý của bản hòa âm theo từng thể loại phim. Ra files hòa âm cuối cùng theo chuẩn quốc tế. | 3 | Học kỳ II (Năm thứ 3) | | *Thực hành/Vấn đáp* |
| 32 | Hòa âm cho phim 2 | Trang bị cho sinh viên kiến thức về hòa âm; sử dụng các đặc trưng của âm thanh vật lý, hài hoà các chất liệu âm thanh dựa vào yếu tố câu chuyện để từ đó phân tích, đánh giá, lựa chọn âm thanh cho phù hợp, các mức chuẩn hòa âm theo các định dạng âm thanh; phân tích tính hợp lý của bản hòa âm theo từng thể loại phim.  Định lượng, định tính về kỹ thuật âm thanh trong điện ảnh, truyền hình để xử lý bản hòa âm cuối cùng theo chuẩn quốc tế. | 3 | Học kỳ I (Năm thứ 4) | |  |
| 33 | Chuyên đề |  | 3 buổi | Học kỳ I (Năm thứ 4) | | Viết thu hoạch |
| 34 | Ngoại khóa |  | 10 ngày/ 2 đợt | Học kỳ II (năm thứ 2) và Học kỳ II (năm thứ 3) | |  |
| 35 | Thực tập trước tốt nghiệp |  | 7 | Học kỳ II (Năm thứ 4) | | Bảo vệ thực tập tốt nghiệp |
| 36 | Tốt nghiệp |  | 7 | Học kỳ II (Năm thứ 4) | | Bảo về đồ án tốt nghiệp. |

**9**. **KHOA KỊCH HÁT DÂN TỘC**

**Chuyên ngành: Cải lương**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. **Kiến thức giáo dục đại cương** 2. **Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc** | | | | | |
| 1 | Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin (I) | **Về kiến thức:** + Trang bị cho sinh viên những quan điểm khoa học, cách mạng, nhân văn của Chủ nghĩa Mác - Lênin  + Xây dựng thế giới quan duy vật, phương pháp biện chứng, nhân sinh quan khoa học, niềm tin và lý tưởng cách mạng.  Đạt được mục tiêu kiến thức này, góp phần thực hiện sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:** Vận dụng sáng tạo thế giới quan duy vật và phương pháp luận khoa học, biện chứng trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn, trong rèn luyện và tu dưỡng đạo đức, đáp ứng yêu cầu của con người Việt Nam trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.  **Về thái độ: +** Sinh viên có thái độ chính trị tốt, có tư cách, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, tích cực tham gia vào việc giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn.  + Tổng kết, đúc rút kinh nghiệm góp phần phát triển tính khoa học và tính nhân văn vốn có của Chủ nghĩa Mác – Lênin.  + Đặt Chủ nghĩa Mác - Lênin trong dòng chảy phát triển tư tưởng nhân loại và trong những điều kiện lịch sử mới. | 4 | Kỳ học: học kỳ I năm 1  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 50 tiết  - Thực tập phòng TN, thực hành: 5 tiết  - Bài tập về nhà: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 2 | Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin (II) | **Về kiến thức**: Môn họcNhững Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin (phần II) đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  + Trang bị cho sinh viên những quan điểm khoa học, cách mạng, nhân văn của Chủ nghĩa Mác - Lênin  + Nghiên cứu những quy luật kinh tế của xã hội, đặc biệt là những quy luật kinh tế của quá trình ra đời, phát triển, suy tàn của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và sự ra đời, phát triển của phương thức sản xuất mới - phương thức sản xuất Cộng sản chủ nghĩa.  + Làm sáng tỏ những quy luật khách quan của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.  **Về kỹ năng:** Vận dụng sáng tạo thế giới quan duy vật và phương pháp luận khoa học biện chứng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.  **Về thái độ:** + Tổng kết, đúc rút kinh nghiệm để góp phần phát triển tính khoa học và tính nhân văn vốn có của Chủ nghĩa Mác – Lênin trong nghiên cứu các quy luật kinh tế của Việt Nam.  + Khẳng định chủ nghĩa xã hội nhất định là tương lai của xã hội loài người. | 4 | Kỳ học: học kỳ II năm 1  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 50 tiết  - Thực tập phòng TN, thực hành: 5 tiết  - Bài tập về nhà: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 3 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | **Về kiến thức:** - Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về tư tưởng, đạo đức và giá trị văn hóa Hồ Chí Minh. Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá, Hồ Chí Minh. Tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin.Cùng với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta. Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.  - Góp phần thực hiện sứ mạng (“Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế”) và tầm nhìn của Nhà trường (“Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”).  **Về kỹ năng:** - Trình bày được khái niệm về tư tưởng Hồ Chí Minh  - Nêu được những cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh..  - Kể tên được hệ thống quan điểm tư tưởng Hồ Chí Minh  - Trình bày được vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự thắng lợi của cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới.  - Trình bày được cơ sở lý luận của Chủ ngĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong đường lối của Đảng và Nhà nước.  - Có khả năng tự tìm kiếm tài liệu liên quan đến môn học và trình bày được nội dung của các tài liệu này.  - Có khả năng làm việc nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến nội dung môn học.  - Có tinh thần yêu nước, có ý thức trách nhiệm công dân, ý thức kỷ luật và thái độ nghề nghiệp đúng đắn, ham tìm hiểu và học tập suốt đời.  - Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề kih tế, chính trị, văn hóa xã hội theo quan điểm của Đảng và nhà nước  **Về thái độ:** Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới; chủ động tích cực trong việc giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội theo đường lối của Đảng và Nhà nước. | 3 | Kỳ học: học kì III năm 2  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết:  - 70% tiết lý thuyết  - 30% tiết thảo luận, thực hành, kiểm tra | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 4 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam | **Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đường lối của Đảng trong thời kỳ cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân và trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đặc biệt là đường lối của Đảng trong thời kỳ đổi mới trên tất cả các lĩnh vực, chính trị, văn hóa, xã hội, đối ngoại. Góp phần thực hiện sứ mạng (“Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế”) và tầm nhìn của Nhà trường (“Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”).  **Về kỹ năng:** Học phần giúp sinh viên có khả năng phân tích đánh giá và vận dụng đường lối cách mạng của Đảng vào thực tiễn lịch sử. Để làm được điều này cần phải sử dụng các phương pháp thống kê, so sánh, lịch đại… đặc biệt sử dụng triệt để phương pháp lịch sử kết hợp với phương pháp logic để làm sáng tỏ nội dung đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam.  **Về thái độ:** Bồi dưỡng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm của sinh viên trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước. Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách củaĐảng. | 4 | Kỳ học: học kỳ VII năm 4  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  - 70% lý thuyết  - 30% thực hành | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 5 | Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam | **Về kiến thức:** Môn “Đường lối văn hóa - văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam” đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:** Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống về văn hoá, đường lối văn hoá – văn nghệ của Đảng. Trên cơ sở đó, giúp sinh viên có nhận thức đúng về đường lối văn hóa-văn nghệ và thực tiễn đời sống văn hóa xã hội, tích cực tham gia, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong thời kỳ công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.  **Về thái độ:** Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn sự lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực văn hóa – văn nghệ qua các thời kỳ cách mạng; kiên định lập trường của Đảng lấy chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam; xác định mục tiêu xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc gắn với xây dựng con người đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững đất nước. Sinh viên vừa tiếp thu kiến thức, vừa chủ động tự học, nghiên cứu để vận dụng một cách sáng tạo đường lối văn hoá - văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam trong hoạt động thực tiễn và trong lĩnh vực hoạt động nghệ thuật của mình. | 2 | Kỳ học: học kỳ VII năm 4  Thời gian: 6 tuần  Phân bổ số tiết:  - 20 lý thuyết  - 5 thảo luận thực hành  - 5 kiểm tra | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 6 | Cơ sở văn hóa Việt Nam | **Về kiến thức:** Môn “Cơ sở văn hóa Việt Nam” cùng các môn kiến thức cơ bản khácnhằm đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  Cung cấp cho sinh viên những khái niệm về văn hóa học – khoa học về văn hóa nói chung, đồng trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cần thiết cho hiểu một nền văn hóa; nắm được những đặc trưng cơ bản cùng các quy luật hình thành và phát triển của văn hoá Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại…  **Về kỹ năng:** Vận dụng những kiến thức đã học để phân tích, đánh giá văn hóa Việt Nam (văn hóa vật thể, phi vật thể); áp dụng kiến thức đã học vào các lĩnh vực chuyên môn của mình.  **Về thái độ:** Trân trọng, tự hào về nền văn hóa dân tộc; có ý thức giữ gìn, phát huy những giá trị di sản văn hoá truyền thống; tham gia tích cực vào công cuộc xây dựng, phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. | 4 | Kỳ học: học kỳ IV năm 2  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 45 tiết  - Thực hành, thảo luận (xêmina): 10 tiết  - Ôn tập và kiểm tra: 5 tiết: | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 7 | Tiếng anh 1 | Kết thúc chư­ơng trình học, sinh viên các lớp Đại học phải nắm đ­ược những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm tiếng Anh và một số nghi thức lời nói ở trình độ sơ cấp. | 5 | Kỳ học: Kỳ 1 năm 1  Thời gian: 15 tuần  Phân bổ số tiết: 45 LT, 30 TH  + Module 1: 5LT, 5TH  + Module 2: 8LT, 5TH  + Module 3: 8LT, 5TH  + Module 4: 8LT, 5TH  + Module 5: 8LT, 5TH  + Module 6: 8LT, 5TH | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 8 | Tiếng anh 2 | Kết thúc chư­ơng trình học, sinh viên các lớp Đại học phải nắm đ­ược những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm tiếng Anh và một số nghi thức lời nói ở trình độ sơ cấp. | 5 | Kỳ học: Kỳ 2 năm 1  Thời gian: 15 tuần  Phân bổ số tiết: 45 LT, 30 TH  + Module 7: 5LT, 5TH  + Module 8: 8LT, 5TH  + Module 9: 8LT, 5TH  + Module 10: 8LT, 5TH  + Module 11: 8LT, 5TH  + Module 12: 8LT, 5TH | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 9 | Tiếng anh 3 | Kết thúc chương trình học, sinh viên phải nắm được một lượng từ vựng, thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành nhất định, cấu trúc ngữ pháp, ngữ âm tiếng Anh và một số nghi thức lời nói ở trình độ Pre-intermediate. | 5 | Kỳ học: Kỳ 3 năm 2  Thời gian: 15 tuần  Phân bổ số tiết: 45 LT, 30 TH  + Module 1: 5LT, 5TH  + Module 2: 8LT, 5TH  + Module 3: 8LT, 5TH  + Module 4: 8LT, 5TH  + Module 5: 8LT, 5TH  + Module 6: 8LT, 5TH | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 10 | Tin học đại cương | Cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản nhất về máy tính, lịch sử hình thành cũng như quá trình phát triển và những kiến thức về hệ điều hành (Microsoft Windows) và bộ phần mềm về văn phòng (Microsoft Office) | 4 | Kỳ học: Kỳ 1 năm 1  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết: 30 LT, 30 TH | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 11 | Lịch sử văn học Việt Nam | **Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên những tri thức khái quát về quá trình phát triển của Văn học Việt Nam; Cung cấp cho sinh viên một cách có hệ thống các tác giả, tác phẩm tiêu biểu nhất trong từng giai đoạn lịch sử, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:** Vận dụng những kiến thức đã học để đánh giá một số tác giả, tác phẩm cụ thể, có khả năng khám phá bản chất thẩm mỹ của những hiện tượng văn học mới, phức tạp.  **Về thái độ:** Trân trọng, phát huy những giá trị văn chương tốt đẹp của dân tộc; Có quan điểm lịch sử- cụ thể, có thái độ khách quan, khoa học khi tiếp nhận những giá trị văn học. | 4 | Kỳ học: học kỳ IV năm 2  Thời gian: 12 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 50 (tiết)  - Thực hành, xêmina: 10 (tiết)  - Khác: bài tập ở nhà | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 12 | Lịch sử văn học thế giới | **Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản nhất về quá trình phát triển của Văn học trong lịch sử nhân loại qua những tác giả, tác phẩm tiêu biểu nhất ở từng thời kì cụ thể, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:** Rèn luyện kỹ năng khám phá bản chất thẩm mĩ của văn chương, cá tính sáng tạo và quan niệm nghệ thuật của nhà văn  **Về thái độ:** Trân trọng và phát huy những giá trị văn chương tốt đẹp của nhân loại. Từ đó, sinh viên có thể rút ra những bài học sáng tạo quý giá, góp phần xây dựng nền văn hóa nghệ thuật giàu bản sắc dân tộc mà hiện đại. | 6 | Kỳ học: học kỳ V năm 3  Thời gian: 18 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 70 (tiết)  - Thực hành, xêmina: 15 (tiết)  - Khác: bài tập ở nhà | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 13 | Pháp luật đại cương | **Về kiến thức:**  Môn Pháp luật đại cương, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  Trang bị cho người học có những kiến thức cơ bản về nhà nước (nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng, hình thức, kiểu nhà nước); nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam; pháp luật (nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, vai trò, hình thức, kiểu pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý); một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như dân sự, hình sự, hành chính đặc biệt liên quan đến lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, biểu diễn, nhiếp ảnh; pháp luật về phòng chống tham nhũng.  **Về kỹ năng:**  - Người học có kỹ năng phân tích cơ cấu của quy phạm pháp luật; xác định hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật; phân tích cấu thành của quan hệ pháp luật; nhận biết hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý tương ứng. Người học vận dụng được kiến thức đã học để làm kiến thức cơ bản ứng dụng trong cuộc sống làm nghề.  Đồng thời, người học có kỹ năng thuyết trình về một vấn đề của pháp luật; có kỹ năng điều hành hoạt động nhóm, tham gia hoạt động nhóm; có kỹ năng ghi biên bản cuộc họp.  **Về thái độ:** - Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân; thấy được vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội, từ đó nâng cao ý thức thực hiện pháp luật, tuyên truyền ý thức thực hiện pháp luật với cộng đồng xung quanh.  - Đồng thời, người học biết cách tra cứu và tự cập nhật các văn bản pháp luật để phục vụ cho công việc và có ý thức tự điều chỉnh công việc của mình theo những quy định của pháp luật. | 3 | Kỳ học: học kỳ I năm 1  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết: 24 LT, 6 TL | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 14 | Giáo dục thể chất | **Về kiến thức:** Sau khi kết thúc môn học, sinh viên biết được nguồn gốc ra đời, quá trình phát triển và vị trí của môn Bóng rổ trên thế giới, sự hình thành phát triển của môn Bóng rổ ở Việt Nam; Nắm và hiểu được một số điều luật cơ bản Bóng rổ; Nắm và hiểu được các nguyên lý kỹ thuật và chiến thuật cơ bản  của môn Bóng rổ, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:** -  Thực hiện được các kỹ thuật và chiến thuật cơ bản về môn học.  -  Hình thành kỹ năng động tác  để tự tập luyện hoặc tập theo nhóm.  - Sử dụng kiến thức Bóng rổ cơ bản để có thể tự phân tích, thảo luận và hướng dẫn người khác cùng tham gia tập luyện  **Về thái độ:** - Người học cần có thái độ tích cực, yêu thích môn học mà mình đã lựa chọn, luôn có tinh thần thái độ hăng say trong mỗi tiết học và tích cực tập luyện ngoại khóa, để có được các kỹ năng cần thiết và tâm lý tốt. Ngoài ra, người học biết vận dụng môn Bóng rổ làm phương tiện cho việc rèn luyện và nâng cao sức khỏe của con người.  - Giáo dục phẩm chất cần thiêt để đáp ứng với nhu cầu xã hội: Năng động, sáng tạo có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, ý chí và đoàn kết tập thể. | 5 | Kỳ học: học kỳ VI năm 3  Thời gian: 15 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 8 LT  - Thực hành: 46 TH  - Khác: 21 | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 15 | Giáo dục Quốc phòng | Liên kết với Trung tâm GDQP & AN Đại học Quốc gia Hà Nội. | 11 | Liên kết với Trung tâm GDQP & AN Đại học Quốc gia Hà Nội. | Liên kết với Trung tâm GDQP & AN Đại học Quốc gia Hà Nội. |
| 1. **Các môn chung bắt buộc khối Sân khấu** | | | | | |
| 16 | Lịch sử nghệ thuật tạo hình VN | Môn học giúp sinh viên nhận thức được quá trình hình thành và phát triển của lịch sử mỹ thuạt Việt Nam, nhận biết và hiểu được những đặc điểm cơ bản của mỹ thuật Việt Nam, cùng những nguyên nhân dẫn đến đặc điểm ấy.  Nắm bắt được phương pháp khai thác và xử lý những tài liệu mĩ thuật, phục vụ cho chuyên ngành của mình.  Trong quá trình học và làm bài kiểm tra bước đầu tạo dựng cho sinh viên hình thành kỹ năng hoạt động độc lập và hoạt động nhóm. | 2 | Kỳ học: học kỳ VI năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lý thuyết: 60%  - Thực hành: 40% | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 17 | Lịch sử nghệ thuật tạo hình TG | Trang bị cho sinh viên những hiểu biết tương đối đầy đủ, toàn diện về các giai đoạn phát triển của lịch sử mĩ thuật Thế giới từ nguyên thủy đến nay. Cùng những đặc điểm nổi bật của từng giai đoạn, trên cơ sở đó, góp phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết về lịch sử mĩ thuật. | 3 | Kỳ học: học kỳ VI năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lý thuyết: 60%  - Thực hành: 40% | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 18 | Sân khấu học đại cương | **Về kiến thức:**  Môn học Sân khấu học đại cương đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:** Thông qua những kiến thức cơ bản của Sân khấu, sinh viên có những hiểu biết nhất định về loại hình sân khấu để vận dụng trong công tác hoạt động nghệ thuật sau này.  **Về thái độ:** Xây dựng thái độ đúng đắn với hoạt động sáng tạo nghệ thuật trong lĩnh vực sân khấu cải lương nói riêng và sân khấu nói chung. | 3 | Kỳ học: học kỳ I năm 1  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 30 tiết  - Thi vấn đáp hết môn: 5 tiết  - Khác: Bài tập ở nhà: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 19 | Mỹ học | **Về kiến thức:** Giúp sinh viên nắm được những nội dung cơ bản của lý luận mỹ học Mác – Lênin, biết cảm thụ, đánh giá truớc thế giới các hiện tuợng thẩm mỹ và sáng tạo các giá thị thẩm mĩ theo quy luật của cái đẹp, đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:** sinh viên vận dụng vào học tập chuyên ngành và hoạt động sống, hoạt động nghề nghiệp trong tương lai của mình  **Về thái độ:** sinh viên tiếp thu một cách có phê phán, có chọn lọc các giá trị thẩm mỹ của dân tộc và thời đại, bồi dưỡng nâng cao ý thức và năng lực thẩm mỹ. | 3 | Kỳ học: học kỳ VI năm 3  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 39 (tiết)  - Thực hành, xêmina: 6 (tiết)  - Khác: bài tập ở nhà | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 20 | Phương pháp sân khấu truyền thống | **Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên những tri thức về phương pháp sáng tạo vận dụng của sân khấu truyền thống. Những phương tiện mỹ học, phương pháp thủ pháp thường dùng để xây dựng hình tượng nghệ thuật trong sân khấu truyền thống mà điển hình là: Tuồng, chèo, cải lương, rối, kịch hát dân ca.quá. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:** Vận dụng những kiến thức đã học để sáng tạo xây dựng hình tượng nghệ thuật trong học tập và quá trình làm nghệ thuật sau này.  **Về thái độ:** Trân trọng, phát huy những giá trị văn hóa nghệ thuật truyền thống. | 3 | Kỳ học: học kỳ VII năm 4  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 40 tiết  - Thực hành, thảo luận: 5 tiết  - Thi hết học phần: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 21 | Lịch sử sân khấu Việt Nam | **Về kiến thức:** Có được kiến thức về sự ra đời và phát triển của sân khấu ViệtNam. Đặc điểm, cấu trúc của các bộ môn sân khấu Việt Nam qua các thời kỳ, giai đoạn lịch sử. Đạt được mục tiêu kiến thức này, góp phần thực hiện sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kỹ năng:** Sinh viên có kỹ năng tìm hiểu, thu thập, xử lí thông tin; biết triển khai đề tài nghiên cứu cứu, thực nghiệm, phục vụ cho chuyên ngành học của mình.  **3. Về thái độ:** Sinh viên có thái độ chính trị tốt, có tư cách, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, tích cực tham gia vào việc giải quyết các vấn đề xã hội dưới góc độ của nghệ thuật, sân khấu, điện ảnh. | 3 | Kỳ học: học kỳ IV năm 2  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 35 tiết  - Thực tập phòng TN, thực hành: 5 tiết  - Bài tập về nhà: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 22 | Lịch sử sân khấu Thế Giới | **Về kiến thức:** Có được kiến thức về sự ra đời và phát triển của sân khấu thế giới. Đặc điểm, cấu trúc của các trường phái sân khấu thế giới qua các thời kỳ, giai đoạn lịch sử. Đạt được mục tiêu kiến thức này, góp phần thực hiện sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kỹ năng:** Sinh viên có kỹ năng tìm hiểu, thu thập, xử lí thông tin; biết triển khai đề tài nghiên cứu, thực nghiệm, phục vụ cho chuyên ngành học của mình.  **3. Về thái độ:** Sinh viên có thái độ chính trị tốt, có tư cách, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, tích cực tham gia vào việc giải quyết các vấn đề xã hội dưới góc độ của nghệ thuật, sân khấu, điện ảnh. |  |  |  |
| 1. **Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**  * **Kiến thức cơ sở ngành** | | | | | |
| 1 | Âm nhạc cơ bản 1 | **1. Về kiến thức:** Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về âm nhạc bẩy cung, nghê và phân tích, xướng âm được một số bản nhạc đơn giản. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kĩ năng:** Kết thúc môn học, sinh viên có thể nghe, đọc và nhận biết các ký hiệu cơ bản của một bản nhạc như: cao độ, tiết tấu, điệu thức, giọng, quãng…nâng cao khả năng cảm nhận âm nhạc, phân biệt được một số thể loại âm nhạc chính, xướng âm một số đoạn nhạc, bản nhạc đơn giản.  **3. Về thái độ:** Qua học phần Âm nhạc đại cương, sinh viên ý thức đựơc vai trò và những đóng góp của âm nhạc trong cuộc sống cũng như trong các lĩnh vực hoạt động nghệ thuật chuyên ngành mình đang theo học. | 4 | Kỳ học: học kỳ I năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 30 tiết  - Thực hành: 30 tiết. | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 2 | Âm nhạc cơ bản 2 | **1. Về kiến thức:** Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về cung, quãng trong âm nhạc bẩy cung, nghê và phân tích, xướng âm được một số bản nhạc phức tạp, các giọng đọc khác nhau. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kĩ năng:** Kết thúc môn học, sinh viên có thể nghe, đọc và nhận biết cấu trúc của một bản nhạc như: cao độ, tiết tấu, điệu thức, giọng, quãng…nâng cao khả năng cảm nhận âm nhạc, phân biệt được một số thể loại âm nhạc chính, xướng âm một số bản nhạc.  **3. Về thái độ:** Qua học phần Âm nhạc đại cương, sinh viên ý thức đựơc vai trò và những đóng góp của âm nhạc trong cuộc sống cũng như trong các lĩnh vực hoạt động nghệ thuật chuyên ngành mình đang theo học. | 3 | Kỳ học: học kỳ II năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 20 tiết  - Thực hành: 20 tiết xem phim tư liệu  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 3 | Hóa trang Cải lương | **1. Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên kiến thức có tính hệ thống cơ bản về hóa trang của nghệ thuật sân khấu Cải lương, các loại hình nhân vật và những đặc điểm hóa trang để tạo hình nên nhân vật. Kỹ thuật kẻ vẽ hóa trang mặt, làm đầu tóc, phục trang tạo hình cho các loại hình nhân vật Cải lương. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về tiêu kĩ năng**: Hóa trang, kẻ vẽ mặt, làm đầu tóc, mặc trang phục tạo hình các loại nhân vật.  **3. Về thái độ:** Sinh viên có ý thức yêu thích, tìm hiểu về nghệ thuật hóa trang sân khấu. | 4 | Kỳ học: học kỳ 6 năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 20 tiết  - Thực hành: 35 tiết xem phim tư liệu  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 4 | Giải phóng hình thể | **1. Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về giải phóng hình thể của người diễn viên, thực hành các bài tập giải phóng hình thể và vận dụng trong thực tế sân khấu chèo. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kỹ năng:** Sinh viên nắm được kĩ thuật giải phóng hình thể của người diễn viên vận dụng trong thực tế biểu diễn.  **3. Về thái độ:** Sinh viên có ý thức về hình thể và vận dụng hình thể trong sân khấu và thực tế cuộc sống. | 3 | Kỳ học: học kỳ I năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 10 tiết  - Thực hành: 30 tiết  - THi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 5 | Phân tích tác phẩm KHDT | **1. Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên kiến thức về một tác phẩm Kịch hát dân tộc, những cách tiếp cận để viết bài phân tích một tác phẩm thông qua các thành tố cấu thành. Những kiến thức về các tác phẩm chuyên ngành trong sân khấu Kịch hát dân tộc để từ đó phân tích và xây dựng nhân vật trong quá trình sáng tạo của lính vực chuyên ngành. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kỹ năng:** Sinh viên luyện tập kĩ năng phân tích một tác phẩm KHDT cũng như một tác phẩm chuyên ngành mình theo phục vụ cho kỹ năng sáng tạo chuyên môn sâu.  **3. Về thái độ:** Sinh veei yêu thích lĩnh vực sân khấu KHDT hơn và kịch thích sự tìm hiểu sáng tạo. | 3 | Kỳ học: học kỳ 7 năm 4  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 30 tiết  - Thực hành: 10 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 6 | Tâm lý học | **Về kiến thức:** Môn học Tâm lý học đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:** Thông qua những kiến thức cơ bản của Tâm lý học, sinh viên có những hiểu biết nhất định về tâm lý con người để vận dụng trong công tác hoạt động nghệ thuật sau này.  **Về thái độ:** Xây dựng thái độ đúng đắn với hoạt động sáng tạo nghệ thuật. | 3 | Kỳ học: học kỳ VII năm 4  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 35 tiết  - Thi vấn đáp hết môn: 5 tiết  - Khác: Bài tập ở nhà: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| **\* Kiến thức ngành** | | | | | |
| 1 | Ca cải lương 1 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về luyện hơi, luyện giọng và cấu trúc hệ thống một số bài lý và các bài bản nhỏ của nghệ thuật sân khấu Cải lương. Kỹ thuật ca hát, đọc nhạc long bản của hệ thống các bài lý và bài bản nhỏ. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật luyện hơi, luyện giọng, xướng âm long bản theo nhạc cổ ngũ cung, Kỹ thuật ca hát hệ thống các bài lý và các bài bản nhỏ của nghệ thuật sân khấu cải lương.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện ca hát Cải lương. | 7 | Kỳ học: học kỳ I năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 30 tiết  - Thực hành: 70 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 2 | Ca cải lương 2 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về luyện hơi, luyện giọng và cấu trúc hệ thống một số bài Quảng và các bài bản Ngự của nghệ thuật sân khấu Cải lương. Kỹ thuật ca hát, đọc nhạc lòng bản của hệ thống các bài Ngự và bài bản Quảng. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật luyện hơi, luyện giọng, xướng âm lòng bản theo nhạc cổ ngũ cung, Kỹ thuật ca hát hệ thống các bài Quảng và các bài bản Ngự của nghệ thuật sân khấu cải lương.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện ca hát Cải lương. | 6 | Kỳ học: học kỳ 2 năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 10 tiết  - Thực hành: 75 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 3 | Ca cải lương 3 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về luyện hơi, luyện giọng và cấu trúc hệ thống 3 bản Nam và 6 bản Bắc của nghệ thuật sân khấu Cải lương. Kỹ thuật ca hát, đọc nhạc long bản của hệ thống các bài bản Nam và bài bản Bắc. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật luyện hơi, luyện giọng, xướng âm lòng bản theo nhạc cổ ngũ cung, Kỹ thuật ca hát hệ thống các bài bản Nam và các bài bản Bắc của nghệ thuật sân khấu cải lương.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện ca hát Cải lương. | 6 | Kỳ học: học kỳ I năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 10 tiết  - Thực hành: 75 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 4 | Ca cải lương 4 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về luyện hơi, luyện giọng và cấu trúc hệ thống một số bài Oán của nghệ thuật sân khấu Cải lương. Kỹ thuật ca hát, đọc nhạc lòng bản của hệ thống các bài bản Oán. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật luyện hơi, luyện giọng, xướng âm lòng bản theo nhạc cổ ngũ cung, Kỹ thuật ca hát hệ thống các bài bản Oán của nghệ thuật sân khấu cải lương.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện ca hát Cải lương. | 6 | Kỳ học: học kỳ I năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 10 tiết  - Thực hành: 75 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 5 | Ca cải lương 5 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về luyện hơi, luyện giọng và cấu trúc bản Dạ cổ hoài lang, Vọng cổ nhịp 32 của nghệ thuật sân khấu Cải lương. Kỹ thuật ca hát của bản Dạ cổ hoài lang, Vọng cổ nhịp 32 và tân cổ giao duyên. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật luyện hơi, luyện giọng, Kỹ thuật ca hát của bản Dạ cổ hoài lang, Vọng cổ nhịp 32 và tân cổ giao duyên của nghệ thuật sân khấu cải lương.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện ca hát Cải lương. | 7 | Kỳ học: học kỳ I năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 30 tiết  - Thực hành: 70 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 6 | Vũ đạo cải lương 1 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về Vũ đạo cải lương, luật cân bằng cơ thể và cấu trúc bài tập phần luật cân bằng cơ thể, chuyển động trên sân khấu theo đường ngàng, đường chéo trê sân khấu của nghệ thuật sân khấu Cải lương. Kỹ thuật thực hiện, vận dụng vũ đạo, hình thể khi chuyển động trên sân khấu theo đường ngang đường chéo. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật luyện hình thể sao cho cân bằng, vững chắc trên sân khấu. Kỹ thuật thực hiện vũ đạo khi chuyển động theo đường ngang đường chéo trên sân khấu của nghệ thuật sân khấu cải lương.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện vũ đạo hình thể trên sân khấu Cải lương. | 3 | Kỳ học: học kỳ I năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 10 tiết  - Thực hành: 30 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 7 | Vũ đạo cải lương 2 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về Vũ đạo cải lương, luật lưu chuyển trên sân khấu của nghệ thuật sân khấu Cải lương. Kỹ thuật thực hiện, vận dụng vũ đạo, hình thể khi chuyển động trên sân khấu. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật luyện hình thể sao cho cân bằng, vững chắc, khéo léo trên sân khấu. Kỹ thuật thực hiện vũ đạo khi chuyển động trên sân khấu của nghệ thuật sân khấu cải lương.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện vũ đạo hình thể trên sân khấu Cải lương. | 6 | Kỳ học: học kỳ 2 năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 15 tiết  - Thực hành: 70 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 8 | Vũ đạo cải lương 3 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về Vũ đạo cải lương, các bài vũ đạo theo biểu tượng của nghệ thuật sân khấu Cải lương. Kỹ thuật thực hiện, vận dụng vũ đạo, hình thể theo biểu tượng các dáng dấp nhân vật cải lương trên sân khấu. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật vận dụng, thể hiện hình thể cảu biểu tượng nhân vật cải lương trên sân khấu của nghệ thuật sân khấu cải lương.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện vũ đạo hình thể trên sân khấu Cải lương. | 6 | Kỳ học: học kỳ 1 năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 15 tiết  - Thực hành: 70 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 9 | Vũ đạo cải lương 4 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về Vũ đạo cải lương, một số bài võ thuật sử dụng cho sân khấu của nghệ thuật sân khấu Cải lương. Kỹ thuật thực hiện, vận dụng vũ đạo, hình thể trong những lớp giao đấu, dáng dấp của các nhân vật có võ thuật cao trên sân khấu. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật, luyện hình thể sao cho nhanh nhẹn, cân bằng, vững chắc, khéo léo tới mức kỹ năng kỹ sảo về võ thuật trên sân khấu. Kỹ thuật thực hiện một số bài võ thuật tay không và có binh khí vận dụng trên sân khấu của nghệ thuật sân khấu cải lương.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện vũ đạo hình thể trên sân khấu Cải lương. | 6 | Kỳ học: học kỳ 2 năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 15 tiết  - Thực hành: 70 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 10 | Vũ đạo cải lương 5 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về Vũ đạo cải lương, các tổ hợp trình thức biểu diễn vũ đạo tay không và có đạo cụ thường vận dụng trên sân khấu của nghệ thuật sân khấu Cải lương. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật luyện hình thể sao cho cân bằng, vững chắc,khéo léo khi thể hiện các nhân vật trên sân khấu. Kỹ năng, kỹ xảo, Kỹ thuật thực hiện vũ đạo khi xây dựng các nhân vật trên sân khấu của nghệ thuật sân khấu cải lương.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện vũ đạo hình thể trên sân khấu Cải lương. | 7 | Kỳ học: học kỳ 1 năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 20 tiết  - Thực hành: 80 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 11 | Kỹ thuật diễn cải lương 1 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về Kỹ thuật diễn sân khấu, tiếng nói sân khấu, những yêu cầu cơ bản của người diễn viên nghệ thuật sân khấu Cải lương. Kỹ thuật thực hiện, vận dụng các đơn nguyên, hành đông, mâu thuẫn xung đột trong tiểu phẩm sân khấu. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật biểu diễn diễn cơ bản sân khấu vận dụng, thể hiện được các kỹ năng thông qua tiểu phẩm sân khấu tổng hợp.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện các vai diễn trên sân khấu Cải lương. | 6 | Kỳ học: học kỳ I năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 30 tiết  - Thực hành: 55 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 12 | Kỹ thuật diễn cải lương 2 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về Kỹ thuật diễn đặc thù cải lương, tiếng nói của nghệ thuật sân khấu cải lương, những yêu cầu cơ bản của người diễn viên nghệ thuật sân khấu Cải lương. Kỹ thuật thực hiện, vận dụng vũ đạo, hình thể, kỹ thuật diễn, ca hát, hành động, mâu thuẫn xung đột trong tiểu phẩm có bài ca. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật biểu diễn diễn cơ bản của cải lương từ đó vận dụng, thể hiện được các kỹ năng thông qua tiểu phẩm tổng hợp có bài ca.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện các vai diễn trên sân khấu Cải lương. | 7 | Kỳ học: học kỳ 2 năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 30 tiết  - Thực hành: 70 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 13 | Kỹ thuật diễn cải lương 3 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về Kỹ thuật phối hợp ba thành phần ca hát, vũ đạo, ký thuật diễn trong xây dựng nhân vật của nghệ thuật sân khấu cải lương, những yêu cầu cơ bản của người diễn viên nghệ thuật sân khấu Cải lương. Kỹ thuật thực hiện, vận dụng vũ đạo, hình thể, kỹ thuật diễn, ca hát, hành động, mâu thuẫn xung đột thông qua trích đoạn đề tài dân gian và tâm lý xã hội. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật biểu diễn diễn cơ bản của quá trình phối hợp ba thành phấn hát múa diễn từ đó vận dụng, thể hiện được các kỹ năng xây dựng nhân vật thông qua trích đoạn dân gian và tâm lý xã hội.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện các vai diễn trên sân khấu Cải lương. | 7 | Kỳ học: học kỳ 2 năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 30 tiết  - Thực hành: 70 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 14 | Kỹ thuật diễn cải lương 4 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về Kỹ thuật diễn xây dựng tâm lý nhân vật của nghệ thuật sân khấu Cải lương. Kỹ thuật thực hiện, vận dụng xây dựng tâm lý các nhân vật thông qua trích đoạn đề tài cổ trang lịch sử, dã sử. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật xâu dựng tâm lý nhân vật, vận dụng, thể hiện được các kỹ năng thông qua trích đoạn cải lương đề tài cổ trang, lịch sử, dã sử.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện các vai diễn trên sân khấu Cải lương. | 7 | Kỳ học: học kỳ I năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 30 tiết  - Thực hành: 70 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 15 | Kỹ thuật diễn cải lương 5 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về xây dựng tính cách nhân vật và nhân vật tính cách của nghệ thuật sân khấu Cải lương. Kỹ thuật thực hiện, vận dụng xây dựng tính cách nhân vật và nhân vật tính cách thông qua trích đoạn cổ trang, lịch sử, dã sử của nghệ thuật sân khấu Cải lương. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật biểu diễn cơ bản khi xây dựng tính cách nhân vật và nhân vật tính cách cải lương, thể hiện được các kỹ năng đó thông qua các trích đoạn cổ trang, lịch sử, dã sử.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện các vai diễn trên sân khấu Cải lương. | 7 | Kỳ học: học kỳ 2 năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 30 tiết  - Thực hành: 70 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 16 | Kỹ thuật diễn cải lương 6 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về xây dựng nhân vật trong trích đoạn cải lương tiêu biểu. Kỹ thuật thực hiện, vận dụng kỹ năng ca hát, vũ đạo, kỹ thuật diễn tâm lý, tính cách trong các lớp diễn cao trào chứa đựng mâu thuẫn xung đột của các trích đoạn tiêu biểu của nghệ thuật sân khấu cải lương. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật biểu diễn từ đó tống hợp, vận dụng, thể hiện được các kỹ năng thông qua các nhân vật trong các trích đoạn tiêu biểu của nghệ thuật sân khấu cải lương.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện các vai diễn trên sân khấu Cải lương. | 7 | Kỳ học: học kỳ I năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 30 tiết  - Thực hành: 70 tiết  - Thi: 5 tiết | 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 17 | Kỹ thuật diễn cải lương 7 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về sang tạo nhân vật cải lương. Kỹ thuật thực hiện, vận dụng xây dựng lí lịch nhân vật, xây dựng kỹ năng, kỹ xảo thể hiện nhân vật mình độc lập sáng tạo nên thông quá trích đoạn cải lương hoaawcj các cảnh trong một kịch bản cải lương. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật, kỹ năng xây dựng lí lịch nhân vật, sáng tạo xây dựng nhân vật của mình thông qua các trích đoạn cải lương hoặc các màn, cảnh của một kịch bản cải lương.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện các vai diễn trên sân khấu Cải lương. | 7 | Kỳ học: học kỳ I năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 30 tiết  - Thực hành: 70 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 18 | Kỹ thuật diễn cải lương 8 (Tốt nghiệp) | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật tổng hợp về Kỹ thuật xây dựng, thể hiện nhân vật trong một vở diễn dài của nghệ thuật sân khấu Cải lương. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên thể hiện kỹ năng sáng tạo biểu diễn tống hợp của mình thông qua một hoặc hai nhân vật trong một vở diễn dài của nghệ thuật sân khấu cải lương. Dùng cho chương trình báo cáo tốt nghiệp khóa học  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện các vai diễn trên sân khấu Cải lương. | 10 | Kỳ học: học kỳ 2 năm 4  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 50 tiết  - Thực hành: 95 tiết  - Thi: 5 tiết |  |

**Chuyên ngành: Diễn viên Chèo**

1. **Kiến thức giáo dục đại cương**

* **Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc (22 môn như chuyên ngành DV Cải lương)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. **Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**  * **Kiến thức cơ sở ngành** | | | | | |
| 1 | Âm nhạc cơ bản 1 | **1. Về kiến thức:** Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về âm nhạc bẩy cung, nghê và phân tích, xướng âm được một số bản nhạc đơn giản. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kĩ năng:** Kết thúc môn học, sinh viên có thể nghe, đọc và nhận biết các ký hiệu cơ bản của một bản nhạc như: cao độ, tiết tấu, điệu thức, giọng, quãng…nâng cao khả năng cảm nhận âm nhạc, phân biệt được một số thể loại âm nhạc chính, xướng âm một số đoạn nhạc, bản nhạc đơn giản.  **3. Về thái độ:** Qua học phần Âm nhạc đại cương, sinh viên ý thức đựơc vai trò và những đóng góp của âm nhạc trong cuộc sống cũng như trong các lĩnh vực hoạt động nghệ thuật chuyên ngành mình đang theo học. | 4 | Kỳ học: học kỳ I năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 30 tiết  - Thực hành: 30 tiết. | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 2 | Âm nhạc cơ bản 2 | **1. Về kiến thức:** Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về cung, quãng trong âm nhạc bẩy cung, nghê và phân tích, xướng âm được một số bản nhạc phức tạp, các giọng đọc khác nhau. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kĩ năng:** Kết thúc môn học, sinh viên có thể nghe, đọc và nhận biết cấu trúc của một bản nhạc như: cao độ, tiết tấu, điệu thức, giọng, quãng…nâng cao khả năng cảm nhận âm nhạc, phân biệt được một số thể loại âm nhạc chính, xướng âm một số bản nhạc.  **3. Về thái độ:** Qua học phần Âm nhạc đại cương, sinh viên ý thức đựơc vai trò và những đóng góp của âm nhạc trong cuộc sống cũng như trong các lĩnh vực hoạt động nghệ thuật chuyên ngành mình đang theo học. | 3 | Kỳ học: học kỳ II năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 20 tiết  - Thực hành: 20 tiết xem phim tư liệu  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 3 | Hóa trang Chèo | **1. Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên kiến thức có tính hệ thống cơ bản về hóa trang của nghệ thuật sân khấu Chèo, các loại hình nhân vật và những đặc điểm hóa trang để tạo hình nên nhân vật. Kỹ thuật kẻ vẽ hoa trang mặt, làm đầu tóc, phục trang tạo hình cho các loại hình nhân vật Chèo. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về tiêu kĩ năng**: Hóa trang, kẻ vẽ mặt, làm đầu tóc, mặc trang phục tạo hình các loại nhân vật.  **3. Về thái độ:** Sinh viên có ý thức yêu thích, tìm hiểu về nghệ thuật hóa trang sân khấu. | 4 | Kỳ học: học kỳ 6 năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 20 tiết  - Thực hành: 35 tiết xem phim tư liệu  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 4 | Giải phóng hình thể | **1. Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về giải phóng hình thể của người diễn viên, thực hành các bài tập giải phóng hình thể và vận dụng trong thực tế sân khấu chèo. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kỹ năng:** Sinh viên nắm được kĩ thuật giải phóng hình thể của người diễn viên vận dụng trong thực tế biểu diễn.  **3. Về thái độ:** Sinh viên có ý thức về hình thể và vận dụng hình thể trong sân khấu và thực tế cuộc sống. | 3 | Kỳ học: học kỳ I năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 10 tiết  - Thực hành: 30 tiết  - THi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 5 | Phân tích tác phẩm KHDT | **1. Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên kiến thức về một tác phẩm Kịch hát dân tộc, những cách tiếp cận để viết bài phân tích một tác phẩm thông qua các thành tố cấu thành. Những kiến thức về các tác phẩm chuyên ngành trong sân khấu Kịch hát dân tộc để từ đó phân tích và xây dựng nhân vật trong quá trình sáng tạo của lính vực chuyên ngành. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kỹ năng:** Sinh viên luyện tập kĩ năng phân tích một tác phẩm KHDT cũng như một tác phẩm chuyên ngành mình theo phục vụ cho kỹ năng sáng tạo chuyên môn sâu.  **3. Về thái độ:** Sinh veei yêu thích lĩnh vực sân khấu KHDT hơn và kịch thích sự tìm hiểu sáng tạo. | 3 | Kỳ học: học kỳ 7 năm 4  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 30 tiết  - Thực hành: 10 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 6 | Tâm lý học | **Về kiến thức:** Môn học Tâm lý học đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:** Thông qua những kiến thức cơ bản của Tâm lý học, sinh viên có những hiểu biết nhất định về tâm lý con người để vận dụng trong công tác hoạt động nghệ thuật sau này.  **Về thái độ:** Xây dựng thái độ đúng đắn với hoạt động sáng tạo nghệ thuật. | 3 | Kỳ học: học kỳ VII năm 4  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 35 tiết  - Thi vấn đáp hết môn: 5 tiết  - Khác: Bài tập ở nhà: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 7 | Tiếng nói sân khấu Chèo | **1. Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tiếng nói trong nghệ thuật sân khấu chèo, thực hành các bài tập về tiếng nói sân khấu, tiếng nói trong sân khấu chèo từ đó vận dụng trong thực tế sân khấu chèo. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kỹ năng:** Sinh viên nắm được kĩ thuật thể hiện tiếng nói của người diễn viên chèo từ đó vận dụng trong thực tế biểu diễn.  **3. Về thái độ:** Sinh viên có ý thức về hình thể và vận dụng hình thể trong sân khấu và thực tế cuộc sống. | 3 | Kỳ học: học kỳ I năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 10 tiết  - Thực hành: 30 tiết  - THi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| * **Kiến thức ngành** | | | | | |
| 1 | Hát chèo 1 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về luyện hơi, luyện giọng và cấu trúc hệ thống làn điệu Hát tính chất vui lạc quan của nghệ thuật sân khấu Chèo. Kỹ thuật hát, luyến láy, ngân vuốt, trường độ cao độ của hệ thống các làn điệu hát sắp. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật luyện hơi, luyện giọng cuae nghệ thuật chèo, Kỹ thuật hát hệ thống các làn điệu hát sắp, Hát tính chất vui lạc quan của nghệ thuật sân khấu chèo.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện ca hát Chèo. | 6 | Kỳ học: học kỳ I năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 15 tiết  - Thực hành: 70 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 2 | Hát chèo 2 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về luyện hơi, luyện giọng và cấu trúc hệ thống làn điệu trữ tính, ngợi ca sử dụng cho các nhân vật mẫu của nghệ thuật sân khấu Chèo. Kỹ thuật hát, luyến láy, ngân vuốt, trường độ, cao độ của hệ thống các làn điệu cơ tính chất chữ tình, ngợi ca. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật luyện hơi, luyện giọng của nghệ thuật chèo, Kỹ thuật hát hệ thống các làn điệu hát trữ tính, ngợi ca của nghệ thuật sân khấu chèo.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện ca hát Chèo. | 6 | Kỳ học: học kỳ 2 năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 15 tiết  - Thực hành: 70 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 3 | Hát chèo 3 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về luyện hơi, luyện giọng và cấu trúc hệ thống làn điệu trữ tình tâm trạng của nghệ thuật sân khấu Chèo. Kỹ thuật hát, luyến láy, ngân vuốt, trường độ cao độ của hệ thống các làn điệu hát sắp. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật luyện hơi, luyện giọng và kỹ thuật thể hiện các làn điệu trữ tình tâm trạng của nghệ thuật chèo.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện chèo hát chèo. | 5 | Kỳ học: học kỳ I năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 10 tiết  - Thực hành: 60 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 4 | Hát chèo 4 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về luyện hơi, luyện giọng và cấu trúc hệ thống làn điệu cho các vai hề và ngâm vịnh vỉa của nghệ thuật sân khấu Chèo. Kỹ thuật hát, luyến láy, ngân vuốt, trường độ, cao độ của hệ thống các làn cho các vai hề và ngâm, vịnh, vỉa. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật luyện hơi, luyện giọng và kỹ thuật hát hệ thống làn điệu cho các vai hề và ngâm, vịnh, vỉa nghệ thuật chèo, Kỹ thuật hát, ngâm vịnh, vỉa của nghệ thuật sân khấu chèo.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện hát Chèo. | 5 | Kỳ học: học kỳ 2 năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 10 tiết  - Thực hành: 60 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 5 | Hát chèo 5 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về luyện hơi, luyện giọng và cấu trúc hệ thống làn điệu trữ tình tâm trạng của nghệ thuật sân khấu Chèo. Kỹ thuật hát, luyến láy, ngân vuốt, trường độ cao độ của hệ thống các làn điệu trữ tình tâm trạng sâu lắng. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật luyện hơi, luyện giọng của nghệ thuật chèo, Kỹ thuật, kỹ năng hát hệ thống các làn điệu trữ tình tâm trạng sâu lắng của nghệ thuật sân khấu chèo.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện hát Chèo. | 6 | Kỳ học: học kỳ I năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 10 tiết  - Thực hành: 60 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 5 | Hát chèo 6 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về kỹ thuật hát nâng cao và một số làn biệu bài bản cải biên của nghệ thuật sân khấu Chèo. Kỹ thuật hát, luyến láy, ngân vuốt, trường độ cao độ của hệ thống các bài bản cải biên của nghệ thuật chèo. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật nâng cao của nghệ thuật chèo, Kỹ thuật, kỹ năng hát hệ thống các làn điệu và các bài bản cải biên của nghệ thuật sân khấu chèo.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện hát Chèo. | 5 | Kỳ học: học kỳ 2 năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 10 tiết  - Thực hành: 60 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 6 | Múa chèo 1 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về múa chèo, các tư thê và động tác cơ bản của múa chèo. Kỹ thuật thực hiện, vận dụng các tư thế, động tác cơ bản của múa chèo. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật luyện các tư thế, động tác cơ bản, kỹ thuật thực hiện, vân dụng trên sân khấu của nghệ thuật sân khấu chèo.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện vũ đạo hình thể trên sân khấu Chèo. | 3 | Kỳ học: học kỳ I năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 10 tiết  - Thực hành: 30 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 7 | Múa chèo 2 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về múa chèo, các phương thức phối hợp tư thê và động tác của múa chèo. Kỹ thuật thực hiện, vận dụng phối hợp tư thế, động tác của múa chèo. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật luyện các động tác phối hợp tư thế, động tác, kỹ thuật thực hiện, vân dụng trên sân khấu của nghệ thuật sân khấu chèo.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện vũ đạo hình thể trên sân khấu Chèo. | 3 | Kỳ học: học kỳ 2 năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 10 tiết  - Thực hành: 30 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 8 | Múa chèo 3 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về múa chèo, các tổ hợp của múa chèo. Kỹ thuật thực hiện, vận dụng các tổ hợp của múa chèo. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật luyện các động tác trong các tổ hợp, kỹ thuật thực hiện, vân dụng trên sân khấu của nghệ thuật sân khấu chèo.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện vũ đạo hình thể trên sân khấu Chèo. | 3 | Kỳ học: học kỳ 1 năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 10 tiết  - Thực hành: 30 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 9 | Múa chèo 4 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về múa chèo, các tổ hợp múa phối hợp có nội dung của múa chèo. Kỹ thuật thực hiện, vận dụng phối hợp tư thế, động tác của múa chèo. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật luyện các động tác múa phối hợp có nội dung, kỹ thuật thực hiện, vân dụng trên sân khấu của nghệ thuật sân khấu chèo.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện vũ đạo hình thể trên sân khấu Chèo. | 4 | Kỳ học: học kỳ 2 năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 10 tiết  - Thực hành: 45 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 10 | Múa chèo 5 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật tổng hợp và vận dụng trong múa chèo, các phương thức phối hợp tống hợp và vận dụng vào xây dựng nhân vật của múa chèo. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật luyện các động tác phối hợp tổng hợp, kỹ thuật thực hiện, vận dụng trên sân khấu của nghệ thuật sân khấu chèo.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện vũ đạo hình thể trên sân khấu Chèo. | 4 | Kỳ học: học kỳ 1 năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 10 tiết  - Thực hành: 45 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 11 | Kỹ thuật diễn chèo 1 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về lao động sáng tạo cảu nghệ sỹ. Kỹ thuật diễn cơ bản, những yêu cầu cơ bản của người diễn viên nghệ thuật sân khấu Chèo. Kỹ thuật thực hiện, vận dụng các yêu cầu cơ bản của người diễn viên nghệ thuật chèo. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật biểu diễn diễn cơ bản sân khấu vận dụng, thể hiện được các kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu của người diễn viên chèo thông qua tiểu phẩm sân khấu tổng hợp.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện các vai diễn trên sân khấu Chèo. | 3 | Kỳ học: học kỳ I năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 10 tiết  - Thực hành: 30 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 12 | Kỹ thuật diễn chèo 2 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về động tác tring chèo lao . Kỹ thuật diễn cơ bản về các loại động tác trong chèo. Kỹ thuật thực hiện, vận dụng các loại động tác của người diễn viên nghệ thuật chèo. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật biểu diễn của các loại động tác cơ bản trong chèo, vận dụng, thể hiện được các loại động tác thông qua tiểu phẩm động tác hư trong chèo.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện các vai diễn trên sân khấu Chèo. | 3 | Kỳ học: học kỳ 2 năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 10 tiết  - Thực hành: 30 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 13 | Kỹ thuật diễn chèo 3 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật diễn một đoạn diễn và kỹ thuật thể hiện nhân vật cổ , dân gian của người diễn viên nghệ thuật sân khấu Chèo. Kỹ thuật thực hiện, vận dụng các yêu cầu cơ bản của người diễn viên nghệ thuật chèo. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật biểu diễn một đoạn diễn, một số loại nhân vật cổ và dân gian thông quá các đoạn trích, lớp diễn chèo.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện các vai diễn trên sân khấu Chèo. | 3 | Kỳ học: học kỳ 1 năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 10 tiết  - Thực hành: 30 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 14 | Kỹ thuật diễn c hèo 4 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và phương thức, kỹ thuật diễn một nhân vật lịch sử và hiện đại của người diễn viên nghệ thuật sân khấu Chèo. Kỹ thuật thực hiện, vận dụng sáng tạo xây dựng một nhân vật lịch sử, hiện đại. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững và thể hiện kỹ năng, kỹ thuật biểu diễn một nhân vật lịch sử, hiện đại thông qua các đoạn trích, lớp diễn chèo.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện các vai diễn trên sân khấu Chèo. | 3 | Kỳ học: học kỳ 1 năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 10 tiết  - Thực hành: 30 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 15 | Kỹ thuật diễn vai mẫu chèo 1 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về xây dựng nhân vật thư sinh, nữ chin lão say của nghệ thuật sân khấu Cải lương. Kỹ thuật thực hiện, vận dụng hát, múa diễn trong quá trình xây dựng thể hiện biểu diễn nhân vật thư sinh, nữ chin, lão say thông qua trích đoạn Vu quy của chèo cổ Quan Âm Thị Kính. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật biểu diễn cơ bản khi xây dựng nhân vật nữ chin, lão say, thư sinh, thể hiện được các kỹ năng đó thông qua các trích đoạn.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện các vai diễn trên sân khấu Chèo. | 8 | Kỳ học: học kỳ 1 năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 30 tiết  - Thực hành: 85 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 16 | Kỹ thuật diễn vai mẫu chèo 2 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về xây dựng nhân vật nữ lệch, hề áo dài, hề áo ngắn của nghệ thuật sân khấu Cải lương. Kỹ thuật thực hiện, vận dụng hát, múa diễn trong quá trình xây dựng thể hiện biểu diễn nhân vật nữ lệch, hề áo dài, hề áo ngắn thông qua trích đoạn Thị Mầu lên chùa và Lý trưởng mẹ mõ của chèo cổ Quan Âm Thị Kính. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật biểu diễn cơ bản khi xây dựng nhân vật nữ lệch, hề óa dài, hề áo ngắn, thể hiện được các kỹ năng đó thông qua các trích đoạn.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện các vai diễn trên sân khấu Chèo. | 8 | Kỳ học: học kỳ 2 năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 30 tiết  - Thực hành: 85 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi |
| 17 | Kỹ thuật diễn vai mẫu chèo 3 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về xây dựng nhân vật nữ pha, hề tính cách, nữ lệch của nghệ thuật sân khấu Chèo. Kỹ thuật thực hiện, vận dụng hát, múa diễn trong quá trình xây dựng thể hiện biểu diễn nhân vật nữ lệch, nữ pha, hề tính cách thông qua trích đoạn Tuần Ty – Đào Huế của chèo cổ Chu Mãi Thần. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật biểu diễn cơ bản khi xây dựng nhân vật nữ pha, hề tính cách, nữ lệch, thể hiện được các kỹ năng đó thông qua các trích đoạn.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện các vai diễn trên sân khấu Chèo. | 8 | Kỳ học: học kỳ 1 năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 30 tiết  - Thực hành: 85 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi |
| 18 | Kỹ thuật diễn vai mẫu chèo 4 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về xây dựng nhân vật hề áo dài, nữ lệch của nghệ thuật sân khấu Chèo. Kỹ thuật thực hiện, vận dụng hát, múa diễn trong quá trình xây dựng thể hiện biểu diễn nhân vật nữ lệch hề áo dài thông qua trích đoạn Xúy Vân – Phù Thủy của chèo cổ Kim Nham. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật biểu diễn cơ bản khi xây dựng nhân vật hề áo dài, nữ lệch, thể hiện được các kỹ năng đó thông qua các trích đoạn.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện các vai diễn trên sân khấu Chèo. | 8 | Kỳ học: học kỳ 1 năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 30 tiết  - Thực hành: 85 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi |
| 19 | Kỹ thuật diễn vai mẫu chèo 5 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về sáng tạo hình tượng, xây dựng nhân vật mẫu hề áo dài, nữ lệch, nữ chin, nưx pha, hề áo ngắn… của nghệ thuật sân khấu Chèo. Kỹ thuật thực hiện, vận dụng hát, múa diễn trong quá trình xây dựng thể hiện biểu diễn các vai mẫu thông qua trích đoạn. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật biểu diễn cơ bản khi sáng tạo các loại nhân vật mẫu trong chèo, thể hiện được các kỹ năng đó thông qua các trích đoạn.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện các vai diễn trên sân khấu Chèo. | 8 | Kỳ học: học kỳ 1 năm 4  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 30 tiết  - Thực hành: 85 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi |
| 20 | Nghệ thuật Lồng điệu chèo | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về phương pháp phổ thơ, lồng điệu và cấu trúc hệ thống làn điệu hát chèo. Kỹ thuật phổ thơ, bẻ làn nắn điệu, lồng diệu các làn điệu chèo. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật phổ thơ, lồng điệu của nghệ thuật chèo.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện ca hát Chèo, biểu diễn nhân vật vật chèo. | 4 | Kỳ học: học kỳ 2 năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 20 tiết  - Thực hành: 35 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi |
| 21 | Kỹ thuật diễn vai mẫu chèo 6 (Dành cho chương trình tốt nghiệp) | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật tổng hợp về Kỹ thuật xây dựng, thể hiện nhân vật trong một vở diễn dài của nghệ thuật sân khấu Chèo. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên thể hiện kỹ năng sáng tạo biểu diễn tống hợp của mình thông qua một hoặc hai nhân vật trong một vở diễn dài của nghệ thuật sân khấu chèo. Dùng cho chương trình báo cáo tốt nghiệp khóa học  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện các vai diễn trên sân khấu Chèo. | 10 | Kỳ học: học kỳ 2 năm 4  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 50 tiết  - Thực hành: 95 tiết  - Thi: 5 tiết |  |

**Chuyên ngành: Diễn viên Rối**

1. **Kiến thức giáo dục đại cương**

* **Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc (22 môn như chuyên ngành DV Cải lương, DV Chèo)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. **Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**  * **Kiến thức cơ sở ngành** | | | | | |
| 1 | Âm nhạc cơ bản 1 | **1. Về kiến thức:** Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về âm nhạc bẩy cung, nghê và phân tích, xướng âm được một số bản nhạc đơn giản. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kĩ năng:** Kết thúc môn học, sinh viên có thể nghe, đọc và nhận biết các ký hiệu cơ bản của một bản nhạc như: cao độ, tiết tấu, điệu thức, giọng, quãng…nâng cao khả năng cảm nhận âm nhạc, phân biệt được một số thể loại âm nhạc chính, xướng âm một số đoạn nhạc, bản nhạc đơn giản.  **3. Về thái độ:** Qua học phần Âm nhạc đại cương, sinh viên ý thức đựơc vai trò và những đóng góp của âm nhạc trong cuộc sống cũng như trong các lĩnh vực hoạt động nghệ thuật chuyên ngành mình đang theo học. | 4 | Kỳ học: học kỳ I năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 30 tiết  - Thực hành: 30 tiết. | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 2 | Âm nhạc cơ bản 2 | **1. Về kiến thức:** Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về cung, quãng trong âm nhạc bẩy cung, nghê và phân tích, xướng âm được một số bản nhạc phức tạp, các giọng đọc khác nhau. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kĩ năng:** Kết thúc môn học, sinh viên có thể nghe, đọc và nhận biết cấu trúc của một bản nhạc như: cao độ, tiết tấu, điệu thức, giọng, quãng…nâng cao khả năng cảm nhận âm nhạc, phân biệt được một số thể loại âm nhạc chính, xướng âm một số bản nhạc.  **3. Về thái độ:** Qua học phần Âm nhạc đại cương, sinh viên ý thức đựơc vai trò và những đóng góp của âm nhạc trong cuộc sống cũng như trong các lĩnh vực hoạt động nghệ thuật chuyên ngành mình đang theo học. | 3 | Kỳ học: học kỳ II năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 20 tiết  - Thực hành: 20 tiết xem phim tư liệu  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 3 | Hóa trang Rối | **1. Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên kiến thức có tính hệ thống cơ bản về hóa trang của nghệ thuật sân khấu Rối, các loại hình nhân vật và những đặc điểm hóa trang để tạo hình nên nhân vật. Kỹ thuật kẻ vẽ hoa trang mặt, làm đầu tóc, phục trang tạo hình cho các loại hình nhân vật Cải lương. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về tiêu kĩ năng**: Hóa trang, kẻ vẽ mặt, làm đầu tóc, mặc trang phục tạo hình các loại nhân vật.  **3. Về thái độ:** Sinh viên có ý thức yêu thích, tìm hiểu về nghệ thuật hóa trang sân khấu. | 4 | Kỳ học: học kỳ 6 năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 20 tiết  - Thực hành: 35 tiết xem phim tư liệu  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 4 | Giải phóng hình thể | **1. Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về giải phóng hình thể của người diễn viên, thực hành các bài tập giải phóng hình thể và vận dụng trong thực tế sân khấu cải lương. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kỹ năng:** Sinh viên nắm được kĩ thuật giải phóng hình thể của người diễn viên vận dụng trong thực tế biểu diễn.  **3. Về thái độ:** Sinh viên có ý thức về hình thể và vận dụng hình thể trong sân khấu và thực tế cuộc sống. | 3 | Kỳ học: học kỳ I năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 10 tiết  - Thực hành: 30 tiết  - THi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 5 | Phân tích tác phẩm KHDT | **1. Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên kiến thức về một tác phẩm Kịch hát dân tộc, những cách tiếp cận để viết bài phân tích một tác phẩm thông qua các thành tố cấu thành. Những kiến thức về các tác phẩm chuyên ngành trong sân khấu Kịch hát dân tộc để từ đó phân tích và xây dựng nhân vật trong quá trình sáng tạo của lính vực chuyên ngành. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kỹ năng:** Sinh viên luyện tập kĩ năng phân tích một tác phẩm KHDT cũng như một tác phẩm chuyên ngành mình theo phục vụ cho kỹ năng sáng tạo chuyên môn sâu.  **3. Về thái độ:** Sinh veei yêu thích lĩnh vực sân khấu KHDT hơn và kịch thích sự tìm hiểu sáng tạo. | 3 | Kỳ học: học kỳ 7 năm 4  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 30 tiết  - Thực hành: 10 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 6 | Tâm lý học | **Về kiến thức:** Môn học Tâm lý học đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:** Thông qua những kiến thức cơ bản của Tâm lý học, sinh viên có những hiểu biết nhất định về tâm lý con người để vận dụng trong công tác hoạt động nghệ thuật sau này.  **Về thái độ:** Xây dựng thái độ đúng đắn với hoạt động sáng tạo nghệ thuật. | 3 | Kỳ học: học kỳ VII năm 4  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 35 tiết  - Thi vấn đáp hết môn: 5 tiết  - Khác: Bài tập ở nhà: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 7 | Đặc trưng sân khấu rối | **Về kiến thức:** Môn học cung caaos cho sinh viên kiến thức chung về đặc trưng của nghệ thuật sân khấu rối. nguồn gốc ra đời và các giai đoạn phát triển của các hình thức sân khấu rối ở thế giwois và Việt Nam. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **Về kỹ năng:** Thông qua những kiến thức cơ bản của môn học, sinh viên có những hiểu biết nhất định về đặc trưng sân khấu Rối để vận dụng trong công tác hoạt động nghệ thuật sau này.  **Về thái độ:** Xây dựng thái độ đúng đắn với hoạt động sáng tạo nghệ thuật. | 2 | Kỳ học: học kỳ 1 năm 2  Thời gian:9 tuần  phân bổ số tiết  - Lên lớp: 25 tiết  - Thi vấn đáp hết môn: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 8 | Nghệ thuật tạo hình sân khấu rối | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về tạo hình cho sân khấu rối. Kỹ thuật tạo hình con rối cơ bản. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật tạo hình con rối và tạo hình cho sân khấu rối.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện trong sân khấu rối. |  |  |  |
| 9 | Kỹ thuật hát 1 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về luyện hơi, luyện giọng và cấu trúc hệ thống một số bài hát dân ca và hát chèo. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật luyện hơi, luyện giọng hát dân ca, Kỹ thuật ca hát hệ thống các bài dân ca bắc bộ và hát chèo..  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện ca hát dân ca. |  |  |  |
| 10 | Kỹ thuật hát 2 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về luyện hơi, luyện giọng và cấu trúc hệ thống một số bài dân ca miền trung và nam bộ. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật luyện hơi, luyện giọng, Kỹ thuật ca hát hệ thống các bài lý và các bài bản nhỏ của nghệ thuật sân khấu cải lương.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện ca hát Dân ca. |  |  |  |
| 1. **Kiến thức ngành** | | | | | |
| 1 | Kỹ thuật rối que 1 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về rối que và cấu trúc hệ thống con rối que và các thức diều khiển cơ bản sử dụng Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật cơ bản điều khiển con rối que..  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện ca hát Cải lương. | 4 | Kỳ học: học kỳ I năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 20 tiết  - Thực hành: 35 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 2 | Kỹ thuật rối que 2 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về rối que và cấu trúc hệ thống con rối que và các thức diều khiển cơ bản sử dụng Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật cơ bản điều khiển con rối que..  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện ca hát Cải lương. | 4 | Kỳ học: học kỳ 2 năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 20 tiết  - Thực hành: 35 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 3 | Kỹ thuật rối que 3 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật điều khiển về rối que theo phong cách kịch hát dân tộc. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật cơ bản điều khiển con rối que.theo phong cách sân khấu Kịch hát dân tộc..  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện trong nghệ thuật sân khấu Rối | 5 | Kỳ học: học kỳ I năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 20 tiết  - Thực hành: 50 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 4 | Kỹ thuật rối que 4 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật điều khiển về rối que trong các trích đoạn mang phong cách nước ngoài. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật cơ bản điều khiển con rối que trong các trích đoạn theo phong cách nước ngoài nước ngoài..  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện nghệ thuật rối que. | 5 | Kỳ học: học kỳ 2 năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 20 tiết  - Thực hành: 35 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 5 | Vũ đạo sân khấu 1 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về Vũ đạo, múa dân gian và múa chèo. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật luyện hình thể, vũ đạo. Kỹ thuật thực hiện vũ đạo,hình thể, múa dân gian và múa chèo.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện vũ đạo hình thể trên sân khấu. | 7 | Kỳ học: học kỳ 2 năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 20 tiết  - Thực hành: 75 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 6 | Vũ đạo sân khấu 2 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về Vũ đạo, hình thể, múa theo sân khấu KHTT. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật luyện hình thể, vũ đạo, múa của sân khấu KHTT từ đó thể hiện kỹ thuật trên sân khấu của nghệ thuật sân khấu Rối.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện vũ đạo hình thể trên sân khấu Rối. | 4 | Kỳ học: học kỳ 1 năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 15 tiết  - Thực hành: 50 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 7 | Vũ đạo sân khấu 3 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về Vũ đạo, hình thể, múa hiện đại, đương đại. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật vận dụng, thể hiện hình thể vũ đạo, múa Hiện đại đương đại..  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện vũ đạo hình thể trên sân khấu Rối. | 3 | Kỳ học: học kỳ 2 năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 10 tiết  - Thực hành: 30 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 9 | Tiếng nói 1 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về tiếng nói sân khấu thông qua các bài tập và tiểu phẩm. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật, phát âm cơ bản theo yêu cầu sân khấu. Kỹ thuật thực hiện một số bài tập trong tiểu phẩm sân khấu.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện trên sân khấu Rối. | 3 | Kỳ học: học kỳ 1 năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 15 tiết  - Thực hành: 25 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 10 | Tiếng nói 2 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về tiếng nói cho nghệ thuật sân khấu rối. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật luyện tiếng nói theo yêu cầu sân khấu rối, Kỹ thuật thực hiện tiếng nói thông qua các nhân vật trong tiru phẩm của chuyên ngành rối.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiệm trên sân khấu Rối. | 7 | Kỳ học: học kỳ 1 năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 20 tiết  - Thực hành: 80 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 11 | Kỹ thuật diễn sân khấu 1 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về Kỹ thuật diễn sân khấu, những yêu cầu cơ bản của người diễn viên nghệ thuật sân khấu Rối. Kỹ thuật thực hiện, vận dụng các đơn nguyên, hành đông, mâu thuẫn xung đột trong tiểu phẩm sân khấu. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật biểu diễn diễn cơ bản sân khấu vận dụng, thể hiện được các kỹ năng thông qua tiểu phẩm sân khấu tổng hợp.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện các vai diễn trên sân khấu Rối. | 4 | Kỳ học: học kỳ I năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 10 tiết  - Thực hành: 45 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 12 | Kỹ thuật diễn sân khấu 2 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật nâng cao, tổng hợp về sân khấu. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật biểu diễn diễn nâng cao về sân khấu. từ đó vận dụng, thể hiện được các kỹ năng thông qua tiểu phẩm tổng hợp có.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện các vai diễn trên sân khấu rối. | 4 | Kỳ học: học kỳ 2 năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 10 tiết  - Thực hành: 45 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 13 | Kỹ thuật diễn sân khấu 3 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về Kỹ thuật tổng hợp về sân khấu KHDT,phối hợp ba thành phần ca hát, vũ đạo, ký thuật diễn trong xây dựng nhân vật của nghệ thuật sân khấu kịch hát dân tộc. Kỹ thuật thực hiện, vận dụng vũ đạo, hình thể, kỹ thuật diễn, ca hát, hành động, mâu thuẫn xung đột thông qua tiểu phẩm trích đoạn theo phong cách sân khấu KHDT. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật biểu diễn diễn cơ bản của sân khấu KHDT từ đó vận dụng, thể hiện được các kỹ năng xây dựng nhân vật thông qua tiểu phẩm, đoạn trích, trích đoạn mang mầu sắc sân khấu KHDT.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện các vai diễn trên sân khấu Rối. | 6 | Kỳ học: học kỳ 2 năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 15 tiết  - Thực hành: 70 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 14 | Kỹ thuật biểu diễn rối tay 1 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về điều khiển rối tay cảu nghệ thuật múa rối. Kỹ thuật thực hiện, vận dụng điều khiển rối tay cơ bản. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật cơ bản về rối tay từ đó thể hiện được các kỹ năng thông qua các bài tập, tiểu phẩm tổng hợp.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện trên sân khấu rối. | 4 | Kỳ học: học kỳ 2 năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 10 tiết  - Thực hành: 45 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 15 | Kỹ thuật biểu diễn rối tay 2 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật về điều khiển rối tay của tiết mục KaLinCa nghệ. Kỹ thuật thực hiện, vận dụng điều khiển rối tay cho nhân vật Kalinca với âm nhạc trong tiết mục. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật cơ bản về rối tay từ đó thể hiện được các kỹ năng thông qua các động tác đội hình nhân vật trong tiết mục múa Kalinca.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện trên sân khấu rối. | 4 | Kỳ học: học kỳ 1 năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 10 tiết  - Thực hành: 45 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 16 | Kỹ thuật biểu diễn rối tay 3 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật về điều khiển rối tay trong tiết mục múa rối Thiên nga. Kỹ thuật thực hiện, vận dụng điều khiển rối tay tring tiết mục. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật về rối tay từ đó thể hiện được các kỹ năng thông qua tiết mục múa rối Thiên nga.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện trên sân khấu rối. | 4 | Kỳ học: học kỳ 1 năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 10 tiết  - Thực hành: 45 tiết  - Thi: 5 tiết |  |
| 17 | Kỹ thuật rối nước 1. | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về rối nước. Kỹ thuật thực hiện, vận dụng điều khiển rối nước cơ bản. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật cơ bản điều khiển rối nước.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện các vai diễn trên sân khấu Rối. | 5 | Kỳ học: học kỳ I năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 10 tiết  - Thực hành: 60 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 17 | Kỹ thuật rối nước 2. | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về rối nước. Kỹ thuật thực hiện, vận dụng điều khiển rối nước cơ bản trong các tiết mục đơn giản. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật cơ bản điều khiển rối nước thể hiện điều khiển nhân vật trong các tiết mục đơn giản.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện các vai diễn trên sân khấu Rối. | 5 | Kỳ học: học kỳ 2 năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 10 tiết  - Thực hành: 60 tiết  - Thi: 5 tiết |  |
| 18 | Kỹ thuật rối nước 3. | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật nâng cao về rối nước. Kỹ thuật thực hiện, vận dụng điều khiển rối nước trong các tiết mục tiêu biểu. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật nâng cao điều khiển rối nước thông qua các tiết mục tiêu biểu.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện các vai diễn trên sân khấu Rối. | 5 | Kỳ học: học kỳ I năm 4  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 10 tiết  - Thực hành: 60 tiết  - Thi: 5 tiết |  |
| 19 | Kỹ thuật biểu diễn rối tổng hợp | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật nâng cao về các hình thức rối tổng hợp. Kỹ thuật thực hiện, vận dụng điều khiển rối dây, rối mặt nạ, rối bóng và một số hình thức rối khác có ở Việt Nam. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật nâng cao điều khiển một số thể loại rối có ở Việt Nam.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện các vai diễn trên sân khấu Rối. | 8 | Kỳ học: học kỳ I năm 4  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 30 tiết  - Thực hành: 85 tiết  - Thi: 5 tiết |  |
| 20 | Kỹ thuật biểu diễn rối tốt nghiệp | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật nâng cao, kỹ năng kỹ xảo tổng hợp các hình thức biểu diễn rối về. Kỹ thuật thực hiện, vận dụng điều khiển rối trong chương trình vở diễn tốt dài tốt nghiệp. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật nâng cao, kỹ năng kỹ xảo điều khiển các hình thức thông qua các chương trình, vở diễn dài.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện các vai diễn trên sân khấu Rối. | 5 | Kỳ học: học kỳ I năm 4  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 10 tiết  - Thực hành: 60 tiết  - Thi: 5 tiết |  |

**Chuyên ngành: Nhạc công Kịch hát dân tộc**

1. **Kiến thức giáo dục đại cương**

* **Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc học (22 môn như chuyên ngành DV Cải lương, DV Chèo, DV Rối)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. **Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**  * **Kiến thức cơ sở ngành** | | | | | |
| 1 | Ký xướng âm 1 | **1. Về kiến thức:** Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về âm nhạc bẩy cung, nghe và phân tích, ký xướng âm được một số bản nhạc đơn giản. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kĩ năng:** Kết thúc môn học, sinh viên có thể nghe, đọc và nhận biết các ký hiệu cơ bản của một bản nhạc như: cao độ, tiết tấu, điệu thức, giọng, quãng…nâng cao khả năng cảm nhận âm nhạc, phân biệt được một số thể loại âm nhạc chính, xướng âm, ghi âm một số đoạn nhạc, bản nhạc.  **3. Về thái độ:** Qua học phần Âm nhạc đại cương, sinh viên ý thức đựơc vai trò và những đóng góp của âm nhạc trong cuộc sống cũng như trong các lĩnh vực hoạt động nghệ thuật chuyên ngành mình đang theo học. | 4 | Kỳ học: học kỳ I năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 30 tiết  - Thực hành: 30 tiết. | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 2 | Ký xướng âm 2 | **1. Về kiến thức:** Sinh viên nắm được các kiến thức về âm nhạc bẩy cung, nghe và phân tích, ký xướng âm được một số bản nhạc phức tạp. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kĩ năng:** Kết thúc môn học, sinh viên có thể nghe, đọc và nhận biết các ký hiệu cơ bản của một bản nhạc như: cao độ, tiết tấu, điệu thức, giọng, quãng…nâng cao khả năng cảm nhận âm nhạc, phân biệt được một số thể loại âm nhạc chính, xướng âm, ghi âm một số đoạn nhạc, bản nhạc phức tạp.  **3. Về thái độ:** sinh viên ý thức đựơc vai trò và những đóng góp của âm nhạc trong cuộc sống cũng như trong các lĩnh vực hoạt động nghệ thuật chuyên ngành mình đang theo học. | 4 | Kỳ học: học kỳ I năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 30 tiết  - Thực hành: 30 tiết. | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
|  | Ký xướng âm 3 | **1. Về kiến thức:** Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về âm nhạc bẩy cung, nghe và phân tích, tự gi âm, xướng âm được một số bản nhạc châu âu và dân ca Việt Nam. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kĩ năng:** Kết thúc môn học, sinh viên có thể nghe, đọc và nhận biết các cấu trúc bản nhạc như: cao độ, tiết tấu, điệu thức, giọng, quãng…nâng cao khả năng cảm nhận âm nhạc, phân biệt được một số thể loại âm nhạc chính, độc lập tự xướng âm, ghi âm một số đoạn nhạc, bản nhạc.  **3. Về thái độ:** sinh viên ý thức đựơc vai trò và những đóng góp của âm nhạc trong cuộc sống cũng như trong các lĩnh vực hoạt động nghệ thuật chuyên ngành mình đang theo học. | 4 | Kỳ học: học kỳ I năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 30 tiết  - Thực hành: 30 tiết. | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
|  | Ký xướng âm 4 | **1. Về kiến thức:** Sinh viên nắm được các kiến thức nâng cao về âm nhạc bẩy cung, nghe và phân tích, ghi âm, xướng âm được một số bản nhạc. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kĩ năng:** Kết thúc môn học, sinh viên có thể tự nghe, đọc và nhận biết cấu trúc của một bản nhạc như: cao độ, tiết tấu, điệu thức, giọng, quãng…nâng cao khả năng cảm nhận âm nhạc, phân biệt được một số thể loại âm nhạc chính, độc lập xướng âm, ghi âm một số đoạn nhạc, bản nhạc.  **3. Về thái độ:** Sinh viên ý thức đựơc vai trò và những đóng góp của âm nhạc trong cuộc sống cũng như trong các lĩnh vực hoạt động nghệ thuật chuyên ngành mình đang theo học. | 4 | Kỳ học: học kỳ I năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp: 30 tiết  - Thực hành: 30 tiết. | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 3 | Phương pháp tòng giai điệu | **1. Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên kiến thức có tính hệ thống cơ bản về phương pháp và các hình thức tòng gia điệu của một bản nhạc, làn điệu chuyên ngành thuộc sân khấu Kịch hát dân tộc. Kỹ thuật tòng giai điệu cho bản nhạc, cho một số hệ thống làn điệu chuyên ngành. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về tiêu kĩ năng**: thực hiện tòng cho hệ thống làn điệu chuyên ngành.  **3. Về thái độ:** Sinh viên có ý thức yêu thích, tự tin thể hiện trong một dàn nhạc, bản nhạc. | 5 | Kỳ học: học kỳ 2 năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 20 tiết  - Thực hành: 50 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 4 | Cấu trúc bài bản truyền thống | **1. Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản cấu trúc của bài bản truyền thống. Kỹ thuật phaan tích, nhận biết thực hiện các hình thức cấu trúc của hệ thống bài bản truyền thống. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kỹ năng:** Sinh viên nắm được các dạng cấu trúc bài bản truyền thống từ đó thực hiện tốt kỹ thuật diễn tấu, hòa tấu, độc tấu nhạc cụ chuyên ngành.  **3. Về thái độ:** Sinh viên có ý thức về hình thể và vận dụng hình thể trong sân khấu và thực tế cuộc sống. | 4 | Kỳ học: học kỳ I năm 4  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 30 tiết  - Thực hành: 25 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 5 | Phân tích tác phẩm âm nhạc | **1. Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên kiến thức về một tác phẩm âm nhạc, những cách tiếp cận để viết bài phân tích một tác phẩm âm nhạc thông qua các thành tố cấu thành. Những kiến thức về các tác phẩm âm nhạc chuyên ngành trong sân khấu Kịch hát dân tộc để từ đó phân tích và xây dựng nhân vật trong quá trình sáng tạo của lính vực chuyên ngành. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  **2. Về kỹ năng:** Sinh viên luyện tập kĩ năng phân tích một tác phẩm âm nhạc cũng như một tác phẩm âm nhạc chuyên ngành mình theo phục vụ cho kỹ năng sáng tạo chuyên môn sâu.  **3. Về thái độ:** Sinh viên yêu thích lĩnh vực sân khấu KHDT hơn và kịch thích sự tìm hiểu sáng tạo. | 4 | Kỳ học: học kỳ 7 năm 4  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 30 tiết  - Thực hành: 25 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 6 | Làn điệu chuyên ngành 1 | **Về kiến thức:**  Môn học đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”. Cung cấp kiến thức về lòng bản và cấu trúc hệ thống làn điệu hát sắp, vui tươi phấn khởi  **Về kỹ năng:** Thông qua những kiến thức cơ bản của thể hiện được lòng bản hệ thống hát sắp vui tươi phân khởi. Vận dụng trong công tác hoạt động nghệ thuật sau này.  **Về thái độ:** Xây dựng thái độ đúng đắn với hoạt động sáng tạo nghệ thuật. | 4 | Kỳ học: học kỳ 1 năm 1  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 15 tiết  - Thực hành: 40  - Thi vấn đáp hết môn: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 7 | Làn điệu chuyên ngành 2 | **Về kiến thức:** Môn học đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”. Cung cấp kiến thức về lòng bản và cấu trúc hệ thống làn điệu hát Trữ tình.  **Về kỹ năng:** Thông qua những kiến thức cơ bản của thể hiện được lòng bản hệ thống hát trữ tình. Vận dụng trong công tác hoạt động nghệ thuật sau này.  **Về thái độ:** Xây dựng thái độ đúng đắn với hoạt động sáng tạo nghệ thuật. | 4 | Kỳ học: học kỳ 2 năm 1  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 15 tiết  - Thực hành: 40  - Thi vấn đáp hết môn: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 8 | Làn điệu chuyên ngành 3 | **Về kiến thức:** Môn học đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”. Cung cấp kiến thức về lòng bản và cấu trúc hệ thống làn điệu hát tính cách tâm trạng.  **Về kỹ năng:** Thông qua những kiến thức cơ bản của môn học, thể hiện được lòng bản hệ thống hát tính cách tâm trạng. Vận dụng trong công tác hoạt động nghệ thuật sau này.  **Về thái độ:** Xây dựng thái độ đúng đắn với hoạt động sáng tạo nghệ thuật. | 4 | Kỳ học: học kỳ 1 năm 2  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 15 tiết  - Thực hành: 40  - Thi vấn đáp hết môn: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 9 | Làn điệu chuyên ngành 4 | **Về kiến thức:** Môn học đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”. Cung cấp kiến thức về lòng bản và cấu trúc hệ thống làn điệu nhịp tự do.  **Về kỹ năng:** Thông qua những kiến thức cơ bản của môn học, thể hiện được lòng bản hệ thống hát nhịp tự do.s Vận dụng trong công tác hoạt động nghệ thuật sau này.  **Về thái độ:** Xây dựng thái độ đúng đắn với hoạt động sáng tạo nghệ thuật. | 3 | Kỳ học: học kỳ 2 năm 2  Thời gian: 9 tuần  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 10 tiết  - Thực hành: 30  - Thi vấn đáp hết môn: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 1. **Kiến thức ngành** | | | | | |
| 1 | Kỹ thuật  nhạc cụ 1 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản, phương pháp áp dụng vào cây nhạc cụ đang theo học. Kỹ thuật độc tấu hệ thống làn điệu chuyên ngành mình theo học ( chèo). Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật độc tấu cây nhạc cụ từ đó thể hiện kỹ năng, kỹ thuật đán các lòng bản hệ thống làn điệu chuyên ngành đơn giản.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện, tự tin trong thể hiện bản đàn trên cây nhạc cụ chính của mình theo học. | 4 | Kỳ học: học kỳ I năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 20 tiết  - Thực hành: 35 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 2 | Kỹ thuật  nhạc cụ 2 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản, phương pháp áp dụng vào cây nhạc cụ đang theo học theo phong cách chuyên ngành (Chèo). Kỹ thuật độc tấu hệ thống làn điệu chuyên ngành truyền thống mà sinh viên đang theo học. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật độc tấu cây nhạc cụ từ đó thể hiện kỹ năng, kỹ thuật đàn các lòng bản hệ thống làn điệu chuyên ngành truyền thống mà sinh viên đang theo học.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện, tự tin trong thể hiện bản đàn trên cây nhạc cụ chính của mình theo học. | 4 | Kỳ học: học kỳ 2 năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 20 tiết  - Thực hành: 35 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 3 | Kỹ thuật  nhạc cụ 3 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về dàn nhạc chuyên ngành và các tổ hợp kỹ thuật chuyên sâu, phương pháp áp dụng vào cây nhạc cụ đang theo học. Kỹ thuật độc tấu hệ thống làn điệu chuyên ngành truyền thống mà sinh viên đang theo học. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật chuyên sâu độc tấu cây nhạc cụ từ đó thể hiện kỹ năng, kỹ thuật đàn các lòng bản hệ thống làn điệu chuyên ngành truyền thống.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện, tự tin trong thể hiện bản đàn trên cây nhạc cụ chính của mình theo học. | 4 | Kỳ học: học kỳ I năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 20 tiết  - Thực hành: 35 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 4 | Kỹ thuật  nhạc cụ 4 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật tổng hợp, phương pháp áp dụng vào cây nhạc cụ mà sinh viên đang theo học. Kỹ thuật tổng hợp thể hiện trên hệ thống làn điệu chuyên ngành truyền thống. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật tổng hợp độc của cây nhạc cụ từ đó thể hiện kỹ năng, kỹ thuật đàn các lòng bản hệ thống làn điệu chuyên ngành truyền thống trong dàn nhạc.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện, tự tin trong thể hiện bản đàn trên cây nhạc cụ chính của mình theo học. | 4 | Kỳ học: học kỳ 2 năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 20 tiết  - Thực hành: 35 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 5 | Kỹ thuật  nhạc cụ 5 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và phương pháp xử lý kỹ thuật áp dụng vào cây nhạc cụ mà sinh viên đang theo học. Kỹ thuật xử lý trên hệ thống làn điệu chuyên ngành truyền thống. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững phương pháp xử lý kỹ thuật của cây nhạc cụ từ đó thể hiện kỹ năng, kỹ thuật đàn các lòng bản của hệ thống làn điệu chuyên ngành truyền thống.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện, tự tin trong thể hiện bản đàn trên cây nhạc cụ chính của mình theo học. | 4 | Kỳ học: học kỳ I năm 1  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 20 tiết  - Thực hành: 35 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 6 | Kỹ thuật  nhạc cụ 6 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về dàn nhạc và kỹ thuật phối hợp, phương pháp phối hợp dàn nhạc, vở diễn áp dụng vào cây nhạc cụ mà sinh viên đang theo học. Kỹ thuật phối hợp cho hệ thống làn điệu chuyên ngành truyền thống. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật phối hợp dàn nhạc độc tấu từ đó thể hiện kỹ năng, kỹ thuật phối hợp cho các lòng bản hệ thống làn điệu chuyên ngành truyền thống và trích đoạn.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện, tự tin trong thể hiện bản đàn trên cây nhạc cụ chính của mình theo học. | 3 | Kỳ học: học kỳ 2 năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 10 tiết  - Thực hành: 30 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 7 | Kỹ thuật nhạc cụ 7 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức Quy trình thực hiện kỹ thuật áp dụng cho độc tấu tác phẩm âm nhạc  và kỹ thuật áp dụng cho độc tấu tác phẩm âm nhạc, phương pháp áp dụng vào cây nhạc cụ mà sinh viên đang theo học. Kỹ thuật độc tấu tác phẩm âm nhạc. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững quy trình thực hiện kỹ thuật độc tấu tá phẩm âm nhạc từ đó thể hiện kỹ năng, kỹ thuật đàn một tác phẩm âm nhạc cho cây nhạc cụ sinh viên đang theo học.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện, tự tin trong thể hiện bản đàn trên cây nhạc cụ chính của mình theo học. | 3 | Kỳ học: học kỳ I năm 4  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 10 tiết  - Thực hành: 30 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 8 | Hòa tấu nhạc cụ 1 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật hòa tấu cơ bản. Kỹ thuật hòa tấu dàn nhạc của cây nhạc cụ mà sinh viên đang theo học. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật hoa tấu từ đó vận dụng, thể hiện hòa tấu cơ bản dàn nhạc cho cây nhạc cụ mà sinh viên đang theo học.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện, tự tin trong thể hiện kỹ thuật hòa tấu nhạc cụ chuyên ngành. | 4 | Kỳ học: học kỳ 1 năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 20 tiết  - Thực hành: 35 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 9 | Hòa tấu nhạc cụ 2 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật hòa tấu các làn điệu chuyên ngành truyền thống và nhạc nền. Kỹ thuật hòa tấu cây nhạc cụ mà sinh viên đang theo học. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật hoa tấu từ đó vận dụng, thể hiện hòa tấu các làn điệu truyền thống và nhạc nền cho cây nhạc cụ mà sinh viên đang theo học.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện, tự tin trong thể hiện kỹ thuật hòa tấu nhạc cụ chuyên ngành. | 4 | Kỳ học: học kỳ 2 năm 2  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 20 tiết  - Thực hành: 35 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 10 | Hòa tấu nhạc cụ 3 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật hòa tấu các bản nhạc nền viết cho kịch bản chuyên ngành truyền thống. Kỹ thuật hòa tấu nhạc nền của vở diễn cho cây nhạc cụ mà sinh viên đang theo học. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật hoa tấu từ đó vận dụng, thể hiện hòa tấu nhạc nền của vở diễn chuyên ngành truyền thống cho cây nhạc cụ mà sinh viên đang theo học.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện, tự tin trong thể hiện kỹ thuật hòa tấu nhạc cụ chuyên ngành. | 4 | Kỳ học: học kỳ 1 năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 20 tiết  - Thực hành: 35 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 11 | Hòa tấu nhạc cụ 4 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật Hòa tấu các bài chèo truyền thống và hòa tấu tác phẩm sáng tác cho dàn nhạc hòa tấu. Kỹ thuật Hòa tấu các bài bản truyền thống và hòa tấu tác phẩm sáng tác cho dàn nhạc hòa tấu. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật hoa tấu từ đó vận dụng, thể hiện hòa tấu Hòa tấu các bài bản truyền thống và hòa tấu tác phẩm sáng tác cho dàn nhạc hòa tấu.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện, tự tin trong thể hiện kỹ thuật hòa tấu nhạc cụ chuyên ngành. | 5 | Kỳ học: học kỳ 2 năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 20 tiết  - Thực hành: 50 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 12 | Hòa tấu nhạc cụ 5 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật (Hòa tấu các tác phẩm sáng tác cho dàn nhạc, hòa tấu nhạc nền của một vở diễn. Kỹ thuật hòa tấu Hòa tấu các tác phẩm sáng tác cho dàn nhạc, hòa tấu nhạc nền của một vở diễn. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật hoa tấu từ đó vận dụng, thể hiện hòa tấu Hòa tấu các tác phẩm sáng tác cho dàn nhạc, hòa tấu nhạc nền của một vở diễn.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện, tự tin trong thể hiện kỹ thuật hòa tấu nhạc cụ chuyên ngành. | 5 | Kỳ học: học kỳ 1 năm 4  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 20 tiết  - Thực hành: 50 tiết  - Thi: 5 tiết |  |
| 13 | Phối hợp  diễn viên 1. | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật phối hợp hát và các trích đoạn ngắn đơn giản.  Kỹ thuật Phối hợp hát và các trích đoạn ngắn đơn giản. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật phối hợp hát và các trích đoạn ngắn đơn giản, từ đó thể hiện kỹ năng, kỹ thuật phối hợp bằng cây nhạc cụ mà sinh viên đang theo học.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong phối hợp theo yêu cầu chuyên ngành. | 4 | Kỳ học: học kỳ 1 năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 30 tiết  - Thực hành: 70 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 14 | Phối hợp diễn viên 2. | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật phối hợp Phối hợp trích đoạn chuyên ngành mẫu. Kỹ thuật Phối hợp trích đoạn chuyên ngành mẫu Phối hợp hát và các trích đoạn ngắn đơn giản. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật phối hợp trích đoạn chuyên ngành mẫu, từ đó thể hiện kỹ năng, kỹ thuật phối hợp bằng cây nhạc cụ mà sinh viên đang theo học.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong phối hợp theo yêu cầu chuyên ngành. | 4 | Kỳ học: học kỳ 2 năm 3  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 10 tiết  - Thực hành: 55 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 15 | Phối hợp  diễn viên 3. | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật Phối hợp trích đoạn chuyên ngành tiêu biểu. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên nắm vững kỹ thuật phối hợp trích đoạn chuyên ngành tiêu biểu, từ đó thể hiện kỹ năng, kỹ thuật phối hợp bằng cây nhạc cụ mà sinh viên đang theo học.  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong phối hợp theo yêu cầu chuyên ngành. | 4 | Kỳ học: học kỳ 1 năm 4  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 20 tiết  - Thực hành: 45 tiết  - Thi: 5 tiết | - 10% điểm chuyên cần  - 30% điểm giữa kỳ  - 60 % điểm thi. |
| 16 | Kỹ thuật  nhạc cụ 8 | ***1. Về kiến thức***: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật tổng hợp cửa cây nhạc trong dàn nhạc vở diễn tốt nghiệp. Kỹ thuật độc tấu, hòa tấu nâng cao chuyên sau về chuyên ngành nhạc cụ. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”.  ***2. Về kỹ năng:*** Sinh viên thể hiện kỹ năng sáng tạo diễn tấu, hòa tấu, phối hợp cho vở diễn, tác phẩm trong chương trình biểu diễn tốt nghiệp chuyên ngành mà sinh viên đang theo học. Dùng cho chương trình báo cáo tốt nghiệp khóa học  ***3. Về thái độ***: Yêu thích, tìm hiểu, kiên trì rèn luyện tự tin trong thể hiện cây nhạc cụ chuyên ngành mà sinh viên đang theo học. | 10 | Kỳ học: học kỳ 2 năm 4  Phân bổ số tiết:  - Lên lớp LT: 50 tiết  - Thực hành: 95 tiết  - Thi: 5 tiết |  |

E. Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Họ và tên  người thực hiện | Họ và tên người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
| 1 | Thạc sĩ | Múa trong các vở diễn đề tài lịch sử của nhà hát Chèo Hà Nội năm 2000 - 2016 | Nguyễn Thị Hoài Anh | PGS.TS. Đinh Quang Trung | Tổng quát, phân tích và nhận định về nghệ thuật Múa trong các vở diễn đề tài lịch sử của nhà hát Chèo Hà Nội (Giới hạn từ năm 2000 – 2016) |
| 2 | Thạc sĩ | Nhân vật phản diện trên sân khấu của Đoàn Kịch công an nhân dân | Nguyễn Công Bẩy | PGS.TS. Phạm Duy Khuê | Tổng quát, phân tích và nhận định về nhân vật phản diện trên sân khấu của Đoàn Kịch công an nhân dân. Từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho thực tiễn Sân khấu Việt Nam. |
| 3 | Thạc sĩ | Nhân vật nữ chiến sĩ công an trên sân khấu Đoàn Kịch công an nhân dân | Nguyễn Thị Thúy Hiền | PGS.TS. Phan Trọng Thành | Tổng quát, phân tích và nhận định về nhân vật nữ chiến sĩ công an trên sân khấu Đoàn Kịch công an nhân dân. Từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho thực tiễn Sân khấu Việt Nam. |
| 4 | Thạc sĩ | Sự tiếp biến của múa Ba -lê cổ điển trên sân khấu Nhà hát Nhạc vũ kịch Việt Nam | Lưu Thị Thu Lan | PGS.TS. Nguyễn Đình Thi | Tổng quát, phân tích về sự tiếp biến của múa Ba -lê cổ điển trên sân khấu Nhà hát Nhạc vũ kịch Việt Nam. Từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho thực tiễn Sân khấu Việt Nam. |
| 5 | Thạc sĩ | Từ múa dân gian Cao Lan đến tác phẩm múa chuyên nghiệp | Hà Thị Phương Ly | TS. Phạm Anh Phương | Tổng quát, phân tích về sự biến đổi từ múa dân gian Cao Lan đến tác phẩm múa chuyên nghiệp. Từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho thực tiễn Sân khấu Việt Nam. |
| 6 | Thạc sĩ | Sử dụng chất liệu trò chơi dân gian trong sáng tạo tác phẩm Xiếc | Tống Toàn Thắng | PGS.TS. Nguyễn Đình Thi | Tổng quát, phân tích và nhận định về việc sử dụng chất liệu trò chơi dân gian trong sáng tạo tác phẩm Xiếc. Từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho thực tiễn Sân khấu Việt Nam. |
| 7 | Thạc sĩ | Nhân vật lịch sử thời Đinh – Lê trên sân khấu Nhà hát Chèo Ninh Bình | Nguyễn Văn Thập | PGS.TS. Nguyễn Đình Thi | Tổng quát, phân tích và nhận định về những nhân vật lịch sử thời Đinh – Lê trên sân khấu Nhà hát Chèo Ninh Bình. Từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho thực tiễn Sân khấu Việt Nam. |
| 8 | Thạc sĩ | Nhân vật người dân tộc thiểu số trong Phim truyện Điện ảnh Việt Nam | Dì Thị Huyền Trang | PGS.TS. Trần Duy Hinh | Tổng quát, phân tích và nhận định những nhân vật người dân tộc thiểu số trong Phim truyện Điện ảnh Việt Nam. Từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho thực tiễn sáng tác điện ảnh ở Việt Nam. |
| 9 | Thạc sĩ | Không gian diễn xuất trong phim truyện của đạo diễn Trương Nghệ Mưu | Cao Nguyệt Hằng | TS. Nguyễn Cao Thanh | Tổng quát, phân tích và nhận định về không gian diễn xuất trong phim truyện của đạo diễn Trương Nghệ Mưu. Khảo sát một số phim để chứng minh luận điểm về không gian, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho thực tiễn cho điện ảnh Việt Nam. |
| 10 | Thạc sĩ | Ánh sáng của hội họa trong tác phẩm điện ảnh “Bố già” | Nguyễn Nguyên Vũ | PGS.TS. Hoàng Trần Doãn | Tổng quát, phân tích và nhận định về ánh sáng của hội họa trong tác phẩm điện ảnh “Bố già”. Từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho thực tiễn ở Việt Nam. |
| 11 | Thạc sĩ | Nghệ thuật kể chuyện trong phim Bao giờ cho đến tháng mười của đạo diễn Đặng Nhật Minh. | Lê Nam Trung | PGS.TS. Vũ Ngọc Thanh | Tổng quát, phân tích và nhận định về nghệ thuật kể chuyện trong phim Bao giờ cho đến tháng mười của đạo diễn Đặng Nhật Minh. Từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho thực tiễn ở Việt Nam. |
| 12 | Thạc sĩ | Nhân vật trong phim chuyển thể từ truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu | Vương Thu Hương | GS.TS. Trần Thanh Hiệp | Tổng quát, phân tích và nhận định về nhân vật trong phim chuyển thể từ truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu. Từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho thực tiễn cho điện ảnh Việt Nam. |
| 13 | Thạc sĩ | Nghệ thuật đạo diễn phim khoa học nghiệp vụ của truyền hình công an nhân dân | Cao Xuân Long | PGS.TS. Nguyễn Thị Hạnh Lê | Tổng quát, phân tích và nhận định về nghệ thuật đạo diễn phim khoa học nghiệp vụ của truyền hình công an nhân dân. Từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho thực tiễn ở Việt Nam. |
| 14 | Thạc sĩ | Đặc điểm nghệ thuật tạo hình quay phim của Lý Thái Dũng | Phạm Thanh Bình | PGS.TS. Hoàng Trần Doãn | Tổng quát, phân tích và nhận định về đặc điểm nghệ thuật tạo hình quay phim của Lý Thái Dũng. Từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho thực tiễn nghiệp vụ quay phim ở Việt Nam. |
| 15 | Thạc sĩ | Nhân vật nữ trong phim truyện Điện ảnh của đạo diễn Nguyễn Thanh Vân | Phạm Văn Cường | GS.TS. Trần Thanh Hiệp | Tổng quát, phân tích và nhận định về nhân vật nữ trong phim truyện Điện ảnh của đạo diễn Nguyễn Thanh Vân. Từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho thực tiễn xây dựng nhân vật nữ cho điện ảnh Việt Nam. |
| 16 | Thạc sĩ | Sự thành công của chuyển thể tác phẩm văn học sang tác phẩm điện ảnh qua bố già (1972) của F.F.Coppola. | Khổng Thanh Tuấn | TS. Ngô Phương Lan | Tổng quát, phân tích và nhận định về sự thành công của chuyển thể tác phẩm văn học sang tác phẩm điện ảnh qua bố già (1972) của F.F.Coppola. Từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho thực tiễn chuyển thể kịch bản cho điện ảnh Việt Nam.. |
| 17 | Thạc sĩ | Phim tài liệu của đạo diễn Nguyễn Thước | Nguyễn Hồng Nhung | PGS.TS. Hoàng Trần Doãn | Tổng quát, phân tích và nhận định về phim tài liệu của đạo diễn Nguyễn Thước. Từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho thực tiễn làm phim tài liệu cho điện ảnh Việt Nam. |
| 18 | Thạc sĩ | Sáng tạo âm nhạc trong phim “Hirosima tình yêu của tôi” của đạo diễn Alain Resnais | Đặng Đức Thành | TS. Nguyễn Cao Thanh | Tổng quát, phân tích và nhận định về sáng tạo âm nhạc trong phim “Hirosima tình yêu của tôi” của đạo diễn Alain Resnais. Từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho thực tiễn sáng tác âm nhạc cho phim cho điện ảnh Việt Nam. |
| 19 | Thạc sĩ | Tính duy mỹ trong sáng tác điện ảnh của đạo diễn Trương Gia Vệ | Lê Phương Mai | PGS.TS. Phan Thị Bích Hà | Tổng quát, phân tích và nhận định về tính duy mỹ trong sáng tác điện ảnh của đạo diễn Trương Gia Vệ. Từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho quan điểm mỹ học hình ảnh ở Việt Nam.. |